

The logo consists of the letters 'SSi' in a white, stylized font, where the 'i' has a vertical bar. It is set against a red square background.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

A small version of the SSi logo, with the letters 'SSi' in white on a red square background.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN (SSI) | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

The logo consists of the letters 'SSi' in a white, stylized font, where the 'i' has a vertical bar. It is set against a red square background.

72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: +84 28 38242897 - Fax: +84 28 38242997
www.ssi.com.vn

A small version of the SSi logo, with the letters 'SSi' in white on a red square background.

MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
ĐIỂM NHẤN 2017	8
TỔNG QUAN	10
TÂM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	12
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	14
LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN	16
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	22
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU	24
TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC	28
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	32
KINH TẾ VIỆT NAM 2017	34
TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2018	38
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2017	46
ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	48
LĨNH VỰC KINH DOANH	56
YẾU TỐ THỨC ĐẨY THÀNH CÔNG	78
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MỤC TIÊU & CHIẾN LƯỢC	100
PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN	102
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2018	106
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	112
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	114
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	120
THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT	124
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO	126
THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ	144
ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN	148
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	172
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2017	194
NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ	274
THÔNG TIN KHÁC	276
MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	291



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa các quý vị!

Chúng ta kết thúc năm 2017 trong bối cảnh nền kinh tế đạt tất cả các chỉ tiêu đã được Quốc hội thông qua, GDP tăng 6,81% vượt mọi dự báo, cao nhất trong 6 năm trở lại đây. Mức tăng này vượt mọi dự đoán được các tổ chức như Ngân hàng Thế giới hay Ngân hàng Phát triển Châu Á đưa ra trước đó. Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt 5.007,9 nghìn tỷ đồng. GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016.

Về cơ cấu nền kinh tế năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 15,34%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,34%; khu vực dịch vụ chiếm 41,32%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,00% (Cơ cấu tương ứng năm 2016 là: 16,32%; 32,72%; 40,92%; 10,04%).

Lạm phát năm nay tăng thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 chỉ tăng 0,21% so với tháng trước. CPI bình quân năm tăng 3,53% so với bình quân 2016. CPI bình quân tháng 12/2017 chỉ tăng 2,6% so với tháng 12/2016, bình quân mỗi tháng tăng 0,21%. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân 2016. Cán cân thương mại năm 2017 đã đạt mức xuất siêu 2,7 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 26,1 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 28,8 tỷ USD.

Nền kinh tế tăng trưởng tốt đồng thời chất lượng tăng trưởng được cải thiện đáng kể đã giúp thị trường chứng khoán phát triển ngoạn mục. VnIndex đóng cửa ngày 31 tháng 12 đạt 984,2 điểm – tăng 48% so với mức cuối năm 2016. Xét về quy mô, mức vốn hóa thị trường đạt 153,4 tỷ USD, tăng tới 80,5% so với cùng kỳ và tương đương với 70% GDP. Giá trị giao dịch trung bình phiên đạt khoảng 5.000 tỷ đồng, tăng khoảng 63% so với năm 2016. Thanh khoản giao dịch tăng mạnh, nhiều thương vụ huy động vốn quy mô hàng tỷ USD thành công. Thị trường chứng khoán thực sự đã trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn hữu hiệu cho nền kinh tế.

Bằng tầm nhìn của tổ chức tài chính dẫn đầu và nỗ lực của tập thể cán bộ nhân viên Công ty chúng ta đã đạt được những thành tích vượt trội. Công ty ghi nhận doanh thu ở mức 3.043,2 tỷ đồng, tăng 19,8% và vượt 44,35% kế hoạch kinh doanh 2017 về doanh thu. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2017 đạt 1.405 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2016 và vượt 32,8% kế hoạch năm. Mức tổng tài sản hợp nhất đạt 18.764,4 tỷ đồng – tăng 34% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 8.616,2 tỷ đồng.

Dịch vụ Chứng khoán tiếp tục khẳng định vị trí số 1, thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ), tính chung trên 2 Sở đạt 15,26%; dẫn đầu về thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh, chiếm 28,28% toàn thị trường. Chúng ta cũng đã thực hiện thành công các thương vụ thoái vốn, phân phối cổ phiếu với giá trị hàng trăm triệu USD như cổ phiếu Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex (PLX – HOSE), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE), Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (VJC – HOSE), Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE – HOSE)...

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư khẳng định vị trí dẫn đầu tại thị trường Việt Nam, thực hiện thành công nhiều thương vụ có quy mô lớn như: Tư vấn Chào bán 48,33 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) giá trị 396 triệu USD; Tư vấn bán 415 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE – HOSE) giá trị giao dịch 742 triệu USD, Tư vấn bán thứ cấp cổ phần của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB – HOSE) với tổng giá trị 300 triệu USD, Tư vấn bán cổ phiếu quỹ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex (PLX – HOSE) trị giá 50 triệu USD, huy động vốn 230 triệu USD cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG – HOSE)... Được nhận giải “Giao dịch đầu tư vốn cổ phần tốt nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2017” (Best Private Equity Deal across the Asia Pacific) đối với thương vụ chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE – HOSE) do Finance Asia trao tặng.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính luôn là điểm sáng ấn tượng trong hoạt động kinh doanh của công ty: Doanh thu đạt 487,4 tỷ đồng, chiếm 16% tổng doanh thu toàn Công ty; Thanh khoản được đảm bảo tuyệt đối trước áp lực về nhu cầu vốn của các Khối Kinh doanh khác cũng như yêu cầu về hỗ trợ tài chính từ thị trường chứng khoán; Tích cực phát triển và kinh doanh các sản phẩm cấu trúc trong nội bộ Khối cũng như bán chéo với các Khối Kinh doanh khác.

Quản lý quỹ SSIAM tăng quy mô tổng tài sản quản lý của khách hàng bên ngoài lên 6.112 tỷ VNĐ, tăng 60,3% so với năm 2016, tiếp tục đa dạng hóa danh mục sản phẩm cho nhà đầu tư. SSIAM cũng đã hoàn thành chuyển đổi chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF SSIAM HNX30 sang chỉ số VNX50, đổi tên quỹ thành Quỹ ETF SSIAM VNX50 và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FUESSV50 từ tháng 10/2017.

Hoạt động đầu tư đạt doanh thu 1.060,8 tỷ VNĐ, đóng góp 34,7% vào tổng doanh thu của SSI, tổng giá trị đầu tư năm 2017 ở mức 3.829 tỷ VNĐ.

Với những thành tích của các hoạt động kinh doanh như vậy, không thể không kể đến đóng góp của các hậu phương vững chắc. Khối Quản trị luôn là phòng tuyến đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ cao của công ty, cung cấp kịp thời các thông tin quản trị, cập nhật các thay đổi để hỗ trợ Ban Điều Hành nắm bắt sát sao tình hình công ty và đưa ra quyết định chuẩn xác. Các hoạt động quản trị rủi ro của Khối cũng đã ngày càng kiện toàn, xây dựng được trong công ty một văn hóa quản trị rủi ro xuyên suốt. Không chỉ đóng vai trò kiểm soát, mà Khối cũng đã chứng tỏ được vai trò là nhà tư vấn tin cậy cung cấp các giải pháp cho hoạt động kinh doanh, giữ vững tính tuân thủ đồng thời hài hòa mục tiêu các bên.

Khối Hỗ trợ không ngừng nghỉ nỗ lực góp sức mình vào thành tích chung của Công ty. Công tác tuyển chọn, đào tạo đội ngũ được đẩy mạnh cùng với xây dựng triển khai các chính sách đãi ngộ đảm bảo quyền lợi và tạo động lực cho gần 900 thành viên. Truyền thông SSI tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ là cầu nối Công ty với giới truyền thông cũng như với nhà đầu tư để mọi hoạt động của Công ty được phản ánh trung thực với công chúng. Không dừng lại ở đó, Chúng ta cũng tổ chức thành công hàng loạt các sự kiện lớn nhỏ như Hội thảo Gateway to Vietnam 2017 “Thị trường vốn - động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế” hay chuỗi Hội thảo Cơ hội Đầu tư Chứng khoán Phái sinh đã gây được tiếng vang lớn và được đánh giá có ý nghĩa cho thị trường chứng khoán nói chung. Là công ty chứng khoán hàng đầu có với thị phần cao nhất, khối lượng giao dịch lớn nhất và lượng khách hàng sử dụng hệ thống giao dịch nhiều nhất, Công nghệ thông tin SSI đã đổi diện và vượt qua rất nhiều thử thách để đảm bảo hoạt động thường nhật với các yêu cầu tự động hóa cao, hoàn thiện hệ thống giao dịch mới sẽ ra mắt vào năm 2018, song song với đó kịp thời ra mắt hệ thống giao dịch phái sinh và là đơn vị đầu tiên tổ chức chạy thử nghiệm giao dịch chứng khoán phái sinh trước khi thị trường chính thức đi vào hoạt động.

Năm 2018 công ty tiếp tục đặt ra những kế hoạch đầy tham vọng tiếp tục gia tăng khoảng cách vị thế đứng đầu trên thị trường, doanh thu kế hoạch đạt 3.420 tỷ VNĐ, lợi nhuận đạt 1.615 tỷ VNĐ.

Dịch vụ Chứng khoán luôn đặt khách hàng là trọng tâm để phục vụ và là nền tảng mang lại thành công; Thiết kế những sản phẩm mới, cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp từng nhóm khách hàng, đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại và tiên phong dẫn đầu cung cấp những sản phẩm mới; Nâng cao hiệu quả nhân sự thông qua thực hiện hiệu quả các bước từ tuyển dụng, huấn luyện đào tạo, giám sát hiệu quả công việc và thăng tiến nghề nghiệp, xây dựng môi trường làm việc kỷ luật, chuyên nghiệp, khát khao và có động lực; Kiểm tra sát sao việc tuân thủ các quy chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính luôn xác định là Khối tối quan trọng trong hệ thống kinh doanh của công ty, tiếp tục duy trì tăng trưởng tổng nguồn vốn và đa dạng hoá nguồn vốn đạt hiệu quả tốt; Mở rộng kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp và các sản phẩm phái sinh, cấu trúc sản phẩm hướng tới nhiều đối tượng khách hàng; Luôn duy trì định mức tín nhiệm cao với các đối tác.

Quản lý Quỹ cơ cấu lại tổ chức chuyên môn hoá từng bộ phận nhằm huy động tăng quy mô tài sản đảm bảo cũng như hiệu quả đầu tư; Phát triển các kênh phân phối và đổi tác phân phối mới, tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng quy mô; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới; Hướng trọng tâm vào việc đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực chuyên môn, hiểu biết sâu sắc về ngành.

Đầu tư xác định chiến lược đầu tư giá trị nhưng linh hoạt và đi sát với thị trường, thường xuyên xem xét đánh giá yếu tố vĩ mô, bám sát nền tảng kinh doanh của các doanh nghiệp, xác định giá trị doanh nghiệp hợp lý không bị chi phối nhiều bởi thị giá hiện tại của doanh nghiệp; việc phân bổ danh mục đảm bảo tận dụng sự tăng trưởng của thị trường đồng thời luôn đảm bảo phòng ngừa rủi ro biên động trong và ngoài nước; cân bằng các khoản đầu tư chiến lược liên kết dài hạn và các khoản đầu tư thụ động.

Khối Quản trị đặt mục tiêu nâng cao tự động hóa các hoạt động, đảm bảo tính chính xác, kịp thời minh bạch và tuân thủ tuyệt đối. Khối Hỗ trợ đáp ứng được nhu cầu đa dạng của Công ty, đặc biệt đặt trọng tâm vào các hoạt động Công nghệ thông tin nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo lợi thế cạnh tranh trong ngành chứng khoán.

Xin chân thành cảm ơn các quý Khách hàng, các Đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng chúng tôi, chúng tôi luôn ghi nhận các vị là ân nhân của Công ty SSI, cảm ơn Cổ đông đã tin tưởng Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành phê chuẩn các kế hoạch đưa ra tại Đại Hội Đồng Cổ Đông, cảm ơn các thành viên Hội Đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hợp lý. Và xin đặc biệt cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên đã đồng cam cộng khổ với tôi để mỗi năm đưa công ty chúng ta lên một tầm cao mới. Với sự hợp tác của quý vị năm 2018 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Xin trân trọng kính chào các quý vị!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Nguyễn Duy Hưng

ĐIỂM NHẤN 2017

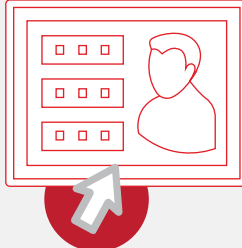
Doanh thu **3.043,2** tỷ đồng **Tăng (*) 19,8%**



Lợi nhuận hợp nhất trước thuế(*) **1.405** tỷ đồng **Tăng (*) 23%**



Quản lý **127.000** tài khoản khách hàng **Tăng (*) 26%**



Tổng tài sản tại ngày 31/12/2017 **18.764,4** tỷ đồng **Tăng (*) 34%**



Số lượng nhân viên công ty **887** nhân viên **Tăng (*) 23,2%**



Một số giải thưởng tiêu biểu

ASIAMONEY

Asia Asset Management
THE JOURNAL OF INVESTMENTS & PENSIONS



Mạng lưới **12** Chi nhánh/ Phòng giao dịch



(*) So với năm 2016

TỔNG QUAN



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN: CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn “Chúng ta cùng thành công”.

Điều cốt lõi ở các sản phẩm và dịch vụ của SSI là nỗ lực đem lại thành công cho khách hàng, cộng sự và các đối tác. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho khách hàng, cộng sự, đối tác, cổ đông và cộng đồng.



SỨ MỆNH: KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

SSI được thành lập với mục đích gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính.

Sứ mệnh này luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sẵn sàng giải pháp: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Sâu sát chuyên môn: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

In dấu sáng tạo: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999, là Công ty tư nhân đầu tiên, duy nhất và nhỏ nhất trên thị trường lúc đó. Sau 18 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường, có tốc độ phát triển nhanh nhất với mức vốn điều lệ tăng hơn 800 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang, Vũng Tàu.

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Tên tiếng Anh:	Saigon Securities Inc. (SSI)
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2017):	5.000.636.840.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2017):	8.616.249.695.902 VNĐ
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website:	http://www.ssi.com.vn/
Điện thoại:	+84 28 38242897
Fax:	+84 28 38242997
Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2017):	887 nhân viên trong đó có 466 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

2018

- 01/2018: SSI tăng vốn điều lệ lên 5.000.636.840.000 VNĐ
- 02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/ năm

2017

- 01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ
- 04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ
- 05/2017: SSI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh

2017

- 07/2017: Hội thảo “Công cụ phái sinh và Bối cảnh thị trường chứng khoán 6 tháng cuối năm 2017” được tổ chức nhằm mang đến cho các nhà đầu tư những phân tích chuyên sâu về thị trường, các triển vọng kinh tế cùng khuyến nghị đầu tư đối với một số nhóm ngành; đặc biệt là câu chuyện về chứng khoán phái sinh với những chỉ dẫn cụ thể, trang bị những “hành trang” tốt nhất cho nhà đầu tư trước giờ khai mở thị trường
- 09/2017: Tiếp tục chiến lược mở rộng mạng lưới, SSI thành lập thêm 2 Phòng Giao dịch mới tại Thành phố Hồ Chí Minh: Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ & Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai
- 10/2017: SSI tổ chức thành công hội thảo đầu tư “Gateway to Vietnam 2017” với chủ đề “Thị trường vốn – Động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế” với sự tham gia của nhiều diễn giả từ các tổ chức uy tín như Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), McKinsey & Company, MSCI, Ernst & Young...; gần 200 đại diện các Quỹ đầu tư trong nước và quốc tế, cùng trên 20 Công ty tiềm năng hàng đầu

2016

- 04/2016: Phòng giao dịch Trần Bình Trọng được đổi tên thành Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo, với địa điểm mới tại Tầng 10, Toà nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đồng thời, Phòng Giao dịch Nguyễn Chí Thanh cũng được thành lập theo chiến lược mở rộng mạng lưới của SSI

- 07/2016: Hệ thống giao dịch trực tuyến SSI gồm Web Trading, Mobile Trading, Pro Trading được nâng cấp cho phép đặt lệnh giao dịch ngược chiều phiên liên tục và cập nhật thêm tính năng mới: chuyển chứng khoán trực tuyến

16

17

- 08/2016: SSI phát hành riêng lẻ thành công 200 tỷ VNĐ trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo có tên SSIBOND012016
- 09/2016: Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam DAIWA-SSIAM II kết thúc giai đoạn huy động vốn, quy mô vốn cam kết gần 40 triệu USD
- 11/2016: Quỹ mở SSIAM UCITS – Vietnam Value Income and Growth Fund (VVIGF) chính thức được đưa vào hoạt động. Quỹ mở VVIGF được đăng ký tại Luxembourg với vốn huy động từ các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức ở Châu Âu
- 12/2016: SSI ra mắt tính năng mới “Xác nhận lệnh trực tuyến” trên Web Trading, giúp khách hàng dễ dàng xác nhận các lệnh đặt của Môi giới, chủ động kiểm tra và quản lý các lệnh đặt trên tài khoản của mình mà không cần ký phiếu lệnh trực tiếp

2016

2015



WEB TRADING - PRO TRADING - MOBILE TRADING

- 03/2015: SSI ra mắt tính năng đặt lệnh sàn UPCOM trên cả 3 kênh Web Trading, Pro Trading và Mobile Trading hỗ trợ khách hàng đặt lệnh, tra cứu lệnh, xem lịch sử đặt lệnh và theo dõi thông tin UPCOM INDEX và các mã chứng khoán sàn UPCOM một cách thuận tiện, nhanh chóng
- 04/2015: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 1/2015 với tổng giá trị 500.000.000.000 VNĐ và đợt 2 vào tháng 4/2015 với tổng giá trị là 300.000.000.000 VNĐ
- 07/2015: Huy động thành công Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam DAIWA – SSI AM II với quy mô hoạt động giai đoạn một là 32 triệu USD
- 09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ
- 10/2015: Thanh toán Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam DSCAP-SSIAM với tỷ lệ hoàn vốn nội bộ trước phí (IRR) 38%
- 12/2015: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.800.636.840.000 VNĐ

Huy động thành công Quỹ AndBank Investment SIF – Vietnam Value and Income Portfolio với quy mô 13,9 triệu USD tính đến tháng 12/2015



SSI-SCA

- 09/2014: ANZ thoái vốn và không còn là cổ đông chiến lược của SSI
- 09/2014: Tổ chức thành công hội thảo đầu tư Gateway to Vietnam - Tìm kiếm cơ hội đầu tư mới tại Việt Nam với sự tham dự của 400 Quỹ đầu tư trong và ngoài, 30 công ty và 18 diễn giả. Hội thảo đã giới thiệu đến nhà đầu tư những xu thế mới về đầu tư như Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Quỹ hoán đổi danh mục, v.v...
- 10/2014: Quỹ mở SSI-SCA chính thức đi vào hoạt động và là quỹ mở huy động vốn nhiều nhất trong thời gian sớm nhất trên thị trường
- 12/2014: Quỹ ETF SSIAM-HNX30 chính thức được cấp phép và đi vào hoạt động. Đây là quỹ ETF nội địa đầu tiên mô phỏng chỉ số HNX30

2014



2013

- 03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ

2012



- 01/2012: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.526.117.420.000 VNĐ
- 11/2012: Quỹ Tầm Nhìn SSI (SSIVF) hết thời hạn hoạt động sau 5 năm. SSIVF đã hoàn lại hơn 90% tiền mặt cho các nhà đầu tư (bao gồm cả cổ tức đã trả)

2011



- 05/2011: Cùng với Credit Suisse, SSI đã tự vận phát hành thành công trái phiếu quốc tế lãi suất cao đầu tiên trên thị trường của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAG) với tổng giá trị huy động là 90 triệu USD. Đây là lần đầu tiên một doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tham gia huy động thành công vốn trên thị trường vốn quốc tế

2010



- 05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ
- 11/2010: Hội thảo “Gateway to Vietnam” lần thứ 2 được tổ chức, thu hút sự tham gia của hơn 600 nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế, mang đến cái nhìn tổng thể về tiềm năng của Thị trường Việt Nam và Khối Doanh nghiệp Tư nhân



2009

- 01/2009: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.533.334.710.000 VNĐ
- 07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài
- 09/2009: SSI chính thức thay đổi hệ thống nhận diện thương hiệu với Tầm nhìn mới - Diện mạo mới
- 11/2009: Hội thảo “Gateway to Vietnam” lần đầu do SSI và Euromoney đồng tổ chức gây tiếng vang lớn thu hút hàng trăm nhà đầu tư trong nước và quốc tế tham dự, đã giới thiệu một cách thuyết phục các cơ hội đầu tư tiềm năng tại Việt Nam
- 11/2009: SSIAM và Daiwa SMBC Capital ký thỏa thuận thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư DSCAP-SSIAM Vietnam Growth Investment Fund LLC – quỹ duy nhất tại Việt Nam có giấy phép đầu tư tại nước ngoài đến thời điểm này

2008



- 04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ
- 06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI

2007



- 07/2007: ANZ trở thành cổ đông chiến lược của SSI
- 07/2007: SSI tăng vốn điều lệ lên 799.999.170.000 VNĐ
- 08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập
- 10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)
- 11/2007: Thành lập Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên nội địa với quy mô 1.700.000.000.000 VNĐ – quỹ đầu tư nội địa có quy mô lớn nhất và thuộc top 10 quỹ đầu tư có giá trị lớn nhất trên thị trường

2006



- 09/2006: SSI tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 VNĐ
- 11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên TTCK Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường
- 12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)



2005

- 06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành chứng khoán

2004



- 04/2004: SSI tăng vốn điều lệ lên 23.000.000.000 VNĐ

2002



- 07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc

2001



- 07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán

1999
2000



- 30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;
Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);
Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước;
Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.



QUẢN LÝ QUỸ

Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;
Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;
Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đầu giá IPO;
Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;
Sản phẩm Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;
Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, Mobile Trading, Smart Trading, Contact Center và SMS;
Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo ví mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;
Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết, Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.



NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;
Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu;
Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc ... để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và Khách hàng.



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Huân chương Lao động Hạng Ba cho những thành tích xuất sắc trong xây dựng & phát triển TTCK giai đoạn 2000 – 2010

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Chủ tịch Nước vì những đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội, giúp đỡ đồng bào nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng biên giới, vùng sâu, căn cứ cách mạng, kháng chiến

Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vì những đóng góp cho lĩnh vực tài chính

Bằng khen của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính cho Công ty có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội

ASIAMONEY

Liên tục giành nhiều giải thưởng tại các cuộc Bình chọn Asiamoney Brokers Poll trong 5 năm liên tiếp. Cụ thể năm 2017, SSI đạt 29 hạng mục giải thưởng, gồm 9 hạng mục giải thưởng cho tổ chức và 20 hạng mục giải thưởng cho 26 cá nhân; chia làm 4 nhóm chính:

Giải thưởng cho SSI:

- “Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam”
- “Công ty Chứng khoán có sự tiên bộ vượt bậc tại Việt Nam trong 12 tháng qua”

Giải thưởng cho Bộ phận Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI:

- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và Nghiên cứu thị trường”
- “Công ty Chứng khoán có Bộ phận phân tích độc lập tốt nhất Việt Nam”
- Nhiều hạng mục giải thưởng cho các chuyên gia phân tích các ngành khác nhau cho tập thể đội ngũ Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI (18/19 hạng mục)

Giải thưởng cho Bộ phận Phát triển Khách hàng Tổ chức SSI:

- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư và Gặp gỡ doanh nghiệp”
- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ Môi giới”
- “Công ty tốt nhất Việt Nam về tổ chức Hội thảo và/hoặc Sự kiện”

Giải thưởng cho Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức SSI:

- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Môi giới Giao dịch”
- “Công ty tốt nhất Việt Nam về Thực hiện Giao dịch”
- “Môi giới tốt nhất Việt Nam” 2017 cho ông Bành Chân Oai – Phó phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức, đứng thứ hai là ông Dương Quốc Thịnh - Phó phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức và đứng thứ ba là bà Ngô Thu Nga - Trưởng phòng cao cấp Môi giới Khách hàng Tổ chức

Asia Asset Management

THE JOURNAL OF INVESTMENTS & PENSIONS

Giải thưởng tại cuộc bình chọn của Tạp chí Asia Asset Management

- “Nhà quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2016
- “Tổng Giám Đốc của năm” cho bà Lê Lệ Hằng – Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ SSI trong 5 năm liên tiếp 2012 - 2013 - 2014 - 2015 - 2016



Giải thưởng do The Asset trao tặng

- “Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam” năm 2012 - 2014 - 2015 - 2016 - 2017
- “Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam” năm 2017
- “Giao dịch đầu tư vốn cổ phần thành công nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương” năm 2017



FinanceAsia

Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng

- “Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam” trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2011- 2014 - 2015 - 2016
- “Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam” trong các năm 2008 - 2009 - 2010 - 2012 - 2014 - 2015 - 2016
- “Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam” năm 2016
- “Giao dịch đầu tư vốn cổ phần thành công nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương” năm 2017

AsianInvestor

Giải thưởng do Asian Investor trao tặng

- “Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam 2017”



Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng

- “Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam” năm 2017
- “Nhà môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam” năm 2017

Forbes®

Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng

- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 2014 - 2015 - 2016 - 2017
- Top 40 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2016



Giải thưởng do Tạp chí Nhip cầu đầu tư trao tặng

- Top 50 Công ty Kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2017

■ Giải thưởng do Tổ chức Vietnam Report trao tặng

- Top 10 Doanh nghiệp niêm yết uy tín 2017

■ Giải thưởng Báo cáo Thường niên tốt nhất trong nhiều năm do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước & Bộ Tài chính trao tặng

■ Top 15 Công ty Chứng khoán tiêu biểu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

■ Cúp tuyên dương của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Thành viên Thị trường chứng khoán phái sinh đầu tiên

■ Giải thưởng do Trung tâm Lưu ký chứng khoán trao tặng

- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2017
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền, chứng khoán năm 2017
- Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đầu tiên

■ Giải thưởng của Chương trình đánh giá năng lực doanh nghiệp (do Viện nghiên cứu và Phát triển doanh nghiệp, Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam cùng Báo Diễn đàn doanh nghiệp tổ chức)

- Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính dẫn đầu ngành Chứng khoán

■ Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) trong 8 năm liên tiếp

■ Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) năm 2015 - 2016 - 2017 - 2018

■ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 6 năm liên tiếp

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

KHỐI QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm soát Nội bộ



Bà Lê Cẩm Bình
Giám đốc Kiểm toán Nội bộ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám Đốc



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng



Ông Đặng Mạnh Cường
Giám đốc Quản trị Rủi ro

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Lệ Hằng
Tổng Giám Đốc

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Giám đốc Khu vực Phía Nam



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc Khu vực Phía Bắc

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN



Ông Bùi Thế Tân
Giám Đốc Khối

NGUỒN VỐN & KINH DOANH TÀI CHÍNH



Bà Nguyễn Vũ Thuý Hương
Giám Đốc Khối

ĐẦU TƯ

CÁC KHỐI KINH DOANH



Bà Tô Thuý Linh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Phó Tổng Giám Đốc

KHỐI HỖ TRỢ



Bà Đoàn Ngọc Ly Ly
Giám đốc Vận hành & kiêm Giám đốc Nhân sự



Ông Yam Wai On (Steve Yam)
Giám Đốc Hệ thống CNTT



Bà Lương Lan My
Giám Đốc Truyền thông



Bà Vũ Thị Thu Trang
Trưởng phòng Hành Chính



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Phó Giám Đốc Khối
Môi giới KHTC



Ông Nguyễn Duy Linh
Phó Giám Đốc Khối
Môi giới KHCN



Bà Hoàng Việt Phương
Phó Giám đốc Khối
Giám đốc Phân tích & TVĐT KHTC



Bà Cao Thị Ngọc Quỳnh
Phó Giám đốc Khối
Giám đốc Phát triển KHTC/
Quan hệ DN & NĐT



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám đốc Phân tích &
TVĐT KHCN



Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo
Giám Đốc Nghiệp vụ -
Vận hành

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

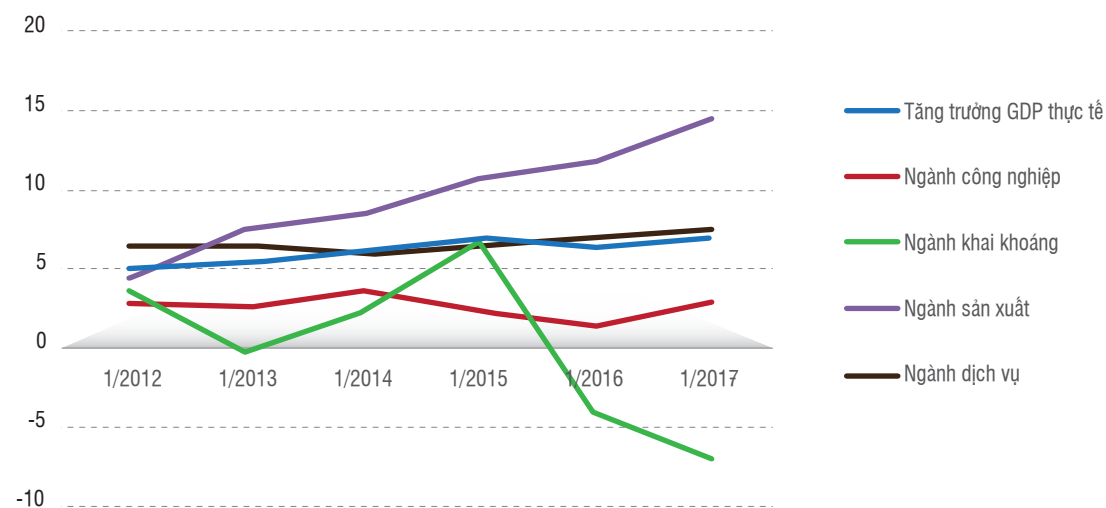


KINH TẾ VIỆT NAM 2017

Kinh tế Việt Nam năm 2017 có mức tăng trưởng ấn tượng 6,81% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch đầu năm của Chính Phủ (6,7%) và dự báo của các chuyên gia trong nước và quốc tế, đồng thời đây là mức cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2017. Đặc biệt, tăng trưởng cao còn đi kèm với ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát chỉ ở mức trung bình 3,53% trong năm 2017 (lạm phát cơ bản duy trì ở mức dưới 2%, cụ thể 1,7% năm 2017).

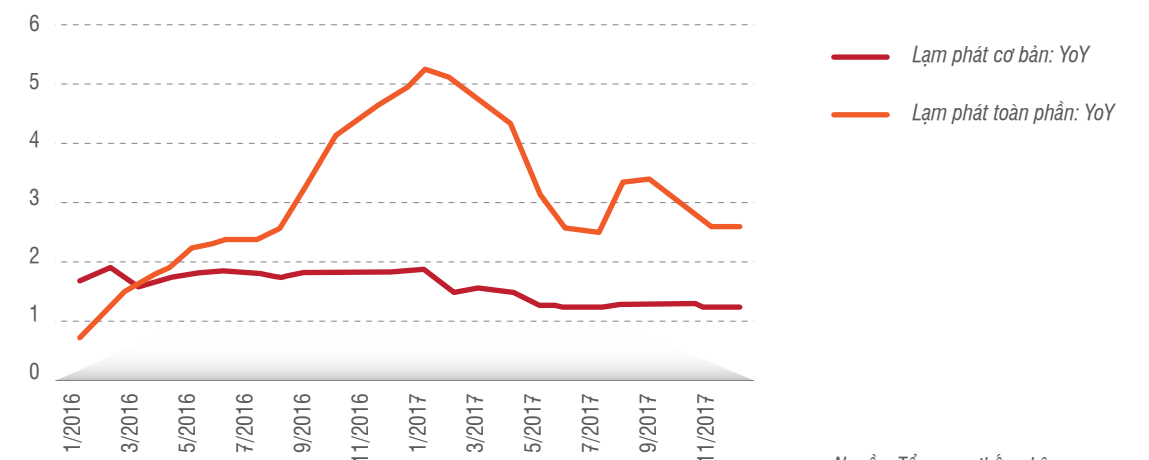
Đồng nội tệ được duy trì ổn định, không mất giá so với đô la Mỹ. Dự trữ ngoại hối cũng tăng mạnh lên mức gần 52 tỷ USD nhờ vào xuất siêu, kiều hối, dòng vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là đầu tư gián tiếp như việc thoái vốn nhà nước tại Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB - HOSE).

Tăng trưởng GDP Việt Nam 2012 - 2017 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số CPI 2016 - 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đã tăng lên mức 5.007,9 nghìn tỷ đồng, GDP bình quân đầu người ước tính đạt 53,5 triệu đồng, tương đương 2.385 USD, tăng 170 USD so với năm 2016. Về phía tổng cầu, chi tiêu hộ gia đình tăng 7,35% so với cùng kỳ với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng trưởng thực 9,46% so với cùng kỳ, cao hơn so với mức tăng 8,33% đạt được trong năm trước. Mức hình thành vốn thậm chí còn tăng ở mức cao hơn, 9,8% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại thặng dư 2,67 tỷ USD với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 21,5% so với 2016.

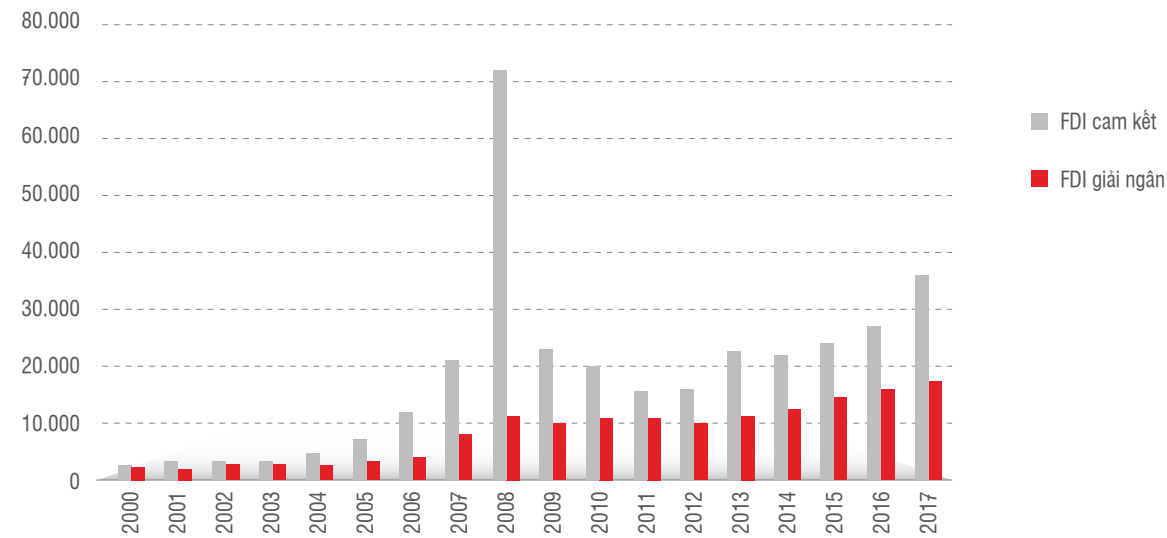
Hầu hết các ngành kinh tế đều đóng vai trò tích cực trong tăng trưởng kinh tế năm 2017. Trong đó, một trong những thành tích nổi bật là ngành công nghiệp và xây dựng tăng trưởng mạnh 7,85% so với cùng kỳ, cao hơn tốc độ tăng trưởng 7,06% đạt được năm 2016.

Ngành công nghiệp chế biến chế tạo là một điểm sáng với tốc độ tăng trưởng 14,4% so với cùng kỳ - mức tăng nhanh nhất trong vòng 5 năm qua, nhờ Samsung và Formosa là nhân tố chính. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng đã hồi phục 2,9% so với mức tăng trưởng thấp kỷ lục năm ngoài. Ngành dịch vụ, là khu vực kinh tế lớn nhất, tăng trưởng mạnh 7,44% với hai đầu tàu là các ngành bán buôn - bán lẻ và tài chính - ngân hàng. Ngành du lịch cũng nổi lên mạnh mẽ với việc năm 2017 khách quốc tế đến Việt Nam tăng 30% so với cùng kỳ năm trước, đạt 13 triệu lượt khách và khách du lịch bằng máy bay đạt 8,9 triệu lượt người, tăng 31% so với cùng kỳ năm trước.

Ngân sách nhà nước đang có sự cải thiện với tốc độ tăng nợ công có xu hướng giảm dần, với tỷ lệ nợ công/GDP cũng ngày càng giảm. Tỷ lệ bội chi ngân sách/GDP đang giảm, với tỷ lệ chi thường xuyên giảm xuống so với trước. Hoạt động đầu tư công có mức tăng trưởng thấp nhất từ năm 2015 do các chính sách cải cách đầu tư công và chính sách đầu tư thận trọng.

Vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và gián tiếp (FI) nước ngoài đều tăng cao, tương ứng 44,4% và 45,1% so với cùng kỳ. Vốn FDI giải ngân tăng ở mức kỷ lục trong vòng 10 năm qua, cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam đối với các nhà đầu tư quốc tế.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 2000 – 2017 (triệu USD)



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, CEIC

Năm 2017 cũng chứng kiến số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng cao kỷ lục và tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động có lãi tăng cao so với các năm trước đó. Chính phủ cũng tích cực thực hiện cổ phần hóa các Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) và thoái vốn đầu tư với các thương vụ nổi bật như Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) và Bộ Công Thương thoái vốn tại Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB - HOSE). Giá trị vốn nhà nước được thoái của năm 2017 gấp 6,34 lần của năm 2016.

Kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ một phần cũng nhờ tín dụng tăng tốc từ đầu năm, bù đắp cho sự chậm trễ trong giải ngân đầu tư công. Tốc độ tăng trưởng tín dụng ước tính đạt ở mức cao 18,17% trong năm 2017, trong đó tín dụng tập trung nhiều hơn vào sản xuất kinh doanh so với trước, giúp cải thiện tăng trưởng của các khu vực kinh tế thực. Tín dụng tiêu dùng tiếp tục tăng mạnh và xu hướng người dân chuyển từ thanh toán bằng tiền mặt sang thanh toán qua ngân hàng tiếp tục gia tăng.

Hệ thống các tổ chức tín dụng tích cực tự xử lý nợ xấu trong năm 2017 qua nhiều hình thức như bán nợ, đấu giá tài sản đảm bảo, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xóa nợ, ...v.v. Sự hỗ trợ của chính sách như Nghị quyết 42/2017/QH14 và Quyết định số 1058/QĐ-TTg đã giúp đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu. Nhiều ngân hàng đã trích lập xong dự phòng cho trái phiếu Công ty Quản lý tài sản (VAMC) và giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức thấp nhất trong nhiều năm qua.

Mặc dù chi phí trích lập dự phòng ở mức cao, ngành ngân hàng vẫn ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng hơn 40% so với năm trước, đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng GDP nói chung.

Môi trường kinh doanh của Việt Nam được cải thiện rõ rệt. Diễn đàn Kinh tế Thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ. Chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam năm 2017 cũng tăng 20 bậc, lên mức 68/157 quốc gia, vùng lãnh thổ.



SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP THÀNH LẬP MỚI TĂNG CAO KỶ LỤC TRONG NĂM 2017

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2017

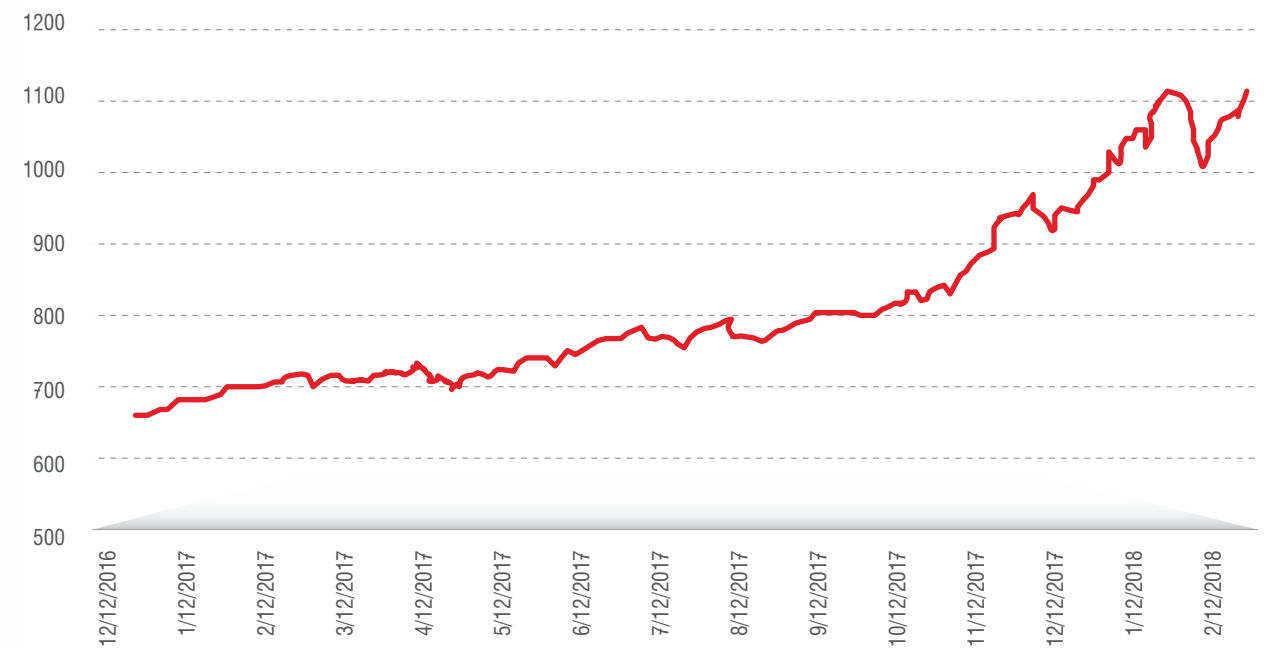
Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2017. Chỉ số VnIndex có mức tăng đều trong năm, đóng cửa đạt 984,2 điểm – tăng 48% so với mức cuối năm 2016. Tâm lý của nhà đầu tư khá tích cực, trong bối cảnh các đợt thoái vốn nhà nước thành công tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) và Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB - HOSE) đã giúp loại trừ ảnh hưởng từ những thông tin tiêu cực/ tin đồn xấu trên thị trường.

Xét về quy mô, mức vốn hóa thị trường đạt 153,4 tỷ USD, tăng tới 80,5% so với cùng kỳ và tương đương với 70% GDP. Giá trị giao dịch trung bình phiên đạt khoảng 5.000 tỷ đồng, tăng khoảng 63% so với năm 2016. Xu hướng này vẫn tiếp tục gia tăng trong các tháng đầu năm 2018. Số lượng tài khoản giao dịch vào cuối năm 2017 cũng tăng 12% lên mức 1,92 triệu tài khoản, trong đó số lượng tài khoản khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài đều tăng 14%.

Năm 2017 chứng kiến việc nhà đầu tư nước ngoài trở lại mua ròng mạnh mẽ với tổng giá trị cổ phiếu lên tới 28 nghìn tỷ đồng (năm 2016 khối ngoại bán ròng gần 7 nghìn tỷ đồng), chỉ tính riêng các giao dịch thông qua các sở giao dịch. Giá trị danh mục của nhà đầu tư nước ngoài cũng tăng tới 90% so với cùng kỳ, lên mức 32,9 tỷ USD.

Thị trường chứng khoán phái sinh chính thức ra đời sau hơn 17 năm kể từ khi có thị trường chứng khoán cơ sở, vào tháng 8/2017, đã thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư, với 16.300 tài khoản được mở và khối lượng giao dịch trung bình 1 phiên tháng 12/2017 đạt 1.600 tỷ đồng.

Chỉ số VNIndex



Nguồn: Bloomberg



TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2018

Tăng trưởng dự kiến trong năm 2018 phản ánh các yếu tố cơ bản mạnh mẽ hơn so với chu kỳ kinh tế trước đây, được ghi dấu ấn bởi dòng vốn nước ngoài gia tăng mạnh, lãi suất thấp, đồng VNĐ ổn định, nhu cầu tiêu dùng mạnh mẽ và việc cải thiện năng suất lao động thông qua tái cấu trúc nền kinh tế. Những cải thiện về môi trường vĩ mô của Việt Nam là kết quả của những nỗ lực không nhỏ trong việc cải cách khu vực DNNN.

Dự báo tăng trưởng rõ ràng trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế

SSI kỳ vọng tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 sẽ ở mức 6,7% so với cùng kỳ năm trước (so với mục tiêu của chính phủ là 6,5 - 6,7%), tiếp tục cao hơn các nước khác trong khu vực. Mức tăng trưởng dự báo sẽ cao trong 6 tháng đầu năm 2018 do cùng kỳ năm ngoái ở mức thấp, sau đó sẽ bình thường trở lại trong 6 tháng cuối năm.

Đầu tư tư nhân dự báo sẽ duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ do nhu cầu phục hồi tốt hơn và lãi suất ổn định. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam tiếp tục là một phong vũ biểu đáng khích lệ về tăng trưởng trong tương lai, tiếp tục đà tăng mạnh đã đạt được trong năm 2017.

Đối với đầu tư công, các dự án sẽ được triển khai nhanh chóng và linh hoạt hơn, hướng tới một khởi đầu mới vào năm 2018, khi nguồn thu ngân sách dồi dào hơn.

Bên cạnh ngành công nghiệp chế biến chế tạo, SSI lạc quan về triển vọng phát triển du lịch Việt Nam trong 2 - 3 năm tới vì những lý do sau:

(i) nhu cầu du lịch gia tăng của tầng lớp trung lưu đang phát triển ở Việt Nam; và

(ii) từ năm 2016 đến nay số lượng khách du lịch đến Việt Nam luôn tăng trưởng ở mức 2 con số.

Dự báo việc gia tăng số lượng khách du lịch sẽ tiếp tục dựa trên cơ sở:

(i) Việt Nam thực hiện chính sách "visa điện tử" đơn giản, cũng như việc tiếp tục miễn thị thực cho khách du lịch từ Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Đức và Ý cho đến tháng 6 năm 2018 để thúc đẩy du lịch; và

(ii) khách du lịch từ các nước láng giềng như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản quan tâm hơn đến Việt Nam.

SSI KỲ VỌNG
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG
GDP NĂM 2018
LÀ **6,7%**



Năm 2018 - Thời điểm đỉnh cao về thoái vốn và cổ phần hóa (về mặt quy mô)

Mặc dù số lượng DNNN dự kiến thoái vốn hoặc cổ phần hóa trong giai đoạn 2018 - 2020 không bằng những năm trước, nhưng tổng giá trị các thương vụ trong giai đoạn này dự kiến sẽ lớn hơn nhiều. Số tiền thu được từ thoái vốn và cổ phần hóa giai đoạn 2018 - 2020 ước tính gấp 2,75 lần so với số tiền thu được từ toàn bộ giai đoạn 2011 - 2017 (tương ứng 26,3 tỷ USD so với 9,5 tỷ USD). Việt Nam có thể sẽ trở thành nước duy nhất trên thế giới bắt đầu một làn sóng đổi mới DNNN vào năm 2018, với việc đưa nhiều DNNN lớn và làm ăn có lãi ra chào bán công khai.

Việc cải cách DNNN sẽ được hỗ trợ thêm bằng việc, ngày 5/2, Chính phủ ban hành Nghị quyết 09/NQ-CP thành lập Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Dự kiến sẽ có 30 doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế sẽ chuyển giao cho Ủy ban này quản lý, trong đó có 9/10 tập đoàn kinh tế (ngoại trừ Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel) là doanh nghiệp quốc phòng) và 21 tổng công ty đang thuộc sự quản lý của các Bộ. Theo đề án do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, Ủy ban sẽ quản lý, giám sát vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp; thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn, sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, v.v.

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng DNNN đã cổ phần hóa	14	26	73	175	220	56	45
Tổng giá trị thị trường của các DNNN đã cổ phần hóa (nghìn tỷ VNĐ)	60,35	5,75	25,96	45,52	158,02	39,12	213,7
	2011-2015		2016		2017		
Tổng giá trị thoái vốn DNNN (nghìn tỷ VNĐ)	17,74		18,83		134,6		
Tổng giá trị cổ phần hóa DNNN (nghìn tỷ VNĐ)	36,52		7,11		2,58		
Số lượng DNNN đã cổ phần hóa	499		56		45		

Nguồn: Bộ Tài chính, HOSE, HNX

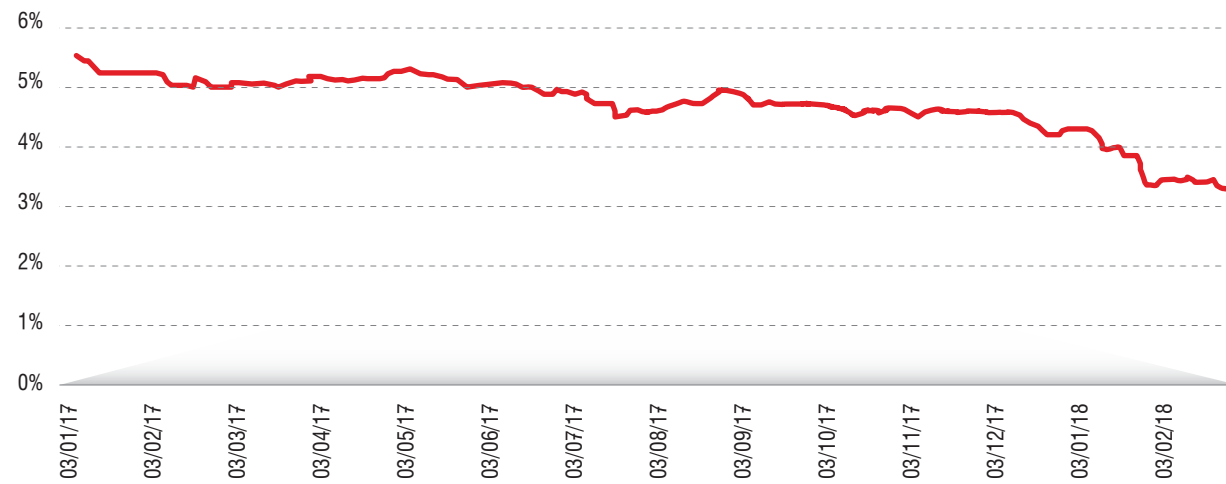
Dòng vốn ngoại chảy vào mạnh mẽ

Do có nhiều đợt phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) và thoái vốn DNNN, bao gồm cả các công ty dẫn đầu thị trường, và tỷ lệ cổ phần chào bán ở mức cao, SSI tin tưởng rằng đợt chào bán này sẽ được các nhà đầu tư chào đón. Cơ cấu sở hữu rõ ràng với sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân sẽ giúp các doanh nghiệp nhà nước cải thiện khả năng sinh lợi - đây là một lý do tốt để các nhà đầu tư đưa ra quyết định mua. Theo ước tính của SSI, tổng giá trị IPO trong giai đoạn 2018 - 2020 có thể đạt 9,7 tỷ USD, trong khi tổng giá trị thoái vốn có thể đạt 16,6 tỷ USD. Ngoài ra, dòng vốn đầu tư gián tiếp dự báo cũng trở lại thời kỳ đỉnh cao của giai đoạn 2005 - 2007. Ngân hàng Trung ương giờ đây đã có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc xử lý dòng vốn nước ngoài chảy vào, bằng cách thúc mở rộng tiền tệ nhưng thận trọng để tránh ảnh hưởng đến sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Vốn ngoại chảy vào nhiều góp phần giảm lãi suất và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng

Chính phủ luôn mong muốn giảm lãi suất cho vay và dòng vốn nước ngoài dồi dào là 2 nguyên nhân dẫn đến hạ thấp lãi suất ngắn hạn và giữ lãi suất trung và dài hạn ổn định ở mức thấp hiện nay. Môi trường lãi suất thấp sẽ hỗ trợ tăng trưởng tín dụng tốt, đóng góp vào tăng trưởng năm 2018. Không chỉ nhờ vào chính sách tiền tệ nới lỏng, các ngân hàng còn có thể chuyển đổi cơ cấu cho vay bằng cách tăng cường cho vay bán lẻ, từ đó thúc đẩy tiêu dùng trong nước tăng lên. Do chu kỳ tín dụng cá nhân vẫn còn trong giai đoạn đầu, rủi ro có thể được quản lý và giảm thiểu trong vòng một hoặc hai năm tới.

Lợi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam kỳ hạn 5 năm



Nguồn: Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam

Cổ phần hóa và thoái vốn giải phóng nguồn lực cho việc mở rộng tài khóa

Với các đợt cổ phần hóa và thoái vốn bắt đầu từ năm 2017, cán cân tài khóa của Chính phủ dự kiến sẽ ổn định trong 3 năm tới, cho phép chính sách tài khóa và việc triển khai các dự án đầu tư công linh hoạt hơn. Số tiền thu được từ thương vụ thoái vốn tại Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB - HOSE) trong những ngày cuối năm 2017 là một ví dụ về việc ngân sách nhà nước bớt đi một gánh nặng, vì nó tương đương 44% tổng số tiền thu được từ thoái vốn DNNN trong giai đoạn 2016 - 2020 theo kế hoạch đầu tư công trung hạn. Điều này giải phóng nguồn lực cho Chính phủ thực hiện đầu tư công, vốn tương đối thiếu so với mong đợi trong 2 năm qua.

Ngân hàng tích cực xử lý nợ xấu để có thể tăng vốn

Trong lộ trình cải cách ngân hàng giai đoạn 2016 - 2020, hai năm 2017 - 2018 là thời hạn xây dựng xong khung pháp lý của ngành, bắt đầu áp dụng hệ thống quản lý rủi ro Basel II tại 10 ngân hàng thương mại, thoái vốn nhà nước tại các ngân hàng và tăng vốn điều lệ của VAMC tăng lên 5 nghìn tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2019 - 2020, Basel II sẽ được áp dụng tại 12 - 15 ngân hàng (theo phương thức tiêu chuẩn), với hệ số an toàn vốn tối thiểu CAR của các ngân hàng cao hơn mức quy định của Basel II. Đến thời điểm đó, VAMC sẽ có vốn điều lệ 10 nghìn tỷ đồng và phải hoàn thành việc xử lý nợ xấu đã mua. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng (bao gồm cả nợ xấu bán cho VAMC và nợ tái cấu trúc) phải thấp hơn 3% - con số này được Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) ước tính là 8,4% vào cuối năm 2016.

Trong năm 2018, 10 ngân hàng phải tuân thủ thời hạn Basel II sẽ bắt đầu chuẩn bị cho việc tăng vốn, bao gồm: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID - HOSE), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG - HOSE), Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB - HOSE), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (TCB - OTC), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB - HNX), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB - HOSE), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB - HOSE), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (MaritimeBank- OTC),

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB - HOSE) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB - UPCOM). SSI ước tính 14 Ngân hàng Thương mại Quốc doanh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần sẽ thu được 3,8 tỷ USD từ huy động vốn trong năm 2018.

Nghị quyết 42 và Luật Các Tổ chức Tín dụng sửa đổi sẽ là những công cụ chính để thực hiện thay đổi thực sự để làm sạch bảng cân đối tại các ngân hàng trong năm 2018 - 2020, và điều này sẽ hữu ích cho các ngân hàng cần tăng thêm vốn.



NGÂN HÀNG TÍCH CỰC XỬ LÝ NỢ XẤU

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2018

Hoạt động huy động vốn qua thị trường chứng khoán sẽ tăng mạnh

Với việc cổ phần hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, hoạt động huy động vốn qua thị trường chứng khoán được kỳ vọng sẽ tăng mạnh. Theo ước tính ban đầu của SSI cho giai đoạn 2018 - 2020, cổ phần hóa thông qua chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) đạt 9,7 tỷ USD, hoạt động thoái vốn doanh nghiệp nhà nước đạt 16,6 tỷ USD. Hơn nữa, các ngân hàng thương mại tiếp tục có kế hoạch tăng vốn để đáp ứng nhu cầu tín dụng gia tăng, cũng như việc thực hiện Basel II nên có thể sẽ huy động thêm khoảng 3,8 tỷ USD. Tổng cộng số tiền cần huy động lên tới khoảng 30 tỷ USD trong 3 năm tới - tương đương với 19,6% vốn hóa của cả 3 sàn giao dịch HOSE, HNX và UPCOM.

Nhiều cổ phiếu mới có vốn hóa lớn gia nhập thị trường

Niềm yết sau khi chào bán lần đầu ra công chúng không chỉ là bắt buộc mà còn là một thông lệ tốt nhất để có thể thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư vào quá trình cổ phần hóa. Nghị định 126/2017, có hiệu lực từ 1/1/2018, yêu cầu phải lập hồ sơ đăng ký lưu ký và niêm yết đồng thời với việc lập hồ sơ IPO, cũng như đăng ký giao dịch tại UPCOM trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc IPO. Trường hợp IPO và niêm yết ngay trên sở giao dịch chứng khoán thì phải xác định khối lượng đặt mua tối thiểu trong phương án phát hành để có thể đạt được điều kiện niêm yết.

SSI dự báo năm 2018 có thể có tới 15 cổ phiếu gia nhập nhóm cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất trên thị trường (đều có mức vốn hóa trên 1 tỷ USD - xem bảng đính kèm). Mức vốn hóa của toàn thị trường có thể tăng lên khoảng 20% nhờ vào việc niêm yết các cổ phiếu này.



NHIỀU CỔ PHIẾU MỚI CÓ VỐN HOÁ LỚN GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG



SSI dự báo năm 2018 có thể có tới 15 cổ phiếu gia nhập nhóm cổ phiếu có mức vốn hóa lớn nhất trên thị trường (đều có mức vốn hóa trên 1 tỷ USD – xem bảng phía dưới). Mức vốn hóa của toàn thị trường có thể tăng lên khoảng 20% nhờ vào việc niêm yết các cổ phiếu này.

Các tập đoàn tư nhân có năng lực triển khai tốt sẽ chiếm lĩnh thị phần

Cùng với IPO và thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước, thị trường cũng sẽ đánh giá sự hấp dẫn của các công ty này. Công ty thiếu khả năng cạnh tranh, hoặc hoạt động kém hiệu quả sẽ mất dần thị phần vào tay công ty tư nhân. Các công ty với cấu trúc sở hữu mới rõ ràng sẽ cải thiện được hiệu quả hoạt động. Quá trình này giúp nâng cao được năng suất lao động của cả nền kinh tế nói chung. Các tập đoàn tư nhân hàng đầu như Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG – HOSE), Tập đoàn Vingroup (VIC – HOSE), Công ty Cổ phần hàng không Vietjet (VJC – HOSE) hay Công ty Cổ phần FPT (FPT – HOSE) tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, trong khi các công ty nhà nước có thị phần chi phối như Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (GAS – HOSE) hay Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV – HOSE) cũng rất đáng chú ý.

Định giá thị trường tiếp tục ở mức thấp nhờ vào tăng trưởng cao, với kỳ vọng các công ty có vốn hóa lớn sẽ được định giá lại với mức tương đương các nước trong khu vực

SSI ước tính lợi nhuận trong năm 2018 của 64 công ty niêm yết (trong danh mục nghiên cứu của Bộ phận Phân tích & Tư vấn Đầu tư SSI) sẽ có mức tăng trưởng khoảng 17,8% so với cùng kỳ, với mức tăng trưởng cao đến từ các ngành tiêu dùng không thiết yếu, tài chính và năng lượng.

Chỉ số PE 2018 ở mức khoảng 16,25x (theo giá cuối năm 2017) không phải là quá cao nếu tính tới mức tăng trưởng ấn tượng nêu trên. SSI cũng kỳ vọng các cổ phiếu có mức vốn hóa lớn (chiếm lĩnh thị phần trong nước) sẽ được định giá lại với mức tương đương tại các nước trong khu vực. Đó là lý do các cổ phiếu có vốn hóa lớn, tăng trưởng cao, sẽ đóng vai trò dẫn dắt thị trường trong năm 2018. Trong các ngành có mức tăng trưởng cao, ngành ngân hàng sẽ có mức tăng trưởng ấn tượng nhất và thu hút được sự chú ý của các nhà đầu tư. Một số cổ phiếu có mức vốn hóa lớn đáng chú ý là của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG – HOSE), Tập đoàn Vingroup (VIC – HOSE), Công ty Cổ phần FPT (FPT – HOSE), Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (GAS – HOSE), Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam (PLX – HOSE), Công ty Cổ phần hàng không Vietjet (VJC – HOSE), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB – HNX) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB – HOSE). Các cổ phiếu mới niêm yết đáng chú ý có cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB – HOSE) hay các công ty sáp nhập/ cổ phần hóa như Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn – TNHH MTV (RESCO), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (TCB – OTC), Tổng Công ty Viễn thông Mobifone, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV (SATRA) và Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigon Tourist).

Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết

Tăng trưởng lợi nhuận ròng	2016A	2017E	2018E
	27,80%	10,60%	17,80%

Nguồn: Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Các cổ phiếu có mức vốn hóa lớn trên thị trường (màu đỏ: các cổ phiếu mới và sắp niêm yết)

Thứ hạng mới	Mã CK/ Tên viết tắt	Ngành	Giá trị thị trường (triệu USD)	Hệ số cổ phiếu tự do giao dịch (%)	Giá trị thị trường tự do giao dịch (triệu USD)	Giá mục tiêu 1 năm (VND)
1	VNM	Tiêu dùng	13.325	35,00%	4.664	222.000
2	ACV	Công nghiệp	10.398	4,60%	478	115.000
3	VIC	Bất động sản	8.975	25,12%	2.254	94.400
4	VCB	Tài chính	8.599	10,00%	860	58.000
5	GAS	Năng lượng	8.203	5,00%	410	115.000
6	SAB	Tiêu dùng	7.037	5,00%	352	Không có
7	Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	Viễn thông	4.581	Không có	Không có	Không có

Thứ hạng mới	Mã CK/ Tên viết tắt	Ngành	Giá trị thị trường (triệu USD)	Hệ số cổ phiếu tự do giao dịch (%)	Giá trị thị trường tự do giao dịch (triệu USD)	Giá mục tiêu 1 năm (VND)
8	CTG	Tài chính	3.966	10,00%	396,61	Không có
9	VRE	Bất động sản	3.945	49,10%	1.937,20	Không có
10	BID	Tài chính	3.837	4,72%	181,12	Không có
11	PLX	Tài chính	3.825	5,10%	195,10	89.200
12	ROS	Công nghiệp	3.783	30,00%	1.135	Không có
13	MSN	Tiêu dùng	3.536	20,00%	707,26	80.000
14	HPG	Nguyên vật liệu	3.128	47,44%	1.483,97	60.000
15	VJC	Công nghiệp	2.916	51,53%	1.502,81	168.100
16	VPB	Tài chính	2.702	Không có	Không có	Không có
17	TCB	Tài chính	2.619	30,00%	416,4	Không có
18	HVN	Công nghiệp	2.334	5,06%	118	39.400
19	Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN	Nguyên vật liệu	2.289	11,88%	271,93	Không có
20	Tổng Công ty Phát điện 3 (Genco 3)	Tiện ích	2.220	13,00%	288,6	Không có
21	MBB	Tài chính	2.030	55,00%	1.116	29.500
22	BSR	Năng lượng	2.002	8,00%	160,16	Không có
23	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA)	Tiêu dùng	1.982	Không có	Không có	Không có
24	BVH	Tài chính	1.956	10,00%	196	Không có
25	MWG	Tài chính	1.826	55,00%	1.005	162.500
26	Tổng Công ty Phát điện 2 (GENCO 2)	Tiện ích	1.804	Không có	Không có	Không có
27	Tổng Công ty Becamex	Công nghiệp	1.799	Không có	Không có	Không có
28	NVL	Bất động sản	1.785	26,40%	471	67.000
29	ACB	Tài chính	1.601	75,00%	1.201	42.200
30	MCH	Tiêu dùng	1.588	2,00%	31,76	Không có
31	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power)	Tiện ích	1.500	20,00%	300	Không có
32	FPT	Công nghệ thông tin	1.334	16,12%	215,08	70.000
33	HDB	Tài chính	1.296	85,00%	1.102	Không có
34	Tổng Công ty Phát điện 1 (GENCO 1)	Tiện ích	1.263	Không có	Không có	Không có
35	Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn (RESCO)	Bất động sản	1.123	Không có	Không có	Không có
36	VEAM	Công nghiệp	1.112	13,00%	144,56	Không có
37	Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Tiêu dùng	1.013	Không có	Không có	Không có
38	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM)	Nguyên vật liệu	1.000	Không có	Không có	Không có

Nguồn: Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Kế hoạch cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước

Tên doanh nghiệp	Ngành	Giá trị vốn hóa (triệu USD)	Tỷ lệ IPO	Giá trị IPO (triệu USD)	Thời gian thực hiện
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	Viễn thông	4.581	30,00%	1.374	2018
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank)	Ngân hàng	3.436	30,00%	1.031	2019
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	Viễn thông	3.084	30,00%	925	2019
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Hàng hóa	2.291	25,00%	573	2018
Tổng Công ty Phát điện 3 (GENCO 3)	Tiện ích	2.255	13,00%	293	2018
Công ty TNHH MTV Lọc – Hóa dầu Bình Sơn	Dầu khí	2.021	7,79%	157	2018
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA)	Bán lẻ	1.982	30,00%	595	2018
Tổng Công ty Phát điện 2 (GENCO 2)	Tiện ích	1.804	13,00%	235	2018
Tổng Công ty Becamex	Bất động sản	1.799	24,00%	432	2018
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin)	Khai khoáng	1.648	30,00%	494	2019
Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam (PV Power)	Tiện ích	1.486	20,00%	297	2018
Tổng Công ty Phát điện 1 (GENCO 1)	Tiện ích	1.263	13,00%	164	2018
Tổng Công ty Địa Ốc Sài Gòn (RESCO)	Bất động sản	1.123	30,00%	337	2018
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Nhà hàng – Khách sạn	1.013	30,00%	304	2018
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM)	Vật liệu xây dựng	1.000	40,00%	400	2018
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam (Vinataba)	Tiêu dùng	881	49,00%	432	2018
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	Bán lẻ dầu khí	610	20,00%	122	2018
Tổng Công ty Bến Thành	Bất động sản	458	49,00%	224	2018
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Sawaco)	Tiện ích	344	49,00%	168	2018
Tổng Công ty Đầu tư Phát Triển Nhà Và Đô Thị (HUD)	Bất động sản	330	49,00%	162	2018
Tổng Công ty Khánh Việt (Khatoco)	Đa ngành	264	30,00%	79	2018
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Vinafood 2)	Nông nghiệp	222	49,00%	109	2018
Tập đoàn Sông Đà	Xây dựng	218	49,00%	107	2018

Nguồn: Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

Kế hoạch thoái vốn 2018 - 2020

Mã chứng khoán	Giá trị thị trường (triệu USD)	Tỷ lệ thoái vốn	Giá trị thoái vốn (triệu USD)	Thời gian thực hiện
VNM	13.325	36%	4.797	2018-2019
ACV	10.398	30,40%	3.161	2018-2019
SAB	7.037	36%	2.533	2018-2019
VEAM	1.282	88,50%	1.135	2018-2019
GAS	8.203	30%	2.461	2018-2019
BHN	1.302	82%	1.068	2018-2019
PLX	3.825	24,90%	953	2018-2019
HVN	2.334	35,20%	822	2018-2019
DHG	662	43%	285	2018-2019
VGC	496	56,70%	281	2018-2019
VCG	424	58%	245	2018-2019
TVN	239	93,90%	224	2018-2019
MBB	2.030	10%	203	2018-2019
DVN	216	65%	140	2018-2019
VGT	227	53,50%	121	2018-2019
NTP	275	37%	102	2018
BMP	308	30%	93	2018
FPT	1.334	6%	80	2018
TRA	213	36%	77	2018
BMI	143	51%	73	2018-2019
VNR	132	48%	63	2018-2019
DMC	177	35%	62	2018
BVH	1.956	3%	59	2018-2019
VOC	107	36%	38	2018-2019

Nguồn: Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2017

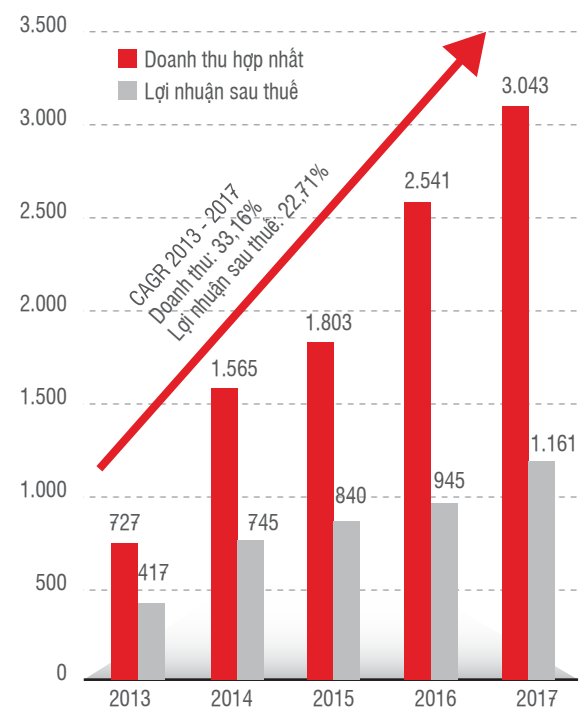


KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng năm 2017. Chỉ số VnIndex đóng cửa đạt 984,2 điểm – tăng 48% so với mức cuối năm 2016. Mức vốn hóa thị trường tăng 80,5% so với cùng kỳ năm 2016, tương đương 70% GDP. Số lượng tài khoản giao dịch vào cuối năm 2017 cũng tăng 12% lên mức 1,92 triệu tài khoản, trong đó số lượng tài khoản khách hàng tổ chức và khách hàng nước ngoài đều tăng 14%. Thị trường chứng khoán phái sinh chính thức ra đời sau hơn 17 năm kể từ khi có thị trường chứng khoán cơ sở, vào tháng 8/2017, đã thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư, với 16.300 tài khoản được mở và quy mô giao dịch bình quân tháng 12/2017 đạt 1.600 tỷ VNĐ/ phiên.

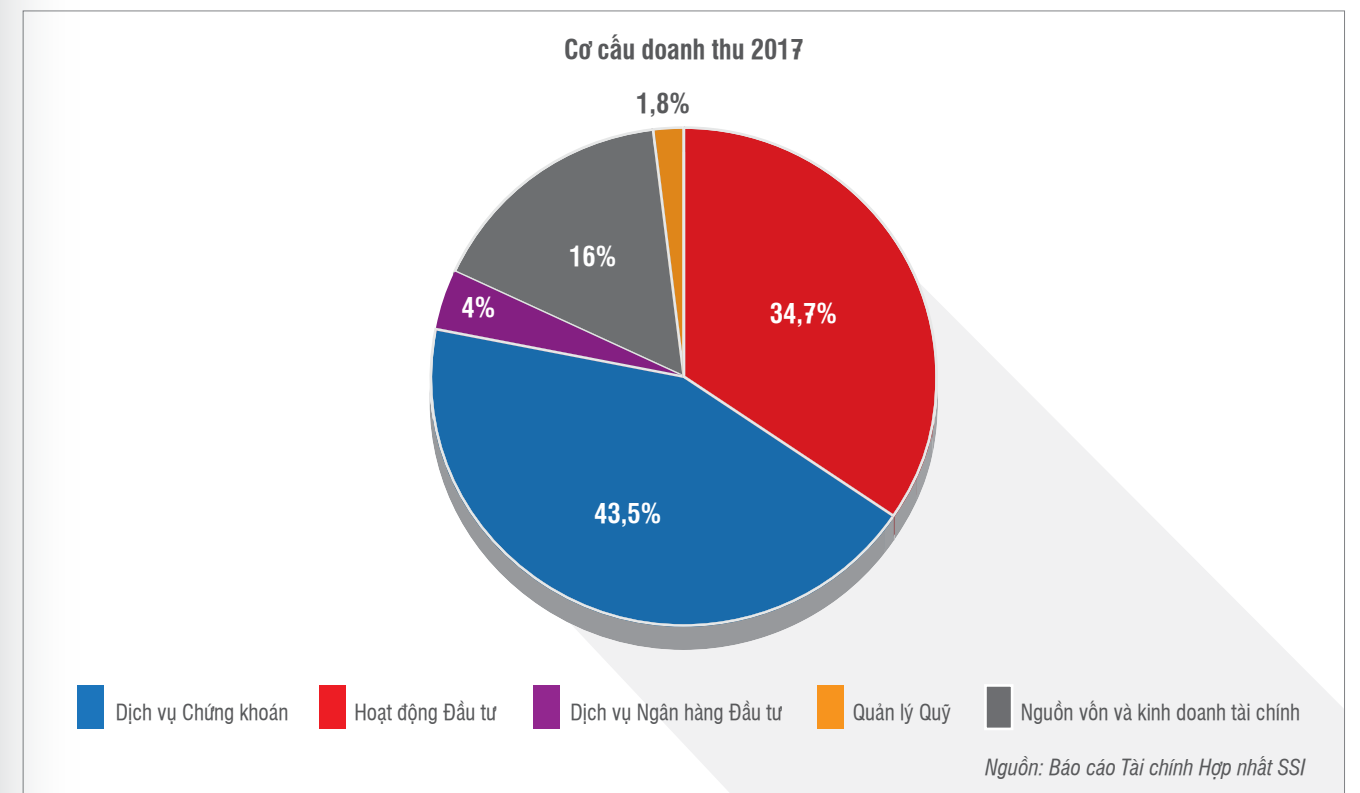
Trong bối cảnh đó, SSI có một năm hoạt động thành công, thiết lập nhiều mức kỷ lục mới với lợi nhuận hợp nhất trước thuế cao nhất trong lịch sử thành lập công ty. Cụ thể, Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất năm 2017 đạt 3.043,2 tỷ VNĐ, tăng trưởng 19,8% so với năm 2016 và vượt 44,35% kế hoạch kinh doanh 2017 về doanh thu. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.405 tỷ VNĐ, tăng 23% và vượt 32,8% kế hoạch kinh doanh năm.

Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2013 – 2017 (Tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Trong đó, các lĩnh vực kinh doanh đều ghi nhận kết quả tích cực trong năm 2017.



Doanh thu từ Dịch vụ Chứng khoán đạt 1.328,2 tỷ VNĐ, tăng trưởng 53% so với năm 2016, chiếm 43,5% doanh thu toàn Công ty. SSI tiếp tục gia tăng cách biệt tại vị trí dẫn đầu trên cả hai sàn HOSE và HNX, với thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2017 đạt 15,26% - tăng mạnh so với mức 13,04% của năm 2016. Theo đó, doanh thu từ Hoạt động Môi giới chứng khoán năm 2017 đạt 779,7 tỷ VNĐ, tăng trưởng 105% so với năm 2016. Dự nợ kỳ quỹ và cho vay ứng trước tại thời điểm cuối năm đạt hơn 5.700 tỷ VNĐ. Doanh thu từ hoạt động cho vay và phải thu (cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán) đóng góp một phần quan trọng trong tổng doanh thu toàn Dịch vụ Chứng khoán, chiếm 39%, đạt 519,65 tỷ VNĐ, tăng 21% so với năm 2016. Đó là kết quả của quá trình đầu tư nghiêm túc vào việc tăng chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đa dạng hóa và bổ sung các báo cáo phân tích, khuyến nghị cơ hội đầu tư cũng như phát triển đội ngũ môi giới chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp tốt.

Hoạt động đầu tư ghi nhận mức doanh thu 1.060,8 tỷ VNĐ, đóng góp 34,7% vào tổng doanh thu của SSI. Với tổng giá trị đầu tư năm 2017 lên tới 3.829 tỷ VNĐ (tính theo giá trị thị trường ngày 31/12/2017), SSI tiếp tục duy trì một cách hiệu quả chiến lược đầu tư giá trị, đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp. Tại thời điểm cuối năm, SSI có 3 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN - HOSE), Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN - HOSE), Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFG - HOSE) - cả 3 Công ty này đều có những kết quả kinh doanh khả quan năm vừa qua.

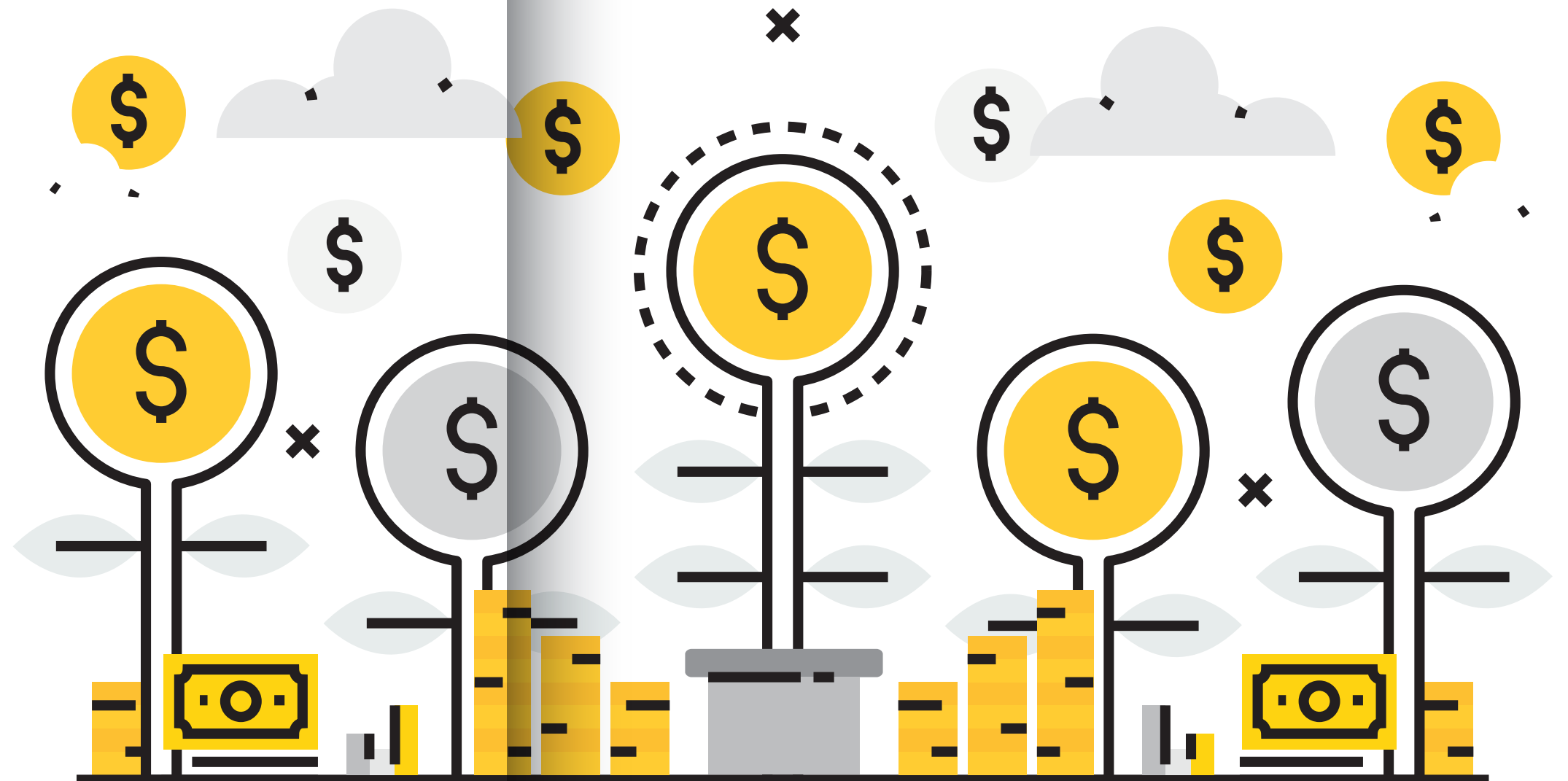
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, nâng tổng tài sản lên mức 18.764,4 tỷ VNĐ cuối năm 2017 – mức tăng kỷ lục 34% so với cùng kỳ năm 2016; đảm bảo thanh khoản tuyệt đối cho Công ty, Khách hàng; hỗ trợ hiệu quả nhu cầu về vốn của các mảng kinh doanh khác cũng như gạt hái nhiều thành công vượt bậc trong mảng kinh doanh nguồn vốn. Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính ghi nhận 487,4 tỷ VNĐ doanh thu, chiếm 16% tổng doanh thu toàn SSI và tăng trưởng 33,2% so với năm ngoái.

Năm 2017 cũng ghi dấu thành công của Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI với nhiều thương vụ tư vấn thành công, có quy mô lớn như Tư vấn Chào bán thành công cổ phần tại Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam (VNM – HOSE) với giá trị giao dịch là 396 triệu USD; Tư vấn Bán thứ cấp cổ phần Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE - HOSE) với tổng giá trị giao dịch 742 triệu USD, Tư vấn Bán thứ cấp cổ phần của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB - HOSE) với tổng giá trị huy động đạt 300 triệu USD, tư vấn huy động vốn 230 triệu USD cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG – HOSE) v.v... Doanh thu mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư ở mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây, đạt trên 111 tỷ VNĐ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) tiếp tục tăng quy mô tổng tài sản quản lý của khách hàng bên ngoài lên 60,3% so với năm ngoái, đạt 6.112 tỷ VNĐ. Doanh thu SSIAM năm 2017 đã tăng trưởng 67,9% so với năm 2016, đạt 54,6 tỷ VNĐ.

Năm 2017, tổng chi phí hoạt động của Công ty, bao gồm cả chi phí tài chính, là hơn 1.650 tỷ VNĐ, trong đó chi phí tài chính chiếm gần 21%, do Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vốn, tích cực thực hiện các giao dịch vay gửi với Ngân hàng Thương mại, tối ưu hóa các sản phẩm quản lý thanh khoản lại vừa tối ưu hóa lợi nhuận. Về chi phí vận hành, chi phí của Dịch vụ Chứng khoán chiếm phần lớn do việc mở rộng mạng lưới môi giới, hoạt động giao dịch của khách hàng tăng trưởng mạnh mẽ cũng kéo theo chi phí giao dịch trả cho HOSE và HNX tăng tương ứng với doanh thu phí giao dịch. Còn lại, chi phí vận hành nói chung đều nằm trong kế hoạch đã đặt ra.

CÔNG TY GHI NHẬN DOANH THU HỢP NHẤT NĂM 2017 ĐẠT 3.043,2 TỶ VNĐ, TĂNG TRƯỞNG 19,8% SO VỚI NĂM 2016 VÀ VƯỢT 44,35% KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017 VỀ DOANH THU. LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ ĐẠT 1.405 TỶ VNĐ, TĂNG 23% VÀ VƯỢT 32,8% KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM



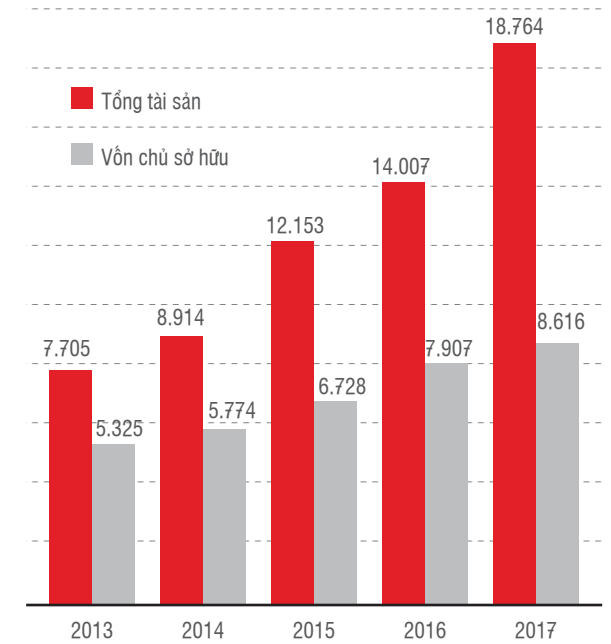


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2017

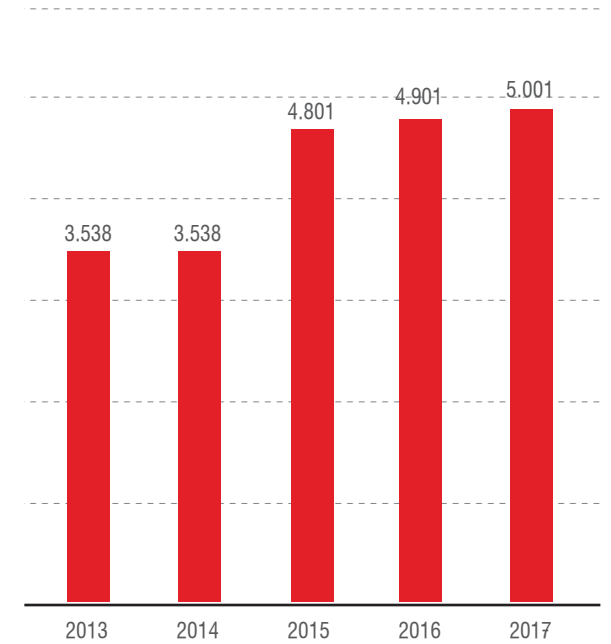
Năm 2017, tổng tài sản hợp nhất của SSI đạt gần 18.764,4 tỷ VNĐ, tăng 34% so với năm 2016, và mức vốn chủ sở hữu là 8.616,2 tỷ VNĐ. Tổng tài sản tăng trưởng ở mức kỷ lục chủ yếu đến từ tăng số dư tiền gửi ngân hàng và dư nợ ký quỹ (margin). Năm 2017, cùng với việc SSI ngày càng khẳng định vị thế của 1 tổ chức tài chính trên thị trường, có uy tín và hoạt động hiệu quả chuyên nghiệp, mối quan hệ giữa SSI và các Ngân hàng Thương mại cũng ngày càng tích cực với mức tín nhiệm cao. Nhiều ngân hàng đã nâng hạn mức tín dụng đối với SSI cao hơn đáng kể so với năm 2016, trong đó bao gồm lượng lớn hạn mức tín dụng tín chấp. Đồng thời chính sách lãi suất và sản phẩm áp dụng đối với SSI cũng luôn luôn có những ưu đãi nhất định. Vì vậy, hoạt động kinh doanh vốn của Công ty năm 2017 tăng trưởng mạnh mẽ trong năm, dẫn đến tăng dư nợ vay đồng thời tăng số dư tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng đáng kể.

Bên cạnh đó, với việc giữ vững vị trí thị phần số 1 về môi giới, Dịch vụ Chứng khoán SSI tích cực mở rộng khách hàng, tăng trưởng khối lượng giao dịch song song với việc tăng trưởng dư nợ ký quỹ. Dư nợ ký quỹ và cho vay ứng trước tại thời điểm 31.12.2017 đạt hơn 5.700 tỷ VNĐ, cao hơn 50% so với 2016. Mặc dù tăng trưởng đáng kể nhưng chính sách cho vay và quản lý rủi ro tín dụng vẫn luôn luôn đảm bảo trong phạm vi cần trọng và an toàn, năm 2017 Công ty không phát sinh nợ khó đòi. Việc tăng dư nợ trong phạm vi an toàn không chỉ đem lại hiệu quả sử dụng vốn của SSI mà còn được khách hàng đánh giá cao nhờ chính sách quản lý rủi ro hợp lý, hỗ trợ khách hàng giảm thiểu rủi ro trong sử dụng vốn vay margin để đầu tư.

Tăng trưởng Tài sản hợp nhất và Nguồn vốn Chủ sở hữu giai đoạn 2013 – 2017 (tỷ VNĐ)



Tăng trưởng vốn điều lệ giai đoạn 2013 – 2017 (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Kết quả kinh doanh	2013	2014	2015*	2016*	2017
Doanh thu thuần (VNĐ)	726.943.829.636	1.564.510.137.885	1.802.941.289.604	2.540.929.472.830	3.043.190.092.436
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	328.444.936.244	859.922.881.979	1.048.759.561.596	1.141.560.999.946	1.392.314.526.118
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	505.834.184.178	927.840.400.057	1.053.797.641.057	1.144.062.998.942	1.405.021.409.034
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (VNĐ)	418.044.800.068	744.830.193.840	841.566.556.381	946.703.413.703	1.161.852.985.811

Bảng cân đối tài sản	2013	2014	2015*	2016*	2017
Tổng tài sản (VNĐ)	7.705.073.514.740	8.914.435.465.737	12.153.431.597.528	14.006.830.388.635	18.764.375.171.848
Vốn điều lệ (VNĐ)	3.537.949.420.000	3.537.949.420.000	4.800.636.840.000	4.900.636.840.000	5.000.636.840.000
Tổng số lượng cp bình quân gia quyền	350.654.030	464.358.318	471.713.404	480.436.945	490.089.282
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.325.172.426.892	5.773.805.744.525	6.727.609.014.290	7.906.811.867.993	8.616.249.695.902

Cơ cấu tài sản	2013	2014	2015*	2016*	2017
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	58,0%	71,9%	90,30%	90,41%	91,81%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	42,0%	28,1%	9,70%	9,59%	8,19%

Cơ cấu nguồn vốn	2013	2014	2015*	2016*	2017
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	30,9%	35,2%	44,64%	43,55%	54,08%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	69,1%	64,8%	55,36%	56,45%	45,92%

Tỷ suất lợi nhuận	2013	2014	2015*	2016*	2017
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5,4%	8,4%	6,91%	6,74%	6,19%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	8,0%	13,1%	12,6%	12,1%	13,6%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	11,8%	21,1%	17,49%	19,28%	23,22%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	57,5%	47,6%	46,58%	37,18%	38,15%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.192	1.492	1.658	1.843	2.208

Khả năng thanh toán	2013	2014	2015*	2016*	2017
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,90	2,06	2,33	2,17	1,84
Chỉ số thanh toán nhanh (Tiền & khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,44	1,33	2,28	2,13	1,81

(*Sô liệu được trình bày lại cho phù hợp với Hướng dẫn kê toán mới (chi tiết tham khảo Thuyết minh Báo cáo Tài chính kiểm toán)



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

ĐIỂM NHẤN 2017



SSI tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Tính chung trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán, thị phần SSI đứng đầu toàn thị trường, đạt 15,26% - tăng 2,22% so với năm 2016.

Giá trị giao dịch đối với nhóm khách hàng cá nhân trong nước tăng trưởng mạnh ở mức 105% so với năm 2016, dư nợ ký quỹ bình quân tăng từ 3.294 tỷ VNĐ lên 4.150 tỷ VNĐ. Doanh thu Dịch vụ Chứng khoán theo đó cũng tăng trưởng vượt bậc từ 868 tỷ VNĐ năm 2016 lên 1.328,2 tỷ VNĐ năm 2017, lợi nhuận tăng trưởng từ 389,6 tỷ VNĐ năm 2016 lên 655,5 tỷ VNĐ năm 2017.

DOANH THU
TĂNG TRƯỞNG
53%
SO VỚI NĂM 2016



Dịch vụ Chứng khoán đã phối hợp với Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư thực hiện thành công các thương vụ thoái vốn, phân phối cổ phiếu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PLX - HOSE), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM - HOSE), Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (VJC - HOSE), Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE - HOSE), Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB - HOSE) với giá trị tài sản chuyển giao lên tới hàng trăm triệu USD.

SSI thể hiện bản lĩnh của người tiên phong khi liên tiếp dẫn đầu về thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh, chiếm tỷ lệ 28,28% toàn thị trường, với số lượng tài khoản mở mới ngay trong ngày đầu tiên là gần 1.000 tài khoản, đến nay con số đó đã vượt cả sự kỳ vọng của SSI với 6.000 tài khoản mở mới, trong đó có hơn 1.200 tài khoản hoạt động và 625.000 hợp đồng giao dịch tại SSI.

Nhiều sản phẩm mới về tư vấn và khuyến nghị cơ hội đầu tư được phát triển dành cho khách hàng cá nhân như: Stock Ratings, Stock Quick View, cùng các khuyến nghị kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, mang lại nhiều ý tưởng đầu tư ngắn hạn và dài hạn cho khách hàng. SSI là đơn vị đầu tiên cung cấp báo cáo phái sinh trên thị trường, mang đến nhiều thông tin và chiến lược giao dịch cụ thể, hàng ngày cho khách hàng. Sản phẩm khuyến nghị cơ hội đầu tư, báo cáo chiến lược đầu tư, báo cáo vĩ mô cho khách hàng tổ chức luôn được đánh giá cao về chất lượng, độ trung thực và đạo đức nghề nghiệp từ khách hàng cùng các tổ chức uy tín trong khu vực.

Dịch vụ Chứng khoán SSI tiếp tục giành hầu hết các giải thưởng danh giá cho tập thể và cá nhân do tạp chí Asiamoney – tạp chí uy tín hàng đầu khu vực trao tặng. Bên cạnh các giải thưởng quốc tế, SSI cũng nhận được nhiều giải thưởng từ các cơ quan lý trong nước về các hoạt động giao dịch chứng khoán cơ sở, giao dịch chứng khoán phái sinh và thanh toán bù trừ xuất sắc trong Top 10 các công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

THỊ PHẦN GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

28,28%



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2017

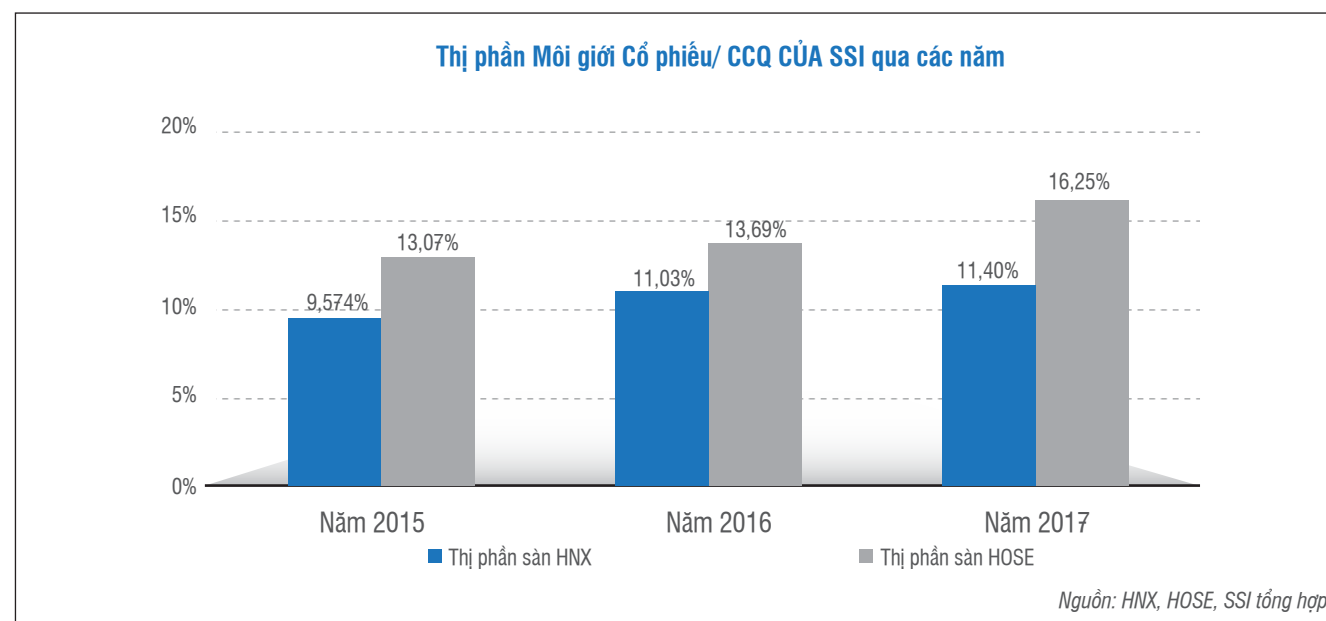
Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có một năm tăng trưởng ấn tượng, cao nhất khu vực Châu Á. Sau 10 năm, VN-Index đã trở lại vùng 970 điểm vào tháng cuối cùng của năm 2017, tăng gần 46% so với đầu năm, vốn hóa thị trường đạt 3.360 nghìn tỷ VNĐ, vượt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020. Năm 2017 là năm của các thương vụ thoái vốn nhà nước đạt mức kỷ lục, có thể kể tên như thoái vốn tại Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB – HOSE) - thu về 5 tỷ USD, CTCP Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) - thu về trên 20.000 tỷ VNĐ, Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Đô Thị (DIG – HOSE) – thu về xấp xỉ 2.500 tỷ VNĐ. Bên cạnh đó, việc bán cổ phần thứ cấp của các Doanh nghiệp lớn như Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE – HOSE), CTCP Hàng không Vietjet (VJC – HOSE) hay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPB – HOSE) cũng tạo nên cơn sốt không nhỏ cho giới đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh sự tăng trưởng của thị trường cơ sở, tháng 8/2017, thị trường chứng khoán phái sinh cũng được ra mắt nhà đầu tư. Chỉ trong vòng 5 tháng, quy mô của TTCK phái sinh đã gia tăng theo cấp số nhân, có trên 16.300 tài khoản giao dịch phái sinh được mở với quy mô giao dịch bình quân tháng 12/2017 đạt 1.600 tỷ VNĐ/ phiên.

Ngoài những thuận lợi trên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn tồn tại rất nhiều các rào cản vô hình và hữu hình ảnh hưởng lớn đến dòng vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể là mức độ đầu tư và giải ngân của nhà đầu tư tổ chức vào thị trường gặp nhiều khó khăn do quy mô đầu tư, lượng cổ phiếu lưu hành thấp, thanh khoản kém, giới hạn sở hữu nước ngoài của nhiều cổ phiếu tốt. Bên cạnh đó, niềm tin của nhà đầu tư cũng bị thử thách bởi sự trì hoãn của nhiều sự kiện quan trọng trong năm qua như chậm trễ trong thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước; sự ra đời của các sản phẩm phái sinh; giao dịch mua bán trong ngày v.v...

Năm 2017 ghi dấu sự phát triển mạnh mẽ của Dịch vụ Chứng khoán với doanh thu tăng trưởng vượt bậc, thị phần tiếp tục dẫn đầu thị trường, và thành công trong việc mở rộng số lượng khách hàng, xây dựng đội ngũ môi giới chất lượng cao cũng như phát triển các sản phẩm mới.



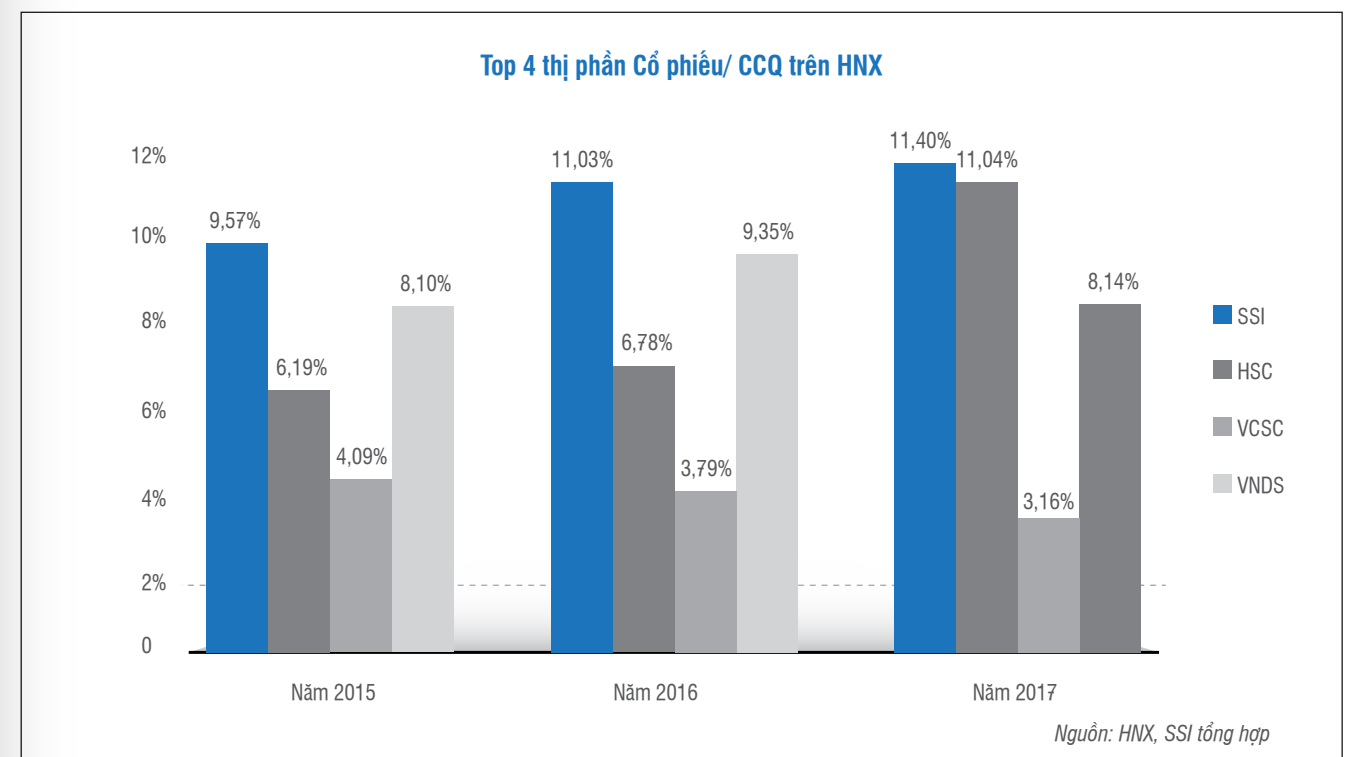
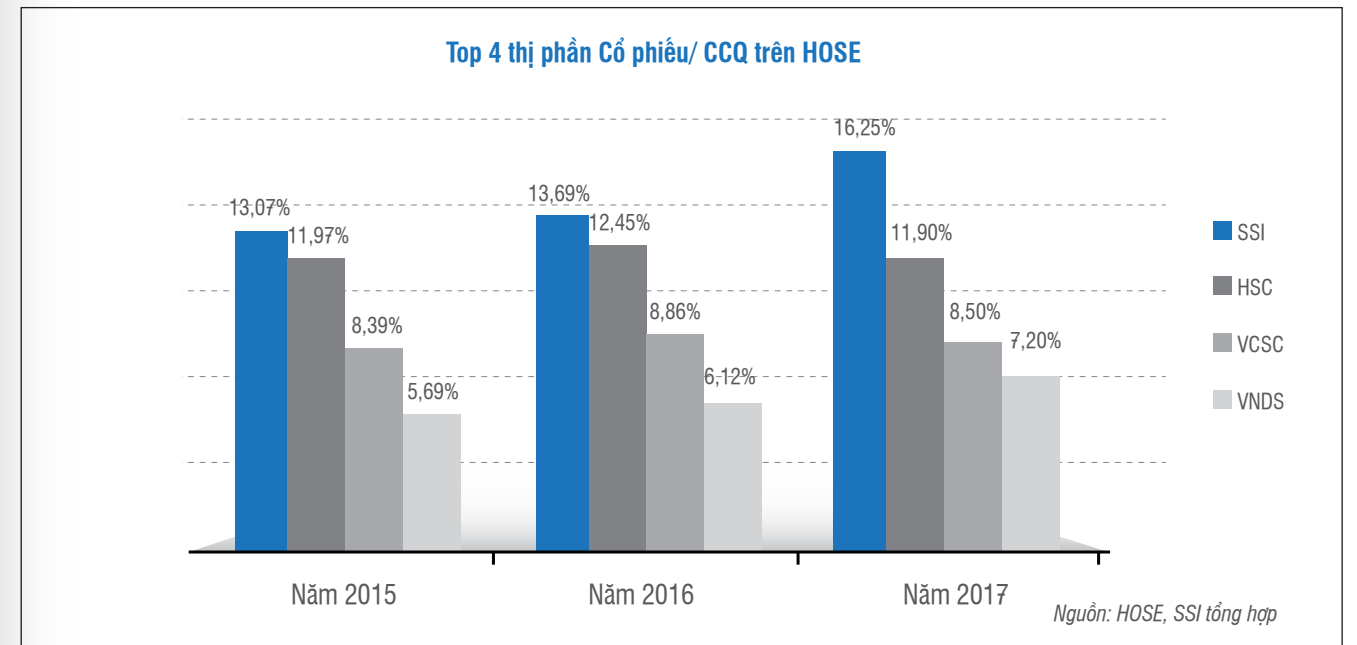
Thị phần đứng đầu toàn thị trường



Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ) tiếp tục giữ vững vị trí số 1 tại cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán (GDCK), đạt 15,26% - tăng 2,22% so với năm 2016.

Trong đó, thị phần tại HOSE đạt 16,25%, tăng 2,56% so với năm 2016.

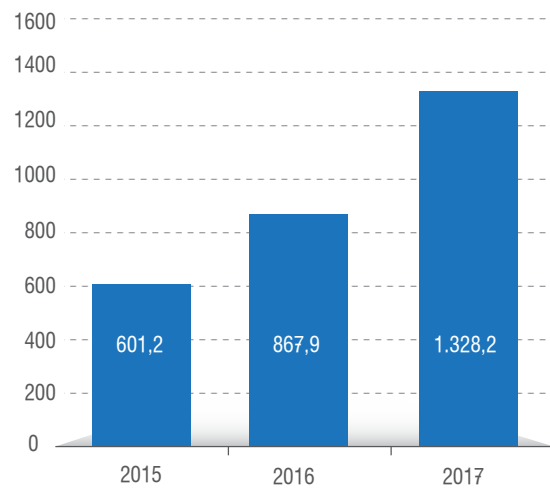
Thị phần tại HNX đạt 11,4%, tăng 0,37% so với năm 2016.



Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận

Doanh thu của Dịch vụ Chứng khoán tiếp tục tăng trưởng tốt và đều đặn qua các năm, đạt 1.328,2 tỷ VNĐ năm 2017 – chủ yếu tăng 53% so với năm 2016. Trong đó, doanh thu từ nhóm Khách hàng Cá nhân đến từ phí môi giới và doanh thu từ các sản phẩm tài chính. Doanh thu từ nhóm Khách hàng Tổ chức gồm doanh thu từ phí môi giới giao dịch trên sàn và ngoài sàn, các khoản thu từ hợp đồng tư vấn, khuyến nghị cho các quỹ đầu tư, tư vấn quan hệ nhà đầu tư cho doanh nghiệp và các hoạt động bán chéo (cross - sale) cùng các mảng kinh doanh khác tại SSI.

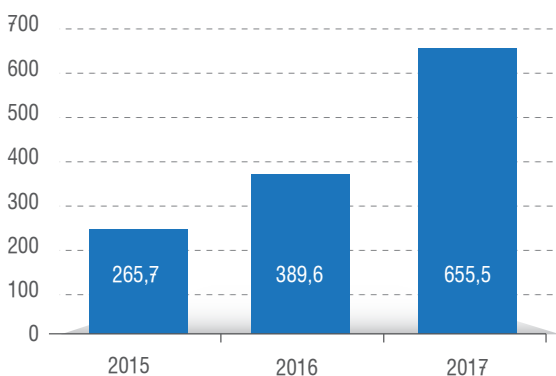
Doanh thu Khối Dịch vụ Chứng khoán (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, lợi nhuận của Dịch vụ Chứng khoán năm 2017 cũng tăng trưởng mạnh, đạt 655,5 tỷ đồng – bằng tổng lợi nhuận 2 năm liền kể trước đó.

Lợi nhuận Khối Dịch vụ Chứng khoán (tỷ VNĐ)

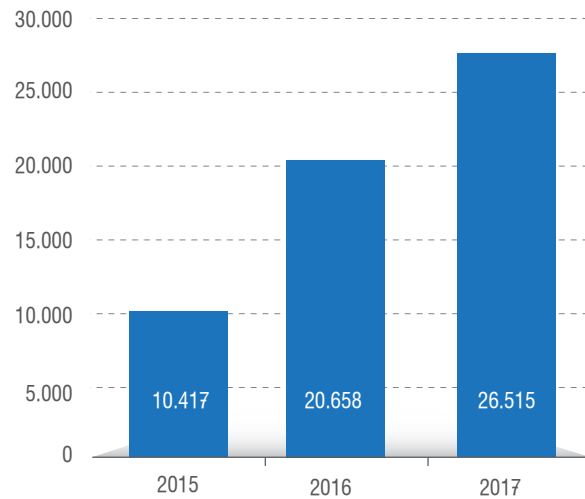


Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

Tăng trưởng khách hàng và mở rộng mạng lưới

Tính đến cuối năm 2017, SSI quản lý hơn 127.000 tài khoản, chiếm 6,5% số lượng tài khoản toàn thị trường, trong đó có 126.000 tài khoản khách hàng cá nhân và gần 1.000 tài khoản khách hàng tổ chức nước ngoài. Trong năm 2017, số lượng tài khoản mở mới đạt 26.515 tài khoản - vượt kế hoạch 30%. Sự tăng trưởng mạnh về số lượng tài khoản khách hàng là kết quả của chiến lược phát triển đúng đắn, thông qua nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn đầu tư, sản phẩm tài chính; phát triển đội ngũ môi giới khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức để chăm sóc tốt khách hàng hiện tại cũng như phát triển khách hàng mới.

Số lượng tài khoản mở mới



Nguồn: SSI

Tận dụng cơ hội phát triển của thị trường, Dịch vụ Chứng khoán SSI tiếp tục thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới tại các địa bàn trọng điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong tháng 9/2017, liên tiếp hai Phòng Giao dịch (PGD) được khai trương: PGD Nguyễn Văn Cừ và PGD Nguyễn Thị Minh Khai; nâng tổng số Chi nhánh/PGD lên 12 địa điểm giao dịch trên toàn quốc, khẳng định vị trí hàng đầu về mạng lưới giao dịch với khách hàng của SSI.

Tăng trưởng số lượng nhân viên môi giới

Với chiến lược đầu tư vào chất lượng của nhân viên môi giới, năm 2017 SSI không tuyển dụng ồ ạt, thay vào đó là áp dụng quy trình tuyển dụng và đánh giá thử việc khắt khe, chú trọng đến yếu tố đạo đức, chuyên môn, đam mê và khát khao trong công việc. Số lượng nhân viên môi giới tăng từ 353 nhân sự lên 479 nhân sự vào cuối năm 2017. Song song với công tác tuyển dụng, công tác đào tạo nhân viên môi giới luôn được chú trọng và triển khai định kỳ ở tất cả các chi nhánh và phòng giao dịch, nhằm định hướng môi giới trở thành tư vấn tài chính chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn và kĩ năng chăm sóc khách hàng ân cần, chu đáo.

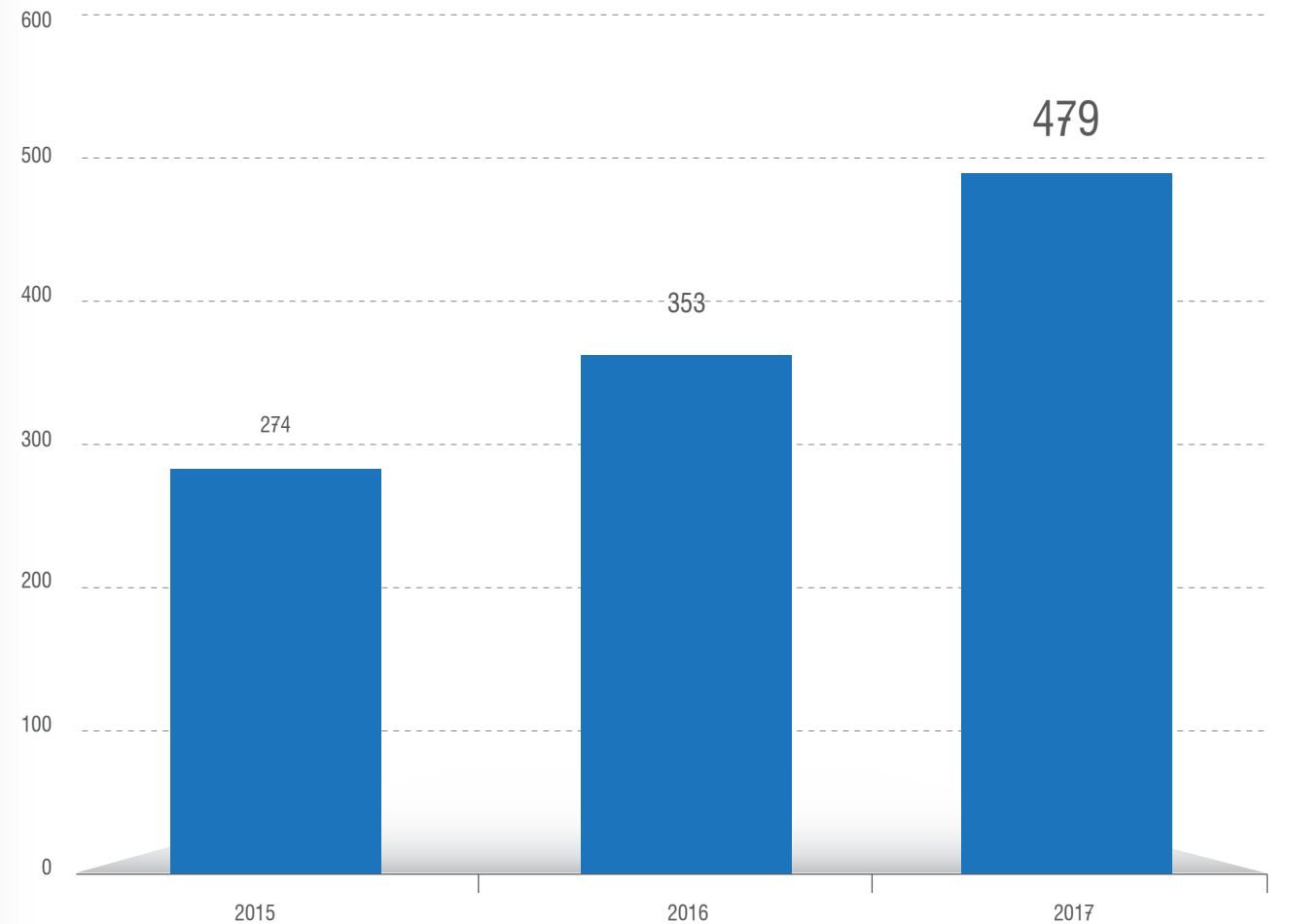
Đội ngũ Môi giới Khách hàng Tổ chức cũng được bổ sung thêm nhiều nhân sự cao cấp là người nước ngoài, có kinh nghiệm dày dặn tại các tổ chức tài chính quốc tế để phụ trách phát triển các thị trường Mỹ, châu Âu, Singapore, Hong Kong.

Phát triển sản phẩm mới

Cùng với sự ra đời của TTCK Phái sinh, SSI là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh cũng như kết nối giao dịch chứng khoán phái sinh với HNX, đồng thời là một trong hai thành viên bù trừ chung của thị trường. SSI cũng tiên phong trong việc đề xuất và kiến nghị các điểm nhằm phát triển thị trường, như kiến nghị UBCKNN bổ sung Thông tư cho phép ký quỹ nhà đầu tư trên tài khoản tổng tại công ty chứng khoán, giảm phí chuyển tiền ký quỹ qua ngân hàng thanh toán, kiến nghị giá trị thuế trên mỗi giao dịch v.v... Kết thúc năm 2017, SSI có thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh đứng đầu thị trường - ở mức 28,28%, với trên 6.000 tài khoản.

Bên cạnh, SSI cũng là công ty tiên phong tích cực phối hợp với HOSE chuẩn bị sẵn sàng cho sự ra đời của sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, dự kiến ra mắt thị trường vào tháng 5/2018.

Số lượng nhân viên môi giới



Nguồn: SSI



NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

ĐIỂM NHẤN 2017

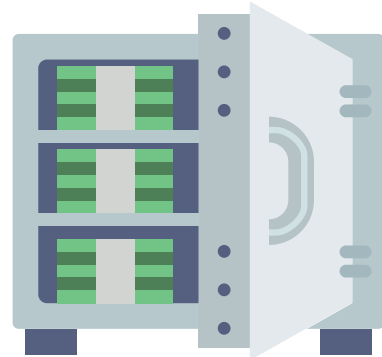
Doanh thu của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đạt mức ấn tượng - 487,4 tỷ đồng, chiếm 16% tổng doanh thu toàn Công ty. Tổng tài sản tăng trưởng vượt bậc từ 14.006 tỷ VNĐ năm 2016 lên 18.764 tỷ VNĐ năm 2017 - mức tăng kỷ lục 34%.

Thanh khoản được đảm bảo tuyệt đối trước áp lực từ nhu cầu vốn của các mảng kinh doanh khác cũng như yêu cầu về hỗ trợ tài chính từ TTCK.

Nguồn vốn & Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục là điểm nhấn tạo nên thương hiệu về tính an toàn và chuyên nghiệp của SSI với Khách hàng cũng như các định chế tài chính khác trên thị trường.

Tích cực phát triển và kinh doanh các sản phẩm cấu trúc trong nội bộ Khối cũng như bán chéo với các Khối Kinh doanh khác.

TỔNG TÀI SẢN TĂNG TRƯỞNG
34% SO VỚI NĂM 2016, ĐẠT
18.764 TỶ VNĐ

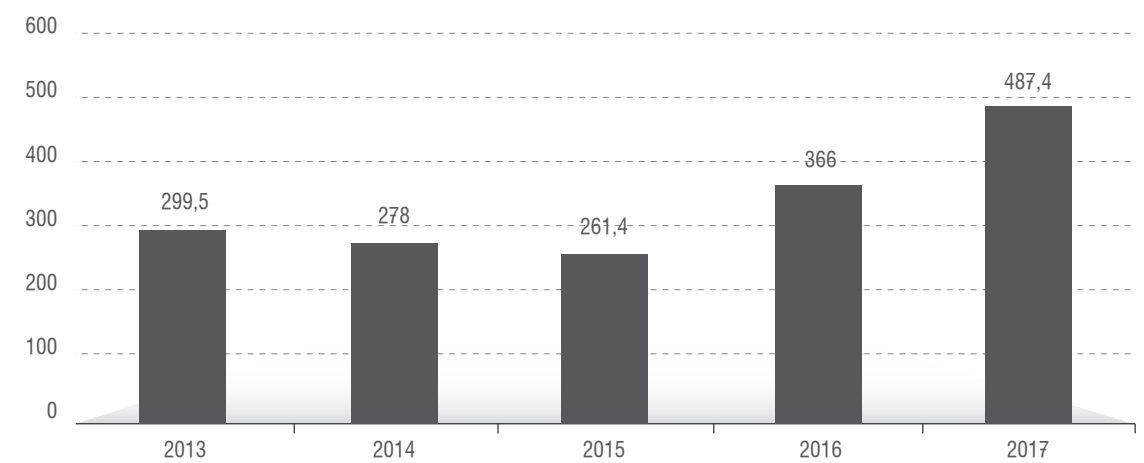


KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2017

Tiếp nối thành công năm 2016, năm 2017 là một bước bật phá mạnh mẽ của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cùng với sự tăng trưởng vượt kỳ vọng. Tổng tài sản của SSI trong năm 2017 tăng 34% so với năm ngoái, đạt 18.764 tỷ VNĐ.

Doanh thu và lợi nhuận năm 2017 tăng lần lượt là 33,2% và 47% so với năm 2016. Đồng thời, các chỉ tiêu khác như mạng lưới khách hàng, đối tác, đội ngũ nhân sự, phát triển sản phẩm mới cũng ghi nhận những thành công đáng kể.

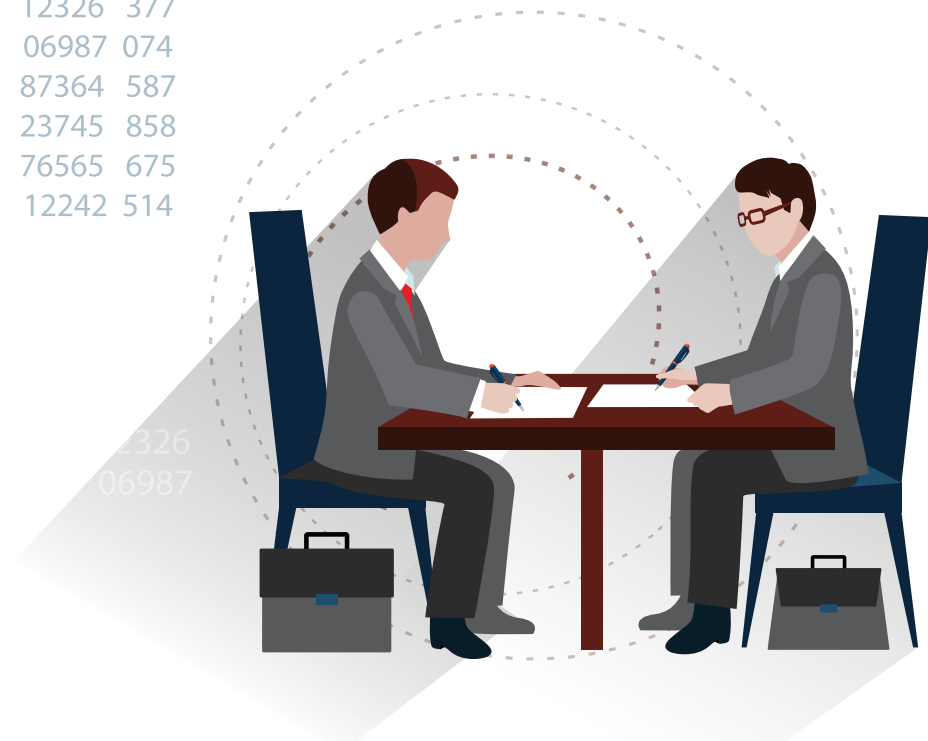
DOANH THU KHỐI NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH (TỶ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất SSI

MẢNG KINH DOANH NGUỒN VỐN
TIẾP TỤC GẶT HÁI THÀNH CÔNG VƯỢT BẬC

12326 377 12326 377
06987 074 06987 074
87364 587 87364 587
23745 858 23745 858
76565 675
12242 514



Đứng trên vị thế là công ty chứng khoán có tổng nguồn vốn (tài sản) lớn nhất trên TTCK Việt Nam từ nhiều năm nay, năm 2017, SSI tiếp tục gia tăng giá trị tổng nguồn vốn, đạt 18.764 tỷ VNĐ - tăng 34% so với 2016, 54% so với 2015, và tăng 2 lần so với năm 2014.

Nhờ môi trường kinh doanh thuận lợi: thị trường tiền tệ được duy trì ổn định, lãi suất không có biến động lớn, thanh khoản được đảm bảo, SSI đã có một năm kinh doanh nguồn vốn thành công với quy mô giao dịch lớn, tần suất giao dịch tăng cùng lợi nhuận tăng trưởng tương ứng từ quy mô.

Tiếp tục duy trì tỷ trọng cao ở các hoạt động kinh doanh nguồn kỳ hạn dài nhằm đạt được mức lợi suất tốt hơn, SSI cũng từng bước đầu tư sang các mảng kinh doanh khác có mức độ lợi nhuận cao hơn hẳn như kinh doanh trái phiếu chính phủ ngắn hạn, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, kinh doanh các giấy tờ có giá từ các định chế tài chính khác.

Trong năm 2017, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đã phát triển và tăng cường giao dịch các sản phẩm phái sinh trên thị trường tiền tệ nhằm đa dạng hoá danh mục đầu tư cũng như phân tán rủi ro và gia tăng lợi nhuận trên đồng vốn đầu tư. Là đơn vị đi tiên phong trên thị trường trong việc triển khai sản phẩm Hoán đổi lãi suất VND (IRS), SSI đạt doanh số kinh doanh trong sản phẩm này xấp xỉ 500 tỷ VNĐ trong năm 2017.

ĐẢM BẢO THANH KHOẢN
TUYỆT ĐỐI CHO CÔNG TY
CỨNG NHƯ NHÀ ĐẦU TƯ



Trong năm 2017, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo thanh khoản của Công ty. Bằng việc gia tăng ký kết hàng loạt các hạn mức tín dụng với các định chế tài chính lớn trong nước và đối tác nước ngoài, SSI tiếp tục duy trì việc phát hành trái phiếu trơn và trái phiếu có tài sản đảm bảo nhằm đa dạng hoá, tối ưu hoá các nguồn vốn của công ty. Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính luôn đảm bảo đáp ứng tất cả các nhu cầu kinh doanh từ các mảng kinh doanh khác cũng như các nhu cầu hỗ trợ vốn của khách hàng. SSI đã trở thành công ty chứng khoán có uy tín nhất trong hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường.

DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG QUAN HỆ
VỚI CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH KHÁC
TRÊN THỊ TRƯỜNG
TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC



Mạng lưới đối tác và khách hàng của Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục được duy trì chặt chẽ, mở rộng thêm các mảng hợp tác kinh doanh mới từ các quan hệ sẵn có cũng như khai thác thêm các quan hệ với đối tác mới trên thị trường. Các đối tác truyền thống của SSI trong những năm qua gồm có: Nhóm Ngân hàng có vốn nhà nước - Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AgriBank); nhóm Ngân hàng thương mại lớn trên thị trường - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank), Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Ngân hàng Quân đội (MBB), Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGB); ngoài ra còn có các ngân hàng nước ngoài và liên doanh - Ngân hàng SinoPac, Ngân hàng TNHH CTBC, Ngân hàng TNHH Indovina (IVB)...v.v. Ngoài ra, SSI cũng duy trì quan hệ với các tập đoàn, tổng công ty lớn nhằm tạo cơ hội hợp tác lâu dài và lợi ích trong tương lai.



QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỂM NHẤN 2017

Tiếp tục đa dạng hóa danh mục sản phẩm của SSIAM cho nhà đầu tư: huy động thành công Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF) vào tháng 8/2017.

Hoàn thành chuyển đổi chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF SSIAM HNX30 sang chỉ số VNX50, đổi tên quỹ thành Quỹ ETF SSIAM VNX50 và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FUESSV50 từ tháng 10/2017;

Tăng quy mô tổng tài sản quản lý của khách hàng bên ngoài lên 6.112 tỷ VNĐ, tương đương tăng trưởng 60,3% so với năm ngoái: SSIAM thu hút lượng vốn đầu tư lớn của khách hàng mới và khách hàng hiện tại ở cả 3 mảng hoạt động: quỹ đầu tư, danh mục đầu tư của khách hàng tổ chức và danh mục đầu tư của khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn.

TĂNG QUY MÔ TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ CỦA KHÁCH HÀNG BÊN NGOÀI LÊN 6.112 TỶ VNĐ, TƯƠNG ĐƯƠNG TĂNG TRƯỞNG KHOẢNG 60,3% SO VỚI NĂM NGOÀI



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Quản lý Quỹ Đầu tư

Các quỹ đầu tư SSIAM đang quản lý

QUỸ MỞ	QUỸ THÀNH VIÊN	QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ CỔ PHIẾU QUỸ ĐẦU TƯ LỢI THẾ CẠNH TRANH BỀN VỮNG SSI (SSI-SCA)	QUỸ ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY TƯ NHÂN QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG VIỆT NAM DAIWA-SSIAM II	QUỸ ETF SSIAM VNX50
QUỸ TRÁI PHIẾU QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU SSI (SSIBF)	QUỸ ĐẦU TƯ THÀNH VIÊN SSI (SSI-IMF)	
QUỸ CỔ PHIẾU QUỸ ANDBANC INVESTMENTS SIF – VIETNAM VALUE AND INCOME PORTFOLIO		
QUỸ CỔ PHIẾU SSIAM UCITS - VIETNAM VALUE INCOME AND GROWTH FUND		

Năm 2017, SSIAM tập trung nguồn lực huy động vốn cho các quỹ từ nhà đầu tư trong nước, thông qua việc thúc đẩy bán hàng mạnh mẽ từ những đối tác phân phối hiện tại, cũng như phát triển đối tác phân phối mới. Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA) đạt tốc độ tăng trưởng mạnh về quy mô, 240%, từ 118 tỷ VNĐ cuối năm 2016 lên 398 tỷ VNĐ cuối năm 2017. Kết quả đầu tư của quỹ SSI-SCA duy trì ở mức cao và ổn định trong nhiều năm cũng giúp quỹ thu hút được lượng vốn lớn.

Về sản phẩm mới, SSIAM thực hiện huy động thành công Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF) vào tháng 8/2017, với quy mô huy động ban đầu đạt 68 tỷ đồng. Đây là quỹ đầu tư vào công cụ có lãi suất cố định đầu tiên của SSIAM, góp phần đa dạng hóa hơn nữa các sản phẩm mà SSIAM cung cấp cho khách hàng.

Tháng 8/2017, SSIAM cũng chính thức chuyển đổi chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF SSIAM HNX30 từ chỉ số HNX30 sang chỉ số VNX50, thay đổi tên quỹ thành Quỹ ETF SSIAM VNX50 và chính thức chuyển sàn niêm yết sang HOSE từ 24/10/2017 với mã FUESSV50.

Việc thay đổi chỉ số tham chiếu này của Quỹ sẽ mang đến cơ hội đầu tư tốt hơn cho nhà đầu tư khi VNX50 là chỉ số đầu tiên bao gồm các cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất và thanh khoản nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX, mang tính đại diện cao cho TTCK Việt Nam, chiếm đến 70% giá trị vốn hóa của toàn thị trường. Kể từ khi thay đổi chỉ số và chuyển sàn niêm yết, thanh khoản trên thị trường thứ cấp cũng như tính đại chúng của Quỹ đã tăng lên đáng kể.

Đối với thị trường nước ngoài, SSIAM tiếp tục huy động vốn thêm cho hai quỹ đầu tư Andbanc Investments SIF và SSIAM UCITS. Đây là hai quỹ đầu tư đăng ký tại Luxembourg, huy động vốn từ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân Châu Âu để đầu tư vào TTCK Việt Nam. Năm 2017, quy mô quỹ Andbanc Investments SIF tiếp tục tăng trưởng 44% từ 52,2 triệu USD lên 75,3 triệu USD, trong khi quy mô quỹ SSIAM UCITS tăng gần 60% từ 15,1 triệu USD lên 24,1 triệu USD.

Kết quả hoạt động của các quỹ đầu tư

Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA)

Tỷ suất lợi nhuận (%)					
	2014*	2015	2016	2017	Từ khi thành lập*
SSI-SCA	-1,8%	17,7%	24,1%	38,2%	98,2%
VN-Index	-9,8%	6,1%	14,8%	48,0%	62,7%

*Ngày thành lập: 26/9/2014

Quỹ ETF SSIAM VNX50

Tăng trưởng (%)					
	2014	2015	2016	2017	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn**
ETF SSIAM VNX50	-13,1%	-11,0%	3,6%	60,4%	28,60%
Chỉ số tham chiếu*	-13,1%	-12,2%	1,7%	71,4%	32,88%

* Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30, sau 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50

** Ngày kết thúc đăng ký góp vốn 17/11/2014

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF)

Loại chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng (%)	
	2017*	Từ khi thành lập*
SSIBF	4,0%	4,0%

* Ngày thành lập: 30/08/2017

Quỹ Andbanc Investments SIF – Vietnam Value And Income Portfolio

Loại chứng chỉ quỹ	Biến động (%) – tính bằng USD		
	2016	2017	Từ khi thành lập*
A1 (USD)	19,72%	17,90%	40,84%
A1D (USD)	19,71%	17,91%	40,85%
B1 (GBP)	39,35%	9,62%	54,07%
B1D (GBP)	39,32%	9,62%	54,04%
C1 (EUR)**	23,29%	5,92%	30,59%
C1D (EUR)****	1,81%	5,92%	7,84%
D1 (USD)***	3,72%	17,47%	21,84%
VN-Index	13,39%	48,42%	71,92%

* Ngày thành lập: 18/12/2015;

** Loại C1 (EUR) được tính từ ngày bắt đầu 08/01/2016

*** Loại D1 (USD) được tính từ ngày bắt đầu 15/07/2016

**** Loại C1D (EUR) được tính từ ngày bắt đầu 11/11/2016

Quỹ SSIAM UCITS

Loại chứng chỉ quỹ	Biến động (%) – tính bằng USD	
	2017	Từ khi thành lập*
A (USD)	19,00%	17,12%
AD (USD)	19,02%	17,14%
B (GBP)	8,72%	8,99%
BD (GBP)	8,72%	8,99%
C (EUR)	4,51%	5,86%

* Ngày thành lập: 11/11/2016

Nguồn: SSIAM

Quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng tổ chức

Năm 2017, SSIAM thu hút được một số khách hàng mới là các công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn, nâng quy mô tài sản quản lý cho khách hàng tổ chức bên ngoài lên 1.239 tỷ VNĐ.

Cũng trong năm 2017, SSI - công ty mẹ của SSIAM, thay đổi chiến lược đầu tư và chấm dứt các hợp đồng ủy thác tài sản của SSI cho SSIAM, dẫn tới tổng quy mô danh mục đầu tư của khách hàng tổ chức nói chung tại SSIAM giảm mạnh. Tuy nhiên, với việc huy động được vốn mới từ khách hàng tổ chức bên ngoài, tổng tài sản khách hàng tổ chức bên ngoài tại SSIAM vào cuối năm 2017 vẫn tăng 160% so với năm 2016.

Quản lý danh mục đầu tư cho khách hàng cá nhân

Nhóm khách hàng cá nhân tăng trưởng mạnh trong năm qua cả về số lượng khách hàng lẫn quy mô vốn đầu tư.

Ngoài việc thu hút khách hàng mới, các khách hàng hiện tại của SSIAM cũng bổ sung vốn ủy thác vào danh mục của mình, trên cơ sở hiệu quả đầu tư cao đạt được sau 1 năm hợp đồng. Tính đến hết năm 2017, số lượng khách hàng ủy thác danh mục cá nhân của SSIAM tăng hơn 2 lần, tổng quy mô tài sản ủy thác tăng hơn 400% đạt trên 540 tỷ VNĐ. Tỷ suất lợi nhuận trung bình các hợp đồng đạt khoảng 45% (trước khi tính phí thưởng).

Tăng trưởng tổng tài sản quản lý

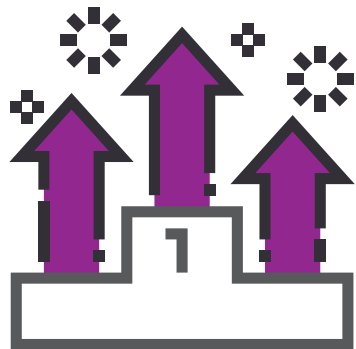
Với những kết quả đạt được trên cả 3 mảng hoạt động, tổng tài sản SSIAM quản lý cho khách hàng bên ngoài đạt 6.112 tỷ VNĐ, tăng trưởng 60,3% so với năm 2016.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

ĐIỂM NHẤN 2017

TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ DẪN ĐẦU TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Doanh thu đến từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI năm 2017 đạt mức cao nhất trong nhiều năm gần đây – đạt 111,4 tỷ VNĐ.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu của mình tại thị trường Việt Nam khi đã thực hiện tư vấn thành công nhiều thương vụ cổ quy mô lớn như: Tư vấn Chào bán thành công 48,33 triệu cổ phần tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) với giá trị giao dịch là 396 triệu USD;

Tư vấn Bán thứ cấp 415 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE - HOSE) với tổng giá trị giao dịch 742 triệu USD, Tư vấn Bán thứ cấp cổ phần của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB - HOSE) với tổng giá trị huy động đạt 300 triệu USD, tư vấn bán cổ phiếu quỹ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX – HOSE) trị giá 50 triệu USD, tư vấn huy động vốn 230 triệu USD cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG – HOSE) v.v...

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI được vinh danh nhận giải thưởng “Giao dịch đầu tư vốn cổ phần thành công nhất khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2017” đối với giao dịch chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE – HOSE) do Finance Asia và The Asset trao tặng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Năm 2017 tiếp tục là một năm gặt hái được nhiều thành công của SSI nói chung và Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư nói riêng. Doanh thu từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư năm 2017 đạt 111,4 tỷ VNĐ – tăng 5% so với năm 2016. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như vậy là do sự cố gắng không ngừng của SSI trong việc tiếp cận các khách hàng tiềm năng, cũng như cung cấp những dịch vụ tư vấn chất lượng cao, đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. SSI tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu, là địa chỉ tin cậy của khách hàng, đối tác trong và ngoài nước với nhiều thương vụ thành công. Trong đó, có thể kể đến một số thương vụ nổi bật như:

Tư vấn Chào bán thành công 48,33 triệu cổ phần tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM - HOSE) cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) với trị giá 396 triệu USD, tương đương mức giá thành công 186.000 VNĐ/cổ phần – cao hơn 24% giá khởi điểm, trở thành thương vụ thoái vốn thành công nhất của SCIC trong năm 2017 và cũng là giao dịch thoái vốn điển hình của TTCK Việt Nam trong năm 2017.

Tư vấn Bán thứ cấp 415 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE - HOSE), tương đương 21,83% tổng cổ phần, huy động thành công 742 triệu USD cho các cổ đông hiện hữu và trở thành thương vụ chào bán theo hình thức dựng số có giá trị giao dịch lớn nhất trong lịch sử TTCK Việt Nam. Giao dịch được thực hiện theo tiêu chuẩn 144A của Mỹ, được chào bán rộng rãi tại thị trường Singapore, Hồng Kông, Anh và Mỹ thông qua các buổi gặp gỡ nhà đầu tư (roadshow) được tổ chức bởi các đơn vị dựng số là Credit Suisse, Citibank, Deutsche Bank và SSI. Khối lượng dự thầu từ các nhà đầu tư nhiều hơn gấp 5 lần số lượng cổ phiếu chào bán và toàn bộ các nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phần đều là các định chế tài chính có uy tín trên thế giới và khu vực.

Tư vấn Bán thứ cấp theo hình thức dựng số cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB - HOSE) với tổng giá trị huy động lên tới 300 triệu USD, trở thành thương vụ IPO cổ phiếu ngân hàng lớn nhất năm 2017. Với vai trò là 1 trong 2 đơn vị dựng số và tư vấn niêm yết cho HDB, SSI đã hoàn thành toàn bộ giao dịch trong thời gian vốn vẹn chỉ 3 tháng. Giao dịch có sự tham gia của hơn 70 nhà đầu tư đến từ Singapore, Hồng Kông, Thái Lan và Châu Âu.

Với định hướng mang lại các sản phẩm tư vấn chất lượng cao, chứa đựng nhiều sự chuyên nghiệp và chuyên biệt cho khách hàng, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI tập trung nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn, bao gồm cả vốn và nợ để đa dạng hóa sản phẩm cung cấp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như những đòi hỏi của thị trường, theo đuổi sứ mệnh “kết nối vốn và cơ hội đầu tư” - liên kết các nhà đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước và tận dụng dòng vốn từ thị trường tài chính quốc tế.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

ĐIỂM NHẤN 2017

TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NĂM 2017 LÊN TỚI 3.829 TỶ VNĐ*



(*) Giá trị trạng thái đầu theo giá trị thị trường tại ngày 31/12/2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2017

Đối với hoạt động đầu tư năm 2017, SSI ủy thác toàn bộ cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM) quản lý.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI tham gia vào Hội đồng Quản trị (HDQT) và/hoặc Ban kiểm soát (BKS) tại các doanh nghiệp và làm việc sâu sát cùng Ban Điều Hành doanh nghiệp trong một số ngành có lợi thế cạnh tranh và hưởng lợi từ kinh tế vĩ mô: nông nghiệp, sản xuất, hạ tầng vận tải.

Kết quả kinh doanh các Doanh nghiệp này đều tích cực giúp mang lại giá trị gia tăng cho SSI trong cả giá trị hợp nhất lợi nhuận và tăng trưởng thị giá công ty. Hai trong số ba công ty liên kết đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng hai con số: Công ty Cổ phần tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - 44%, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN – HOSE) - 23%. Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG – HOSE) lợi nhuận giảm nhẹ 5% nhưng tiếp tục giữ vững thị phần số 2 trong mảng thuộc bảo vệ thực vật.

Đối với các khoản đầu tư có chiến lược đầu tư thụ động, SSI thực hiện phân bổ tài sản hợp lý, tăng tỷ trọng đầu tư vào những ngành được hưởng lợi từ các biến động của kinh tế thế giới và trong nước, thay đổi định giá giữa các ngành và công ty để tìm kiếm cơ hội đầu tư. Ngoài ra SSI cũng phân tích các yếu tố tác động vào thị trường để có kế hoạch đầu tư tận dụng yếu tố thị trường.

Qua thời gian, quy mô đầu tư của SSI và SSIAM tăng lên khá nhiều và nhanh, một số sản phẩm đầu tư mới được áp dụng trên thị trường như phái sinh, chứng quyền đảm bảo (Covered Warrant) và các tài khoản ủy thác của khách hàng với các yêu cầu đầu tư đặc thù. Do đó để đảm bảo được sự minh bạch tuyệt đối, tách biệt hoàn toàn việc SSIAM quản lý tài sản của khách hàng bên ngoài với quản lý tài sản cho công ty mẹ, cuối năm 2017, SSI đã chậm dứt ủy thác 3.700 tỷ VNĐ tài sản tại SSIAM, trừ danh mục đầu tư song song với Daiwa và danh mục đầu tư các công ty chưa niêm yết (Private Equity).

SSI TIẾP TỤC CÙNG CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT TÁI CƠ CẤU CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA DOANH NGHIỆP





CÔNG TY LIÊN KẾT




CHIẾN LƯỢC “ĐỒNG HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÙNG CÔNG TY LIÊN KẾT”

Tính đến cuối năm 2017, SSI có 3 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE), Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN – HOSE), và Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG – HOSE). Đây là những công ty dẫn đầu ngành, có doanh thu, lợi nhuận ổn định, mức chi trả cổ tức cao, và có sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Trong năm 2017, SSI đã tiếp tục cùng các Công ty liên kết tái cơ cấu chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp. Hầu hết tỷ suất lợi nhuận ở các Công ty này trong năm 2017 ở mức cao hơn so với năm trước. Các Công ty cũng đẩy mạnh việc tìm đối tác để xây dựng chuỗi giá trị và nâng cao giá trị của mình. Một trong 3 công ty liên kết của SSI, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE), đã được bình chọn đứng thứ 6 trong bảng xếp hạng các Doanh Nghiệp có tăng trưởng mạnh năm 2017. Các công ty liên kết đều đạt kết quả kinh doanh tốt tuy nhiên đến cuối 2017, giá cổ phiếu chưa tăng trưởng phản ánh đúng giá trị do cơ cấu thị trường thay đổi nhanh (các công ty thị giá lớn niêm yết và dòng tiền ngắn hạn tham gia thị trường)

SSI xác định cốt lõi của nền kinh tế Việt Nam từ trước đến nay vẫn là ngành Nông nghiệp. Mặc dù gặp một số khó khăn do chịu ảnh hưởng của thời tiết biến đổi bất thường, khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản vẫn chiếm tỷ trọng 15,34% GDP (tương đương 34,2 tỷ USD) và là ngành có mức phục hồi đáng chú ý nhất trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, SSI duy trì khoản đầu tư vào ngành hạ tầng vận tải - trụ cột trung gian trong hoạt động ngoại thương và tăng trưởng kinh tế.



Tên, Địa chỉ và Logo công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	Kết quả kinh doanh 2017	Thành viên trong HĐQT/BKS
<p>CTCP TẬP ĐOÀN PAN (PAN – HOSE)</p> <p>Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An</p>  <p>THE PAN GROUP</p>	<p>Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp</p> <p>Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ sau thu hoạch</p> <p>Kinh doanh bất động sản</p> <p>Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính)</p> <p>Dịch vụ tư vấn quản lý</p> <p>Dịch vụ nghiên cứu thị trường</p> <p>Dịch vụ vệ sinh nhà cửa</p>	1.176.936.300.000	20,02%	<p>Doanh thu đạt 4.074 tỷ VNĐ, tương đương 132% kế hoạch và tăng 48% so với năm 2016.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 371 tỷ VNĐ, tăng 44% so với kết quả năm 2016. Kết quả đạt được là do: (i) Có sự đóng góp của Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung Ương (NSC – HOSE); (ii) Kết quả kinh doanh tốt đến từ các công ty con khác như Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN, Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF – HOSE), Công ty Cổ phần Bibica (BBC – HOSE).</p>	<p>3 thành viên HĐQT</p> <p>1 thành viên BKS</p>
<p>CTCP CẢNG ĐỒNG NAI (PDN - HOSE)</p> <p>Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai</p> 	<p>Kinh doanh khai thác cầu cảng kho bãi</p> <p>Xếp dỡ và vận tải hàng hoá trong và ngoài cảng</p> <p>Dịch vụ sửa chữa phương tiện xếp dỡ và vận tải</p> <p>Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải</p> <p>Cung cấp nhiên liệu cho tàu xe (xăng dầu, dầu nhớt,...)</p> <p>Dịch vụ vận chuyển taxi</p> <p>Mua bán vật liệu xây dựng: đất đá, cát, sỏi</p> <p>Tổ chức dịch vụ giải trí cho thuyền viên: cửa hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ</p> <p>Khảo sát thiết kế, thi công các công trình giao thông</p> <p>Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất</p> <p>Mua bán nhập khẩu gỗ tròn, sắt thép các loại, hàng nông sản (trừ bông vải, hạt điều)</p> <p>Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật</p>	123.479.870.000	20,00%	<p>Doanh thu đạt 517 tỷ VNĐ, tương đương 118% kế hoạch, tăng trưởng 23% so với năm 2016.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 78 tỷ VNĐ, tương đương 108% kế hoạch, tăng 18% so với năm 2016.</p> <p>Công ty đang duy trì trả cổ tức khoảng 20-25% hàng năm.</p>	<p>1 thành viên HĐQT</p> <p>1 thành viên BKS</p>
<p>CTCP KHỬ TRÙNG VIỆT NAM (VFG - HOSE)</p> <p>29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh</p>  <p>VFC Chất lượng đích thực</p>	<p>Sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng</p> <p>Cung cấp dịch vụ khử trùng</p> <p>Sản xuất và kinh doanh giống cây trồng</p>	237.681.890.000	20,00%	<p>Doanh thu đạt 2.178 tỷ VNĐ, đạt 87% kế hoạch và giảm 5% so với năm 2016.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế đạt 139 tỷ VNĐ, bằng 93% kế hoạch và giảm 5% so với năm 2016.</p>	<p>1 thành viên HĐQT</p> <p>1 thành viên BKS</p>



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm 2017 là một năm khởi sắc đối với TTCK Việt Nam. Sự ra đời của những sản phẩm đầu tư mới như chứng khoán phái sinh không chỉ làm phong phú thêm các công cụ giao dịch cho nhà đầu tư, mà còn tăng tính cạnh tranh của Việt Nam so với các thị trường khác trong khu vực. Điều này đồng thời đòi hỏi sự đầu tư nghiêm túc và chuẩn bị kỹ càng từ các Công ty Chứng khoán thành viên. Trong đó, việc xây dựng hệ thống công nghệ là một trong những mục tiêu cốt lõi cần được hoàn thiện.

Vận hành Hệ thống Công nghệ Thông tin

Năm 2017, Công nghệ Thông tin (CNTT) SSI đã đạt tỷ lệ 96,5% tuân thủ cam kết dịch vụ (SLA) cho hơn 13.000 yêu cầu từ người dùng/ tháng. Mặc dù tỷ lệ này chỉ tăng 0,5% so với năm 2016 nhưng nó đã đòi hỏi rất nhiều nỗ lực, và SSI tin rằng những nỗ lực này là xứng đáng. Năm 2018 mục tiêu sẽ được đặt cao hơn nữa.

Đối với mảng Vận hành hệ thống CNTT, SSI tập trung vào việc tìm cách áp dụng “Agile” để đáp ứng được yêu cầu rất cao từ thị trường giao dịch sôi động. Một số dự án phức tạp như giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số đã chứng tỏ sự hữu ích của Agile. Công ty sẽ áp dụng Agile cho toàn bộ các lĩnh vực khác trong năm 2018.

Đối với mảng Cơ sở hạ tầng và Vận hành chung, phương pháp luận từ Thư viện cơ sở hạ tầng CNTT (ITIL) đã được áp dụng. Vận hành hệ thống CNTT đã trở nên có cấu trúc và định hướng dịch vụ hơn.

Tính sẵn sàng và ổn định

Môi trường ổn định cho hoạt động kinh doanh luôn là ưu tiên hàng đầu trong việc vận hành công nghệ. Chính vì vậy, SSI đã tập trung nhiều nguồn lực cho việc giám sát và duy trì tính sẵn sàng của hệ thống. Trong năm 2017, SSI đạt được độ sẵn sàng lên tới 99,9%. Mục tiêu này sẽ được nâng cao lên trong năm 2018.

Nguyên tắc “Tinh gọn và chính xác” tiếp tục được duy trì để đảm bảo năng lực của nền tảng công nghệ. Đối với hạ tầng, SSI giám sát chặt chẽ việc sử dụng hệ thống. Hạ tầng sẽ có kế hoạch nâng cấp khi mức sử dụng vượt quá 75%.

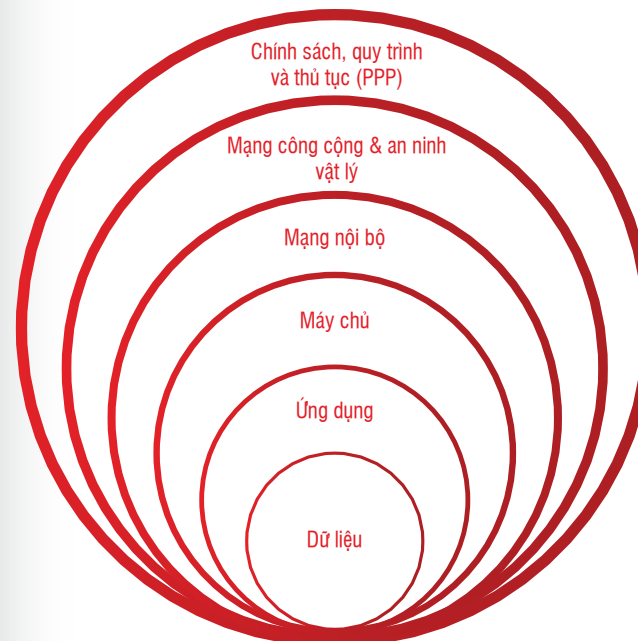
Toàn bộ dữ liệu kinh doanh đều được sao lưu dự phòng. Năm 2017 tại SSI có xảy ra một số trường hợp thiết bị phần cứng bị lỗi nhưng đều không gây gián đoạn tới hoạt động kinh doanh vì dữ liệu đã được bảo vệ. Quy chế sao lưu dữ liệu cũng được áp dụng nhằm đảm bảo không xảy ra mất mát dữ liệu theo thời gian lưu.

Trong hoạt động vận hành hệ thống CNTT, môi trường hoạt động ổn định luôn là ưu tiên hàng đầu. SSI dành phần lớn thời gian để cải thiện và/ hoặc duy trì tính ổn định của hệ thống. Trung tâm dữ liệu được dự phòng đầy đủ để đảm bảo hệ thống máy chủ và/ hoặc các ứng dụng vận hành ổn định.

Hàng quý Công ty đều rà soát lại Kế hoạch Phục hồi Thảm họa (DRP). Tháng 11/2017 bộ phận CNTT đã thực hiện đợt kiểm thử độ tin cậy của DRP hàng năm. Trong năm 2017, Công ty không có thêm kịch bản nào để bổ sung vào 48 kịch bản DRP hiện nay. Đầu năm 2018, SSI sẽ bắt đầu phân tích kịch bản thảm họa cho thị trường phái sinh.

An toàn thông tin

Tại SSI, việc đảm bảo an toàn thông tin đi theo hướng cấu trúc. Việc đảm bảo an toàn thông tin được phân loại thành 5 nhóm khác nhau với cốt lõi là bảo mật dữ liệu, tiếp theo là khả năng truy cập dữ liệu của các ứng dụng, sau đó là máy chủ, hệ thống mạng, truy cập công cộng và cuối cùng là các chính sách, quy chế, và thủ tục (PPP). Công ty tin rằng cách này có thể bảo mật được dữ liệu ở mức cao nhất, và chỉ các ứng dụng được cho phép mới có thể truy cập được vào dữ liệu.



Đối với việc bảo vệ hạ tầng, SSI sử dụng một hệ thống mới kiểm soát mật khẩu truy cập vào máy chủ, và có giải pháp kiểm tra sự xâm nhập trái phép để quét các kịch bản phổ biến. SSI cũng thường xuyên cập nhật về công nghệ cũng như các thông tin mới nhất để diệt virus, chống thư rác trên các phương tiện email và chống tấn công mạng.

Sáng tạo

Làm thế nào để SSI dẫn đầu về lợi thế cạnh tranh trong công nghệ luôn là câu hỏi được đặt ra. Đáp án nằm ở những ứng dụng sáng tạo như sử dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động kinh doanh, bắt đầu từ việc tự động hóa một số báo cáo.

Mặc dù hầu hết nỗ lực tập trung vào việc triển khai 2 nền tảng giao dịch cốt lõi trong năm 2017, SSI cũng đã dành nhiều thời gian trao đổi, nghiên cứu và xác định hướng đi trong những năm tới. Một vài lĩnh vực đã được đưa vào kế hoạch dự án như sau:

1. Hệ thống quản trị khách hàng (CRM)
2. Tự động hóa nghiệp vụ
3. Số hóa dữ liệu
4. Kinh doanh thông minh

Trọng tâm chính của Công ty không chỉ là những lợi thế về công nghệ, mà còn tăng cường vận hành kinh doanh bằng công nghệ, như rút ngắn thời gian đưa ra thị trường, hoặc giảm thiểu công việc giấy tờ trong công ty v.v... SSI rất kỳ vọng vào kết quả sẽ đạt được trong năm 2018.

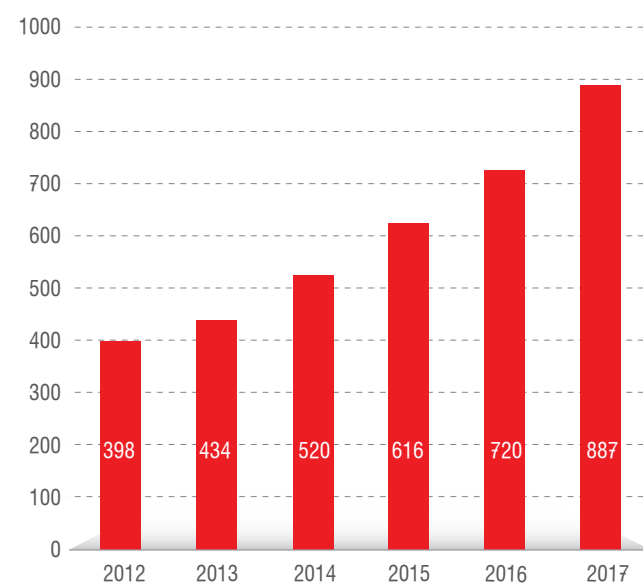


QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

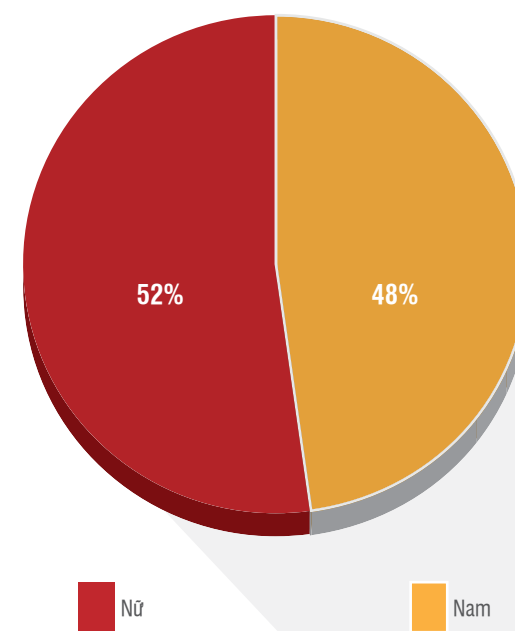
Là công ty dẫn đầu trong một thị trường đang phát triển vượt bậc, SSI tin rằng đội ngũ chính là nguồn tài sản quý giá nhất. SSI nhận thức rất rõ tính cạnh tranh của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn nhân lực. Công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để có thể tạo nên một môi trường làm việc khuyến khích nhân viên thể hiện và phát triển đầy đủ năng lực của mình và gia tăng sự hài lòng của nhân viên đối với công việc. Trong suốt chiều dài phát triển, SSI vẫn luôn xây dựng và bồi đắp hơn nữa Văn hóa SSI – một tinh thần đặc trưng của SSI – tinh thần đề cao sự đoàn kết, tính hợp tác, sức sáng tạo và tính tiên phong chinh phục mọi khó khăn thử thách.

Năm 2017, tổng số lượng nhân sự của SSI là 887 người (số liệu tính đến 31/12/2017), tăng 23% so với năm 2016, trong đó nhân sự các Khối Kinh doanh là 748 người. Về cơ cấu nhân sự trong năm 2017 không có quá nhiều biến động so với năm 2016. Cụ thể, tỉ lệ lao động nam chiếm 48% (so với 49% năm 2016) và nữ chiếm 52% (so với 51% năm 2016); tỉ lệ nhân sự trẻ vẫn tiếp tục được duy trì với nhân sự dưới 30 tuổi chiếm tới 45%, nhân sự từ 30 đến 40 tuổi chiếm 48% trong công ty. Xét về trình độ học vấn, với mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, SSI tiếp tục duy trì tỉ lệ nhân sự có trình độ đại học và trên đại học ở mức đa số, chiếm 97% trên tổng số nhân sự của công ty.

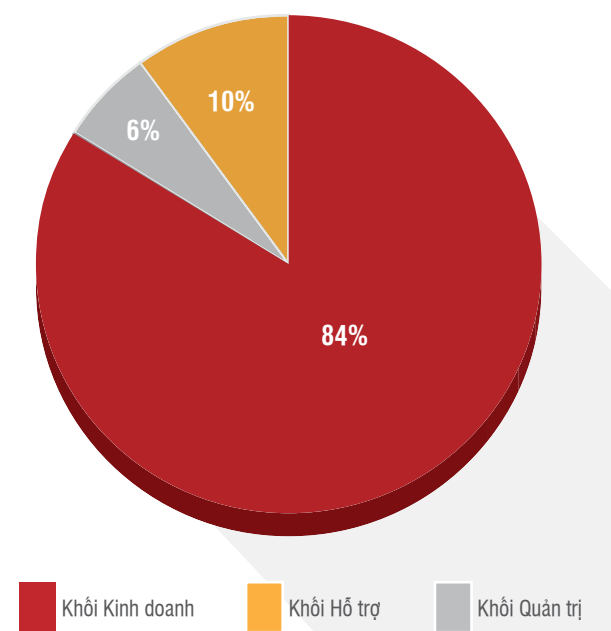
Số lượng nhân sự qua các năm

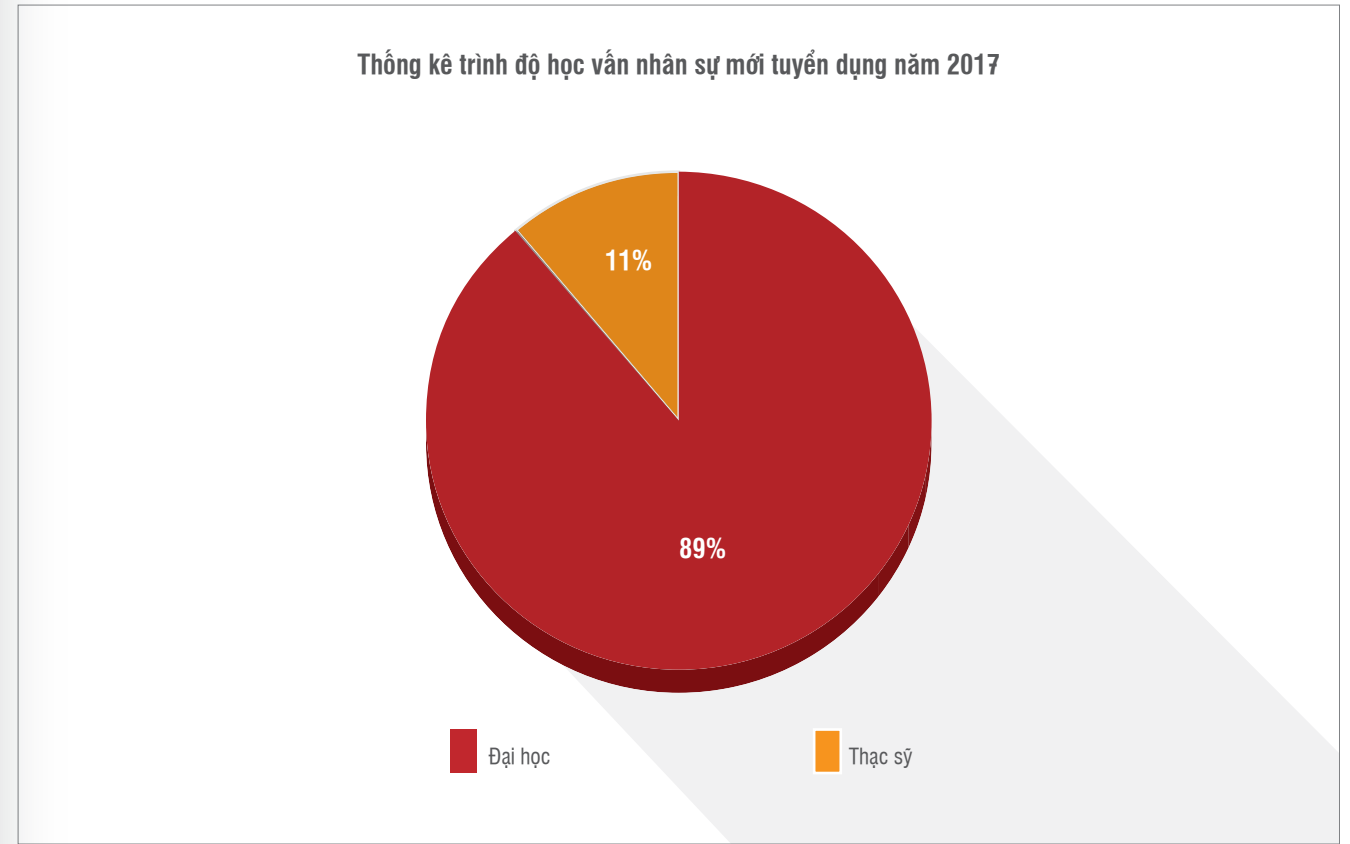
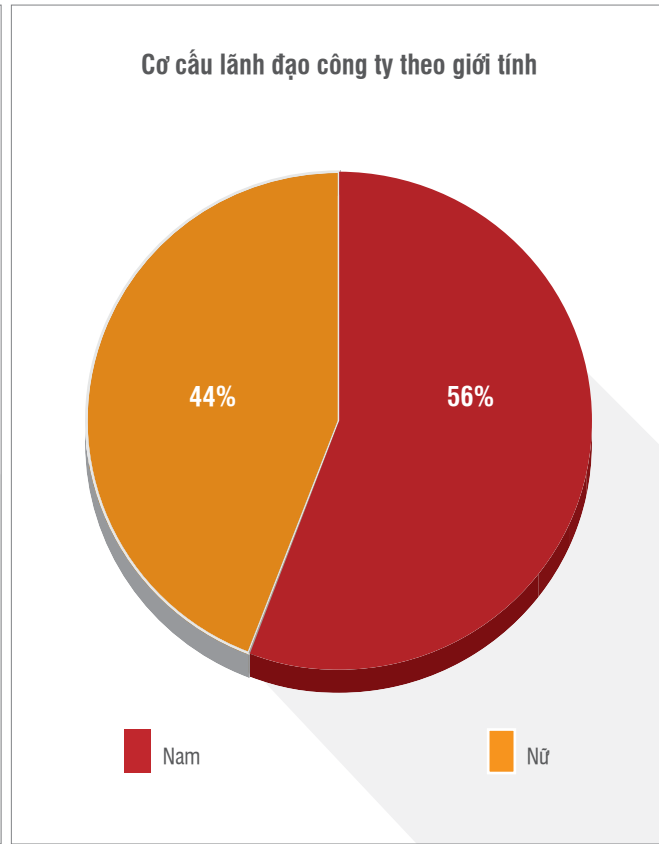
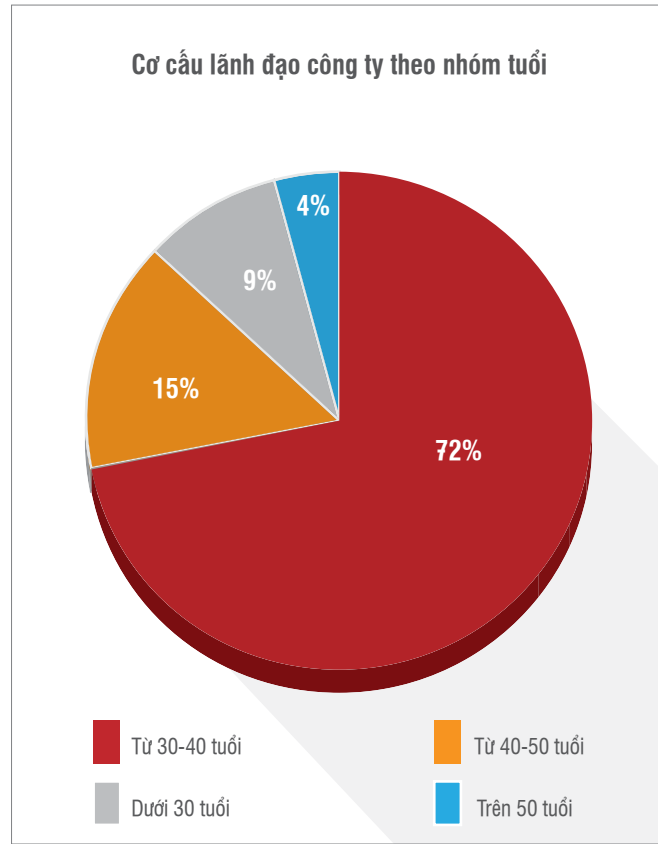


Cơ cấu nhân sự theo giới tính



Cơ cấu nhân sự theo Khối nghiệp vụ





Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

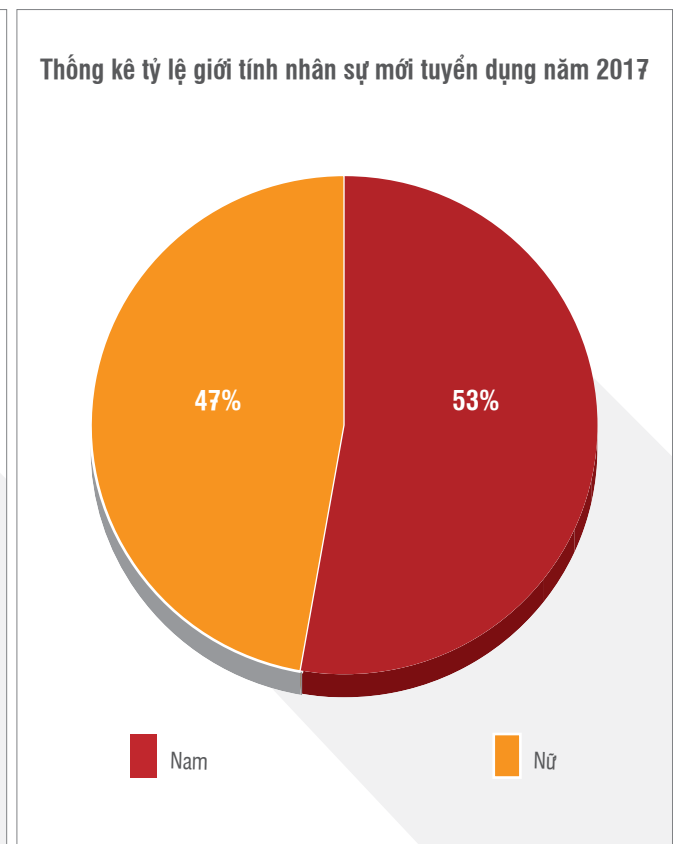
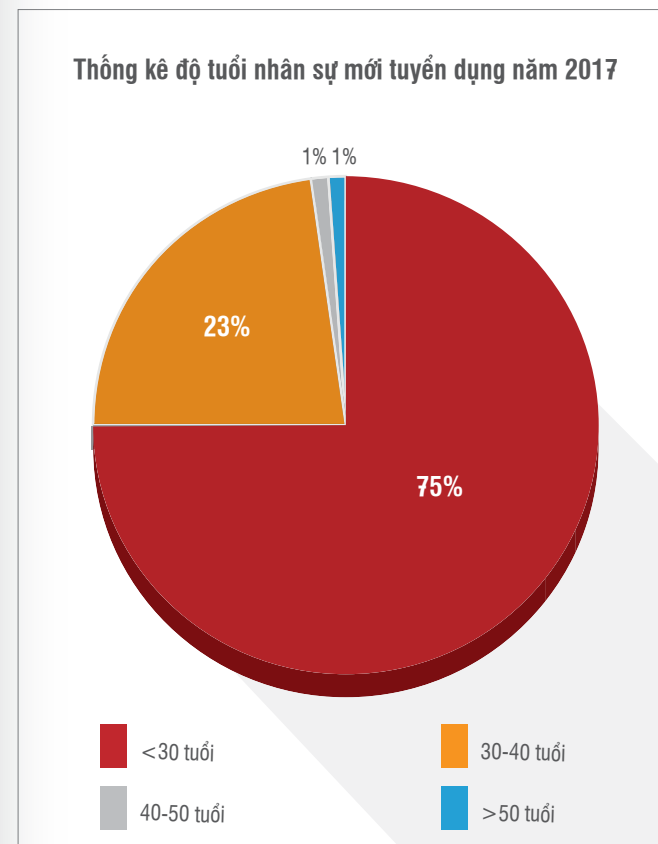
Xây dựng được một nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, trình độ chuyên môn cao và đủ khả năng thích ứng với những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh cạnh tranh khốc liệt. Mỗi cá nhân trong công ty được bồi dưỡng, tạo cơ hội để được thử sức và phát huy tài năng trong một môi trường đoàn kết, gắn bó cùng chung một mục tiêu. Đặc biệt, tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia giỏi trong những lĩnh vực then chốt, kết hợp giữa những kiến thức được trang bị ở quốc tế với kinh nghiệm lâu năm tại Việt Nam. SSI luôn cố gắng tạo cho đội ngũ của mình một môi trường làm việc trung thực, cởi mở và là nơi nuôi dưỡng tài năng, khuyến khích sự đổi mới, chế độ đãi ngộ tương xứng và truyền tải sự tự hào cùng quyền sở hữu trong công ty.

Hoạt động tuyển chọn và nuôi dưỡng nhân tài

SSI luôn hướng tới nuôi dưỡng nguồn động lực cho nhân viên từ những bước đầu tiên của quá trình tuyển dụng để thúc đẩy sự gắn bó lâu dài của các thành viên với SSI. Quy trình tuyển dụng luôn được nghiêm túc tuân thủ, đảm bảo sự minh bạch và công bằng trong công tác tuyển chọn nhân lực, nhằm mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên và tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Công ty coi trọng việc tuyển dụng những nhân sự phù hợp, ở tất cả mọi chủng tộc, quốc tịch, giới tính, tuổi tác. Cơ hội tuyển dụng được mở rộng cho tất cả những ứng viên từ mọi miền trên đất nước Việt Nam và từ các quốc gia khác.

SSI luôn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những cơ hội và thử thách đến từ công việc và môi trường kinh doanh của SSI.

Để chinh phục mục tiêu kinh doanh năm 2017 và thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu trong giai đoạn phát triển trong tương lai, năm 2017 đã có 294 thành viên mới trên toàn hệ thống tham gia vào đội quân SSI để tăng cường lực lượng cũng như thay thế nhân sự đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty, tăng 23% so với năm 2016. Trong đó, độ tuổi chủ yếu ở khoảng dưới 30 tuổi, có trình độ, được đào tạo bài bản với tỷ lệ 89% đại học và 11% sau đại học, năng động, nhiệt huyết và giàu tính sáng tạo.



SSI không ngừng cải thiện thương hiệu tuyển dụng để thu hút các ứng viên xuất sắc, tiềm năng trên thị trường bằng nhiều giải pháp đồng bộ, toàn diện như thông nhất hình ảnh thương hiệu SSI trên toàn thị trường, gia tăng niềm tin cho khách hàng bằng cam kết chất lượng sản phẩm dịch vụ, tăng cường hợp tác với các trường Đại học danh tiếng của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính để tạo nguồn, tiếp tục duy trì chương trình học bổng, tài trợ để hỗ trợ và nuôi dưỡng các tài năng sinh viên phục vụ cho nhu cầu nhân lực chất lượng cao của Công ty trong tương lai. SSI tiếp tục đồng hành cùng các tổ chức sinh viên trong nước và du học sinh quốc tế nhằm hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp và chung tay phát triển những ý tưởng kinh doanh táo bạo có thể áp dụng vào thực tế. Có thể kể đến những chương trình như cuộc thi FESE - cuộc thi học thuật thường niên được tổ chức cho đối tượng sinh viên chuyên ngành kinh tế, tài chính năm 3 & năm 4 trên địa bàn toàn quốc. Năm 2017, cuộc thi FESE 14 về Sàn giao dịch chứng khoán ảo đã thu hút được đông đảo sự tham gia của gần 3000 sinh viên toàn quốc, giúp gia tăng sự hiểu biết của sinh viên về ngành chứng khoán. Ngoài ra, SSI cũng đã có nhiều năm đồng hành cùng Hội Thanh niên Sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ và cuộc thi Vietchallenge nhằm tìm kiếm thu hút những nhân tài người Việt ở khắp nơi trên thế giới, mang đến cơ hội phát triển ý tưởng khởi nghiệp trên sân đấu quốc tế. Những hoạt động này cũng tăng cường thêm cho thương hiệu tuyển dụng của SSI, lan tỏa tinh thần văn hóa SSI tới các đối tượng sinh viên, du học sinh và thu hút nhân lực chất lượng cao được đào tạo bài bản cho SSI. Các hoạt động tuyển dụng như Ngày hội hướng nghiệp tại các trường đại học, hay các sự kiện lớn như Tech Expo, Connecting the Dots (kết hợp với British Council) v.v... cũng đã phát huy được hiệu quả.

Trong tình hình cạnh tranh ngày càng cao, SSI tiếp tục phát triển các kênh tuyển dụng có độ tương tác cao với ứng viên để nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin tuyển dụng cũng như tối đa hóa hiệu quả tuyển dụng. Thông qua các kênh thông tin này, SSI mong muốn kết nối và trao đổi thông tin hai chiều, thường xuyên hơn với ứng viên trong quá trình ứng viên tham gia tuyển dụng. SSI tiếp tục khai thác các kênh truyền thông số đa dạng để mở rộng quảng bá cơ hội làm việc và môi trường làm việc, cũng như tăng cường kết nối để đáp ứng nhu cầu mở rộng nguồn nhân lực tại SSI.

SSI luôn xác định mình là một cái nôi nuôi dưỡng, đào tạo nhân lực trẻ và mới trong ngành chứng khoán để họ có cơ hội cọ xát, tìm hiểu một môi trường làm việc chuyên nghiệp, góp phần hỗ trợ họ xác định định hướng nghề nghiệp của mình, cũng như kết nối nguồn nhân lực trẻ với nhu cầu của SSI thông qua các chương trình thực tập tại SSI. Chương trình Thực tập sinh SSI đã được thực hiện 4 năm liên tiếp, qua các khâu tuyển chọn và chương trình thực tập nghiêm túc, bài bản đã phần nào giúp các em sinh viên mới ra trường có nhận thức sát thực tế hơn về công việc tại SSI, và cũng đã giúp SSI tuyển chọn được những ứng viên phù hợp với các vị trí chính thức tại Công ty.

SSI tin rằng nguồn lực nội bộ của SSI chính là những người có cam kết cao nhất, hiểu yêu cầu công việc tại SSI nhất, vì vậy Công ty dành cơ hội tuyển dụng nội bộ, hay nói cách khác là luôn dành cơ hội điều chuyển đến các vị trí đang mở và phù hợp tại Công ty để nhân viên có cơ hội thử sức, phát triển cho phù hợp hơn với khả năng bản thân và nhu cầu của Công ty. Tuyển dụng nội bộ cũng được thực hiện với quy trình rõ ràng, chuyên nghiệp và minh bạch để đảm bảo sự công bằng trong các cơ hội tuyển dụng tại SSI.



Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng vượt trội trong ngành

Với mục tiêu trở thành một tổ chức tập hợp được nguồn nhân lực có chất lượng hàng đầu trong ngành tài chính chứng khoán nhằm đáp ứng những nhu cầu khắt khe của thị trường, mức độ cạnh tranh ngày càng cao từ các đối thủ, và đặc biệt là để chuẩn bị cho những thách thức khi Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, ngoài việc tuyển chọn kỹ càng từ đầu vào, nâng cao chất lượng nguồn lực thông qua các hoạt động đào tạo là một trong những giải pháp xuyên suốt được Ban Lãnh Đạo SSI chỉ đạo thực hiện trong suốt những năm qua.

SSI luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty:

- Đào tạo nội bộ bắt buộc
- Đào tạo bên ngoài theo đề xuất của cá nhân/ bộ phận
- Đào tạo bên ngoài theo cấp bậc dựa vào đề xuất của BP Nhân sự & QĐ của Ban lãnh đạo
- Khoá học tự chọn (không bắt buộc)



**TỔNG THỜI
LƯỢNG ĐÀO
TẠO NĂM 2017
ĐẠT HƠN
33.000 GIỜ
TĂNG 83% SO
VỚI NĂM 2016**



SSI đã xây dựng hàng loạt các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ở tất cả các cấp bậc phù hợp với yêu cầu tại vị trí, nhằm đảm bảo cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ hiện tại của họ, cũng như khuyến khích họ tiếp tục trau dồi và phát triển sự nghiệp tại SSI. Xây dựng văn hóa của một tổ chức luôn sẵn sàng học hỏi, đào tạo vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tập thể. Năm 2017, Công ty đã lên kế hoạch chi tiết và dành ngân sách 6 tỷ đồng cho các hoạt động đào tạo thông qua các lớp học trực tiếp, lớp học từ xa, và thông qua việc đào tạo trực tiếp trong công việc. Các chương trình đào tạo liên tục được hoàn thiện, đổi mới để đáp ứng yêu cầu; đẩy mạnh đào tạo cấp chứng chỉ quốc tế để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn theo chuẩn quốc tế cho đội ngũ nhân sự làm việc trong lĩnh vực không chỉ trong các Khối Kinh doanh mà còn cả đội ngũ Kế toán, Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và Công nghệ Thông tin.

Ngay từ khi mới gia nhập, mọi nhân viên SSI đều tham gia khóa Đào tạo định hướng (Orientation training), và trong suốt quá trình làm việc nhân viên liên tục được đào tạo tại chỗ (on the job training) để đảm bảo yêu cầu công việc. Với quy chế khuyến khích việc tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, cũng như nghiêm túc thực hiện quy định về đào tạo bắt buộc của Ủy Ban Chứng Khoán, đội ngũ SSI không ngừng tăng tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ hành nghề, cũng như các Chứng chỉ chuyên môn khác như CFA, ACCA, FRM v.v...

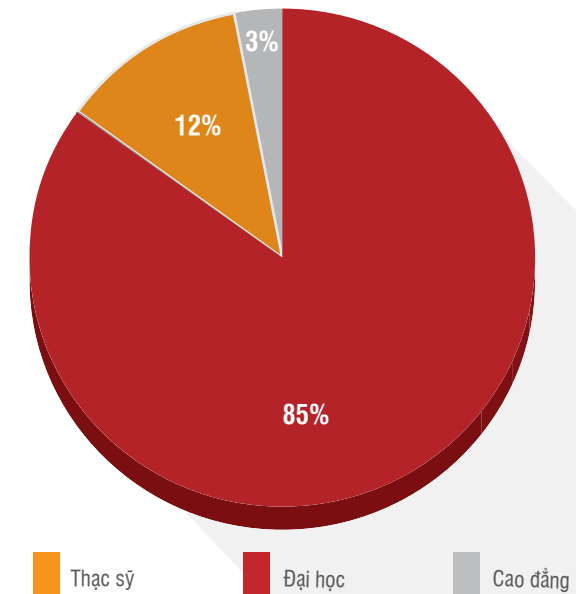
Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và cử nhân viên tham gia đào tạo các khóa đào tạo bắt buộc theo quy định với tổng thời

lượng hơn 33.000 giờ đào tạo (so sánh với 2016 là xấp xỉ 18.000 giờ). Nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường phái sinh, SSI đã khẩn trương tổ chức các khóa đào tạo chứng chỉ chuyên môn Chứng khoán phái sinh và các khóa đào tạo, hội thảo có liên quan để chuẩn bị chu đáo chuyên môn cho nguồn lực nội bộ cũng như tăng cường thông tin cho khách hàng.

Công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được đẩy mạnh trong các Khối Nghiệp vụ trên toàn hệ thống qua những buổi đào tạo, hội thảo nội bộ, buổi trao đổi ý kiến v.v... được tích cực đón nhận. Đội ngũ đào tạo nội bộ được tổ chức và đầu tư bài bản thông qua các khóa học “Đào tạo giảng viên chuyên nghiệp” (Train the trainer) và các hoạt động cập nhật chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm thường xuyên cùng với chính sách riêng dành cho giảng viên nội bộ đã thực sự phát huy tác dụng. Đội ngũ giảng viên nội bộ từng bước nâng cao năng lực đào tạo và đã tổ chức được những khóa học hữu ích, sát thực tế. Các chương trình đào tạo nội bộ được tổ chức liên tục vào các cuối tuần đã nhận được sự ủng hộ và có tác động tích cực trong đội ngũ.

Căn cứ vào Chương trình đào tạo, hay có thể hiểu đây là một Bản đồ Đào tạo của Công ty, Công ty tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng cho từng phân khúc đối tượng nhân viên chuyên biệt. Cụ thể là các Chuỗi Đào tạo Kỹ năng Lãnh Đạo, Kỹ năng Trình bày thực tiễn và truyền cảm hứng hay Kỹ năng Bán Hàng Đạt Lợi Thế, và khóa mới nhất về Phong cách chuyên nghiệp trong kinh doanh cũng đã góp phần truyền cảm hứng, tăng động lực, cung cấp thêm công cụ để nâng cao hiệu quả công việc.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ học vấn



Các khóa đào tạo này mang tính nền tảng, giúp nhân viên có cách nhìn nhận, thái độ với công việc nói riêng và cuộc sống nói chung một cách tích cực, khoa học, phát triển thêm những kỹ năng trong giao tiếp và các xử lý tình huống hiệu quả, chuyên nghiệp. Thêm vào đó, việc tham gia các lớp đào tạo này cũng gắn kết đội ngũ và tăng cường chia sẻ những trải nghiệm thực tế trong công việc để từng thành viên hiểu nhau hơn.

Các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cũng luôn được quan tâm không chỉ ở các Khối Kinh doanh, mà còn được chú trọng các Khối Quản trị và Hỗ trợ. Các khóa đào tạo về Quản trị Công ty, Quản trị Dự án (PMP), nâng cao chuyên môn Kế toán; Phân tích Tài chính Doanh nghiệp, các khóa học về Marketing, nâng cao và cập nhật chuyên môn quản lý Nhân sự, cập nhật chuyên môn cho bộ phận Công nghệ thông tin được tổ chức phối hợp bởi các đối tác đào tạo chuyên nghiệp và uy tín đã góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng công việc trong cả Công ty.

SSI tin rằng nhân viên SSI cần có một sự hiểu biết vững chắc về những giá trị cốt lõi và các tuân thủ quy tắc đạo đức của tổ chức để SSI có thể tiếp tục phát triển một cách bền vững, vượt qua được các thử thách cũng như hạn chế được những rủi ro. Nhận thức rất rõ về những rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động kinh doanh chứng khoán có thể ra ở bất cứ bộ phận nào, bất cứ nơi nào trong SSI, năm 2017, hoạt động Đào tạo nội bộ của các Bộ phận Luật & Kiểm soát tuân thủ kết hợp cùng Bộ phận Quản trị rủi ro đã được thực hiện rất bài bản trong công ty nhằm giúp nhân viên nâng cao nhận thức phòng ngừa rủi ro gian lận; nhận diện các rủi ro hoạt động và cách quản trị những rủi ro này.

Tại các buổi đào tạo này, Quy tắc đạo đức nghề nghiệp, các Quy định phòng chống rửa tiền, các trường hợp xử lý hình sự trong giao dịch chứng khoán cũng được đưa vào trao đổi và lồng ghép sinh động nhằm giúp nhân viên cập nhật thông tin mới nhất có liên quan.

Đã từ nhiều năm nay, mạch đào tạo được chảy trong khắp các hoạt động của người SSI. Không chỉ chú trọng đến các hình thức đào tạo truyền thống, các chương trình đào tạo nội bộ với nhiều dạng thức mới mẻ như Chương trình gặp gỡ thường niên (Gala), Chương trình Tổng kết của các Khối Kinh doanh, và một số hoạt động nội bộ khác cũng là những hình thức nhằm tăng cường cập nhật thông tin, nhân mạnh văn hóa doanh nghiệp, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa các nhân viên với nhau để chia sẻ định hướng, quan điểm về việc xây dựng công ty ngày càng vững mạnh, cùng nhau tạo dựng một môi trường làm việc tốt, qua đó thúc đẩy mỗi cá nhân phát huy cao nhất năng lực của mình, đóng góp cho sự phát triển chung của công ty cũng như sự phát triển bản thân.

Tất cả các yếu tố đó, từ chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm, quy tắc đạo đức hay văn hóa doanh nghiệp sẽ tập hợp lại và được phản ánh đầy đủ qua suy nghĩ và hành vi của nhân viên. Đó cũng chính là thành tố tạo nên thương hiệu nhân sự SSI - một hình ảnh SSI năng động, vững chuyên môn, thấm nhuần văn hóa công ty, không ngừng phát triển và tuân thủ chuẩn mực. SSI không ngừng trau dồi đội ngũ để gìn giữ và ngày một phát triển thương hiệu nhân sự một cách tích cực hơn và chuyên nghiệp hơn.

SO SÁNH NĂM 2017 VÀ NĂM 2016

TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO	33.054	17.908	(giờ)
GIỜ ĐÀO TẠO BẮT BUỘC	28.014	13.586	(giờ)
GIỜ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	3.456	2.914	(giờ)
GIỜ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG	1.584	1.408	(giờ)
TỔNG SỐ KHÓA ĐÀO TẠO	81	68	(khóa)
KHOÁ ĐÀO TẠO BẮT BUỘC	55	48	(khóa)
KHOÁ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	22	17	(khóa)
KHOÁ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG	4	3	(khóa)

33.054 TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO

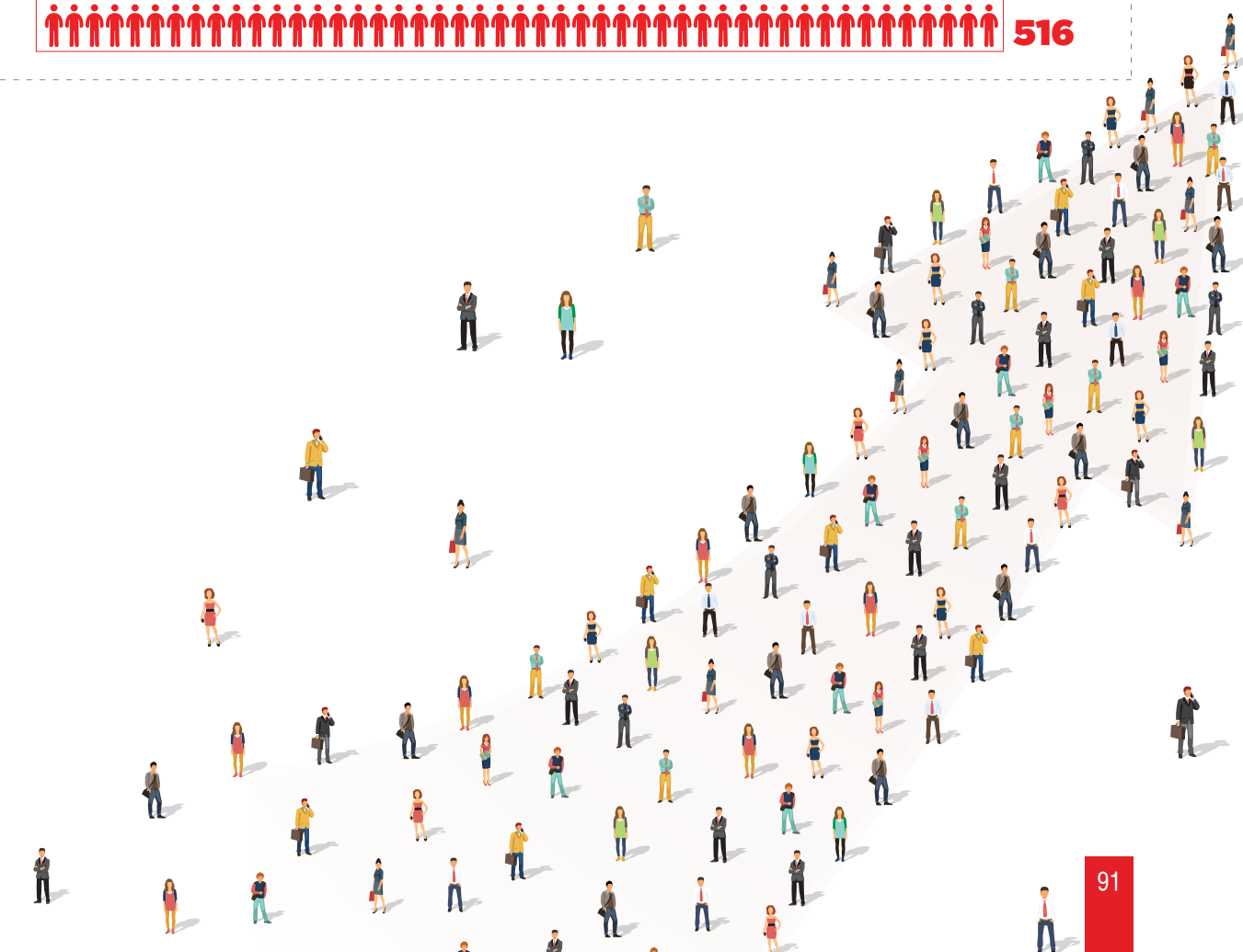
3.456 GIỜ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN

1.584 GIỜ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG

28.014 GIỜ ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO

2015	219
2016	376
2017	516



Đào tạo nhân tài và bồi dưỡng thể hệ kế cận

Trong năm 2017, số lượng quản lý cấp trung (các vị trí Trưởng phòng trở lên) của Công ty là 158/887 người, chiếm tỷ lệ 18% tổng số lượng cán bộ nhân viên SSI. Để tạo nguồn lực sẵn sàng bổ sung vào các vị trí chủ chốt khi cần thiết, các cấp lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác tìm kiếm, xây dựng và phát triển đội ngũ thể hệ kế cận thông qua việc quy hoạch nguồn lực, bố trí công việc và các chương trình bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng quản lý.

Năm 2017 Công ty đã bổ nhiệm mới 55 cán bộ quản lý cấp trung trở lên cùng với sự phát triển rất mạnh mẽ lưới trên cả nước. Các nhân sự mới được bổ nhiệm được tham gia các lớp đào tạo kỹ năng cần thiết nhằm bổ sung kiến thức, công cụ hỗ trợ cho công việc, bao gồm các lớp kỹ năng lãnh đạo, quản trị doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh và cập nhật chuyên môn v.v... Đồng thời, việc hỗ trợ và đào tạo trực tiếp qua công việc cũng được thực hiện thường xuyên nhằm giúp các cán bộ được bổ nhiệm có điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cũng như tiếp tục phát triển.

Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế của đội ngũ nhân sự theo hiệu quả làm việc

Việc liên tục giữ vững tăng trưởng và ổn định về mặt kinh tế của Công ty đã giúp đảm bảo lợi ích của người lao động thông qua các chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh trên thị trường, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với Công ty, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững doanh nghiệp.

Nhất quán trong quan điểm quản trị nhân sự, SSI tiếp tục phát triển trên nền tảng chính sách chi trả thu nhập theo mô hình 3P (Position, Person và Perfomance) nhằm gắn liền thu nhập với sự đóng góp và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân cũng như đảm bảo sự công bằng trong nội bộ, cạnh tranh trên thị trường, và nuôi dưỡng động lực cho nhân viên. Kể từ năm 2010, tính đến 2017 là năm thứ 7 liên tiếp SSI tham gia Khảo sát lương uy tín nhất Việt Nam do Mercer thực hiện, kết nối và trao đổi thường xuyên với những nhà tư vấn tên tuổi để có những đề xuất, chính sách tối đa hóa hiệu quả của chi phí nhân sự.



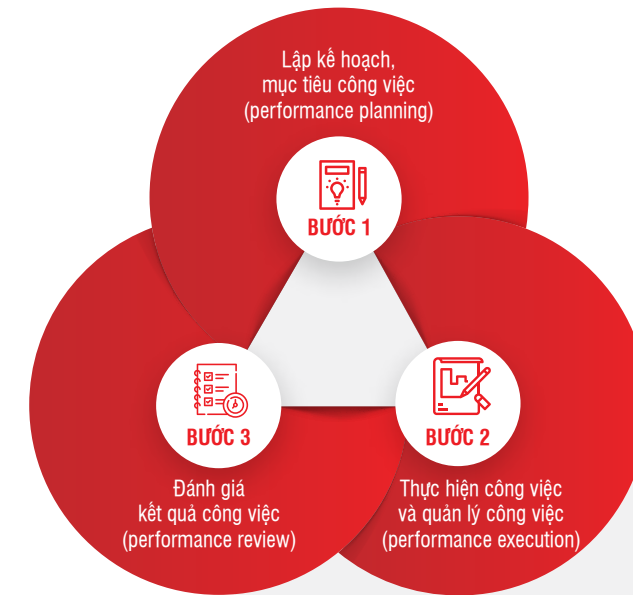
Trong năm 2017, SSI đã chi hơn 375 tỷ đồng chi trả lương, các khoản bảo hiểm và phúc lợi khác, thưởng hiệu quả công việc sau đánh giá cuối năm; trong đó khoản thưởng hiệu quả công việc chiếm tỷ lệ tương đối cao cho thấy xu hướng đãi ngộ theo hiệu quả công việc rõ rệt trong Công ty.

SSI tiếp tục ứng dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (PMS) đảm bảo sự công bằng và để tiếp cận cho nhân viên ở tất cả các vị trí. Hệ thống đánh giá được xây dựng nhằm nâng cao tính chính xác trong việc đánh giá xếp loại nhân viên dựa trên hoạt động thực tế trong năm, gắn liền kết quả đánh giá với chế độ khen thưởng cá nhân; và quan trọng hơn nữa là định hướng, cải thiện và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho từng nhân viên thông qua việc xác lập mục tiêu cho kỳ đánh giá tiếp theo. Quy trình đánh giá kết quả công việc trực tuyến, có sự tương tác vào trao đổi hai chiều người đánh giá và người được đánh giá tạo điều kiện cho nhân viên hiểu rõ được sự kỳ vọng của người quản lý, cũng như người quản lý nắm được các vấn đề trong quá trình thực hiện công việc của nhân viên.

Điều này tăng cường các kỹ năng quản lý công việc, quản lý đội nhóm, quản lý thời gian và mục tiêu của mỗi cá nhân và cũng nâng cao hiệu quả chung của cả tổ chức. Với hệ thống đánh giá toàn diện và tính tương tác cao này, Công ty cũng hướng tới thúc đẩy động viên nhân viên, cho dù đó là nhân viên mới gia nhập tổ chức, nhân viên đã có thâm niên lâu năm hay các cấp quản lý, để mỗi người tự đo lường được hiệu quả công việc và tiếp tục phấn đấu chinh phục các mục tiêu cao hơn trong sự nghiệp.

Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự năm 2017	375.003.139.961
Lương (VNĐ)	144.939.759.555
Bảo hiểm xã hội – Bảo hiểm y tế - Bảo hiểm thất nghiệp (VNĐ)	16.710.937.840
Phúc lợi khác (VNĐ)	41.035.742.224
Thưởng Đánh giá Hiệu Quả Công việc + Hoa hồng doanh số (VNĐ)	172.316.700.342

Chu trình Đánh Giá Hiệu Quả Công việc bao gồm 3 giai đoạn diễn ra nối tiếp nhau, liên tục và quay vòng



Mục đích của Chương trình Đánh giá Hiệu Quả Công việc

Chế độ đãi ngộ

- Xác định những vị trí được thăng tiến
- Xác định chế độ đãi ngộ
- Khích lệ nhân viên có kết quả công việc xuất sắc

Phát triển tổ chức

- Hướng dẫn nhân viên có kết quả công việc chưa tốt
- Xác định mục tiêu và kết quả hoàn thành mục tiêu đề ra
- Xác định nhu cầu đào tạo của nhân viên và của công ty
- Nâng cao hiệu quả công việc của nhân viên
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn công ty

SSI TIẾP TỤC DÀNH NHIỀU SỰ QUAN TÂM ĐẾN LĨNH VỰC CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NHÂN VIÊN

Chăm sóc sức khỏe và an toàn cho nhân viên

Bên cạnh thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Lao Động, từ nhiều năm qua Công ty tiếp tục và liên tục tăng cường chương trình bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung cho nhân viên để nhân viên yên tâm công tác, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính trong trường hợp nhân viên gặp những rủi ro về sức khỏe. Đội tác của SSI lựa chọn và hợp tác luôn là những đơn vị bảo hiểm uy tín và chuyên nghiệp để triển khai chương trình bảo hiểm bổ sung cho nhân viên và người thân.

Các chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, với sự lựa chọn kỹ càng các cơ sở y tế uy tín và chất lượng nhằm theo dõi sức khỏe của cán bộ nhân viên và phát hiện kịp thời các vấn đề về sức khỏe để sớm có phương án xử lý. Thông tin khám sức khỏe được theo dõi qua các năm và sử dụng như dữ liệu đầu vào để thiết kế chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung một cách hiệu quả, giúp nhân viên yên tâm trong công tác.

SSI tiếp tục dành nhiều sự quan tâm đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Ngoài việc nâng cao nhận thức về y tế, tình hình dịch bệnh cho nhân viên, các hoạt động nội bộ cũng hướng tới việc xây dựng một lối sống lành mạnh để bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân viên và gia đình. Định kỳ hàng quý, Công ty tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sĩ dành cho nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Các bản tin sức khỏe nhằm cảnh báo tình hình bệnh, dịch theo thời kỳ, các lưu ý khi sử dụng thuốc được chuẩn bị với nguồn tin uy tín, kịp thời nhằm giúp cán bộ nhân viên bảo vệ sức khỏe cho gia đình và người thân.

Các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban Lãnh đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông qua việc tài trợ và tổ chức các câu lạc bộ như yoga, zumba, các giải nội bộ và giao hữu, thi đấu bóng đá, bóng bàn v.v... Các hoạt động này được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, thư giãn tái tạo năng lượng và gắn kết hơn với tập thể

SSI thường xuyên nghiêm túc tổ chức các buổi diễn tập về phòng chống cháy nổ tại các trụ sở của Công ty nhằm xây dựng nhận thức về an toàn trong các tình huống hỏa hoạn. Trong quá trình quản lý và nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất, công ty dành nhiều sự quan tâm đến việc trang bị, kiểm thử và bảo hành bảo trì định kỳ hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho nhân viên. Đối với các văn phòng tại các khu cao ốc, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định chung về phòng cháy chữa cháy do ban quản lý quy định.

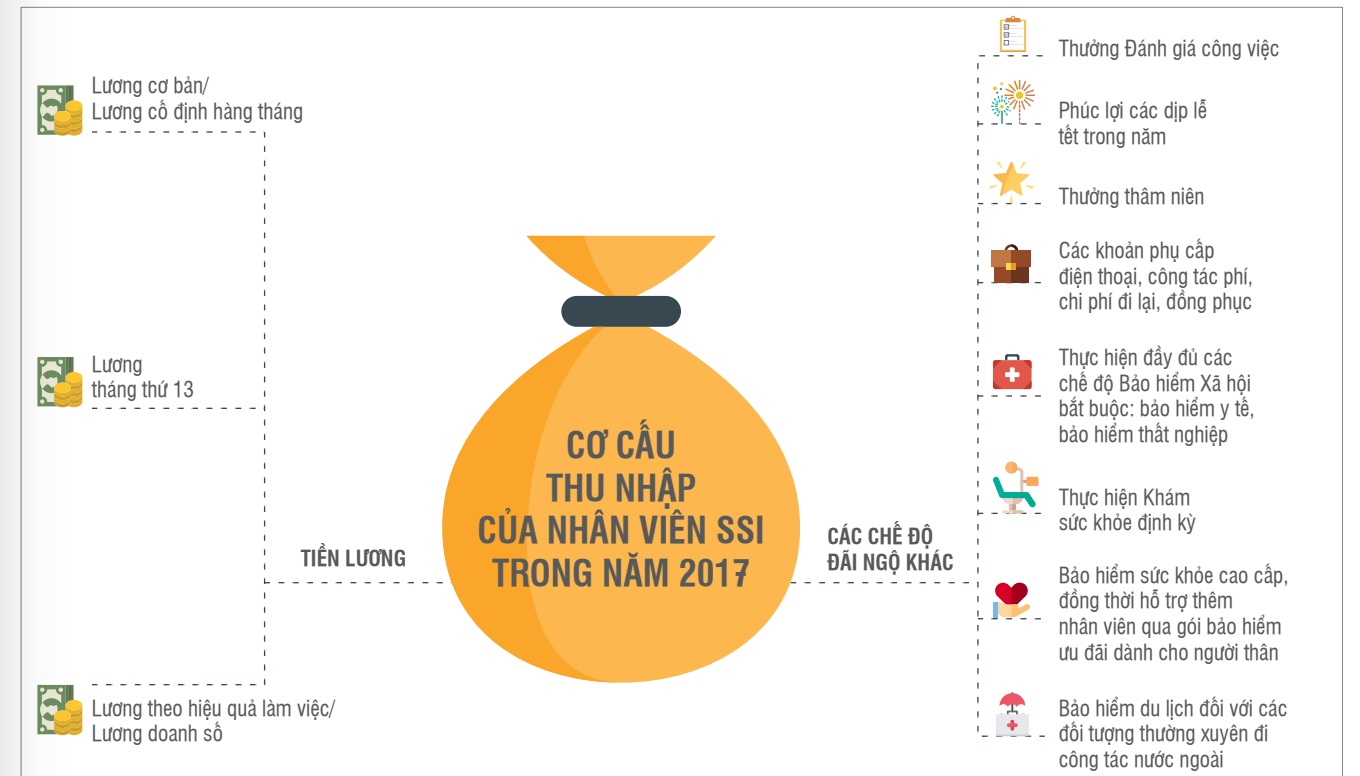


Các chính sách toàn diện khác: cải thiện điều kiện làm việc và phúc lợi cho nhân viên

Đã được chứng minh là một trong những chính sách hiệu quả trong việc thu hút, công nhận và giữ chân nhân tài, SSI tiếp tục là đơn vị đi đầu trong Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động (ESOP). Trong năm, SSI đã phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu theo Chương trình này, nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực công hiến và gắn bó lâu dài với Công ty thông qua:

- (i) tạo thêm quyền lợi khác cho những cán bộ nhân viên này ngoài tiền lương và tiền thưởng;
- (ii) Gắn kết hiệu quả lao động của cán bộ nhân viên với lợi ích chung và sự phát triển của toàn công ty; và
- (iii) cùng chia sẻ lợi ích với công ty khi công ty đạt được những thành công trong tương lai. Chương trình cũng huy động thêm vốn lưu động cho Công ty.

Ngoài ra, chế độ đãi ngộ tổng thể của Công ty còn lưu ý tới các phụ cấp cho các đối tượng như phụ cấp công tác; phụ cấp xăng xe; phụ cấp điện thoại v.v... nhằm hỗ trợ tối đa để nhân viên hoàn thành công việc. Thêm vào đó, vào các kỳ lễ trong năm, Công ty luôn có các chương trình phúc lợi phù hợp để chúc mừng và khuyến khích động viên nhân viên, góp phần tăng cao sự hài lòng của nhân viên trong Công ty, tăng tinh thần gắn kết trong đội ngũ.



Hướng tới sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc (Work – Life balance)

Tiếp tục Chiến dịch Nơi làm việc tuyệt vời (The Great Workplace), Ban Lãnh Đạo SSI tiếp tục dành nhiều sự quan tâm đến việc tạo ra một sự cân bằng giữa công việc và đời sống nhân viên ở các cấp. SSI tạo điều kiện và luôn khuyến khích các thành viên đổi mới cách làm việc để đảm bảo được yêu cầu công việc nhưng vẫn cân bằng được đời sống riêng tư. Công ty tiếp tục thực hiện các chính sách để khuyến khích nhân viên sử dụng ngày phép của mình để đảm bảo tái tạo năng lượng và tinh thần sau những đợt làm việc căng thẳng, một mặt cũng là để kiểm thử cơ chế dự phòng nhân sự tại mỗi bộ phận. Về mặt hệ thống quản lý, SSI nỗ lực cải thiện mạnh mẽ để có thể giảm thiểu thời gian làm thêm giờ của nhân viên, giúp nhân viên có nhiều thời gian cho gia đình hơn ngoài giờ làm việc mà vẫn đạt được kết quả đặt ra.

Công ty cũng luôn cố gắng tạo môi trường làm việc và cơ hội phát triển công bằng giữa nam và nữ. Tỷ lệ nam nữ hiện nay tại SSI vẫn tiếp tục duy trì ở mức ngang bằng. Với nhân viên nữ, công ty luôn tuân thủ mọi quy định về lao động nữ và tạo điều kiện thuận lợi cho nữ nhân viên quay trở lại làm việc sau kỳ thai sản. Thấu hiểu và chia sẻ những trách nhiệm gia đình của nhân viên, SSI tin rằng chỉ khi nhân viên yên tâm về gia đình của mình thì công việc mới có thể đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc chia sẻ công việc, dự phòng nhân sự trong các trường hợp nhân viên nghỉ ốm đau, thai sản, chăm người thân bị bệnh đều được các cấp lãnh đạo và nhân viên thực hiện một cách nghiêm túc.

Ngày Hội Gia Đình SSI đã trở thành một sự kiện thường niên được tất cả thành viên mong đợi, nơi gia đình của nhân viên có thể đến chung vui, chia sẻ và kết nối.

Những sự kiện như vậy giúp tăng cường tình cảm gia đình của nhân viên, và cũng để mỗi liên kết giữa gia đình và Công ty bền chặt hơn nữa. Phần nào, thông qua các sự kiện, mỗi thành viên “mở rộng” của SSI cũng thêm thấu hiểu, sẻ chia, và tự hào về SSI, cũng như tiếp tục đóng vai trò “hậu phương vững chắc” cho mỗi thành viên chính thức của SSI công hiến tốt hơn.

Các hoạt động đội ngũ của SSI như duy trì sinh hoạt đội bóng đá 2 miễn, câu lạc bộ nhiếp ảnh, câu lạc bộ yoga hay zumba được khuyến khích từ Ban Giám Đốc và nhận được sự quan tâm của đông đảo nhân viên. Với những hoạt động này, mỗi người SSI có thể theo đuổi sở thích cá nhân của mình để thư giãn sau giờ làm việc căng thẳng. Các sự kiện nội bộ như Gala hàng năm cũng là nơi thể hiện được năng khiếu, sở trường và sức mạnh tập thể SSI, là dịp mang lại nhiều tiếng cười, nhiều niềm vui cho toàn thể nhân viên.

Ngoài ra, sự quan tâm của Ban Lãnh Đạo Công ty tới việc xây dựng một môi trường cân bằng cho nhân viên còn được thể hiện ở những chế độ như: nhân viên có thêm 2 ngày nghỉ ốm trong năm, quà tặng sinh nhật nhân viên và các dịp như Quốc tế phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Chương trình Quà tặng Trung thu và Tết Thiếu Nhi cho con em cán bộ nhân viên, Tặng sản phẩm mới và an toàn cho sức khỏe nhân viên như chương trình tặng dưa lưới cao cấp, tặng kẹo AHHA, bánh ROSIO hay kẹo HURO của The Pan Group mang lại niềm vui, sự tự hào và thêm gắn kết cho mỗi thành viên SSI.

Công ty hướng tới một sự phát triển bền vững cho mỗi cá nhân và toàn thể công ty. Và đạt được sự bền vững đó, SSI cam kết nỗ lực hết sức mình cho việc tạo dựng một môi trường làm việc cân bằng với cuộc sống bằng nhiều cách và sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai những chính sách, hoạt động để đạt được sự cân bằng này.



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Trong suốt chặng đường 18 năm hoạt động, bên cạnh những thành tựu đã ghi nhận từ các báo cáo, thông kê và giải thưởng thì văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc SSI chính là một trong những niềm tự hào lớn nhất của Công ty, là giá trị cốt lõi mang tính quyết định tới sự hình thành và phát triển của Công ty. Chính những nét riêng trong văn hóa của SSI là cầu nối gắn kết các tài năng, là niềm tự hào, cũng là nhân tố giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, thử thách, góp phần tạo nên “Đại gia đình SSI” vững mạnh như ngày hôm nay. Những nét văn hóa khác biệt, mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện không chỉ ở 9 tôn chỉ kinh doanh, mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, nguồn nhân lực hạt nhân và sự đoàn kết, chung tâm nhìn sứ mệnh của từng cá nhân trong nội bộ SSI.

Những tôn chỉ kinh doanh trên là cơ sở xây dựng định hướng hoạt động và giá trị bền vững của SSI. Nhận thức được giá trị cốt lõi là yếu tố quan trọng nhất của một doanh nghiệp, 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ, cũng như luôn được nhắc nhở tới từng người SSI mọi thế hệ.

Các tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được đặt tại những vị trí trang trọng, dễ thấy trong các phòng làm việc của người SSI. Đây chính là di sản và là động lực thúc đẩy từng nhân viên luôn giữ gìn những nét riêng làm nên con người SSI và làm nên chính Công ty.

09

TÔN CHỈ KINH DOANH CỦA SSI LUÔN ĐƯỢC KHẮC GHI TRONG TỪNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, LÀ DẤU ẤN VÀ BẢN SẮC CỦA THƯƠNG HIỆU SSI

Mỗi cá nhân SSI đều khắc ghi 9 tôn chỉ kinh doanh, cũng là giá trị cốt lõi của Công ty, và là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp.

1
2
3
4
5
6
7
8
9

- Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của khách hàng.
- Chúng tôi chú trọng tới đến thành quả đem lại cho khách hàng, và luôn tự hào về điều đó.
- Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào công ty của các cổ đông và cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng.
- Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính.
- Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các cộng sự.
- Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện.
- Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa công ty.
- Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam.
- Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng.



Thông nhất trong truyền tải thông tin nội bộ là yếu tố quan trọng trong sự thành công của việc hình thành và phát triển văn hóa của SSI

Với quy mô ngày một mở rộng, việc truyền tải thông tin một cách thống nhất, thông suốt toàn hệ thống doanh nghiệp là một điều thiết yếu trong mọi hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, các kênh truyền tải thông tin nội bộ của SSI được đặc biệt chú trọng, duy trì hoạt động hiệu quả và thường xuyên cải tiến để ngày càng hoàn thiện, để tiếp cận, và thể hiện được vai trò gắn kết các thành viên.

Truyền thông Nội bộ là tiếng nói chung trong toàn SSI, là kênh truyền tải thông tin hiệu quả từ lãnh đạo tới các thành viên trong Công ty và ngược lại, đóng vai trò quan trọng đối với sự đoàn kết trong nội bộ. Hiểu được tính chất quan trọng của việc chia sẻ thông tin nội bộ, mọi thông tin từ Ban Lãnh Đạo, sự kiện và hoạt động của Công ty đều được gửi tới từng người SSI. Bản tin Nội bộ truyền tải thông điệp, các hoạt động và sự kiện của SSI được gửi tới từng nhân viên 2 tuần/số với nội dung ngày càng phong phú, đa dạng trên hình ảnh được thiết kế công phu, ấn tượng và sinh động. Qua đó, mỗi cá nhân trong tập thể SSI đều thực sự trở thành một phần không thể thiếu đối với Công ty, cùng chung một tầm nhìn và cùng nhau tham gia vào các hoạt động xã hội và các hoạt động gắn kết thành viên.

Không chỉ vậy, nhận thấy nhu cầu chia sẻ của từng cá nhân trong nội bộ SSI, Diễn đàn Nội bộ SSI Insider - nơi để các thành viên sẽ chia không chỉ thông tin, sự kiện mà còn những kinh nghiệm trong công việc, trải nghiệm trong cuộc sống, những niềm vui và tiếng cười, và cả những nỗi buồn. Cùng sự phát triển của Công nghệ và các mạng xã hội, thông tin gửi tới người SSI trên các kênh nội bộ cũng được cải tiến, bắt kịp xu thế để truyền tải hiệu quả và cập nhật hơn tới cá nhân người SSI.

Đặc biệt, việc tương tác, chia sẻ thông tin hai chiều trong nội bộ SSI ngày càng được nâng cao và thu được hiệu quả đáng kể. Ban Lãnh Đạo SSI luôn nắm rõ tình hình kinh doanh và những chính sách mới để chủ động, nhanh chóng cập nhật thông tin tới từng cán bộ nhân viên, là tiếng nói thông nhất trong nội bộ Công ty nhằm định hướng thông tin chính xác. Không chỉ vậy, việc đánh giá chất lượng môi trường làm việc và ý kiến đóng góp từ phía nhân viên được Ban Lãnh Đạo đặc biệt chú trọng và lắng nghe. Thông qua các đợt khảo sát, gửi thư điện tử, các cuộc trưng cầu ý kiến, bình chọn trực tuyến hoặc góp ý trực tiếp trên các kênh truyền thông Nội bộ, nhân viên các cấp có thể bày tỏ quan điểm, đánh giá và mong muốn của mình để giúp SSI ngày một hoàn thiện và góp phần xây dựng nên một SSI vững mạnh hơn, bền vững hơn và phát triển hơn.

Bên cạnh đó, các giải thưởng, chương trình tài trợ/ từ thiện, thành tựu của SSI được thường xuyên cập nhật và kịp thời trên các kênh truyền thông đại chúng để nuôi dưỡng niềm tự hào trong nội bộ Công ty.



Nuôi dưỡng và phát triển tinh thần văn hóa mang tính rất riêng của SSI

Người SSI không chỉ là những nhân tài trong giới tài chính với sự chuyên nghiệp và kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng mà còn mang tinh thần làm hết sức, chơi hết mình - một nét văn hóa được chú trọng phát triển trong nội bộ Công ty.

Chương trình GALA - Gặp gỡ thường niên của SSI được duy trì hàng năm để người SSI tại khắp mọi miền có dịp được tụ hội, gặp gỡ, giao lưu và tham gia các hoạt động gắn kết, vinh danh. Đây là dịp để người SSI được cùng nhau thư giãn và tận hưởng những giây phút vui vẻ, sáng khoái với những hoạt động tập thể mang tính chất gắn kết tinh thần đồng đội của từng thành viên. Không chỉ vậy, người SSI sẽ được cùng nhau nhìn lại chặng đường đã đi qua, suy ngẫm về những điều đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động của năm trước, để từ đó được tiếp thêm động lực, cùng nhau quyết tâm, đồng lòng hướng tới mục tiêu của năm tới.

Đặc biệt, với giải thưởng Người SSI tiêu biểu – giải thưởng được đề cử và bình chọn trong toàn Công ty, giải thưởng đã tôn vinh các cá nhân ở SSI tại mọi vị trí, những người đã, đang và sẽ tiếp tục có những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển chung của toàn Công ty. Sự vinh danh này đã giúp nhân mạnh những giá trị cốt lõi của SSI trong mỗi người và khuyến khích sự phấn đấu hơn nữa của mỗi con người trong tập thể SSI.

Trong năm 2017 vừa qua, người SSI đã có những hoạt động tập thể ngoài giờ sôi nổi để giúp giải tỏa căng thẳng sau giờ làm việc và tăng tính gắn kết đồng đội. Các Câu lạc bộ như Bóng đá, Yoga, Zumba, Nhiếp ảnh v.v... vẫn duy trì hoạt động đều đặn. Bên cạnh đó, người SSI còn nhiệt tình tham gia các giải đấu giao hữu bóng đá, bóng bàn, tennis v.v... cũng như nhiều hoạt động nghệ thuật với các Đơn vị ban ngành Nhà nước, các Công ty Chứng khoán, Ngân hàng và đem về những thành tích cao nhất. Ngoài ra, người SSI còn nhiệt tình tham gia các cuộc thi được thiết kế dành riêng cho mục đích thúc đẩy tinh thần đồng đội và cùng nhau đoàn kết, vượt qua khó khăn "về đích".

Không chỉ vậy, SSI thường xuyên tổ chức các cuộc thi và các chương trình chào mừng ngày lễ lớn như Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, và đặc biệt là Ngày hội Gia đình SSI - một chương trình cuối năm được thiết kế công phu để tri ân người SSI đã hết mình trong một năm qua, và tri ân các gia đình đã là nguồn năng lượng, động lực cho những cố gắng của người SSI. Những hoạt động trên thường được mở rộng tới các thành viên trong gia đình SSI, đi cùng những phúc lợi và chính sách quan tâm và cải thiện đời sống của từng nhân viên, để SSI thực sự trở thành nơi sum vầy, hội ngộ của những gia đình hạt nhân, để SSI thực sự là một "Đại Gia Đình".



Sự đoàn kết chung từng cá tính, sáng tạo, sự chuyên nghiệp, nhiệt tình với công việc riêng của mỗi người SSI đã tạo nên sự hòa hợp, thống nhất và tinh thần đồng đội mang đậm bản sắc SSI.

Người SSI với tinh thần nỗ lực học hỏi, trau dồi kiến thức luôn cố gắng chủ động, linh hoạt trong công việc để ngày càng chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả công việc. Tuy nhiên, từng cá nhân giỏi thôi thì chưa đủ để làm nên một doanh nghiệp phát triển bền vững. Chính vì vậy, SSI luôn đề cao sự thống nhất trong toàn Công ty, tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội, làm việc nhóm một cách đồng bộ, được thể hiện trong chính 9 tôn chỉ kinh doanh, sự đầu tư vào các kênh truyền tải thông tin nội bộ và các hoạt động nội bộ của Công ty.

Mỗi cá nhân là một mắt xích không thể thiếu để "bộ máy" SSI được vận hành trơn tru và hiệu quả. Các thành viên SSI bổ khuyết cho nhau để cùng nhau thể hiện ý tưởng, thảo luận, cùng nhau tìm ra tiếng nói chung trong sáng kiến công việc, giải pháp và cách thực hiện để đạt được kết quả tốt nhất.

SSI hiểu rõ, một doanh nghiệp phát triển bền vững thì phải chú trọng vào nội lực Công ty - chú trọng tới sự phát triển của từng cá nhân, nhưng cũng không được bỏ qua nhân tố dung hòa trong nội bộ, để nhân viên phát huy mạnh mẽ ưu điểm của mình và hạn chế khuyết điểm, cũng như đồng lòng đối với tầm nhìn sứ mệnh của Công ty. Đội ngũ nhân viên không chỉ chuyên nghiệp, nhiệt huyết với công việc với niềm khát khao trở thành một nhân tố tích cực đóng góp cho sự phát triển của Công ty, mà còn đoàn kết, hợp tác, cùng sẻ chia định hướng phát triển, bổ sung cho nhau chính là niềm tự hào lớn nhất của SSI



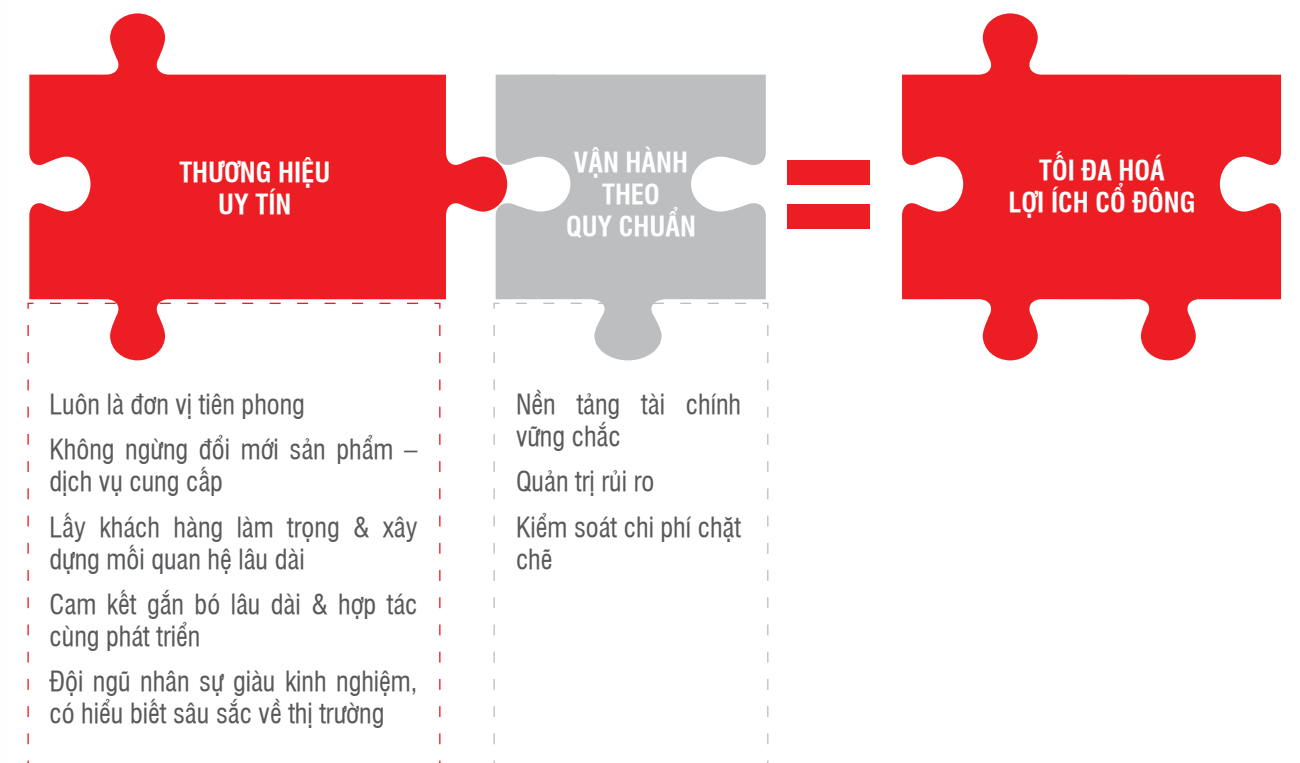
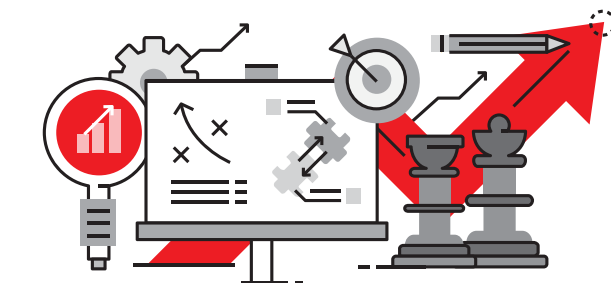
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



MỤC TIÊU & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN

Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam và nỗ lực vươn ra thị trường quốc tế, trong những năm tới, SSI sẽ tiếp tục không ngừng đổi mới trong cách vận hành cũng như đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Khách hàng luôn là trọng tâm của Công ty với cam kết gắn bó lâu dài và hợp tác cùng phát triển. Nhiều giải pháp công nghệ mới được ứng dụng để gia tăng tiện ích và hiệu quả đầu tư cho khách hàng. SSI cũng sẽ tiếp tục tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường, tạo ra một môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân được khám phá và phát huy mọi năng lực của mình để đóng góp một cách tốt nhất cho Công ty. Chi phí được kiểm soát chặt chẽ cũng như việc quản trị rủi ro được chú trọng để nâng cao hiệu quả tài chính.

SSI tin rằng việc kết hợp giữa xây dựng một thương hiệu uy tín và vận hành theo quy chuẩn sẽ giúp tối đa hóa lợi ích Cổ đông.



Đối với từng Khối Kinh doanh, chiến lược trung – dài hạn được đặt ra như sau:

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- **Về khách hàng:** tập trung củng cố các thị trường truyền thống, song song với việc phát triển và khai phá các thị trường mới. Các thị trường mới và nhóm khách hàng mới được khai thác thông qua các hoạt động chủ động tiếp cận cơ hội đầu tư, hội thảo đầu tư và các chuyên gặp gỡ nhà đầu tư quốc tế cùng với doanh nghiệp Việt Nam. Thông qua mối quan hệ hợp tác giữa Công ty và các tổ chức tài chính quốc tế uy tín và có tầm ảnh hưởng, SSI có thể tăng cường mức độ lan tỏa tại các thị trường đang đẩy mạnh dòng vốn vào Việt Nam. Bên cạnh đó, đối tượng khách hàng doanh nghiệp là một thành tố quan trọng cần đẩy mạnh cả về chất lượng và số lượng, với mục tiêu đạt 100 quan hệ mới mỗi năm, ở cả mảng doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết. Nhóm khách hàng cá nhân giao dịch điện tử, khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính (dịch vụ vay ký quỹ) và khách hàng trẻ là các du học sinh – sinh viên cũng là các đối tượng khách hàng sẽ được Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tới.

- **Về sản phẩm – dịch vụ:** Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm khuyến nghị và tư vấn đầu tư, bên cạnh mở rộng và đa dạng hóa các báo cáo nhận định và phân tích cơ hội thị trường, báo cáo phân tích cổ phiếu, báo cáo phân tích sự luân chuyển dòng tiền và thanh khoản thị trường. Tăng nguồn dư nợ giao dịch ký quỹ (margin) và đa dạng hóa các sản phẩm tài chính cung cấp đòn bẩy giao dịch cho khách hàng. Phát triển các công cụ giao dịch hỗ trợ cho việc phát triển sản phẩm mới như phái sinh, chứng quyền.

- **Về hệ thống:** đầu tư phát triển các tính năng mới của hệ thống giao dịch, tăng khả năng kết nối và tương tác với khách hàng, đặc biệt là hệ thống giao dịch trực tuyến. Cùng với số lượng khách hàng tổ chức ngày càng tăng, số lượng cổng kết nối Bloomberg (Bloomberg Terminal) được đầu tư thêm cũng sẽ tăng.

- **Về nhân sự:** Đối với nhóm phụ trách khách hàng tổ chức, bổ sung những nhân sự cao cấp ở mảng Phát triển Khách hàng Tổ chức, Quan hệ Doanh nghiệp và Nhà đầu tư, Phân tích và Tư vấn đầu tư. Đối với nhóm phụ trách khách hàng cá nhân, việc tuyển dụng môi giới được thực hiện song song với nâng cao hiệu quả tư vấn của đội ngũ môi giới thông qua xây dựng các chương trình đào tạo huấn luyện, chương trình giám sát, quản trị công việc hiệu quả.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

- Đảm bảo chất lượng quản lý nguồn vốn, giữ vững vị trí Công ty chứng khoán uy tín và tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường.
- Tổng tài sản tăng trưởng hàng năm đạt 10%.
- Cung cấp sản phẩm cấu trúc đa dạng, hiệu quả.

QUẢN LÝ QUỸ

Nâng cao tổng tài sản quản lý, trở thành công ty quản lý quỹ hàng đầu tại Việt Nam với 3 định hướng chiến lược:

- Phát triển mạnh khối khách hàng cá nhân trong nước thông qua quỹ mở và dịch vụ quản lý danh mục toàn bộ.
- Mở rộng khối khách hàng tổ chức trong nước và doanh nghiệp bảo hiểm.
- Trở thành đối tác được lựa chọn hàng đầu của các tổ chức nước ngoài khi đầu tư vào TTCK Việt Nam.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Nỗ lực duy trì vị trí hàng đầu trên thị trường chứng khoán thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng, tập trung vào mảng thị trường vốn, bên cạnh đó đẩy mạnh mảng tư vấn M&A;
- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tài chính lớn tại Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Ấn Độ...;
- Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự.

ĐẦU TƯ

- Xác định chiến lược đầu tư giá trị nhưng linh hoạt và đi sát với thị trường, thường xuyên xem xét đánh giá yếu tố vĩ mô, bám sát nền tảng kinh doanh của các doanh nghiệp, xác định giá trị doanh nghiệp hợp lý;
- Việc phân bổ danh mục đảm bảo tận dụng sự tăng trưởng của thị trường đồng thời luôn đảm bảo phòng ngừa rủi ro biến động trong và ngoài nước;
- Cân bằng các khoản đầu tư chiến lược liên kết dài hạn và các khoản đầu tư thụ động.





KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2018

SSI đặt ra kế hoạch kinh doanh năm 2018 sẽ trình ĐHCĐ phê duyệt vào cuối tháng 4/2018 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018 (TỶ VNĐ)	THỰC HIỆN NĂM 2017 (TỶ VNĐ)	KẾ HOẠCH 2018 SO VỚI THỰC TẾ 2017 (%)
1	Doanh thu	3.410	3.043,2	112%
2	Chi phí	1.795	1.482,8	121%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.615	1.405	115%

Các giải pháp cụ thể đối với từng khối Kinh doanh:



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Với định hướng phát triển bền vững, cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận cho khách hàng, Dịch vụ Chứng khoán đặt ra kế hoạch hành động năm 2018 như sau:

Chú trọng chăm sóc khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới

Đối với nhóm khách hàng cá nhân, Công ty đầu tư xây dựng hệ thống phân loại và quản trị khách hàng nhằm thấu hiểu cần kè nhu cầu từng phân khúc; thường xuyên rà soát và phân loại khách hàng theo các tiêu chí cụ thể để cung cấp sản phẩm và chương trình chăm sóc hợp lý. Bên cạnh đó, nhóm khách hàng cá nhân mới tham gia thị trường sẽ được chú trọng để phát mở rộng. Đây là nhóm được đánh giá rất tiềm năng khi nhu cầu đầu tư sinh lời của tầng lớp này ngày càng tăng. Dịch vụ Chứng khoán sẽ chủ động và phối hợp với Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư để tận dụng cơ hội từ làn sóng cổ phần hóa, phát hành cổ phiếu lần đầu và niềm yết mới phát triển khách hàng mới.

Đối với nhóm khách hàng tổ chức, Công ty tập trung cùng cố các thị trường truyền thông, đồng thời phát triển khách hàng mới tại các thị trường này, đặc biệt là nhóm khách hàng có dòng tiền mới vào Việt Nam. SSI cũng đầu tư tìm kiếm đối tác phù hợp và xứng tầm tại các thị trường trọng điểm như Mỹ, Châu Âu, nhằm giúp Công ty tăng mức độ lan tỏa đến khách hàng, tận dụng được các mối quan hệ khi cần thiết. Ngoài ra, các thị trường mới như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất;

cùng các nhóm khách hàng mới như Quỹ hưu trí, Quỹ đầu tư sử dụng phân tích định lượng (quant fund), Quỹ đầu tư quản lý tài sản gia đình cũng là mục tiêu phát triển trong năm nay.

Thiết kế những sản phẩm phù hợp, cải tiến chất lượng sản phẩm cho từng nhóm khách hàng, đầu tư cho hệ thống công nghệ và tiên phong dẫn đầu trong việc cung cấp những sản phẩm mới

Đây là mục tiêu xuyên suốt trong chiến lược phát triển của Dịch vụ Chứng khoán. Tất cả các sản phẩm đều được thiết kế chuyên biệt theo nhu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm tư vấn đầu tư, báo cáo phân tích sẽ tiếp tục được đầu tư theo hướng chuyên sâu, từ sản phẩm định hướng đầu tư, ý tưởng đầu tư tới những sản phẩm cung cấp những cơ hội đầu tư cụ thể phù hợp với khẩu vị của từng nhóm khách hàng. Bên cạnh những cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán cơ sở, Công ty tiếp tục sẽ giới thiệu các sản phẩm đầu tư khác như phái sinh, chứng chỉ quỹ mở, ETF, chứng quyền.

Về mặt hệ thống, Công ty có kế hoạch lắp đặt thêm 2 cổng kết nối Bloomberg (Bloomberg Terminal) mới nhằm đảm bảo phục vụ tốt nhất số lượng khách hàng tổ chức đang tăng mạnh. Công ty sẽ phối hợp với Bloomberg cài đặt hệ thống đánh giá kết quả thực hiện lệnh (Best Execution Policy) nhằm có những đánh giá khoa học về hiệu quả thực hiện lệnh của Môi giới Khách hàng Tổ chức. Bên cạnh đó, quy trình nhận và đặt lệnh DMA sẽ được hoàn thiện, hướng tới việc cung cấp DMA cho giao dịch phái sinh.

Nâng cao hiệu quả nhân sự thông qua thực hiện hiệu quả các bước từ tuyển dụng, huấn luyện đào tạo, giám sát hiệu quả công việc và thăng tiến nghề nghiệp

Xác định chất lượng đội ngũ là yếu tố quan trọng trong việc duy trì và phát triển khách hàng. SSI tiếp tục tập trung cho việc tuyển dụng những cá nhân có tính cách và khả năng phù hợp với định hướng phát triển và văn hóa công ty. Đối với nhóm Môi giới Khách hàng Cá nhân, Công ty đặt trọng tâm vào việc phát triển đội ngũ trẻ, phối hợp với các trường đại học để thực hiện các chương trình đào tạo định hướng nghề nghiệp từ khi còn sinh viên. Quá trình tuyển dụng được sàng lọc kỹ càng theo các tiêu chí được xây dựng cụ thể, tiếp theo sau sẽ tham gia các chương trình huấn luyện đào tạo về định hướng, đào tạo về kỹ năng và chuyên môn gắn với công việc hằng ngày. Quá trình đánh giá nhân sự được thực hiện định kỳ nhằm phát hiện những cá nhân xuất sắc để khen thưởng kịp thời, trao cơ hội thăng tiến, đặt nhân sự vào những thách thức mới để tiếp tục tiên bộ. Đồng thời cũng qua quá trình đánh giá và giám sát công việc cũng sẽ loại bỏ những cá nhân không phù hợp với văn hóa tổ chức. Quá trình này được thực hiện từ cấp từ nhân viên môi giới, phòng môi giới đến các phòng giao dịch, chi nhánh. Mặt khác, yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công trong vấn đề về nhân sự là tiếp tục bổ sung và hoàn thiện các chương trình đào tạo môi giới theo từng phân nhóm và đặc biệt là chương trình đào tạo nội bộ cho cấp quản trị.

Năm 2018, Công ty cũng có kế hoạch tuyển dụng thêm nhân sự là người nước ngoài để phụ trách các thị trường tiềm năng, cũng như tìm kiếm nhân sự cao cấp phục vụ nhóm khách hàng Tổ chức.

Xây dựng môi trường làm việc kỷ luật, chuyên nghiệp, khát khao và có động lực

Môi trường làm việc kỷ luật chuyên nghiệp có khát khao là nhân tố quan trọng trong việc tạo ra những cá nhân đam mê khách hàng, dành tâm huyết cho khách hàng. Để thực hiện việc này, Dịch vụ Chứng khoán SSI sẽ tiếp tục hoàn thiện và bổ sung những chính sách mới dựa trên hiệu quả công việc. Thông qua chính sách này sẽ kích thích, tạo động lực cho những cá nhân có khả năng được thưởng xứng đáng cho những đóng góp của họ. Bên cạnh đó, các chính sách về khen thưởng định kỳ cũng được hoàn thiện nhằm ghi nhận những cá nhân, tập thể có thành tích tốt. Các hoạt động tạo động lực như chia sẻ nội bộ nhằm lan tỏa những nhân tố tích cực, các hoạt động trao đổi chia sẻ theo các nhóm nhỏ theo các chủ đề về sản phẩm, về bán hàng (sale), về phương pháp đầu tư cũng được chú trọng được thực hiện thường xuyên tại các chi nhánh, phòng giao dịch trên khắp hệ thống.



NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Cùng với đà tăng trưởng kinh tế ở mức cao, thị trường tài chính tiền tệ đang được vận hành ổn định và ít biến động: duy trì mức lãi suất trái phiếu chính phủ thấp kỷ lục, duy trì ổn định lãi suất tiền tệ ngắn hạn, tình hình tỷ giá ổn định qua nhiều năm.

Bên cạnh đó, với mục tiêu và triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng trưởng để trở thành một trong những thị trường mới nổi (Emerging Markets) nhằm tăng hiệu quả của luồng vốn trong và ngoài nước trong tương lai gần thì năm 2018 chính là năm bản lề để thực hiện bước đệm với mục đích to lớn trên. SSI là công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đứng trước cơ hội rất lớn từ thị trường và với nội lực sẵn có của bản thân Nguồn vốn và Kinh Doanh tài chính tiếp tục xây dựng kế hoạch kinh doanh trong năm 2018 như sau:

Tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng tổng nguồn vốn toàn công ty, đa dạng hoá nguồn vốn với chi phí thấp

Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng tổng nguồn vốn 10% trong năm 2018 với nhiều nguồn vốn mới với chi phí hợp lý và dồi dào. Để thực hiện được mục tiêu này, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục triển khai và mở rộng các nguồn vốn mới như: phát hành trái phiếu chuyển đổi nhằm tới các định chế tài chính nước ngoài, xây dựng các hạn mức tín dụng với các Ngân hàng nước ngoài bao gồm cả hạn mức bằng nội tệ và ngoại tệ nhằm thu hút thêm nguồn vốn giá rẻ từ thị trường quốc tế; tiếp tục phát hành trái phiếu trong nước cho cả các định chế tài chính lẫn nhà đầu tư cá nhân; bên cạnh việc tiếp tục mở rộng các mối quan hệ tín dụng hiện có trong nước.

Song song với việc mở rộng hoạt động tài chính, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục phối hợp với các bên liên quan để xây dựng quy trình và chính sách quản lý rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro và thanh khoản của hệ thống.

Mở rộng mảng kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp và các sản phẩm phái sinh, cấu trúc hướng tới nhiều đối tượng khách hàng

Cùng với việc đảm nhiệm tốt vai trò đảm bảo thanh khoản và kinh doanh vốn, trong giai đoạn 3-5 năm tới, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đặt kế hoạch khai phá và xây dựng các mảng Thị trường mới như kinh doanh Trái phiếu Doanh nghiệp, cung ứng Sản phẩm cấu trúc, và triển khai nhiều Sản phẩm phái sinh đa dạng.

Năm 2018, theo SSI đánh giá, sẽ là năm bản lề phát triển của thị trường Chứng khoán nợ, khi thị trường Trái phiếu Chính phủ giảm tốc độ phát triển, dẫn nhường sân chơi lại cho thị trường Trái phiếu Doanh Nghiệp. Giữa bối cảnh một số Công ty chứng khoán khác đã khởi đầu trước trong lĩnh vực này, SSI luôn ý thức được thế mạnh của mình cũng như tìm cách hạn chế các điểm yếu để tìm hướng đi riêng. Phối hợp chặt chẽ cùng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Dịch vụ Chứng khoán, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính dự kiến sẽ dồn lực lượng phát triển mảng Trái phiếu Doanh Nghiệp, đặt mục tiêu đem tới khách hàng nhiều sản phẩm mang tính đột phá trong năm 2018.

Đi kèm với sự phát triển của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp, sự phát triển tương hỗ của thị trường Repo và Phát sinh chứng khoán nợ tương ứng, hứa hẹn nhiều cơ hội phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh số trong ngắn hạn và kiến tạo lợi nhuận trong dài hạn.

Đồng hành cùng sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam nói chung và phát đạt của SSI nói riêng, Nguồn Vốn và Kinh doanh Tài chính đặt nhiều kỳ vọng vào thành quả dài hạn của quá trình đầu tư phát triển các mảng thị trường mới. Chúng ta cũng đặt chỉ tiêu riêng cho từng mảng mới, cụ thể là tăng Doanh số giao dịch Hoán đổi lãi suất IRS lên 10 lần năm 2017, tăng doanh thu kinh doanh Trái phiếu Doanh nghiệp vượt 2 lần năm 2017, và kiến tạo các sản phẩm cấu trúc mới để tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng.



QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2017, SSIAM đã thực hiện tốt kế hoạch hành động năm khi khách hàng cá nhân, tổ chức trong nước ở các quỹ đầu tư và danh mục đầu tư, quỹ nước ngoài đều tăng mạnh. Năm 2018, SSIAM sẽ đẩy mạnh các mảng hoạt động sau:

Duy trì kết quả đầu tư vượt trội

SSIAM chú trọng giá trị mang lại cho khách hàng. SSIAM cam kết nỗ lực hết sức để đạt hiệu quả đầu tư cao nhất trên nguồn vốn ủy thác của khách hàng, trên cơ sở phân tích mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro cũng như nhu cầu rút vốn của khách hàng. Việc SSIAM không tự doanh trên nguồn vốn chủ sở hữu của mình cũng thể hiện cam kết của chúng tôi trong việc đặt quyền lợi của khách hàng lên trên mục tiêu lợi nhuận của Công ty.

Phát triển các kênh phân phối và đối tác phân phối mới

SSIAM hiểu rõ tầm quan trọng của kênh phân phối trong việc đưa sản phẩm tới khách hàng một cách hiệu quả. Năm 2018, SSIAM sẽ tiếp tục kết nối chặt chẽ với các đối tác phân phối hiện tại để đẩy mạnh bán hàng, cũng như tích cực tìm kiếm các đối tác phân phối có tiềm năng mới.

Ngoài kênh phân phối trực tiếp với các đối tác phân phối, SSIAM cũng tập trung nguồn lực để phát triển kênh phân phối điện tử, giúp cho khách hàng có thể thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở, tiếp cận thông tin tài khoản quỹ mở và danh mục cá nhân một cách nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng

Hiện nay, SSIAM đang cung cấp một bộ sản phẩm đa dạng cho khách hàng, từ quỹ mở cổ phiếu (trong nước và nước ngoài), quỹ mở trái phiếu, quỹ ETF, quỹ đầu tư vào các công ty tư nhân (private equity). Trong năm 2018, SSIAM đặt mục tiêu giới thiệu sản phẩm quỹ hưu trí cho khách hàng ngay khi điều kiện thị trường phù hợp. Đây là sản phẩm hướng tới các khách hàng quan tâm đến việc chuẩn bị tài chính sẵn sàng cho giai đoạn hưu trí của mình.



DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tiếp tục theo đuổi sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", khẳng định vị trí dẫn đầu và đẩy mạnh sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ Ngân hàng đầu tư, trong năm 2018, SSI sẽ tiếp tục phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp nhằm mang lại nhiều sản phẩm mới và chất lượng cao cho khách hàng.

Tập trung mở rộng mạng lưới khách hàng quy mô lớn

Hoạt động phát hành lần đầu ra công chúng (IPO) trong khu vực doanh nghiệp tư nhân diễn ra ngày càng sôi động, chuyên nghiệp hơn và quy mô hơn. Chính vì vậy, năm 2018, SSI tập trung mở rộng đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có tiềm năng phát triển và thuộc những ngành kinh tế cơ bản. Năm 2018 cũng là năm thuộc lộ trình thoái vốn nhiều doanh nghiệp nhà nước lớn, vì vậy, các doanh nghiệp nhà nước có kế hoạch thoái vốn cũng là một trong những đối tượng khách hàng mục tiêu được Công ty đặc biệt chú trọng.

Tiếp tục xây dựng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính hàng đầu thế giới

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI luôn chủ động tìm kiếm, mở rộng mối quan hệ với các tổ chức tài chính hàng đầu trong khu vực và thế giới để có thể trao đổi kinh nghiệm và tận dụng những cơ hội đầu tư, từ đó, cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế đồng thời giúp cho việc kết nối vốn giữa các tổ chức tài chính và các khách hàng của SSI được thuận lợi và hiệu quả hơn.

Đào tạo nhân sự là chìa khóa cải thiện chất lượng dịch vụ tư vấn

Con người là nhân tố quan trọng quyết định chất lượng của dịch vụ tư vấn. Nhận biết được điều này, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI sẽ tiếp tục hướng trọng tâm vào việc đào tạo nhân sự đầy đủ năng lực chuyên môn, hiểu biết sâu sắc về ngành nghề mình phụ trách, từ đó mỗi một nhân viên đều trở thành chuyên gia tư vấn tiêu chuẩn quốc tế, kết hợp với sự am hiểu chuyên sâu thị trường trong nước, mang lại chất lượng dịch vụ hàng đầu cho khách hàng của SSI.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Kinh tế vĩ mô Việt Nam biến chuyển tích cực hơn so với các năm trước giúp cho việc tìm kiếm doanh nghiệp đầu tư đa dạng hơn. Tuy nhiên kinh tế thế giới lại đứng trước những thay đổi khó dự đoán: Cục dự trữ liên bang (Fed) tăng lãi suất, các chính sách giảm tác động toàn cầu hóa, bảo hộ và địa chính trị đan xen.

SSI xác định chiến lược đầu tư linh hoạt hơn và tăng tỉ trọng đánh giá yếu tố vĩ mô nhiều hơn: cụ thể, vẫn bám sát phương pháp đầu tư giá trị với nền tảng kinh doanh của công ty và định giá hợp lý; việc phân bổ danh mục vừa đảm bảo tận dụng sự tăng trưởng của thị trường (alpha) nhưng đồng thời đảm bảo phòng ngừa rủi ro biến động (beta) của thị trường tài chính trong và ngoài nước; cân bằng các khoản đầu tư chiến lược liên kết dài hạn và các khoản đầu tư thụ động.

Bên cạnh đó, SSI cũng tích cực thoái vốn các khoản đầu tư đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng hoặc không nằm trong chuỗi giá trị liên kết. Việc thoái vốn sẽ được thực hiện thông qua các nhà đầu tư chiến lược hoặc Ban Điều Hành doanh nghiệp để giảm thiểu khả năng ảnh hưởng đến giá trị công ty do SSI nắm giữ tỉ trọng lớn.

Tiêu chí đầu tư cũng điều chỉnh thêm các điều kiện mới của nền kinh tế như: sự tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân dưới sự ủng hộ của nhà nước, sự hợp nhất (consolidation) của các doanh nghiệp nhỏ trở thành doanh nghiệp lớn, tạo lợi thế cạnh tranh trong quá trình hòa nhập với kinh tế thế giới và cạnh tranh doanh nghiệp yếu tố nước ngoài, những chuyển động tích cực và tiêu cực với các hiệp định thương mại. Do đó SSI định hướng đầu tư vào các công ty lớn hơn, có khả năng mở rộng và tạo lợi thế quy mô. Dịch chuyển đầu tư cũng mở rộng ra một số ngành có sự tăng trưởng nhanh hơn như bán lẻ, sản xuất công nghiệp, tiêu dùng, viễn thông, v.v.. Ngoài ra SSI tham gia các thị trường IPO và OTC cũng như tham gia đầu tư các sản phẩm cấu trúc như phái sinh, chứng quyền đảm bảo, M&A, v.v..

Kế hoạch đầu tư của SSI sau khi tách Tự doanh độc lập sẽ mang tính chất minh bạch, linh hoạt và đa dạng hơn. Đầu tư tự doanh sẽ hỗ trợ cộng hưởng với các bộ phận khác của SSI nhiều hơn: Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (trong bảo lãnh phát hành, cùng đầu tư (co-invest)), Dịch vụ Chứng Khoán (trong sản phẩm mới), đồng thời cùng SSIAM trao đổi các đánh giá đầu tư hiệu quả.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2017, Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) SSI đã duy trì hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty.

HĐQT gồm 06 thành viên. Trong đó, 02 thành viên, ông Ngô Văn Điềm và ông Bùi Quang Nghiêm, là các thành viên độc lập. Cơ cấu HĐQT cân đối tỷ lệ phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như vai trò của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập). Trong đó, ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT phải là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT. Quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập, không điều hành được quy định rõ trong Điều lệ của Công ty.



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Thành Viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin.

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Ông Ngô Văn Điềm

Thành Viên HĐQT

Ông Điềm có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ.

Ông Điềm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.



Ông Bùi Quang Nghiêm

Thành Viên HĐQT

Ông Nghiêm hiện nay là Giám đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Martin Luther Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Duy Khánh

Thành Viên HĐQT

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có đóng góp nhiều vào những thành công của SSI International Corp.



Ông Hironori Oka

Thành Viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng giám đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

STT	Thành viên	Năm sinh	Tư cách thành viên			Tỷ lệ sở hữu cổ phần(*)	
			Độc lập	Không điều hành	Điều hành	Cổ phần	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT	1962			✓	4.884.400	0,977%
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	1967			✓	1.000.000	0,2%
3	Ông Ngô Văn Điểm	1951	✓	✓		150.000	0,03%
4	Ông Bùi Quang Nghiêm	1957	✓	✓		263.174	0,053%
5	Ông Hironori Oka	1963		✓		0	0%
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	1991		✓		500.000	0,1%

(*) Tỷ lệ sở hữu ngày 22/03/2018

Năm 2017, ông Ngô Văn Điểm được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 bầu lại là thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ 5 năm vào năm 2017. Năm thành viên HĐQT còn lại vẫn duy trì hoạt động trong nhiệm kỳ của họ và không có sự kiện bất thường dẫn đến thay đổi thành viên trong năm 2017.

Bốn trong số sáu thành viên HĐQT đã hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định.

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành nghị quyết và chỉ đạo Ban Điều Hành thực hiện nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị công ty, và bằng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Những tài liệu này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được công bố thông tin theo quy định.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế Quản trị công ty. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Năm 2017, HĐQT đã duy trì hoạt động theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực cũng như trên thế giới. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các cổ đông.
- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cổ đông và quyền lợi của người lao động, tôn trọng đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty.

- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới.
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Điều Hành cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Điều Hành, bảo đảm sự điều hành của Ban Điều Hành phù hợp với các quy định và chính sách của công ty.

HĐQT đã tiến hành 07 buổi họp bao gồm 03 cuộc họp trực tiếp vào ngày 7/3/2017, 21/4/2017 và 8/9/2017, và 4 cuộc họp với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản vào các ngày 16/1/2017, 3/4/2017, 29/5/2017 và 15/12/2017. Tất cả các cuộc họp HĐQT đều được 100% thành viên HĐQT tham gia, thảo luận và đưa ra ý kiến biểu quyết về từng vấn đề.

Nội dung các Nghị quyết được HĐQT thông qua cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	16/1/2017	Phát hành trái phiếu SSIBOND0112017
2	02/2017/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	7/3/2017	Thông qua chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
3	03/2017/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	3/4/2017	Bổ sung phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động vào Chương trình hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
4	04/2017/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	3/4/2017	Đăng ký nghiệp vụ chứng khoán phái sinh, gồm: môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh; Tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh
5	05/2017/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	21/4/2017	Phát hành trái phiếu SSIBOND022017
6	06/2017/NQ- HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	29/5/2017	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong Công ty
7	07/2017/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	8/9/2017	Thông qua phát hành chứng quyền có bảo đảm
8	08/2017/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	8/9/2017	Thông qua giao dịch của những người liên quan
9	09/2017/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	8/9/2017	Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ
10	10/2017/NQ- HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	15/12/2017	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua phát hành chứng quyền có bảo đảm và trái phiếu chuyển đổi

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị công ty được xây dựng bao gồm các tiểu ban độc lập của HĐQT phụ trách các vấn đề về Quản lý rủi ro, Kiểm toán nội bộ để giúp cho HĐQT thực hiện các chức năng này. Hiện tại, HĐQT đã chỉ định thành viên HĐQT độc lập phụ trách quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập phụ trách quản trị rủi ro:

- Tiễn hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng Giám Đốc và Bộ phận Quản trị Rủi ro (QTRR) và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập phụ trách kiểm toán nội bộ:

- Rà soát, thẩm định trước khi HĐQT phê duyệt, quyết định các vấn đề liên quan tới cơ cấu tổ chức về kiểm toán nội bộ; dự thảo chiến lược và chính sách kiểm toán nội bộ;
- Kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ quy trình, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc hoạt động của Kiểm toán Nội bộ;
- Báo cáo HĐQT về hoạt động và hiệu quả hoạt động của công tác kiểm toán nội bộ đã thực hiện trong năm; đề xuất phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành chiến lược và chính sách kiểm toán nội bộ.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT độc lập khi tham gia các cuộc họp của HĐQT góp ý kiến, phản biện đề xuất chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại điều lệ công ty cũng như theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT hiện đang kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc với nhiệm vụ lãnh đạo Ban Điều Hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện một cách hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động khác. Việc kiêm nhiệm này đều đã được trình ĐHĐCĐ phê chuẩn trong đại hội hàng năm.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ như đã trình bày tại nội dung về hoạt động của các tiểu ban. Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng Giám Đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành hoạt động của Công ty thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT về kế hoạch kinh doanh, đạt kết quả vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2017 do ĐHĐCĐ thường niên đặt ra, giữ vững vị trí số một về thị phần về môi giới chứng khoán trên cả 2 sàn HOSE và HNX. Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền liên quan đến tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo thông lệ quản trị công ty tốt, chủ động và kịp thời đề xuất những sáng kiến, biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty. Các báo cáo trình ĐHĐCĐ và HĐQT đều được chuẩn bị kịp thời, bảo đảm chất lượng. Hoạt động công bố thông tin thực hiện đầy đủ, kịp thời và trung thực.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty đã có một năm hoạt động thành công trên nhiều phương diện nhờ dự báo tương đối chính xác về tình hình kinh tế - xã hội, xác định định hướng, kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình của thị trường. Kết thúc năm 2017, Công ty ghi nhận doanh thu ở mức 3.043,2 tỷ đồng, tăng 19,8% và vượt 44,35% kế hoạch kinh doanh 2017 về doanh thu. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2017 đạt 1.405 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2016 và vượt 32,8% kế hoạch năm.

Cùng với hiệu quả kinh doanh cao hơn, Công ty tiếp tục có đóng góp lớn cho ngân sách. Trong danh sách 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất năm 2016 được Bộ Tài chính công bố, SSI đứng ở vị trí thứ 60, đồng thời cũng là công ty chứng khoán duy nhất có mặt trong top 100.

Giá cổ phiếu SSI năm 2017 tăng trưởng vững chắc với mức tăng từ 19.900 đồng/cổ phiếu vào ngày giao dịch cuối cùng của năm 2016 lên 28.800 đồng/cổ phiếu vào ngày giao dịch cuối cùng của năm 2017, tăng 44,7%. Kết quả trên đã đưa lại lợi ích lớn hơn cho nhà đầu tư, đáp ứng sự chờ đợi mà cổ đông nêu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 rằng giá cổ phiếu SSI tại thời điểm đầu năm 2017 chưa phản ánh đúng giá trị thực của nó.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2018

Xác định rằng thị trường vốn chính là động lực mới của nền kinh tế, năm 2018, Công ty tập trung vào việc giúp doanh nghiệp huy động vốn qua thị trường chứng khoán, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trên thị trường vốn - kênh dẫn vốn kích thích huy động vốn và phân phối vốn trung hạn và dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế; góp phần khơi dậy và huy động nguồn lực to lớn của đất nước, thúc đẩy kinh tế phát triển; góp phần làm cho nền kinh tế tiền nhanh hơn đến sự minh bạch, công khai, công bằng và linh hoạt hơn.

Công ty tiếp tục thực hiện minh bạch, bình đẳng, tuân thủ quy chuẩn đạo đức nghề nghiệp để nhà đầu tư nhìn nhận thị trường chứng khoán không chỉ là nơi kiếm tiền mà phải là nơi giữ tài sản cho nhà đầu tư, là một địa chỉ tin cậy để người dân lựa chọn cất giữ tài sản thay vì gửi tiết kiệm, mua vàng mua ngoại tệ hay nhà đất.

Năm 2018, Công ty cũng sẽ tập trung vào các hoạt động đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa kinh doanh, trước hết và tuân thủ pháp luật và quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tốt nhất, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng suất lao động đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế và khu vực.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Khải

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm Soát (BKS) SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng BKS qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp và hiện là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN, một công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



Ông Đặng Phong Lưu

Ông Lưu trở thành thành viên BKS SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.



Bà Hồ Thị Hương Trà

Bà Trà là thành viên của BKS SSI từ năm 2007. Bà Trà có kinh nghiệm trên 14 năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà Trà từng làm ở bộ phận kế toán và nay là nhân viên Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam. Bà Trà là cử nhân của Trường Đại học Tài chính Kế toán.

Bà Trà đã từ nhiệm ngày 13/11/2017.

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Mức độ độc lập	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (*)	
				Cổ phần	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	100.455	0,02%
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	45.068	0,01%
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	1975	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI. Bà Trà đã từ nhiệm ngày 13/11/2017	(**)	(**)

(*) Tỷ lệ sở hữu ngày 22/03/2018

(**) Bà Hồ Thị Hương Trà đã từ nhiệm ngày 13/11/2017

HOẠT ĐỘNG CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS

- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng Ban Kiểm Soát (BKS) phụ trách chung và giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, tham gia các cuộc họp của HĐQT;
- Ông Đặng Phong Lưu, thành viên BKS phụ trách kiểm tra, giám sát về tài chính, lập báo cáo tài chính của Công ty;
- Bà Hồ Thị Hương Trà phụ trách giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, giải quyết khiếu nại của cổ đông và các bên liên quan trong thẩm quyền của BKS.

Tóm tắt hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2017

- Thực hiện báo cáo cho cổ đông việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2017 và kế hoạch hoạt động cho năm 2018 của BKS.
 - Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS, đại diện cho BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2017.
 - Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, các báo cáo tài chính quý, báo cáo bán niên và báo cáo cả năm 2017.
 - Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2017.
 - Giám sát thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ về chứng quyền có bảo đảm và trái phiếu chuyển đổi tháng 01/2018.
 - Giám sát việc thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu năm 2018.
 - Ngày 31/5/2017, BKS đã tiến hành cuộc họp định kỳ và thông qua các nội dung:
 - Báo cáo tình hình thực hiện kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty;
 - Thống nhất khuyến nghị HĐQT chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong năm 2017.
 - Ngày 20/9/2017, BKS đã tiến hành cuộc họp định kỳ và thông qua nội dung:
 - Báo cáo tình hình thực hiện kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty.
 - Ngày 13/11/2017, BKS đã tiến hành cuộc họp bất thường thống nhất về việc chấp thuận đơn từ nhiệm của bà Hồ Thị Hương Trà, thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS vào cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- BKS đã làm việc với đại diện HĐQT về việc thực hiện Quy chế quản trị công ty đại chúng theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ, khuyến nghị HĐQT xem xét các điểm mới trong Quy chế này để chuẩn bị thực hiện, kịp thời trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua Quy chế quản trị công ty tại kỳ họp thường niên năm 2018.
- BKS làm việc với bộ phận Kiểm soát Nội bộ, Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và lưu ý một số hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của công ty trong năm 2017 bao gồm:
- Giám đốc Luật & Kiểm soát Nội bộ có kế hoạch đào tạo, nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng của nhân viên kiểm soát nội bộ, đảm bảo phù hợp với thực tế phát triển thị trường, lộ trình đưa các sản phẩm mới ra thị trường của UBCKNN để nhân viên có đủ năng lực kiểm soát;
 - Tăng cường công tác đào tạo, tuyên truyền về đạo đức nghề nghiệp nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
 - Bộ phận Quản trị Rủi ro củng cố quy trình làm việc nội bộ, triển khai quy trình quản trị rủi ro bài bản, chuyên nghiệp.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Hoạt động của Công ty trong năm 2017 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Những người nội bộ thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Điều lệ Công ty đã được sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và mẫu điều lệ áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính riêng hàng quý, sáu tháng được công bố đúng thời hạn. Tuy nhiên, SSI cũng như nhiều doanh nghiệp niêm yết khác vẫn phải xin UBCKNN chấp thuận gia hạn công bố các báo cáo tài chính hợp nhất các quý, bán niên. Khuyến nghị Tổng Giám đốc cải tiến quy trình nhằm đẩy nhanh tiến độ lập báo cáo, đồng thời báo cáo UBCKNN các khó khăn, vướng mắc về thời hạn báo cáo, công bố thông tin để xem xét sửa đổi phù hợp với thực tế thị trường.

Công ty đã hoàn tất việc phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông vào tháng 12/2017. Cổ tức được thanh toán cho cổ đông trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Giám sát về mặt tài chính

Công ty đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của UBCKNN. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2017 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đúng theo quy định hiện hành của UBCKNN và Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2017 đã trình bày trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Việc trích lập các quỹ và chi trả lao động và Ban Kiểm soát trong năm thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Công tác kế toán, hạch toán sổ sách của Công ty được thực hiện trên cơ sở thận trọng.

Giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

Đến nay, BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty. Các giao dịch với người quản lý, người có liên quan được công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

Giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2017, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông về tình hình hoạt động cũng như công tác quản trị Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Cổ đông

Trong năm 2017, BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý của công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Quý hoạt động của HĐQT và BKS năm 2017 của SSI được ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2017 thông qua là 3.000.000.000 đồng (3 tỷ đồng) theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 21/4/2017 của ĐHCĐ 2017.

Tại thời điểm 31/12/2017 SSI có 06 thành viên HĐQT trong đó Kiểm điều hành 02 người; Không điều hành 04 người. BKS có 02 thành viên, tất cả đều không điều hành (bà Hồ Thị Hương Trà từ nhiệm ngày 13/11/2017).

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiểm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi	Ghi chú
Hội Đồng Quản Trị									
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch		✓	✓		✓	✓	
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên		✓	✓		✓	✓	
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	✓		✓		✓	✓	
4	Ông Bùi Quang Nghiêm	Thành viên	✓			✓			
5	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	✓			✓			
6	Ông Hironori Oka	Thành viên	✓			✓			
Ban Kiểm Soát									
1	Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	✓					✓	
2	Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	✓					✓	
3	Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	✓					✓	Đã từ nhiệm

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI THEO KỲ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty và thành viên Ban Kiểm soát cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của quý phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được ĐHCĐ thông qua.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT và BKS

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ...) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT và BKS còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Năm 2017 SSI thực hiện chương trình Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực công hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	1.872.000
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD/ Người được ủy quyền CBTT	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	100.000
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	30.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000

Tổng thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong năm là 12.405.200.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT và BKS xem Phụ lục về cơ cấu cổ đông và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2017 được đánh dấu là một năm thành công của nền kinh tế cũng như TTCK Việt Nam, với mức tăng 48% của chỉ số VNIndex cùng sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư nước ngoài cũng như trong nước. Các cổ phiếu có lịch sử làm giá, cổ phiếu của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh kém gần như không tăng trưởng; điều đó cho thấy xu thế lựa chọn các cổ phiếu cơ bản của nhà đầu tư thay vì chạy đua theo các cổ phiếu có độ rủi ro cao. Được sự ủng hộ từ các yếu tố thị trường cùng với đội ngũ nhân sự mạnh, có chiến lược rõ ràng từ ban lãnh đạo để nắm bắt thời cơ, năm 2017 tiếp tục là một năm tăng trưởng mạnh của SSI về mặt nhân sự, khách hàng, kết quả kinh doanh, thị phần, dư nợ cho vay ký quỹ v.v... Trong khi đó, các rủi ro đã được hạn chế ở mức thấp nhất, nằm dưới hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.

Trong năm 2017, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của Công ty tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật, phù hợp với thực tế kinh doanh cũng như các rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh mới như chứng khoán phái sinh. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;

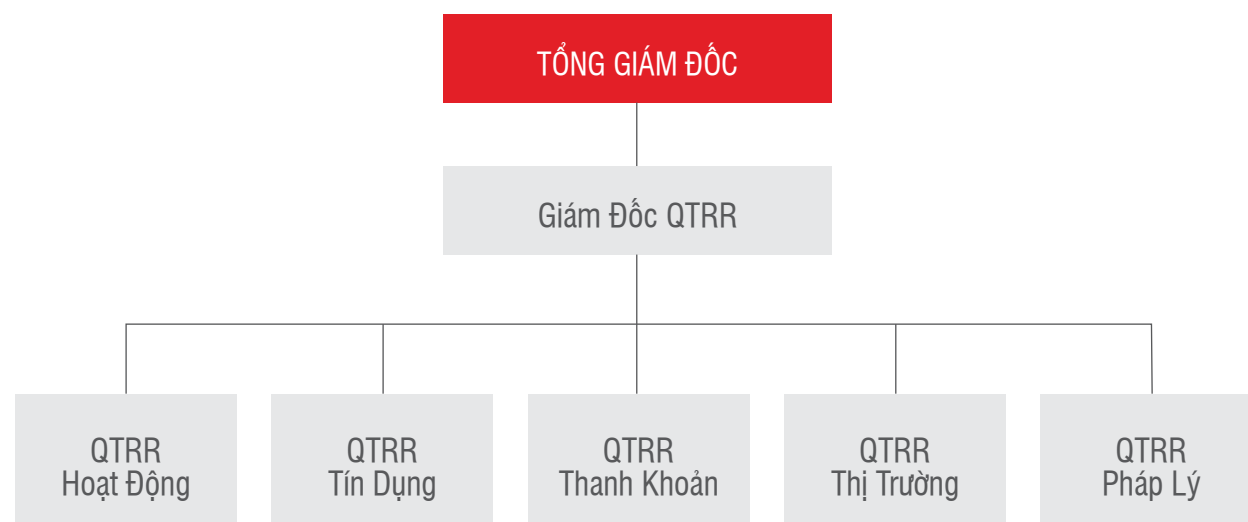
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;

- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;

- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp nhằm xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát từ các bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ (KSNB) và Kiểm Toán Nội Bộ (KTNB).

Bộ phận QTRR được tổ chức chi tiết theo từng loại rủi ro nhằm đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước như sau:

1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB, và Kiểm Toán Độc Lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/ khả năng xảy ra trong tương lai.
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ.
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh.
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ Quan Quản Lý Nhà Nước, Kiểm Toán Độc Lập, KTNB, KSNB.
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh, chính sách pháp luật.

2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính.
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước.
- Mô hình “stress testing” được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần.
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu.
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất Công ty có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát;
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT;
- Tình hình thực tế vận hành của các bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các trưởng bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng bộ phận kinh doanh, bộ phận nghiệp vụ lên Tổng Giám Đốc phê duyệt.

Tổng Giám Đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng bộ phận kinh doanh nghiệp vụ lên HĐQT phê duyệt.

4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, và một số khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước hoặc cả hai.

Công tác giám sát và phòng ngừa rủi ro được thực hiện đầu tiên bởi chính các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận kinh doanh - nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, sau đó chịu sự giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các bộ phận nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.

5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro v.v...

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- **Chấp nhận rủi ro:** Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro.
- **Tránh rủi ro:** Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty.
- **Giảm thiểu rủi ro:** Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai.
- **Chia sẻ rủi ro:** Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh.
- **Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro** để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát:

- Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro, nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro.
- Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện.
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn.
- Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự.
- Điều chỉnh những hạn mức liên quan (nếu cần) để phù hợp với thực tế.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu; tình hình thị trường; thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác; biến động về địa chính; cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan với bộ phận QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2017 hơn 8.616 tỷ VNĐ, tổng tài sản lên tới trên 18.764 tỷ VNĐ, trạng thái tiền mặt trung bình 4.074 tỷ VNĐ, bao gồm hơn 2.257 tỷ VNĐ của nhà đầu tư, dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời hạn nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất sao cho tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Biến động lãi suất trong năm 2017 không lớn nhưng SSI vẫn tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động ngoài dự kiến của yếu tố vĩ mô có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, trong năm 2017 với điểm sáng là sự ổn định kinh tế vĩ mô, SSI đã tận dụng tốt các cơ hội của thị trường để thanh toán và đầu tư vào những Công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, ít chịu ảnh hưởng bởi những biến động của thị trường, có tiềm năng phát triển ổn định. Công ty tiếp tục tăng cường hoạt động đồng hành cùng các Công ty liên kết, hỗ trợ các Công ty huy động vốn tối đa để tạo tiềm lực tài chính vững chắc cho mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị cốt lõi của cổ phiếu, duy trì mức giá cổ phiếu trên đà tăng trưởng tốt.

Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI sẽ cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Điều Hành tại các doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty.

Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Thị trường Chứng khoán phái sinh đã chính thức được đưa vào hoạt động năm 2017, và SSI là một trong những Công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép kinh doanh chứng khoán phái sinh. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về con người, hệ thống, quy trình, Công ty đã nắm giữ thị phần lớn nhất trên thị trường phái sinh là 28,28%. Sản phẩm chứng khoán phái sinh có mức độ sử dụng đòn bẩy cao nên trạng thái tài khoản của khách hàng có sự thay đổi nhanh trong ngày theo diễn biến thị trường. Vì thế, việc xác định các tỷ lệ ký quỹ ban đầu một cách thận trọng giúp Công ty hạn chế các rủi ro từ việc biến động mạnh của chỉ số chứng khoán phái sinh. Bộ phận QTRR đã xây dựng quy trình QTRR cho chứng khoán phái sinh cũng như tiến hành đo lường theo phương pháp định lượng để xác định tỷ lệ ký quỹ ban đầu, và các mức cảnh báo phù hợp nhằm hạn chế rủi ro có thể xảy ra với Công ty cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, bộ phận QTRR luôn giám sát hàng ngày các diễn biến thị trường để có thể kịp thời đưa ra các biện pháp ứng phó



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của Công ty phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt động đầu tư tiền gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi tại ngân hàng thương mại được xem là có khả năng xây ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu có sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các ngân hàng dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của ngân hàng, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi ngân hàng thương mại sẽ được áp dụng hạn mức tiền gửi khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn.

TRONG SUỐT 18 NĂM HOẠT ĐỘNG, SSI KHÔNG PHÁT SINH KHOẢN TIỀN GỬI NÀO BỊ MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN.



Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 18 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.

Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCKNN chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản, giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.

- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu.

- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:

- tổng hạn mức cho vay ký quỹ;
- hạn mức tối đa trên 1 khách hàng;
- hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu;
- tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn;
- tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, v.v...

- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...

- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...

- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Trong năm 2017, với sự tăng trưởng chung của toàn thị trường, bên cạnh đó là chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty có sự tăng trưởng mạnh từ mức trung bình hơn 3.294 tỷ VNĐ năm 2016 lên mức trung bình hơn 4.150 tỷ VNĐ trong năm 2017, với mức cao nhất lên tới hơn 5.632,7 tỷ VNĐ. Rủi ro đã được quản lý tốt, không phát sinh nợ xấu trong năm 2017.

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. Trong bối cảnh lãi suất trái phiếu chính phủ duy trì ở mức thấp trong năm 2017 và rủi ro Cục Dự trữ Liên bang Mỹ tăng lãi suất, SSI chủ yếu đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu được chính phủ bảo lãnh. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, quá trình thẩm định được thực hiện rất kỹ càng, Công ty chỉ đầu tư trái phiếu của các doanh nghiệp được xếp hạng uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.



SSI ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CÁC KHÍA CẠNH CỦA MỘT ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU TƯƠNG TỰ NHƯ THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG TRƯỚC KHI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ, và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 127 nghìn tài khoản năm 2017, rải rác tại các thành phố khác nhau, đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân hơn 2.257 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2017, dịch vụ cho vay ký quỹ của SSI tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh, đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn nhất thị trường, do đó việc quản lý các khoản đầu tư có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi có cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2017 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao từ 464% đến 555%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ theo quy định của UBCKNN là 180%.

Tỷ lệ Vốn khả dụng năm 2017	
Tháng	Tỷ lệ vốn khả dụng
1	501%
2	497%
3	505%
4	555%
5	530%
6	546%
7	489%
8	525%
9	506%
10	464%
11	491%
12	499%



Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI.

Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

	Báo cáo	Tần suất
Kê toán	Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng	Hàng ngày
	Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	Báo cáo dòng tiền đầu ngày	Hàng ngày
	Báo cáo kế hoạch dòng tiền	Hàng ngày
Dịch vụ Chứng khoán	Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của khách	Hàng ngày
	Báo cáo thanh toán cổ tức	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ	Hàng ngày
	Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ	Hàng ngày
	Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua	Khi có phát sinh
Báo cáo nguồn cho vay ký quỹ	Hàng ngày	
Quản trị rủi ro	Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng	Hàng tháng
	Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản	Hàng tháng/ Hàng ngày
	Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản	Hàng tháng

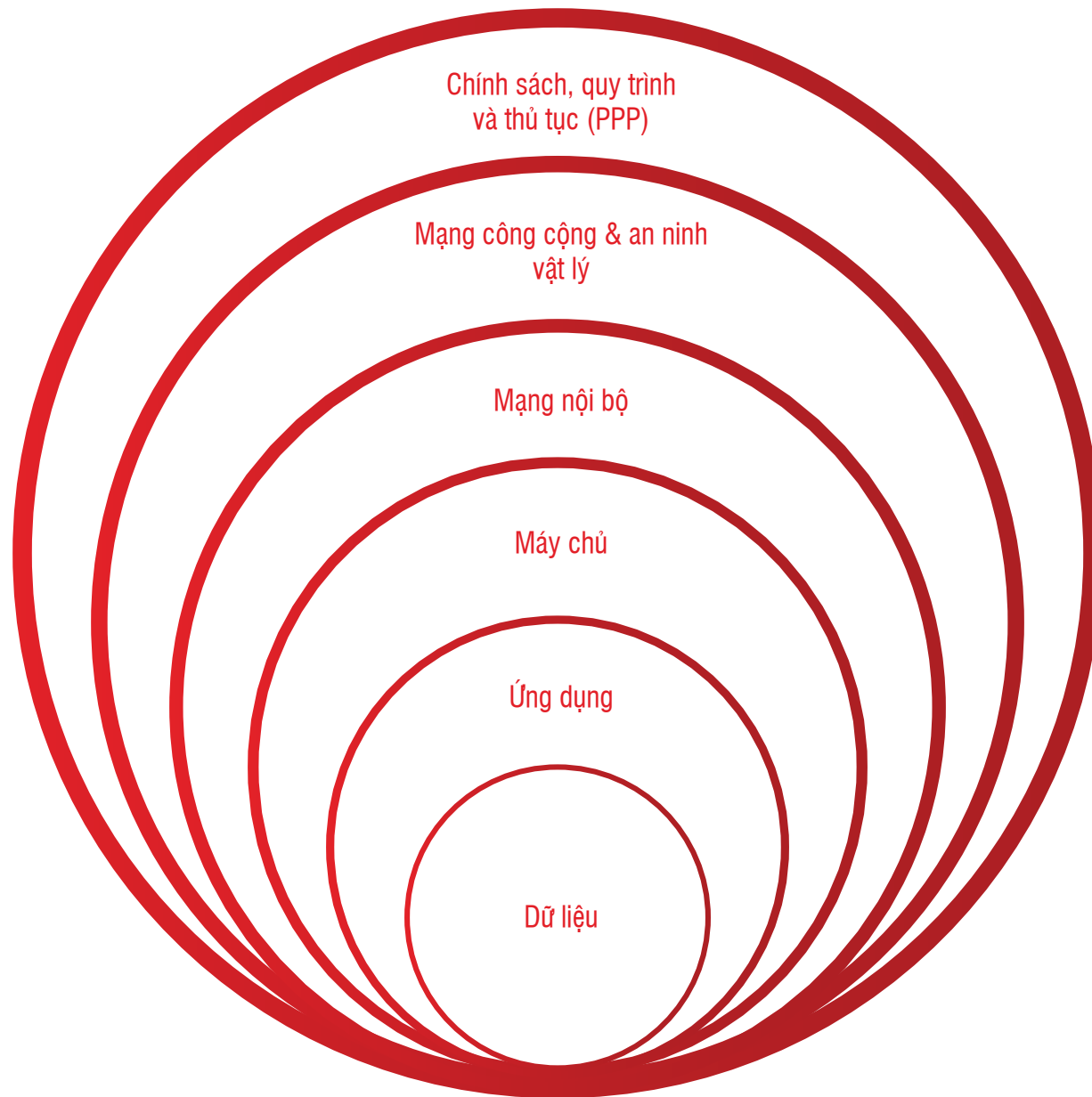
Năm 2017, để tiếp tục tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ, SSI đã huy động thêm nguồn vốn kinh doanh từ vay ngân hàng và phát hành trái phiếu, việc quản trị dòng tiền hiệu quả và an toàn càng phức tạp hơn.

Tuy nhiên, Công ty luôn duy trì một tỷ lệ hợp lý và cân đối giữa tài sản và nợ, áp dụng nguyên tắc cơ bản của QTRR thanh khoản là đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản.

RỦI RO HỆ THỐNG & AN TOÀN THÔNG TIN

Hiệu quả của hoạt động kinh doanh không chỉ phụ thuộc vào chất lượng sản phẩm/ dịch vụ hay chiến lược kinh doanh, mà còn đòi hỏi một môi trường vận hành ổn định. Làm thế nào để tạo được một môi trường có độ ổn định tối đa và rủi ro tối thiểu là vấn đề quan trọng hàng đầu trong mảng Công nghệ Thông tin của mỗi doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro hệ thống tại SSI được phân loại thành 5 nhóm khác nhau:



Công ty dành mức đầu tư đáng kể cho mỗi nhóm, cùng với sự kiểm soát vận hành đầy đủ nhằm phòng tránh các rủi ro tương ứng:

- Các chính sách, quy trình và thủ tục được xây dựng một cách chặt chẽ để quản trị vận hành công nghệ nội bộ và việc sử dụng hạ tầng của công ty.
- Đối với việc kiểm soát truy cập mạng công cộng, SSI áp dụng giám sát camera và bảo vệ 24/7 tại tất cả các khu vực. Để phòng chống rủi ro xâm nhập và tấn công mạng công cộng, Công ty sử dụng hệ thống chống Ddos, chống virus và một số chương trình khác.
- Đối với mạng nội bộ, Công ty sử dụng mạng đa khu vực, chính sách tường lửa chặt chẽ và các phương thức phát hiện xâm nhập phù hợp.

- Đối với máy chủ và ứng dụng, Công ty sử dụng hình thức kiểm soát mật khẩu truy cập linh hoạt, thiết bị dò truy cập trái phép cùng các giải pháp kiểm tra xâm nhập khác.
- Đối với dữ liệu kinh doanh, Công ty không cho phép truy cập ngoài các ứng dụng được phân quyền tương ứng. Toàn bộ cơ sở dữ liệu được đặt trong hệ thống trung tâm được trang bị đầy đủ.
- Đối với kế hoạch phòng chống thảm họa, Công ty duy trì đánh giá hàng quý theo Kế hoạch Phục Hồi Thảm Họa (DRP). Tháng 11/2017, SSI cũng đã tiến hành kiểm tra đột tin cậy của kế hoạch DRP này.

Để bảo vệ và cải thiện tính ổn định của hệ thống, SSI sử dụng chiến lược dự phòng cho toàn bộ cơ sở hạ tầng. Khả năng lưu trữ và sử dụng hạ tầng được kiểm tra hàng quý. CNTT SSI cũng duy trì tỷ lệ 96,5% đạt theo các kết dịch vụ (SLA) khi hỗ trợ trên 700 người dùng, với hơn 13.000 yêu cầu/ tháng.





RỦI RO TUẦN THỦ

Rủi ro tuần thủ là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ công ty, vi phạm các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy chế, kể cả các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuần thủ được xem là công tác quan trọng của SSI. Một số biện pháp được thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuần thủ bao gồm:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận. Tại Công ty, các quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra;
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Nhân viên mới được tuyển dụng đều được đào tạo, phổ biến về các quy trình, quy chế chung và các quy định đặc biệt có liên quan đến công việc của mình. Trong suốt thời gian làm việc tại SSI, nhân viên được đào tạo định kỳ để nắm rõ quy trình làm việc và nâng cao ý thức tuân thủ;
- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ;
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Năm 2017, Bộ phận KSNB của Công ty đã thực hiện 43 đợt kiểm soát tại các bộ phận để kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, số lượng đợt kiểm soát tăng 7,5% so với năm 2016. Kết quả kiểm soát được báo cáo cho Tổng Giám Đốc, Giám Đốc các Khối phụ trách và bộ phận Pháp chế của Công ty để kịp thời xử lý vi phạm, cập nhật, chỉnh sửa quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu suất công việc.

Tuần thủ chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật về thuế cũng được công ty chú trọng. Công ty đã thực hiện 32 cuộc kiểm toán trong năm 2017 liên quan đến chứng từ kế toán và lập báo cáo tài chính, kiểm toán thuế. Hoạt động kiểm toán nội bộ đã kịp thời phát hiện các sai sót và đề xuất thực hiện các biện pháp tuần thủ cho Tổng Giám Đốc. Các hoạt động kiểm toán nội bộ đã làm tăng hiệu quả quản trị rủi ro tuần thủ cho Công ty. Các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và báo cáo vốn khả dụng của Công ty công bố đều đảm bảo thông tin trung thực, khách quan, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật.

Công ty duy trì hàng năm tổ chức đào tạo trực tiếp cho toàn bộ nhân viên Công ty về đạo đức nghề nghiệp, kiểm soát nội bộ và phòng, chống rửa tiền. Các bộ phận tài chính kế toán cũng được đào tạo cập nhật kiến thức pháp luật kế toán, pháp luật thuế, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo do các cơ quan quản lý tổ chức.

Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế hỗ trợ nhân viên nâng cao kiến thức chuyên môn. Quy định này đã khuyến khích nhiều nhân viên chủ động tham gia các khóa học cập nhật kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu hoặc các khóa học dài hạn nâng cao kiến thức chuyên ngành. Các vị trí công tác yêu cầu nhân sự có chứng chỉ hành nghề Công ty đều đáp ứng đầy đủ.

Nhờ tăng cường đào tạo nâng cao ý thức tuân thủ, tăng tần suất kiểm soát và kịp thời cập nhật, hoàn thiện quy trình nên trong năm 2017 số lượng vi phạm, sai sót được kiểm soát chặt chẽ và không phát sinh sai sót trọng yếu.

Một số rủi ro tuần thủ phát sinh đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2018 được trình bày trong bảng:

Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuần thủ

STT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Nhân viên môi giới vi phạm đạo đức nghề nghiệp, lạm dụng tài khoản của khách hàng	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Phân quyền truy cập thông tin khách hàng; Thiết kế quy trình quản lý tài khoản có sự kiểm tra chéo; Khuyến khích khách hàng giao dịch qua internet; Thông báo kịp thời thay đổi số dư tài khoản cho khách hàng qua tin nhắn, email; Kiểm soát nghiệp vụ từ trung tâm; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; Luân chuyển các vị trí kiểm soát, phê duyệt.
2	Nhân viên môi giới vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tham gia làm giá chứng khoán	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát tài khoản giao dịch của nhân viên và người thân; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; Kiểm tra lịch sử làm việc của nhân viên khi tuyển dụng.
3	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa khách hàng và nhân viên môi giới	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát tài khoản giao dịch của nhân viên và người thân.
4	Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền, đặc biệt là nhận biết khách hàng	Ban hành quy định về phòng chống rửa tiền, lồng ghép các quy định về phòng chống rửa tiền vào các quy trình nghiệp vụ; Hàng năm đào tạo cho nhân viên nâng cao nhận thức về phòng, chống rửa tiền; Từ chối khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của Pháp luật; Chủ động phân loại độ rủi ro của khách hàng trong phòng, chống rửa tiền.
5	Nhân viên vi phạm quy trình nghiệp vụ	Đào tạo nghiệp vụ cho mọi nhân viên mới, đào tạo định kỳ bắt buộc cho mọi nhân viên; Việc giải quyết các nghiệp vụ bắt buộc có các chốt phê duyệt, kiểm soát; Rà soát, cập nhật quy trình thường xuyên và khi phát hiện các vi phạm để hoàn thiện quy trình, giảm thiểu rủi ro; Tăng tần suất kiểm soát nội bộ đối với các bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro.



RỦI RO THƯƠNG HIỆU

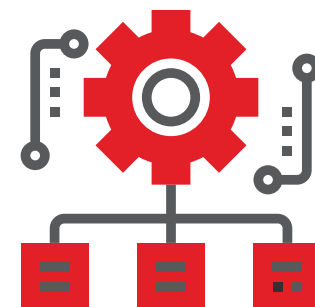
Là Công ty hoạt động trong ngành Tài chính – Chứng khoán, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu để nhận biết và định vị sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp đó mà đã trở thành một tài sản vô hình có giá trị đặc biệt. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của Khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty.

Nhận thức rõ những nguy cơ có thể xảy ra, SSI đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách hiệu quả. Thương hiệu không chỉ đến từ các hình ảnh, thông tin của SSI trên các kênh truyền thông bên ngoài cũng như nội bộ, mà chính là các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSI và khách hàng. Vì thế “đại sứ thương hiệu” được nhìn một cách rộng hơn – mỗi cá nhân trong tập thể SSI đều là một đại sứ để truyền thông điệp về thương hiệu SSI không chỉ đến khách hàng mà còn ra đại chúng. SSI luôn cố gắng để những thông điệp này đều thống nhất và theo đúng chiến lược của Công ty - Tầm nhìn “Chúng ta cùng thành Công” với định hướng luôn xây dựng SSI là định chế tài chính minh bạch.

Trong thời buổi bão thông tin, SSI tuân theo một tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu, đó là tính minh bạch. Để có được niềm tin của Cổ đông và Nhà đầu tư, minh bạch là điểm mấu chốt: thông tin tích cực hay tiêu cực đều được SSI xử lý thông nhất, để đưa đến cho Nhà đầu tư và Cổ đông những cái nhìn trung thực nhất. Khi có thông tin không chính xác về SSI được đưa ra công luận, SSI cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc. Với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các Cổ đông, SSI nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Khi mà những tác động của mạng xã hội đến thương hiệu đang ngày càng mạnh mẽ, thay bằng việc thụ động ứng phó với các luồng thông tin, SSI cũng đã kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của nhà đầu tư, của khách hàng, không những chỉ về thương hiệu SSI, mà còn chung về TTCK. Các thông tin này không chỉ giúp SSI luôn chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch, đây còn là nguồn thông tin quý giá để SSI nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro cho thương hiệu, SSI đã và đang xây dựng quy trình và kế hoạch truyền thông một cách có hệ thống và chuyên nghiệp. Hàng năm, SSI đều hoạch định các kế hoạch truyền thông rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. SSI đã ban hành và thực hiện nhiều quy định, quy chế khác nhau về báo cáo và Công bố thông tin với quy định cụ thể về trả lời phỏng vấn với các phương tiện thông tin đại chúng, việc đưa thông tin và bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của SSI. Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.



SSI ĐÃ VÀ ĐANG XÂY DỰNG QUY TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH TRUYỀN THÔNG MỘT CÁCH CÓ HỆ THỐNG VÀ CHUYÊN NGHIỆP

RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Cùng với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế vĩ mô và TTCK, quản trị nhân sự tại SSI tiếp tục đối mặt với những thách thức và cơ hội mới do thị trường mang lại. Luôn ý thức được nguồn nhân lực là tài sản quý nhất, là nhân tố tạo ra giá trị khác biệt của công ty, SSI tiếp tục chú trọng việc phát triển chính sách và hoạt động quản lý nguồn nhân lực bài bản và toàn diện.

Năm 2017, TTCK tiếp tục có nhu cầu rất lớn về nhân lực để các công ty vận hành và tiếp tục mở rộng. Trong khi thị trường nguồn nhân lực cung không đáp ứng đủ cầu, buộc các công ty phải tuyển nhân viên từ những đối thủ hoạt động cùng ngành. Một bên cần người, một bên giữ người nên cạnh tranh về mặt lương thưởng tăng cao và tỷ lệ nghỉ việc, nhảy việc cao là điều có thể hiểu được.

Đứng trước những thách thức trong việc quản trị nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ, công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động quản trị nhân lực cũng đã được chú ý thực hiện nghiêm túc. Không chỉ dừng lại ở những công tác tuyển dụng sàng lọc chặt chẽ, mở rộng các hình thức tuyển dụng, tăng cường đào tạo đội ngũ, nghiêm túc thực hiện đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chính sách đãi ngộ để đảm bảo hạn chế rủi ro thiếu hụt và mất nguồn lực; SSI còn chú trọng lập danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong các hoạt động quản trị nhân sự để xác định đánh giá các rủi ro và có kịch bản xử lý.

Hoạt động Quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Lương thưởng và chế độ phúc lợi	Ảnh hưởng tài chính	Người có thẩm quyền ký các quyết định liên quan đến lương thưởng và chế độ phúc lợi. Các cấp phê duyệt trong quy trình duyệt chính sách liên quan. không vượt quá ngân sách đã định.
Tuyển dụng	Phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng Tuyển chọn sai đối tượng Uy tín và danh tiếng tuyển dụng	tuân thủ áp dụng với tất cả các ứng viên tiềm năng. Áp dụng thời gian thử việc và đánh giá sau thử việc. Thực hiện đúng những điều kiện/ cam kết đã trao đổi với ứng viên trong quá trình tuyển dụng.
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Môi trường làm việc Sức khỏe người lao động	Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, lành mạnh và chuyên nghiệp. Tuân thủ theo Luật an toàn, vệ sinh lao động Nhà nước ban hành. Định kỳ tổ chức khám sức khỏe để theo dõi tình hình sức khỏe của người lao động, có kế hoạch dự phòng nhân sự khi cần thiết. Tuân thủ luật Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế để đảm bảo cho người lao động trong các trường hợp được hưởng đầy đủ quyền lợi theo từng chế độ được nhà nước quy định, đặc biệt là các chế độ ốm đau, thai sản v.v... Duy trì gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người lao động với quyền lợi cao, cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo và hỗ trợ về mặt tài chính cho người lao động đủ điều kiện khám chữa bệnh trọng điều kiện tốt.

Hoạt động Quản trị Nhân sự	Rủi ro tiềm tàng	Các vấn đề cần cân nhắc
Quản lý nhân viên	Thiếu thông tin và không được hướng dẫn/ đào tạo cần thiết để thực hiện công việc	Tất cả các nhân viên trong Công ty đều được đào tạo định hướng nhằm cung cấp các thông tin đầu vào sơ bộ hỗ trợ nhân viên khi bắt đầu làm việc. Trong suốt quá trình làm việc các nhân viên cần được bồi dưỡng, đào tạo (on the job training) và giám sát bởi cấp quản lý để đảm bảo các kiến thức, kỹ năng của mỗi nhân viên đáp ứng yêu cầu hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
	Nhân viên không được đánh giá hiệu quả công việc	Tất cả vị trí trong công ty đều được đánh giá hiệu quả công việc thông qua Chương trình Đánh giá Hiệu quả Công việc cuối năm, được thực hiện trên hệ thống Đánh giá hiệu quả công việc (PMS) và lưu trữ thông tin các kỳ đánh giá để tham chiếu. Đối với các đối tượng đặc thù như nhân viên Môi giới được đánh giá phân bậc 2 kỳ trong năm.
	Dự phòng nhân sự	Các vị trí trong Công ty cần được xây dựng bản mô tả công việc rõ ràng, đảm bảo khi thiếu hụt nhân sự có thể kịp thời tuyển dụng thay thế để đảm bảo thực hiện đúng chức năng công việc của vị trí đó. Mỗi bộ phận phòng ban đều có kế hoạch dự phòng nhân sự để đảm bảo hoạt động của phòng khi có nhân viên nghỉ đột xuất hoặc nghỉ dài hạn. Các vị trí chủ chốt trong Công ty có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa hoặc thay thế tạm thời trong trường hợp vắng mặt.
	Thiếu hụt nhân sự	Mở rộng đa dạng hình thức và kênh tuyển dụng với mô tả và yêu cầu của mỗi vị trí rõ ràng. Củng cố chính sách đãi ngộ tổng thể khuyến khích và gắn kết quyền lợi người lao động với kết quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua chính sách lương, thưởng và chương trình phát hành cổ phiếu ưu đãi. Tăng cường công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ để xây dựng lực lượng lao động có kiến thức và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế công việc; xây dựng đội ngũ kế cận.
	Vi phạm quy tắc đạo đức	Đẩy mạnh giám sát chéo thông qua các quy trình nghiệp vụ chặt chẽ. Tổ chức đào tạo và cập nhật về Đạo đức nghề nghiệp và các trường hợp vi phạm để nhân viên ý thức và tránh vi phạm.
	Bảo mật thông tin cá nhân	Các thông tin cá nhân của nhân viên cần được bảo mật, chỉ cung cấp khi có yêu cầu cụ thể từ các cấp có thẩm quyền. Mọi nhân viên đều được ký Hợp đồng lao động và Thỏa thuận Bảo Mật đầy đủ khi làm việc tại doanh nghiệp.
Đối với nhân viên nghỉ việc	Thất thoát tài sản của Công ty	Tuân thủ đúng quy trình bàn giao tài sản và bàn giao công việc để tránh rủi ro thất thoát tài sản cả về vật chất và phi vật chất (thông tin).
	Danh tiếng Công ty	Tiền hành phòng vãn khi nghỉ việc để nắm được nguyên nhân nghỉ việc của nhân viên, tránh các rủi ro ảnh hưởng tới danh tiếng của Công ty.

Cùng với công tác tuyển dụng và tuyển chọn, công tác đào tạo cũng được quan tâm nghiêm túc để đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, cũng như tiếp thêm cảm hứng và động lực cho nhân viên. Những chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho từng phân khúc đối tượng, giúp tăng hiệu quả công việc, giảm rủi ro về nghiệp vụ và nâng cao tính gắn kết trong tổ chức. Trước những thay đổi về hành lang pháp lý, yêu cầu thị trường ngày một khắt khe, đội ngũ SSI lại càng cần trau dồi và phát triển để mang lại những giá trị cạnh tranh hơn nữa cho khách hàng.

Chính sách đãi ngộ và chương trình đánh giá hiệu quả công việc luôn là bộ đôi song hành để đảm bảo sự hài lòng của nhân viên, tính công bằng trong nội bộ và cạnh tranh với thị trường, tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho nhân viên phát triển.

Tối ưu hóa chi phí vận hành nhưng vẫn phải đảm bảo tốc độ phát triển nguồn lực cả về chất lượng và số lượng, thích ứng với yêu cầu của thị trường; thu hút và giữ chân nhân tài đặc biệt là nhân sự cấp cao luôn là thách thức cho hoạt động quản trị nguồn nhân lực. SSI đề cao việc quản trị bộ máy bằng hệ thống và các quy trình để đảm bảo tuân thủ chặt chẽ, phát triển bền vững và khả năng dự phòng nhân sự cho cả bộ máy để hạn chế tối đa những rủi ro có thể gặp phải do có biến động về nhân sự. Đối với công tác quản trị nhân sự, tính chính xác và bảo mật của thông tin nhân sự luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Các báo cáo định kỳ cho thấy xu hướng nhân sự trong Công ty được thực hiện thông qua hệ thống quản lý thông tin giúp Ban Lãnh Đạo quản lý và dự đoán tốt hơn tình hình nhân sự, cũng như có các phương án đào tạo, tuyển dụng, xây dựng chính sách phù hợp với tình hình thực tế. Với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ, các công tác nhân sự cũng đã được giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả khi tác nghiệp.

Bên cạnh đó, SSI tiếp tục duy trì kênh truyền thông nội bộ để tiếp tục chia sẻ tầm nhìn, chiến lược, củng cố văn hóa doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng tinh thần SSI. Những chia sẻ này cũng là yếu tố động viên tinh thần làm việc, cung cấp thông tin và tránh những căng thẳng không đáng có. Đây cũng là một biện pháp đảm bảo thông tin xuyên suốt và mỗi nhân viên đều hiểu được mục tiêu của bản thân và của tập thể để tiếp tục đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của Công ty. Với sự chia sẻ và minh bạch cao trong tổ chức, bộ máy sẽ vận hành được trơn tru hơn, giảm thiểu những tác động tiêu cực tới nhân sự.

Cùng với những cơ hội và thách thức mới, công tác quản trị nhân sự tại SSI nhận được sự quan tâm đặc biệt của Ban Lãnh Đạo để tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực tinh nhuệ, đậm tinh thần SSI. SSI tiếp tục đóng vai trò là một cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài. Tại đây, SSI tiếp sức cho những hoài bão và sẵn sàng trao cơ hội thử sức và phát triển cho nhân viên. Bằng cách quản trị bằng hệ thống và quy trình kiểm soát chéo, SSI có thể mạnh dạn tạo điều kiện thử nghiệm, thử sức cho đội ngũ nhân viên nhưng vẫn đảm bảo hạn chế được những rủi ro có thể xảy ra.





RỦI RO VỀ PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý xảy ra cho Công ty trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo, v.v... từ các bên liên quan trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. HĐQT Công ty đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra.

Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức bộ phận Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết. Bộ phận Luật và các đơn vị tư vấn có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các Bộ phận có liên quan; nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Bên cạnh đó, bộ phận này cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty trước khi được ban hành đều phải được kiểm tra bởi Bộ phận Luật cũng như thường xuyên được rà soát để chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban Lãnh đạo, Nhân viên Công ty cam kết thực hiện.



**HĐQT CÔNG TY KHÔNG CHẤP NHẬN
BẤT CỨ RỦI RO NÀO
DO VIỆC CỐ TÌNH VI PHẠM
CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ GÂY RA.**

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, không sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 2018

Trong năm 2017, hệ thống QTRR của Công ty đã cơ bản hoàn thiện với sự bổ sung và cập nhật một số các chính sách, quy trình QTRR cho từng mảng rủi ro cụ thể, bên cạnh đó là hệ thống giám sát, cảnh báo rủi ro cũng được nâng cao.

Trong năm 2018, hoạt động QTRR sẽ được nâng cao hơn nữa với việc xây dựng hệ thống QTRR phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như thực tế kinh doanh của SSI. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện và cập nhật các chính sách và quy trình QTRR tiếp tục được thực hiện.

Với việc tăng trưởng mạnh về quy mô nhân sự cũng như hệ thống mạng lưới chi nhánh, khách hàng, cùng với các sản phẩm mới như chứng khoán phái sinh, Công ty phải đối mặt nhiều hơn với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân con người và hệ thống. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng mạnh mẽ của TTCK trong năm 2017, tiếp diễn bởi đà tăng trưởng trong năm 2018 dẫn đến rủi ro thị trường cũng tăng cao, và có thể có những đợt điều chỉnh mạnh trên toàn thị trường hoặc tại một số cổ phiếu hay nhóm ngành cụ thể. Từ việc rủi ro thị trường tăng cao sẽ dẫn tới rủi ro tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và chứng khoán phái sinh.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2018 là nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động cùng với việc tiên hành các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình. Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Song song đó, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với các bộ phận kinh doanh, bộ phận nghiệp vụ để xây dựng danh mục rủi ro, giải pháp phòng chống và hạn chế rủi ro cho từng bộ phận, đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động liên tục cho từng bộ phận cũng như trên phạm vi toàn Công ty.

Năm 2018, TTCK sẽ có sự ra đời của sản phẩm chứng quyền nên việc QTRR cho hoạt động phát hành chứng quyền cũng sẽ được chú trọng hoàn thiện.

Khó khăn khi thực hiện hoạt động QTRR

Công tác QTRR thành công cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

Do QTRR là một lĩnh vực đặc thù mới tại Việt Nam, cũng như là một lĩnh vực đang phát triển trên thế giới, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn khác nhau, nhanh chóng thay đổi hoặc được cập nhật liên tục, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn nhiều hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn thấp. Vì vậy, hoạt động QTRR sẽ gặp một số khó khăn như sau:

- Dữ liệu quá khứ cần được sử dụng khi đo lường rủi ro bằng phương pháp định lượng. Tuy nhiên, hiện nay nguồn dữ liệu còn rất hạn chế hoặc không có nên hoạt động đo lường rủi ro bằng phương pháp định lượng gặp nhiều khó khăn, thiếu chính xác hoặc có thể không thực hiện được. Bên cạnh đó, bản thân các mô hình đo lường rủi ro định lượng cũng có những hạn chế và có nhiều cách thức đo lường khác nhau. Ví dụ như: Phương pháp VaR (value-at-risk) có thể giúp đo lường giá trị thiệt hại tối đa theo một độ tin cậy nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể; tuy nhiên, khi rủi ro xảy nằm ngoài độ tin cậy đó thì giá trị này không xác định được và thường rất lớn. Ngoài ra, VaR cũng có nhiều cách đo lường khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể nên đòi hỏi người sử dụng phải có kinh nghiệm để áp dụng phương pháp đo lường thích hợp.

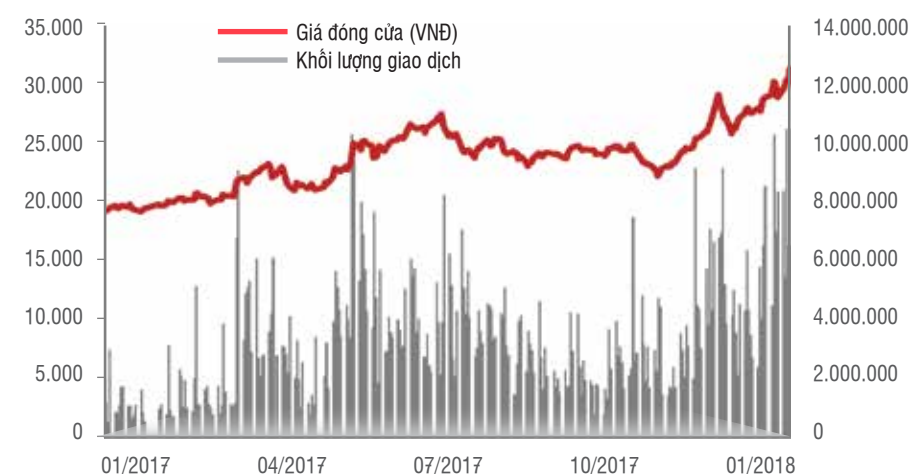
- Các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro hiện nay đều rất đắt tiền, thường chỉ các ngân hàng hoặc tập đoàn tài chính lớn trên thế giới mới có đủ quy mô và chi phí để sử dụng một cách hiệu quả nên vẫn tồn tại một số tính toán bản thủ công.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2017

Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2017):	500.063.684 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2017):	499.849.370 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2017):	214.314 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 29/12/2017)	28.800 VNĐ/ cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt	10%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	09/10/2017
Ngày chốt danh sách cổ đông	10/10/2017
Ngày thực hiện thanh toán	20/10/2017
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu ESOP năm 2017	100.000.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	22/12/2017
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Giá phát hành	10.000 VNĐ/ cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 100% trong hai năm đầu tiên và 50% trong năm thứ ba kể từ ngày phát hành
Tạm ứng cổ tức năm 2017	Không có tạm ứng cổ tức năm 2017

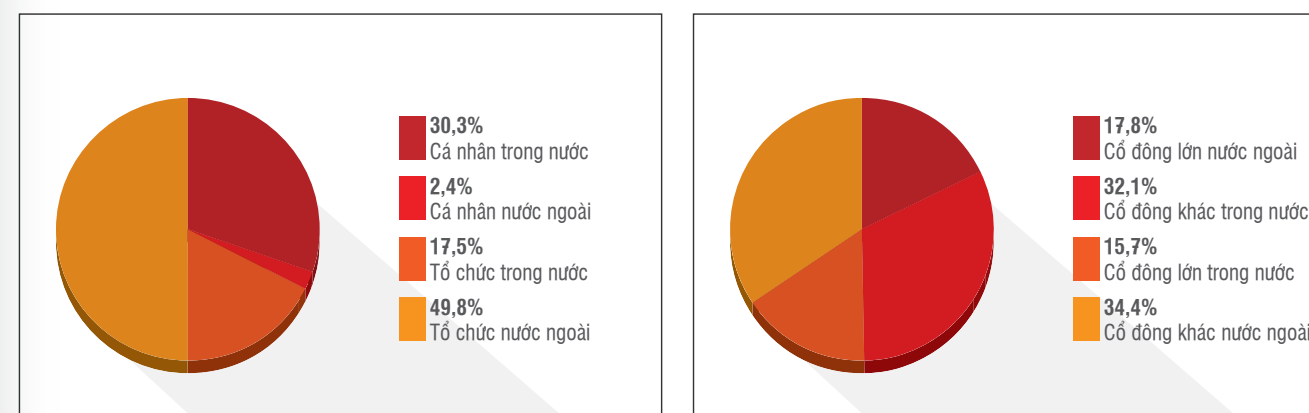
Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2017



Nguồn: SSI

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Biểu đồ cơ cấu cổ đông*



Thông tin cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)*

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	48.194.727	9,64%
2	Daiwa Securities Group Incorporation	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	88.936.821	17,79%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	236/43/2 Điện Biên Phủ, P17, Q.Bình Thạnh, HCM	30.154.063	6,03%

(*) Số liệu ngày 22/03/2018

Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017

Với mục tiêu “tối đa hóa lợi ích cổ đông”, năm 2017, SSI tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận thêm nhiều nhà đầu tư tiềm năng, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

Minh bạch hóa thông tin

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI đã xây dựng một quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư - tuân thủ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư là đơn vị đầu tiên tiếp nhận và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của Nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, thư điện tử hay sắp xếp gặp mặt trực tiếp. Trong năm 2017 vừa qua, SSI đã tổ chức nhiều cuộc họp (trực tiếp hoặc qua điện đàm) với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư có thể hiểu được đầy đủ các hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty, cũng như định hướng phát triển trong tương lai.

Năm 2017, các thông tin cập nhật về kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng Cổ đông, trong đó có phân tích, giải thích rõ những yếu tố tạo nên biến động doanh thu/ lợi nhuận trong kỳ, hoạt động cũng như thành tựu của từng bộ phận kinh doanh... v.v, giúp Cổ đông có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những thông tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ www.ssi.com.vn là một kênh truyền thông tin hiệu quả, trong đó Nhà đầu tư sẽ tìm thấy các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu hợp và những văn bản quan trọng như Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, các báo cáo v.v... từ khi thành lập công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo thường niên được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững. Báo cáo của SSI liên tục lọt top những Báo cáo thường niên tốt nhất trong cuộc bình chọn Báo cáo thường niên do HOSE tổ chức.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi Cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các Cổ đông luôn được công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho Cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v... Đặc biệt, từ năm 2016, SSI là một trong số những công ty niêm yết đầu tiên tham gia cam kết với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố thông tin song song tiếng Việt - tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của Cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của Cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng Cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.



Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho cổ đông.

Chủ động tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư

Năm 2017, Công ty tiếp tục đón tiếp nhiều chuyên gia phân tích, chuyên gia quản lý danh mục đầu tư từ một số quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài có trụ sở tại Nhật Bản, Mỹ, Hong-

kong, Singapore v.v..., đến tham quan, gặp gỡ đại diện ban lãnh đạo và trao đổi, tìm hiểu về chiến lược phát triển, các nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư cũng như những thông tin kinh tế - tài chính chuyên sâu khác.

Bên cạnh đó, đại diện lãnh đạo Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng

Các sự kiện SSI tham dự năm 2017

Thời gian	Hội nghị/ Hội thảo	Địa điểm
Tháng 09/2017	Hội thảo Đầu tư “Vietnam Enterprises Conference in Republic of Korea”	Hàn Quốc
Tháng 10/2017	Hội thảo Đầu tư “Gateway to Vietnam 2017”	Việt Nam
Tháng 10/2017	Hội nghị xúc tiến đầu tư tài chính của Bộ Tài Chính	Nhật Bản
Tháng 11/2017	Diễn đàn Đầu tư “Daiwa Investment Conference Hong Kong 2017”	Hong Kong
Tháng 11/2017	Diễn đàn “Nikkei Asian Review Forum”	Việt Nam



ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật có liên quan đến quản trị công ty nói chung, các quy định áp dụng riêng đối với công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN.

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN được xây dựng dựa trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và khuôn khổ luật pháp quản trị công ty của các nước tham gia dự án, gồm: Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam. Theo đó, có 5 khía cạnh được đưa ra để đánh giá một cách toàn diện các hoạt động quản trị công ty, bao gồm: Quyền của cổ đông, Đối xử công bằng với các cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin và minh bạch, và Vai trò và trách nhiệm của HĐQT.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại thẻ điểm này, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, có 4 khía cạnh SSI thực hiện khá tốt bao gồm: Quyền của Cổ đông (đạt 19/21 tiêu chí), Đối xử bình đẳng với cổ đông (đạt 13/15 tiêu chí), Vai trò với các bên liên quan (đạt 9/13) và Công bố thông tin minh bạch (đạt 30/32).

Đối với các điểm chưa đạt, đặc biệt trong khía cạnh Trách nhiệm của HĐQT, Công ty cũng đã xây dựng lộ trình cụ thể, các kế hoạch hành động để đáp ứng những tiêu chuẩn được đề cập như: thành lập các tiểu ban, cơ chế đánh giá thành viên HĐQT, hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.

Sau đây là phần đánh giá chi tiết:

A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
A.1. Quyền cơ bản của cổ đông				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được cổ đông thông qua tại các đại hội cổ đông đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã thực hiện trả cổ tức một cách bình đẳng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên, tuy nhiên thời gian thực hiện nhiều hơn 30 ngày.
A.2. Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty.				
<i>Cổ đông có quyền tham gia:</i>				
A.2.1	Sửa đổi quy chế công ty?	Có	Thực hiện tốt	
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	Có	Thực hiện tốt	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	Có		Trường hợp bán phần lớn tài sản, bán công ty chưa xảy ra tại SSI. Tuy nhiên, Điều lệ công ty có quy định bán tài sản trị giá 35% tổng tài sản hoặc hợp nhất, sáp nhập công ty phải thông qua ĐHĐCĐ với tỉ lệ phiếu biểu quyết 65%, những người có liên quan không được biểu quyết.
A.3. Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, và phải được thông tin về quy định hợp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.				
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị không điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Tổng thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm
A.3.2	Công ty có cho phép Cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ ủy viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.3	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng Quản trị?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ. Thủ tục đề cử, biểu quyết được công bố khi mời họp và tại đại hội khi khai mạc.
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ lần gần nhất có ghi nhận chương trình thảo luận với Cổ đông, đồng thời ghi nhận tất cả các câu hỏi của Cổ đông & câu trả lời của Chủ tọa cũng như ý kiến của Cổ đông tham dự cuộc họp.
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi tên từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và Biên bản này được công bố thông tin sau cuộc họp
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và Tổng Giám Đốc/Giám Đốc Điều hành (nếu Tổng Giám Đốc/Giám Đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi tên từng thành viên HĐQT và BGĐ tham gia cuộc họp và Biên bản này được công bố thông tin sau cuộc họp
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Có	Thực hiện tốt	Công ty cho phép biểu quyết thông qua người được ủy quyền hợp lệ. Mẫu giấy ủy quyền được gửi kèm theo Thư mời họp.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	Có	Thực hiện tốt	Các vấn đề được trình bày, thảo luận và xin ý kiến cổ đông đều đưa ra biểu quyết đều theo số phiếu cổ đông (không phải bằng cách giơ tay). Vấn đề này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ. Cách thức bỏ phiếu trong cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố đầy đủ trong tài liệu họp bằng cả ngôn ngữ tiếng Anh – tiếng Việt, đảm bảo các cổ đông được tiếp nhận thông tin một cách bình đẳng.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có thành lập và công bố trước Đại hội về Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Vấn đề này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin trong vòng 24h sau cuộc họp lên Cổng thông tin của HOSE, đồng thời đăng tải trên website của Công ty.
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	Có	Thực hiện tốt	Mỗi vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ đều có từ trình trình bày rõ ràng lý do, cơ sở cho Nghị quyết
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện tốt	Điều lệ Công ty có quy định cổ đông có quyền kiến nghị bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ
A.4. Thị trường giao dịch thầu tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch				
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?			Trường hợp này chưa xảy ra tại SSI
A.5. Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức				
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Công ty tích cực tham gia các hoạt động trao đổi thông tin với các Cổ đông, Nhà đầu tư tiềm năng (song phương & đa phương); cùng với nỗ lực công bố thông tin song song tiếng Anh – tiếng Việt, tạo điều kiện khuyến khích cổ đông tham gia và đóng góp cho hoạt động Công ty. Các hoạt động này được công bố chi tiết hơn tại nội dung về Quan hệ Nhà đầu tư – Báo cáo thường niên hàng năm.

B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
B.1. Cổ phiếu và Quyền biểu quyết				
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết?	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
B.1.2	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, Công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu?	Có	Thực hiện tốt	SSI chỉ có 1 loại cổ phiếu. Tuy nhiên, Điều lệ có quy định về các loại cổ phiếu có thể phát hành và quyền biểu quyết của từng loại.
B.2. Thông báo Đại hội đồng Cổ đông				
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gắn nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	Có	Thực hiện tốt	Cổ đông biểu quyết để thông qua từng vấn đề được thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ, không biểu quyết gộp nhiều nội dung.
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gắn nhất được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt?	Có	Thực hiện tốt	Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ của Công ty là tài liệu song ngữ
Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:				
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của ứng cử viên cho HĐQT hoặc các thành viên hết nhiệm kỳ cần bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm và nhiệm kỳ thành viên HĐQT trong các công ty niêm yết khác)?	Có	Thực hiện tốt	Tiểu sử của các ứng cử viên HĐQT, các thành viên hết nhiệm kỳ cần bầu chọn lại được đưa vào tài liệu ĐHĐCĐ công bố, cũng như gửi tới toàn thể Cổ đông (qua email và đường bưu điện)
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	Có	Thực hiện tốt	Tài liệu họp có bao gồm Tờ trình về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán, trong đó có cung cấp danh sách và thông tin các Công ty Kiểm toán. Công ty Kiểm toán được đưa ra trình ĐHĐCĐ đều là nhóm các Công ty Kiểm toán độc lập quốc tế, có danh tiếng và uy tín cao nhiều năm trên thị trường.
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	Có	Thực hiện tốt	Thư mời họp gửi qua đường bưu điện và thư điện tử đều có kèm theo Giấy Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ. Mẫu này cũng được đăng trên website Công ty. Có mẫu ủy quyền tiếng Anh và tiếng Việt.
B.3. Cẩm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân				
B.3.1	Công ty có chính sách và/ hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2017 không có trường hợp thành viên HĐQT nào vi phạm
B.4. Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao				
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trọng các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu lập một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và Cổ đông không?	Không	Chưa thực hiện	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
B.5. Bảo vệ Cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng				
B.5.1	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Có	Thực hiện tốt	Các giao dịch với bên liên quan được Công bố thông tin đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty

C. VAI TRÒ CỦA BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
C.1. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng				
<i>Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:</i>				
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) SSI
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có văn bản nội bộ quy định quy trình và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp/ nhà thầu, tuy nhiên nội dung này chưa được công bố ra bên ngoài trong các báo cáo của SSI
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có văn bản nội bộ quy định về quy trình phòng chống tham nhũng, tuy nhiên nội dung này chưa được công bố ra bên ngoài trong các báo cáo của SSI
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	Không	Chưa thực hiện	SSI thực hiện theo quy định của pháp luật và các cam kết của SSI với chủ nợ. SSI không ban hành văn bản riêng về nội dung này
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI
C.2. Khi lợi ích của các bên liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm				
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (VD. Khách hàng, Nhà cung cấp...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/ hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	Thực hiện tốt	Đầu mối liên hệ được cung cấp trên website và trong BCTN của Công ty. Khách hàng có thể liên hệ qua tổng đài với 2 đầu số 1900545471 và 1900545418.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
C3. Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng				
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	Các thông tin liên quan đến chính sách, chương trình về sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho nhân viên; các chương trình đào tạo – phát triển; chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả công việc không những được công bố rõ ràng trong BCTN và BCPTBV SSI; mà còn được truyền tải kịp thời đến từng nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ (diễn đàn, bảng tin, email v.v...)
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Có	Thực hiện tốt	
C.4. Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ				
C.4.1	Công ty có chính sách tổ giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp của SSI
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/ cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/ không phù hợp đạo đức?	Không	Chưa thực hiện	

D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
D.1. Cấu trúc sở hữu minh bạch				
D.1.1	Công ty có công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo thường niên (BCTN)
D.1.2	Công ty có công bố thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, BCTN
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo Tài chính
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Ban Điều Hành?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo Tài chính
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/ công ty có mục đích đặc biệt?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ tại các BCTN và Báo cáo Tài chính Hợp nhất
D.2. Chất lượng của Báo cáo Thường niên				
<i>Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:</i>				
D.2.1	Mục tiêu của Công ty	Có	Thực hiện tốt	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	Có	Thực hiện tốt	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
D.2.4	Chính sách cổ tức	Có	Thực hiện tốt	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	Có	Thực hiện tốt	
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	Có	Thực hiện tốt	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã công bố tổng thù lao của các thành viên HĐQT/BKS
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty				
D.2.8	Báo cáo thường niên có phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của Công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định và giải thích lý do cho mỗi vấn đề?	Có	Thực hiện tốt	
D.3. Công bố Giao dịch bên liên quan				
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Không	Chưa thực hiện	
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan và mối quan hệ cho mỗi giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN
D.4. Thành viên HĐQT giao dịch cổ phiếu Công ty				
D.4.1	Công ty có công bố tên của bên liên quan và mối quan hệ cho mỗi giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại website, BCTN và các Báo cáo Quản trị theo quy định
D.5. Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán				
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Công ty có công bố về việc ký kết hợp đồng với Công ty Kiểm toán, tuy nhiên không công bố mức phí
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	Không	Thực hiện tốt	
D.6. Phương tiện truyền thông				
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây?				
D.6.2	Báo cáo Quý	Có	Thực hiện tốt	
D.6.3	Trang thông tin điện tử của Công ty	Có	Thực hiện tốt	
D.6.4	Đánh giá của chuyên gia phân tích	Có	Thực hiện tốt	
D.6.5	Thông tin trên phương tiện truyền thông/ hợp báo?	Có	Thực hiện tốt	Các thông tin liên quan đến doanh nghiệp, kết quả kinh doanh quý, và các sự kiện nổi bật đều được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng
D.7. Nộp/ công bố Báo cáo Thường niên/ Báo cáo Tài chính đúng hạn				
D.7.1	Báo cáo tài chính có được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/ hoặc ban điều hành công ty khẳng định?	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
D.8. Trang thông tin điện tử của Công ty				
<i>Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:</i>				
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	Có	Thực hiện tốt	
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông?	Có	Thực hiện tốt	Các báo cáo phân tích được đăng tải trên website công ty
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	Có	Thực hiện tốt	
D.8.4	Thông báo và tài liệu hợp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	Có	Thực hiện tốt	
D.8.5	Biên bản hợp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	Có	Thực hiện tốt	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	Có	Thực hiện tốt	
D.9. Quan hệ Nhà Đầu tư				
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ như số điện thoại, fax và email của lãnh đạo/ bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung đã được công bố trên website và BCTN

E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
E.1. Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT				
<i>Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng</i>				
E.1.1	Công ty có công bố chính sách quản trị công ty/ điều lệ hoạt động của HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty và được đăng tải trên website Công ty
E.1.2	Các loại quyết định có phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty và được đăng tải trên website Công ty
Tầm nhìn/ Sứ mệnh Công ty				
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ trong Báo cáo Thường niên và trên website Công ty
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	Có	Thực hiện tốt	SSI có tổ chức các cuộc họp rà soát chiến lược hoạt động hàng năm & lên kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo, kế hoạch này cũng được đưa ra họp bàn và thống nhất trong cuộc họp HĐQT. Kế hoạch kinh doanh cũng được đưa ra xin ý kiến tại ĐHCĐ
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/ theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	Có	Thực hiện tốt	HĐQT giám sát việc thực hiện và rà soát định kỳ chiến lược kinh doanh tại các cuộc họp HĐQT. Kết quả giám sát có được trình bày tại Báo cáo Thường niên

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
E.2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị				
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử				
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có Bộ Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp trong đó quy định rõ các nguyên tắc, nội dung và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, và được phổ biến rộng rãi tới toàn thể thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên Công ty, tuy nhiên trong thời gian vừa qua chưa được công bố trên website
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa đáp ứng nội dung này
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chưa thực hiện	
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được quy định tại Điều lệ Công ty
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các Công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	Không	Thực hiện tốt	
Tiểu ban Nhân sự				
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	Không	Chưa thực hiện	SSI hiện chưa có nhưng đang trong lộ trình thành lập Tiểu ban Nhân sự
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?			
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?			
Tiểu ban Thù lao				
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	Không	Chưa thực hiện	SSI hiện chưa có nhưng đang trong lộ trình thành lập Tiểu ban Thù lao
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Thù lao?			
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?			
Tiểu ban Kiểm toán				
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	Có		
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	Không		
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Có		Mô hình quản trị công ty tại SSI được xây dựng bao gồm các tiểu ban độc lập phụ trách về Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro, tuy nhiên hoạt động của các Tiểu ban chưa thực sự đạt chuẩn mực
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	Có		
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	Không		
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	Không		

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
E.3. Quy trình Hội đồng Quản trị				
Họp và tham dự HĐQT				
E.3.1	Hội đồng Quản trị có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã thực hiện việc lập kế hoạch họp HĐQT trước khi bắt đầu năm tài chính, tuy nhiên không công bố thông tin này
E.3.2	Hội đồng Quản trị có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2017, HĐQT đã tiến hành 07 buổi họp bao gồm 03 cuộc họp trực tiếp và 4 cuộc họp với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
E.3.3	Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp Hội đồng Quản trị trong năm?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2017, các cuộc họp HĐQT đều được 100% thành viên HĐQT tham gia
E.3.4	Công ty có yêu cầu cần có 2/3 thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp trong các cuộc họp có thông qua Nghị quyết HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Điều lệ SSI quy định HĐQT cuộc họp phải có 3/4 số thành viên tham dự
E.3.5	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Thành viên HĐQT không điều hành có tiến hành cuộc họp thường niên (không có mặt thành viên điều hành)
Tiếp cận thông tin				
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp Hội đồng Quản trị có được cung cấp cho Hội đồng Quản trị tối thiểu năm ngày làm việc trước cuộc họp?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	Có	Thực hiện tốt	Thư ký Công ty là Luật sư và đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty
Bổ nhiệm và tái cử thành viên Hội đồng Quản trị				
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị mới?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty
E.3.10	Công ty có công bố quy trình được áp dụng để bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị mới?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty
E.3.11	Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)	Có	Thực hiện tốt	
Các vấn đề về thù lao				
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/ thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách và biện pháp khuyến khích hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên Hội đồng Quản trị điều hành và TGDĐ?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.14	Cổ đông hay Hội đồng Quản trị có thông qua thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị điều hành và/ hoặc lãnh đạo cấp cao?	Có	Thực hiện tốt	Thù lao cho HĐQT được trình xin ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên Hội đồng Quản trị điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	Có	Thực hiện tốt	Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho họ với điều khoản hạn chế chuyển nhượng từ 2-3 năm

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
Kiểm toán nội bộ				
E.3.16	Công ty có chức năng kiểm toán nội bộ riêng?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ và HĐQT có tiểu ban phụ trách về Kiểm toán Nội bộ
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty bên ngoài có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được công bố trong danh sách nhân sự chủ chốt tại BCTN SSI
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm của kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	Không	Chưa thực hiện	
Giám sát rủi ro				
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.20	Báo cáo thường niên có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống QTRR	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa có nội dung này trong BCTN
E.4. Nhân sự trong Hội đồng Quản trị				
Chủ tịch Hội đồng Quản trị				
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGĐ?	Không	Chưa thực hiện	Hiện nay, Chủ tịch HĐQT SSI đồng thời giữ chức vụ Tổng Giám Đốc tuy nhiên việc này đều được đưa ra trình lấy ý kiến ĐHĐCĐ thường niên
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chưa thực hiện	
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	Có	Chưa thực hiện	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
Trưởng thành viên HĐQT độc lập				
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	Không	Chưa thực hiện	
Kỹ năng và năng lực				
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	Có	Thực hiện tốt	
E.5. Hiệu quả Hội đồng Quản trị				
Phát triển thành viên Hội đồng Quản trị				
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2017	Diễn giải chi tiết (nếu có)
Bổ nhiệm và hiệu quả của Tổng Giám đốc/ Ban Điều hành				
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/ GD Điều hành/ Chủ tịch và nhân sự chủ chốt?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/ Giám đốc Điều hành/ Chủ tịch?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
Đánh giá Hội đồng Quản trị				
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5
Đánh giá thành viên Hội đồng Quản trị				
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5
Đánh giá Tiểu Ban				
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) được xây dựng nhằm tổng hợp công bố, xem xét và đánh giá lại các mục tiêu và hoạt động phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) theo định hướng về chiến lược đối với các vấn đề phát triển bền vững. Nội dung của báo cáo thể hiện cách tiếp cận của Công ty đối với các vấn đề phát triển bền vững.

Năm 2017, SSI tiến hành lập báo cáo này tham chiếu theo các tiêu chuẩn của phiên bản mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu Global Reporting Initiative (GRI). Đây là phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất về lập BCPTBV, được nâng cấp và cấu trúc lại nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện báo cáo thuận tiện và hiệu quả hơn. Công ty cũng xây dựng bản BCPTBV độc lập thay vì tích hợp cùng Báo cáo Thường niên như mọi năm. Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong việc công bố các nội dung liên quan tới phát triển bền vững, gia tăng giá trị mang lại cho cổ đông, củng cố lòng tin của các bên liên quan, xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

Nội dung báo cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững 2017 nêu lên định hướng về chiến lược đối với những vấn đề phát triển bền vững của Công ty trong những năm sắp tới, đồng thời phản ánh các kết quả hoạt động phát triển bền vững quan trọng trong năm 2017. Báo cáo sẽ giúp Cổ đông, Nhà đầu tư có cái nhìn một cách đầy đủ và toàn diện hơn về Tầm nhìn, Chiến lược cũng như các kết quả của các Hoạt động phát triển bền vững cụ thể của Công ty.

Phạm vi & Ranh giới báo cáo

Báo cáo Phát triển bền vững 2017 được lập theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2017.

Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của SSI, tại Hội sở và các Chi nhánh/ Phòng giao dịch của Công ty trên toàn quốc, từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017.

Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm làm Báo cáo phát triển bền vững – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, bao gồm các thành viên đến từ một số Bộ phận chịu trách nhiệm về các thông tin được đưa ra trong Báo cáo như Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư, Truyền thông, Tài chính – Kế toán, Thư ký HĐQT.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo được lập tham chiếu theo các tiêu chuẩn tại Bộ tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).

Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của SSI xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty, kết hợp với mục tiêu phát triển môi trường kinh doanh và xã hội, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung Phát triển Bền vững được SSI trao đổi với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này được SSI tiếp tục đánh giá và xem xét trong bối cảnh phát triển bền vững chung cùng mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2017.

Báo cáo được xác định theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo	Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo
Gắn kết các bên liên quan	Chính xác
Bối cảnh phát triển bền vững	Cân bằng
Mức độ trọng yếu	Rõ ràng
	So sánh
	Tin cậy
	Cập nhật

Ghi chú

Năm 2017, SSI xây dựng BCPTBV riêng, độc lập thay vì tích hợp cùng Báo cáo Thường niên, thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong việc công bố các nội dung liên quan tới phát triển bền vững, đồng thời cũng tạo thuận lợi về mặt tra cứu thông tin cho Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng cùng các Bên liên quan khác. Phần sau của nội dung này trong Báo cáo Thường niên, chúng tôi tổng hợp lại một số hoạt động Phát triển bền vững nổi bật của Công ty trong năm 2017. Bản đầy đủ theo tiêu chuẩn **GRI Sustainability Reporting Standards** của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu Global Reporting Initiative (GRI), xin vui lòng tham khảo Báo cáo Phát triển Bền vững 2017.

Liên hệ

Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan xin vui lòng liên hệ:

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư

Email: investorrelation@ssi.com.vn

Điện thoại: (+84-24) 3936 6321

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ,

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SSI luôn xác định rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích của nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của toàn thị trường, của cộng đồng và xã hội. Công tác quản trị của SSI được xây dựng và từng bước hoàn thiện dựa trên những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật Việt Nam về quản trị công ty đại chúng. Hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ được chú trọng, tạo nên một cơ chế quản trị thông nhất và xuyên suốt, nhằm giám sát, điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Quản trị rủi ro

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như để ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên trong Công ty theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp nhằm xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động này không chỉ được thực hiện bởi bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát từ các bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ (KSNB) và Kiểm Toán Nội Bộ (KTNB).

Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước:

1. Nhận diện rủi ro
2. Đo lường và đánh giá rủi ro
3. Xác định hạn mức rủi ro
4. Giám sát rủi ro
5. Xử lý rủi ro

Theo đó, các loại rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp được nhận diện và có phương pháp phòng ngừa, xử lý là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hệ thống & an toàn thông tin, rủi ro tuân thủ, rủi ro pháp lý, rủi ro thương hiệu, rủi ro nguồn nhân lực.

Kiểm soát tuân thủ

Công tác kiểm soát tuân thủ tại SSI được thực hiện thông qua sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc & Ban Lãnh đạo; của HĐQT đối với Ban điều hành. Trong hoạt động hàng ngày, Ban Lãnh đạo có Bộ phận Kiểm soát Nội bộ để thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ trong Công ty.

Điều lệ Công ty phân định rạch ròi quyền sở hữu của cổ đông và quyền quản lý doanh nghiệp, đồng thời giao quyền hạn cho các bộ phận trong bộ máy quản lý doanh nghiệp kèm theo các nghĩa vụ và biện pháp kiểm soát các bộ phận này một cách hữu hiệu. Bên cạnh đó, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra.

Bộ phận Kiểm soát Nội bộ được tổ chức tại Hội sở, thực hiện chức năng kiểm soát các bộ phận trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của nhân viên và bộ phận tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế và quy trình nghiệp vụ.



Năm 2017, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ của Công ty đã thực hiện 43 đợt kiểm soát tại các bộ phận để kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan – số lượng đợt kiểm soát tăng 7,5% so với năm 2016. Báo cáo kết quả kiểm soát được gửi cho trưởng bộ phận để ghi nhận ý kiến của bộ phận được kiểm soát, sau đó, báo cáo kiểm soát được gửi cho Ban Tổng Giám Đốc, các Giám đốc không có liên quan và trưởng bộ phận được kiểm soát. Ngoài ra, giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng được kiểm soát chặt chẽ. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty, tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty hoặc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả. Số liệu về các giao dịch với người có liên quan được công bố trong Báo cáo Tài chính của Công ty.

Bộ phận Luật thực hiện chức năng tư vấn pháp luật và kiểm tra, giám sát việc ban hành các sản phẩm, quy trình, quy chế nội bộ cũng như các giao dịch của Công ty đối với bên thứ ba đúng pháp luật và hạn chế rủi ro pháp lý cho Công ty. Bộ phận Luật cũng có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Lãnh Đạo và các bộ phận có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông

Những quyền cơ bản của Cổ đông như quyền được chi trả cổ tức, quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của Công ty v.v... được quy định rõ trong Điều lệ Công ty, và thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây. Việc đối xử bình đẳng với các Cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng nào cũng được đảm bảo, các quyết định do ĐHĐCĐ đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Trong những năm vừa qua, Công ty đã nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin như website công ty, hệ thống email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v..., tạo điều kiện cho Cổ đông/ Nhà Đầu tư tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, tránh ảnh hưởng tiêu cực tới các quyết định đầu tư. Hơn nữa, việc công bố thông tin song song bằng cả hai ngôn ngữ Anh – Việt đã được cải thiện rõ rệt trong năm 2017, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông/ Nhà Đầu tư trong và ngoài nước.

SSI duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm theo hướng cân bằng về lợi ích, đáp ứng một phần nhu cầu sinh lợi từ nguồn vốn đầu tư của Cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty về lâu dài. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%.

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG VỀ MẶT KINH TẾ

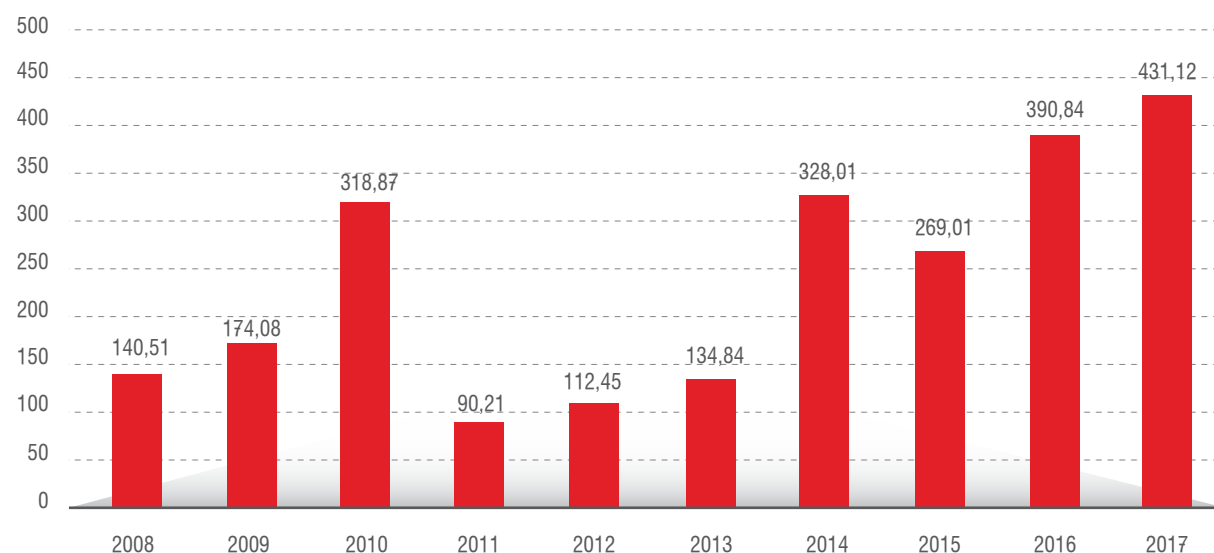
Được thành lập vào năm 1999, SSI là một trong ba công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam, cũng là công ty chứng khoán tư nhân duy nhất tại thời điểm đó. Sau 18 năm hoạt động và phát triển, SSI hiện nay là công ty chứng khoán có mức vốn hóa lớn nhất trên thị trường, với vốn điều lệ là 5.000,64 VNĐ – cao hơn rất nhiều so với mức ở thời điểm mới thành lập là 6 tỷ VNĐ. Công ty hiểu rằng chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn chỉ có thể được hiện thực hóa nếu Công ty có một nền tảng tài chính vững chắc và sự tăng trưởng ổn định về mặt kinh tế. Từ đó, Công ty có thể gia tăng các đóng góp cho cộng đồng, xã hội thông qua việc đóng góp cho ngân sách nhà nước, kết nối vốn và cơ hội đầu tư, và tham gia tích cực các hoạt động xây dựng TTCK nói riêng và Thị trường Tài chính nói chung.

Hoạt động kinh doanh hiệu quả & Đóng góp cho ngân sách nhà nước

Năm 2017, SSI ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 đạt 3.043,2 tỷ VNĐ, tăng trưởng 19,8% so với năm 2016 và vượt 44,35% kế hoạch kinh doanh 2017 về doanh thu. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.405 tỷ VNĐ, tăng 23% và vượt 32,8% kế hoạch kinh doanh năm.

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty luôn thuộc top 100 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

Mức thuế SSI đóng góp cho Ngân sách Nhà nước (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI



Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 6 năm liên tiếp



Chủ động tích cực tham gia xây dựng thị trường

Năm 2017, Công ty tiếp tục tham gia đóng góp ý kiến cho nhiều dự thảo Luật, Nghị định, thông tư và các quy chế hướng dẫn nhằm đưa ra các quy định, hướng dẫn thực hiện rõ ràng hơn đối với các hoạt động trên TTCK.

Công ty cũng là thành viên tiên phong trong việc đề xuất và kiến nghị các điểm nhằm phát triển thị trường chứng khoán phái sinh, như kiến nghị UBCKNN bổ sung Thông tư cho phép ký quỹ nhà đầu tư trên tài khoản tổng tại công ty chứng khoán, giảm phí chuyển tiền ký quỹ qua ngân hàng thanh toán, kiến nghị giá trị thuế trên mỗi giao dịch v.v... Đối với sản phẩm chứng quyền có đảm bảo dự kiến sẽ ra mắt thị trường vào tháng 5/2018, Công ty là thành viên tham gia tổ công tác xây dựng sản phẩm này cùng HOSE, tích cực tham gia xây dựng về sản phẩm, đóng góp ý kiến đối với các quy định về thuế, kế toán liên quan đến sản phẩm này. SSI cũng sẽ là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên sẽ phát hành chứng quyền có đảm bảo.

Liên quan đến việc tham gia các hiệp hội ngành, đại diện SSI là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán & Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam.

Thành công trong việc kết nối vốn và cơ hội đầu tư

Hoạt động của SSI chú trọng vào việc giúp các Doanh nghiệp huy động vốn qua TTCK, góp phần vào sự hình thành một kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế; góp phần khơi dậy và huy động nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển; góp phần làm cho nền kinh tế tiên tiến hơn đến sự minh bạch, công khai, công bằng và linh hoạt hơn. Năm 2017, Công ty đã thực hiện một loạt các hoạt động tư vấn thành công cho nhiều thương vụ giao dịch có quy mô lớn, trị giá hàng trăm triệu USD. Trong số đó có thể kể đến thương vụ Tư vấn Chào bán thành công cổ phần tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM – HOSE) với giá trị giao dịch là 396 triệu USD; Tư vấn Bán thứ cấp cổ phần Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE - HOSE) với tổng giá trị giao dịch 742 triệu USD, Tư vấn Bán thứ cấp cổ phần của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDB - HOSE) với tổng giá trị huy động đạt 300 triệu USD, tư vấn huy động vốn 230 triệu USD cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG – HOSE) v.v...

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG

Tài sản của Nhà đầu tư luôn được quản lý an toàn, minh bạch

Mặc dù sự cạnh tranh của các công ty chứng khoán khá gay gắt trong thời gian vừa qua, SSI vẫn luôn kiên định với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, tuân thủ pháp luật, để không chỉ kinh doanh có lãi mà còn bảo vệ được nhà đầu tư không bị thất thoát tài sản, xây dựng TTCK minh bạch. Trong các năm qua, SSI đã quản lý tài sản cho Nhà đầu tư trong nước và quốc tế hiệu quả, góp phần giữ trọn niềm tin của các nhà đầu tư vào TTCK Việt Nam, xây dựng một nền kinh tế ổn định. Tính đến cuối năm 2017, SSI đang quản lý hơn 127.000 tài khoản, chiếm 6,5% tổng số tài khoản của toàn thị trường. Các tài khoản khách hàng đều được quản lý một cách an toàn và bảo mật.

Đối với mảng quản lý tài sản, SSIAM đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc huy động từ các khách hàng mới cũng như quản lý hiệu quả tài sản của các khách hàng hiện tại. Cuối năm 2017, tổng tài sản SSIAM quản lý (đối với khách hàng bên ngoài) là 6.112 tỷ VNĐ, tăng trưởng 60,3% so với 2016. Công ty luôn nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng quản lý tài sản do khách hàng ủy thác. Quy trình đầu tư, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được vận hành bài bản và chuyên nghiệp, không chỉ tuân thủ quy định của pháp luật mà còn đảm bảo giám thiếu tối đa xung đột lợi ích, ảnh hưởng tới quyền lợi Nhà Đầu tư. Với phương châm phát triển bền vững, chúng tôi luôn hướng tới mục tiêu xây dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng giá trị tài sản lâu dài thông cho Nhà Đầu tư.

Đi đầu trong việc cung cấp sản phẩm mới ra thị trường

Ngày 10/8/2017, Thị trường chứng khoán phái sinh (TTCKPS) Việt Nam đã chính thức đi vào vận hành sau hơn 2 năm chuẩn bị với sản phẩm đầu tiên là Hợp đồng tương lai chỉ số VN30. SSI tiếp tục thể hiện vị trí tiên phong khi là 1 trong những công ty chứng khoán đầu tiên được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh CKPS cũng như kết nối giao dịch TTCKPS với HNX, đồng thời là 1 trong 2 thành viên bù trừ chung của thị trường.

Nhằm mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, bắt đầu từ tháng 7/2017, các khách hàng khi đến phòng giao dịch hoặc chi nhánh SSI trên toàn quốc đều được trải nghiệm giao dịch thử CKPS trên hệ thống trước khi quyết định đăng ký mở tài khoản tại Công ty. Bên cạnh đó, SSI cũng cho ra mắt sản phẩm giao dịch trực tuyến – Web Trading dành cho chứng khoán phái sinh với nhiều tiện ích cho khách hàng.

SSI đã đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ hiện đại và giải pháp phần mềm quản lý giao dịch và thanh toán bù trừ WinVest – “Win in Invest” toàn diện có hơn 15 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính quốc tế, đáp ứng các chuẩn mực giao dịch tài chính toàn cầu cũng như các nhu cầu đặc thù của thị trường Việt Nam. Hệ thống WinVest nổi trội về hiệu suất cao, tính ổn định và linh hoạt khả năng mở rộng. Hệ thống hỗ trợ số lượng lớn giao dịch mỗi ngày, dịch vụ giao dịch đa dạng, mạnh mẽ, kết nối thông sàn ổn định, tốc độ cao, hỗ trợ nhiều loại lệnh, kết nối trao đổi thông tin và thanh toán bù trừ thời gian thực với các thành viên thị trường (HNX, VSD và ngân hàng thành toán); tích hợp quản trị rủi ro nhằm đem lại hiệu suất cao và nhiều tiện ích cho khách hàng. Kết quả, tính đến cuối năm 2017, SSI có thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh đứng đầu thị trường - ở mức 28,28%, với trên 6.000 tài khoản.

Đối với các sản phẩm tư vấn và khuyến nghị cơ hội đầu tư cho khách hàng, năm 2017, Công ty đã cho ra đời nhiều sản phẩm mới dành cho khách hàng cá nhân như Stock Ratings, Stock Quick View, các khuyến nghị kết hợp giữa phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, mang lại nhiều ý tưởng đầu tư ngắn hạn và dài hạn cho khách hàng. SSI cũng là đơn vị đầu tiên cung cấp báo cáo phái sinh trên thị trường, mang đến nhiều thông tin và chiến lược giao dịch cụ thể, hàng ngày cho khách hàng.

Đối với sản phẩm Quỹ đầu tư, tháng 8/2017, SSIAM cũng chính thức chuyển đổi chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF SSIAM HNX30 từ chỉ số HNX30 sang chỉ số VNX50, thay đổi tên quỹ thành Quỹ ETF SSIAM VNX50 và chính thức chuyển sản phẩm sang HOSE với mã FUESSV50. Việc thay đổi chỉ số tham chiếu này của quỹ mang đến cơ hội đầu tư tốt hơn cho nhà đầu tư khi VNX50 là chỉ số đầu tiên bao gồm các cổ phiếu có giá trị vốn hóa lớn nhất và thanh khoản nhất trên cả hai sàn HOSE và HNX, mang tính đại diện cao cho TTCK Việt Nam, chiếm đến 70% giá trị vốn hóa của toàn thị trường. Kể từ khi thay đổi chỉ số và chuyển sản phẩm, thanh khoản trên thị trường thứ cấp cũng như tính đại chúng của quỹ đã tăng lên đáng kể.

Cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt và năng động

SSI luôn tách bạch việc xây dựng đội ngũ chăm sóc Khách hàng hiện hữu và Khách hàng tiềm năng, Khách hàng tổ chức và Khách hàng cá nhân, Khách hàng trong nước và Khách hàng nước ngoài, trong đó Khách hàng cá nhân nước ngoài được chia theo ngôn ngữ, Khách hàng tổ chức nước ngoài được chia theo phân vùng địa điểm, để có thể phục vụ được tốt nhất nhu cầu của từng đối tượng.

Song song với sự gia tăng về số lượng tài khoản hàng năm, số lượng nhân viên môi giới chăm sóc khách hàng cũng tăng trưởng mạnh mẽ với 479 nhân sự chính thức làm việc tại 12 Chi nhánh và Phòng Giao dịch trên cả nước, tăng gần 36% so với năm 2016. Đi kèm với số lượng thì chất lượng nhân sự luôn được kiểm soát chặt chẽ, kiên thức cũng như các kinh nghiệm trong việc gặp gỡ trao đổi thông tin, tư vấn cho khách hàng luôn được cập nhật, chia sẻ theo sự phát triển lớn mạnh và chuyên sâu của TTCKVN.

Việc phục vụ khách hàng tổ chức thể hiện qua 3 mảng chính: công nghệ, con người và sản phẩm dịch vụ luôn đáp ứng tốt nhu cầu. Công nghệ được đầu tư mạnh, đặc biệt là hệ thống đặt lệnh cho khách hàng tổ chức, nhằm đảm bảo sự ổn định trong điều kiện đặt lệnh với quy mô lớn, cũng như đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về hệ thống giao dịch cho riêng đối tượng khách hàng tổ chức. Đội ngũ Môi giới Khách hàng Tổ chức cũng được bổ sung thêm nhiều nhân sự cao cấp là người nước ngoài, có kinh nghiệm dày dặn tại các tổ chức tài chính quốc tế để phụ trách phát triển các thị trường Mỹ, châu Âu, Singapore, Hong Kong.

Tích cực chia sẻ thông tin thị trường, cơ hội đầu tư thông qua truyền thông & các hội thảo

Năm 2017, trong bối cảnh có nhiều chuyển biến tích cực và đà tăng trưởng khả quan của nền kinh tế, SSI quyết định tổ chức hội nghị Gateway to Việt Nam lần thứ tư với chủ đề “Thị trường vốn – Động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế”. Hội thảo có sự tham gia của 19 diễn giả từ các tổ chức uy tín như Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), McKinsey & Company, MSCI, Ernst & Young... trên 200 đại diện các Quỹ đầu tư trong nước và quốc tế, cùng 24 Công ty tiềm năng hàng đầu – mang tới những tham luận chuyên sâu, có giá trị về tình hình kinh tế Việt Nam song song với việc tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa nhóm nhà đầu tư với đại diện doanh nghiệp tại Việt Nam. Các nội dung được đưa ra trong hội thảo đều là những vấn đề nóng hổi, đang được quan tâm hàng đầu trong năm 2017 với cách tiếp cận thông qua thảo luận mở (panel discussion). Mỗi chủ đề đều có sự chia sẻ từ phía nhà hoạch định chính sách, nhà nghiên cứu kinh tế vĩ mô, nhà tư vấn đầu tư và ý kiến của doanh nghiệp – những thành tố quan trọng cấu thành sự thành công chung của nền kinh tế. Sự kiện là cơ hội giúp nhà đầu tư quốc tế nhìn nhận nền kinh tế Việt Nam qua một lăng kính chân thật, minh bạch và đa chiều nhất. Ngoài ra, Hội thảo còn cung cấp cơ hội để các nhà đầu tư gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp với đại diện các doanh nghiệp tiềm năng hàng đầu, cũng như tham gia tour tới tham quan trực tiếp một số doanh nghiệp.

Sự kiện được truyền thông với mật độ dày đặc trong ngày diễn ra hội thảo, thông tin về Gateway to Vietnam 2017 xuất hiện trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng với 11 kênh truyền hình, phát thanh và hàng chục tờ báo giấy, tạp chí, báo điện tử. Đây được coi là một sự kiện nóng hổi của thị trường tài chính, có sức lan tỏa lớn đến công chúng, và là cầu nối đáng tin cậy để kết nối doanh nghiệp và nhà đầu tư tiềm năng – khẳng định sứ mệnh “kết nối vốn và cơ hội đầu tư” của SSI.

Cũng trong năm 2017, SSI đã làm tốt vai trò của người dẫn dắt thị trường khi thường xuyên xuất hiện trên các phương tiện truyền thông để truyền tải các kiến thức về sản phẩm mới - chứng khoán phái sinh. SSI cũng là công ty chứng khoán duy nhất trên thị trường kết hợp với HNX tổ chức hai buổi chạy thử nghiệm giao dịch chứng khoán phái sinh cho các nhà báo. Bên cạnh đó, việc tổ chức các chương trình đào tạo cho nhà đầu tư tại cả 2 miền cũng là công tác chuẩn bị được SSI chú trọng. Chỉ tính riêng trong tháng 7/2017, Công ty đã tổ chức 27 Hội thảo tại các chi nhánh và phòng giao dịch trên khắp cả nước, 2 Hội thảo quy mô lớn tại TP.HCM và Hà Nội, thu hút hàng nghìn nhà đầu tư, khách hàng đến tham dự. Đây chính là kênh truyền thông quan trọng, tạo điều kiện cho nhà đầu tư được thường xuyên trao đổi và nhận được sự tư vấn từ đội ngũ môi giới chuyên nghiệp tại SSI.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM

SSI áp dụng các chuẩn mức về Môi trường – Xã hội – Quản trị Doanh nghiệp (ESG) của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) trong các khoản đầu tư với mục tiêu cuối cùng là phát triển bền vững. Cụ thể, trong quy trình đầu tư, Công ty dành nhiều thời gian để tìm hiểu về Ban Lãnh Đạo Doanh nghiệp tầm nhìn của họ, về tính minh bạch và các hoạt động quản trị doanh nghiệp. Chúng tôi cũng xem xét các yếu tố khác như môi trường làm việc và xác định đó có phải là môi trường làm việc vì lợi ích tốt nhất của người lao động hay không; cùng với việc đánh giá những tác động lên môi trường, xã hội trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc đánh giá về ESG là yếu tố trọng yếu trong quá trình ra quyết định đầu tư của SSI. Mặc dù không trực tiếp hoạt động trong lĩnh vực tác động tới môi trường, Công ty tin rằng SSI cần phải trực tiếp hoặc gián tiếp chung tay cùng cộng đồng để xây dựng môi trường an toàn, bền vững cho thế hệ tương lai. Các công ty mà SSI ra quyết định đầu tư đều là doanh nghiệp có kế hoạch phát triển bền vững rõ ràng, có kế hoạch xây dựng quy trình quản lý phát triển với tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và cam kết bảo vệ môi trường.



Sau khi đã ra quyết định đầu tư, SSI tiếp tục làm việc sâu sát với Công ty đầu tư và nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc khuyến khích và tư vấn cho họ cải thiện yếu tố ESG trong hoạt động. Đội ngũ đầu tư của SSI trực tiếp cử người tham gia vào HĐQT, BKS của Doanh nghiệp để hỗ trợ họ cải thiện các hoạt động quản trị doanh nghiệp, và khuyến khích tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Ngoài ra, SSI cũng giới thiệu các thành viên HĐQT độc lập cho doanh nghiệp để tăng cường tính minh bạch và giảm xung đột lợi ích trong doanh nghiệp đó. Thực hiện chiến lược đầu tư đồng hành cùng doanh nghiệp trong nhiều năm qua, không chỉ giúp doanh nghiệp cải thiện các yếu tố ESG hướng tới phát triển bền vững, SSI cũng đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững của mình trong hoạt động đầu tư, đóng góp lớn vào tỷ trọng doanh thu của SSI. Cụ thể, năm 2017, doanh thu từ hoạt động đầu tư đóng góp 34,7% trong cơ cấu doanh thu hợp nhất.

Công ty tiếp tục duy trì 3 Công ty liên kết – đều là những công ty dẫn đầu ngành, có doanh thu, lợi nhuận ổn định, mức chi trả cổ tức cao, và có sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Trong năm 2017, SSI đã tiếp tục cùng các Công ty liên kết tái cơ cấu chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp. Các Công ty cũng đẩy mạnh việc tìm đối tác để xây dựng chuỗi giá trị và nâng cao giá trị của mình. Cụ thể, hai trong số ba công ty liên kết đạt mức tăng trưởng lợi nhuận hai con số: Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - 44%, Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN – HOSE) - 23%. Đặc biệt, Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) đã được bình chọn đứng thứ 6 trong bảng xếp hạng các Doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng mạnh năm 2017. Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG – HOSE) tuy có lợi nhuận giảm nhẹ (5%) nhưng tiếp tục giữ vững thị phần số 2 trong mảng thuốc bảo vệ thực vật.

GẮN KẾT ĐỘI NGŨ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SSI tin rằng bằng cách gia tăng động lực của mỗi nhân viên, Công ty có thể nâng cao sự hài lòng của khách hàng, và từ đó tăng cường những giá trị có thể mang lại cho các cổ đông và đối tác. SSI đã triển khai nhiều biện pháp nhằm đảm bảo mỗi thành viên cảm thấy hài lòng trong công việc, cũng như có thể có một cuộc sống cân bằng giữa gia đình và công việc. Bằng cách giữ sự cân bằng này, bản thân gia đình và bạn bè của mỗi người SSI đều cảm thấy tự hào bởi mình vô hình chung cũng đã trở thành một phần của SSI. Điều này cải thiện sự gắn kết giữa mỗi thành viên với tập thể để tiếp tục cùng cố một mối quan hệ bền chặt, hướng tới một sự phát triển lâu dài của SSI.

Văn hóa doanh nghiệp cũng là khía cạnh mà SSI luôn dành sự quan tâm đặc biệt để phát triển dựa trên những giá trị cốt lõi của mình. Những nét văn hóa này thể hiện bản sắc, triết lý cơ bản và ảnh hưởng đến chiến lược, đường lối của Công ty từ khi thành lập đến nay. Nó xác định tinh thần của SSI nói chung và của mỗi người SSI nói riêng. Với tinh thần SSI được bồi đắp thường xuyên, mỗi thành viên sẽ ngày một nâng cao ý thức, đoàn kết và cùng hướng tới sự tăng trưởng chung của cả tập thể.

Hướng tiếp cận của công tác tuyển dụng

SSI xác định mình như một “cái nôi nuôi dưỡng và phát triển nhân tài”. Cơ hội tuyển dụng tại Công ty được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường tới những người đã có nhiều kinh nghiệm trong thị trường tài chính. SSI sẵn sàng đào tạo, tạo điều kiện thử sức và khuyến khích sự nỗ lực của mỗi cá nhân trong mỗi cơ hội thử sức đó. Để chinh phục mục tiêu kinh doanh năm 2017 và thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu trong giai đoạn phát triển trong tương lai, năm 2017 đã có 294 thành viên mới trên toàn hệ thống để tăng cường lực lượng cũng như thay thế nhân sự, đáp ứng chiến lược phát triển của Công ty, tăng 23% so với năm 2016. Trong đó, độ tuổi chủ yếu ở khoảng dưới 30 tuổi, có trình độ, được đào tạo bài bản với tỷ lệ 89% đại học và 11% sau đại học, năng động, nhiệt huyết và giàu tinh sáng tạo.

Cách tiếp cận của chúng tôi đơn giản là cung cấp một môi trường mà ở đó, các cá nhân đa dạng có thể khai thác và thể hiện mọi tiềm năng mà họ có. Nhằm giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam và vươn ra khu vực Châu Á, SSI cũng rất quan tâm tới việc thu hút những cá nhân xuất sắc, đạt tiêu chuẩn quốc tế để có thể tiếp tục phát triển cùng SSI trên con đường đã chọn.

Chúng tôi cũng đã xây dựng và phát triển những bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng để đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên và tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Tại SSI, chúng tôi:

- Tôn trọng tối đa những quyền lợi của ứng viên tuyển dụng (về việc tiếp cận thông tin, yêu cầu, mô tả công việc, trao đổi và đàm phán)

- Chọn lựa những ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng

- Các quyết định tuyển dụng đều dựa trên sự đánh giá cẩn trọng, công tâm và rõ ràng về khả năng, thái độ trong công việc và những động lực của ứng viên.

Phát triển đội ngũ cả về chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết

Nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh cho SSI. Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu ở thị trường Việt Nam và nỗ lực vươn ra thị trường quốc tế, SSI tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày một khắt khe của thị trường.

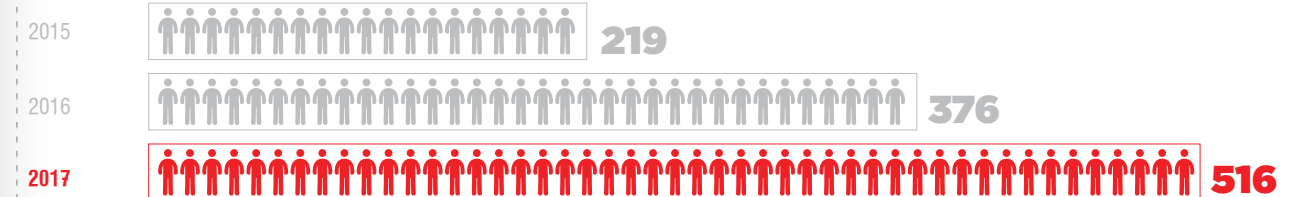
SSI luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí, bậc công việc thông qua các khóa đào tạo theo Chương trình Đào tạo của Công ty.

SSI đã xây dựng hàng loạt các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ở tất cả các cấp bậc phù hợp với yêu cầu tại vị trí, nhằm đảm bảo cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ hiện tại của họ, cũng như khuyến khích họ tiếp tục trau dồi và phát triển sự nghiệp tại SSI. Xây dựng văn hóa của một tổ chức luôn sẵn sàng học hỏi, đào tạo vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tập thể. Năm 2017, Công ty đã lên kế hoạch chi tiết và dành ngân sách 6 tỷ VNĐ cho các hoạt động đào tạo thông qua các lớp học trực tiếp, lớp học từ xa, và thông qua việc đào tạo trực tiếp trong công việc. Các chương trình đào tạo liên tục được hoàn thiện, đổi mới để đáp ứng yêu cầu; đẩy mạnh đào tạo cấp chứng chỉ quốc tế để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn theo chuẩn quốc tế cho đội ngũ nhân sự làm việc trong lĩnh vực không chỉ trong các Khối Kinh doanh mà còn cả đội ngũ Kế toán, Kiểm toán Nội bộ, Quản trị Rủi ro và Công nghệ Thông tin.

SO SÁNH NĂM 2017 VÀ NĂM 2016

TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO	33.054	17.908	(giờ)
GIỜ ĐÀO TẠO BẮT BUỘC	28.014	13.586	(giờ)
GIỜ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	3.456	2.914	(giờ)
GIỜ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG	1.584	1.408	(giờ)
TỔNG SỐ KHÓA ĐÀO TẠO	81	68	(khóa)
KHOÁ ĐÀO TẠO BẮT BUỘC	55	48	(khóa)
KHOÁ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	22	17	(khóa)
KHOÁ ĐÀO TẠO KỸ NĂNG	4	3	(khóa)

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO





Chế độ lương thưởng song hành cùng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc; Chế độ phúc lợi toàn diện

Đây là chính sách quan trọng để gắn kết đội ngũ. Với chính sách công bằng, và cạnh tranh chúng tôi thu hút và đãi ngộ công bằng đối với những đóng góp của nhân viên. Ban Lãnh Đạo SSI cam kết và đảm bảo chế độ chi trả lương thưởng hợp lý cân bằng quyền lợi của nhân viên, cố đồng.

SSI rất chú trọng đến việc xây dựng và triển khai chính sách chi trả lương theo mô hình 3P (Position – vị trí; Person – con người; Performance – Hiệu quả công việc). Phương pháp chi trả lương 3P khắc phục được các nhược điểm của phương pháp trả lương truyền thống như quá chú trọng đến bằng cấp hoặc thâm niên, không phân biệt được năng lực thực hiện công việc và đóng góp của cá nhân vào hiện thực hóa mục tiêu doanh nghiệp. Với phương pháp này SSI có thể:

- Trả lương phù hợp với sự đóng góp của từng vị trí đòi hỏi doanh nghiệp, tạo tính cạnh tranh so với thị trường của cùng một tập hợp các chức năng.
- Thu hút và giữ chân nhân viên giỏi nhờ tạo động lực thông qua thực thi sự công bằng khi trả lương tương xứng với năng lực
- Khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc do trả lương tương xứng với đóng góp của nhân viên vào kết quả chung của doanh nghiệp

Chương trình đánh giá hiệu quả công việc được tiến hành với sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin (PMS), đảm bảo sự minh bạch và tiện ích, cũng như bảo mật thông tin của mỗi cá nhân. Thông qua kết quả đánh giá, chúng tôi động viên và ghi nhận những giá trị, kết quả lao động của nhân viên bằng chính sách thưởng phù hợp và linh hoạt. Các cơ hội thăng tiến và phát triển cũng được căn cứ trên những quan sát và ghi nhận về hiệu quả công việc và sự tiến bộ về nhiều khía cạnh của các cá nhân trong suốt quá trình công tác. Điều này khiến cho mỗi nhân viên rõ ràng hơn về con đường phát triển của mình tại SSI.

Trong năm 2017, SSI đã chi hơn 375 tỷ VNĐ chi trả lương, các khoản bảo hiểm và phúc lợi khác, thưởng hiệu quả công việc sau đánh giá cuối năm; trong đó khoản thưởng hiệu quả công việc chiếm tỷ lệ tương đối cao cho thấy xu hướng đãi ngộ theo hiệu quả công việc rõ rệt trong Công ty.

Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự năm 2017

375.003.139.961

Lương (VNĐ)	144.939.759.555
Bảo hiểm xã hội – Bảo hiểm y tế - Bảo hiểm thất nghiệp (VNĐ)	16.710.937.840
Phúc lợi khác (VNĐ)	41.035.742.224
Thưởng Đánh giá Hiệu Quả Công việc + Hoa hồng doanh số (VNĐ)	172.316.700.342

Nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng

Đối với SSI, một môi trường làm việc lý tưởng là môi trường mà ở đó chấp cánh cho những sáng tạo và nỗ lực của nhân viên, nhưng cũng đồng thời phải đảm bảo sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc.

Điều này đặc biệt được chú trọng với những cán bộ lãnh đạo cấp cao. Nhân viên tại SSI được khuyến khích làm việc hiệu quả, nghỉ ngơi hợp lý và tham gia các hoạt động thể dục thể thao các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể để cân bằng giữa công việc và cuộc sống tạo niềm vui và yêu thích trong công việc và nâng cao tính gắn bó đoàn kết trong đội ngũ.

Các câu lạc bộ nhiếp ảnh, yoga, zumba, bóng đá, phong trào văn hóa văn nghệ tại SSI luôn hoạt động rất sôi nổi. Sang năm thứ 4, Ngày Hội Gia Đình SSI đã thực sự là nơi gia đình của nhân viên có thể đến chung vui, chia sẻ và kết nối. Đây là sự kiện thường niên được mong đợi của cả gia đình SSI bao gồm những thành viên SSI mở rộng – những hậu phương vững chắc cho mỗi người SSI yên tâm công tác. Những sự kiện như vậy giúp tăng cường tình cảm gia đình của nhân viên, và cũng để mỗi liên kết giữa gia đình và Công ty bền chặt hơn nữa.

Thông qua các hoạt động từ thiện hướng tới trẻ em vùng cao và bà con nông dân các huyện miền núi, các địa phương không may gặp thiên tai, các vùng kinh tế khó khăn, SSI tiếp tục xây dựng một đội ngũ gắn kết, sẵn sàng chia sẻ và hỗ trợ để đóng góp vào sự phát triển chung của cả xã hội. Trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân, của cả tổ chức luôn được đề cao và khuyến khích bởi Ban Lãnh Đạo.

Bên cạnh đó, giờ làm việc linh hoạt tạo điều kiện tối đa cho các nhân viên nữ đang chăm con nhỏ cũng là một trong những chính sách nhân văn tại SSI để nhân viên yên tâm công tác và gắn bó với công ty.

Công ty cũng luôn cố gắng tạo môi trường làm việc và cơ hội phát triển công bằng giữa nam và nữ. Tỷ lệ nam nữ hiện nay tại SSI vẫn tiếp tục duy trì ở mức ngang bằng. Với nhân viên nữ, công ty luôn tuân thủ mọi quy định về lao động nữ và tạo điều kiện thuận lợi cho nữ nhân viên quay trở lại làm việc sau kỳ thai sản. Thấu hiểu và chia sẻ những trách nhiệm gia đình của nhân viên, SSI tin rằng chỉ khi nhân viên yên tâm về gia đình của mình thì công việc mới có thể đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc chia sẻ công việc, dự phòng nhân sự trong các trường hợp nhân viên nghỉ ốm đau, thai sản, chăm người thân bị bệnh đều được các cấp lãnh đạo và nhân viên thực hiện một cách nghiêm túc.

Chăm sóc sức khỏe và an toàn cho nhân viên

Bên cạnh thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Lao Động, từ nhiều năm qua Công ty tiếp tục và liên tục tăng cường chương trình bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung cho nhân viên để nhân viên yên tâm công tác, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính trong trường hợp nhân viên gặp những rủi ro về sức khỏe. Đối tác của SSI lựa chọn và hợp tác luôn là những đơn vị bảo hiểm uy tín và chuyên nghiệp để triển khai chương trình bảo hiểm bổ sung cho nhân viên và người thân.

Các chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, với sự lựa chọn kỹ càng các cơ sở y tế uy tín và chất lượng nhằm theo dõi sức khỏe của cán bộ nhân viên và phát hiện kịp thời các vấn đề về sức khỏe để sớm có phương án xử lý. Thông tin khám sức khỏe được theo dõi qua các năm và sử dụng như dữ liệu đầu vào để thiết kế chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung một cách hiệu quả, giúp nhân viên yên tâm trong công tác.

Ngoài việc nâng cao nhận thức về y tế, tình hình dịch bệnh cho nhân viên, các hoạt động nội bộ cũng hướng tới việc xây dựng một lối sống lành mạnh để bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân viên và gia đình. Định kỳ hàng quý, Công ty tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sĩ dành cho nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ

và chăm sóc sức khỏe cho nhân viên. Các bản tin sức khỏe nhằm cảnh báo tình hình bệnh, dịch theo thời kỳ, các lưu ý khi sử dụng thuốc được chuẩn bị với nguồn tin uy tín, kịp thời nhằm giúp cán bộ nhân viên bảo vệ sức khỏe cho gia đình và người thân.

Các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban Lãnh Đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông qua việc tài trợ và tổ chức các câu lạc bộ như yoga, zumba, các giải nội bộ và giao hữu, thi đấu bóng đá, bóng bàn... Các hoạt động này được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, thư giãn tái tạo năng lượng và gắn kết hơn với tập thể

SSI thường xuyên nghiêm túc tổ chức các buổi diễn tập về phòng chống cháy nổ tại các trụ sở của Công ty nhằm xây dựng nhận thức về an toàn trong các tình huống hỏa hoạn. Trong quá trình quản lý và nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất, công ty dành nhiều sự quan tâm đến việc trang bị, kiểm thử và bảo hành bảo trì định kỳ hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho nhân viên. Đối với các văn phòng tại các khu cao ốc, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định chung về phòng cháy chữa cháy do ban quản lý quy định.

Tăng cường trao đổi thông tin giữa Ban Lãnh Đạo và Nhân viên

Chúng tôi tin tưởng rằng một cơ chế trao đổi thông tin thông suốt từ Ban Lãnh Đạo tới nhân viên Công ty sẽ càng làm mạnh mẽ hơn sự gắn kết giữa lãnh đạo và nhân viên. Những chiến lược kinh doanh, kế hoạch hay mục tiêu kinh doanh đều được chia sẻ trong nội bộ thông qua những thông điệp từ Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc, giúp nhân viên hiểu rõ và thống nhất quan điểm hoạt động của Công ty.

Năm 2017, Cuộc họp xây dựng chiến lược hoạt động 5 năm diễn ra dưới hình thức tự trình bày và bảo vệ kế hoạch đã giúp tất cả các bộ phận nâng cao tính tự chủ, nhìn nhận được định hướng của các bộ phận khác cũng như sự phát triển chung của toàn công ty. Tiếp nối cuộc họp đó, các cuộc họp cấp Khối, Phòng ban đã được tổ chức nhằm chia sẻ thông tin thông suốt, truyền cảm hứng và tạo động lực cho toàn thể nhân viên.

Đối với những thành tựu cho dù là của cá nhân hay bộ phận nào đạt được, những thông điệp chúc mừng từ nội bộ đều góp phần làm tăng niềm tự hào, sự chia sẻ thành công giữa những thành viên SSI, và từ đó cũng khuyến khích những nỗ lực tiếp theo để toàn thể nhân viên hay bộ phận đều hướng tới những thành tích cao hơn nữa.

SSI cũng quan tâm đến việc thường xuyên trao đổi giữa cán bộ lãnh đạo và nhân viên để đảm bảo rằng những mất xích trong bộ máy công ty đều chuyển động nhịp nhàng theo cùng một định hướng. Kết quả đánh giá công việc cũng được trao đổi thẳng thắn giữa người đánh giá và người được đánh giá để các bên hiểu rõ nhau hơn, cho những gì đã đạt được và những gì đang hướng tới.

MỘT SỐ CÔNG BỐ VỀ SỐ LIỆU NHÂN SỰ THEO TIÊU CHUẨN GRI

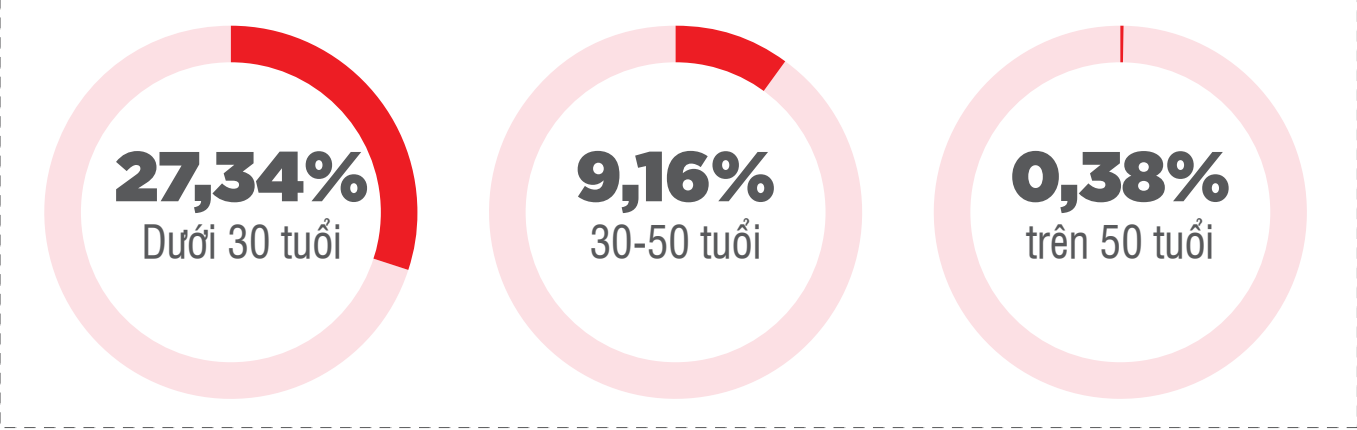
Số lượng nhân viên trung bình năm 2017 **797,25**

GRI 401: VIỆC LÀM

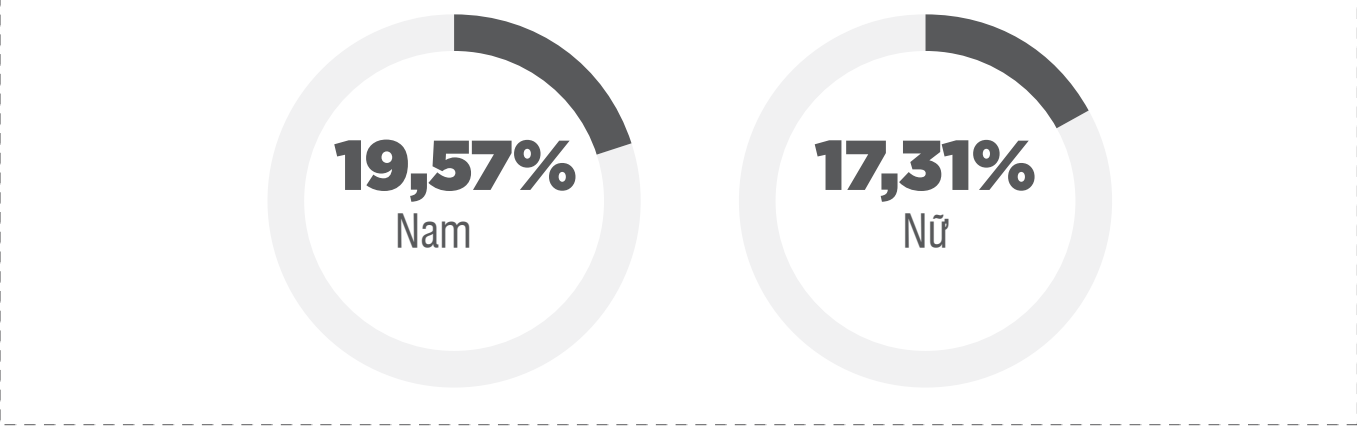
GRI 401-1: Số lượng nhân viên tuyển mới và tỷ lệ thôi việc

Số lượng nhân viên tuyển mới **294** người, tỷ lệ tuyển mới **33,68%**

Theo độ tuổi

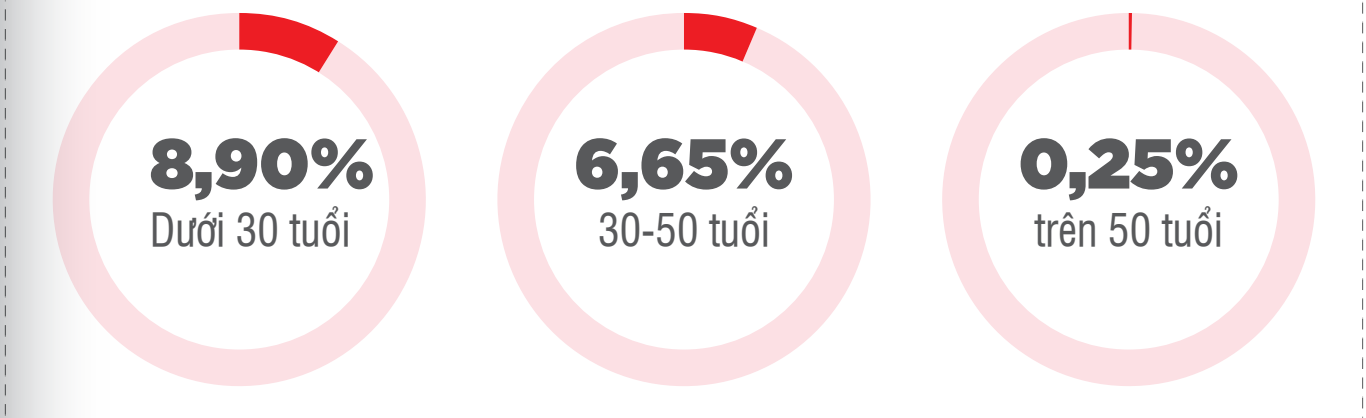


Theo giới tính

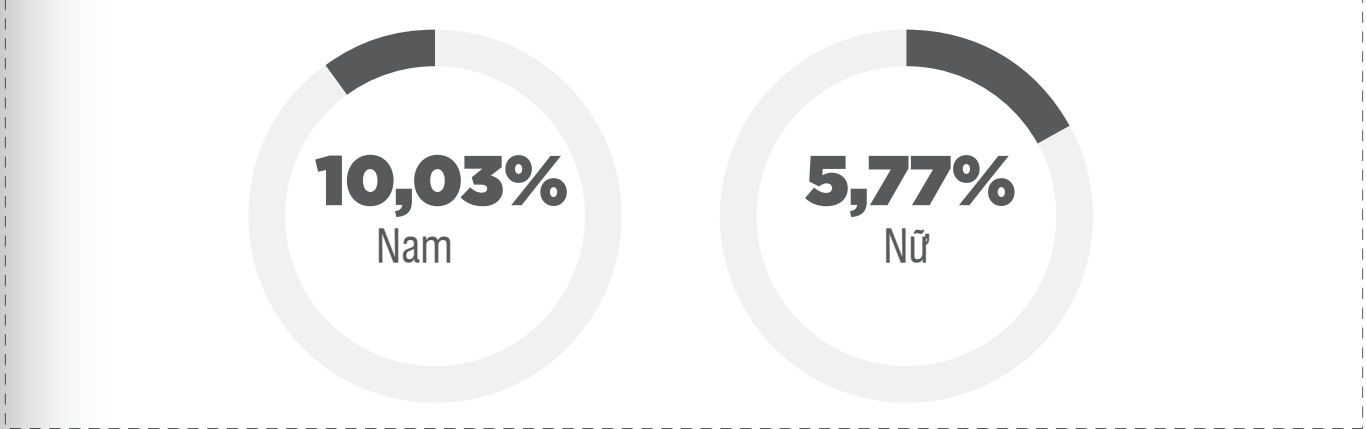


Số lượng nhân viên nghỉ việc **126** người, tỷ lệ nghỉ việc **15,8%**

Theo độ tuổi



Theo giới tính



GRI 401-2: Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian theo địa điểm hoạt động

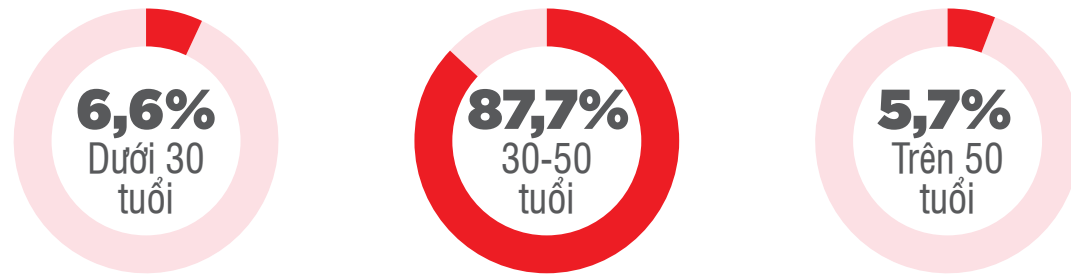
Địa điểm	TIỀN	ESOP
MIỀN NAM	28.414.083.540 VNĐ	3.516.000 CỔ PHIẾU
MIỀN BẮC	29.332.596.524 VNĐ	6.484.000 CỔ PHIẾU

GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

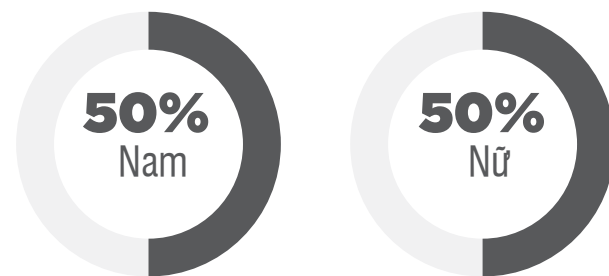
GRI 405-1: Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Cấp quản lý (PC từ 51 trở lên) **122** người

Theo độ tuổi

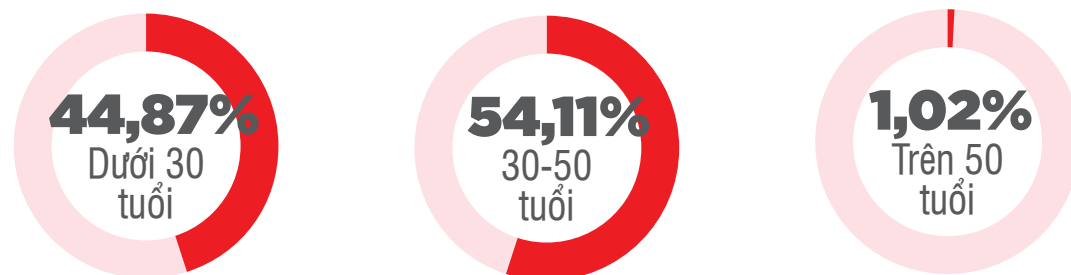


Theo độ tuổi

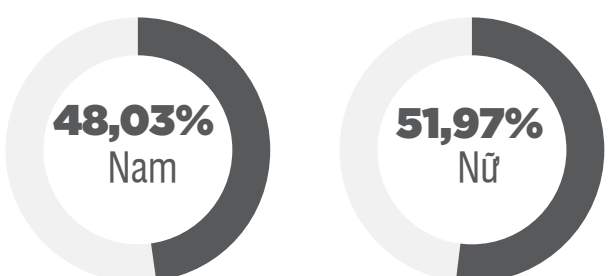


Nhân viên toàn Công ty **887** người

Theo độ tuổi



Theo độ tuổi



GRI 405-2: Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới và theo địa điểm hoạt động

Tổng lương cơ bản: **144.939.759.555** VNĐ



Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự: **375.003.139.961** VNĐ



HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG



Với tôn chỉ hoạt động “**Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng**”, sự phát triển của SSI trong suốt 18 năm qua là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Cổ đông, Khách hàng, Xã hội và Cộng đồng. SSI đã chủ động đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục và thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn



Đầu tư phát triển giáo dục

Các dự án xây trường

Tính từ năm 2007 tới nay, SSI đã xây được 10 trường học tại khu vực phía Bắc để giúp phát triển giáo dục tại các vùng này. Các địa điểm xây trường của SSI đều là những điểm trọng yếu của khu vực, nơi học sinh cần có nhiều hỗ trợ để đến trường thêm thuận tiện.

Hàng năm SSI đều thăm hỏi và có những tài trợ kịp thời cho các trường để tiếp tục mở rộng, tiếp tục sẽ là những mái trường mang đến nhiều tương lai cho đất nước.

Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục.

Năm học	Số lượng học sinh	Tỉ lệ học sinh tăng giảm so với năm học trước	Tỉ lệ đi các trường nghề TCCN	Ghi chú
	Học sinh	%	%	
2009-2010	422		82%	36 học sinh lớp 12
2010-2011	455	107,82%	91%	35 học sinh lớp 12
2011-2012	490	107,69%	100%	70 học sinh lớp 12
2012-2013	489	99,80%	100%	69 học sinh lớp 12
2013-2014	489	100,00%	100%	69 học sinh lớp 2
2014-2015	491	100,41%	100%	70 học sinh lớp 12
2015-2016	487	99,18%	100%	70 học sinh lớp 12
2016-2017	487	100,00%	100%	70 học sinh lớp 12

Dự án tài trợ học bổng thông qua Quỹ học bổng NDH

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt thúc đẩy sự thành công, sự phát triển của một quốc gia. Luôn nhận thức rõ quốc sách hàng đầu này, trong suốt quá trình phát triển của mình, SSI đã có sự đầu tư hệ thống, xuyên suốt với nhiều dự án tài trợ cho thế hệ trẻ - học sinh, sinh viên trên toàn Việt Nam. SSI đã mang sự giúp đỡ, hỗ trợ đến với không chỉ các em nhỏ ở những vùng xa xôi, khó khăn, không có điều kiện học tập, các em sinh viên đang tìm kiếm định hướng phát triển cho tương lai, và còn cả thế hệ nhân sự đang tìm đến sự phát triển chuyên nghiệp trong thị trường tài chính.

Với nhận thức xã hội phát triển là xã hội dựa trên nền tảng của tri thức và lòng bác ái, SSI tiếp tục kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH trao học bổng cho các sinh viên nghèo và học giỏi đã được lựa chọn. 30 sinh viên của các Trường Đại học Ngoại thương, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Y Hà Nội, Đại học Luật Hà Nội, Học viện Tài chính tiếp tục được tài trợ học bổng để các em có thể yên tâm tiếp tục phát triển định hướng nghề nghiệp của mình, sẽ có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng tri thức của mình, cũng như tiếp tục hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn như mình trong tương lai để tinh thần bác ái được lan tỏa rộng rãi cho thế hệ mai sau.

Phát triển thu hút nhân tài

Trong năm 2017, tiếp tục các chương trình đã thực hiện trong các năm trước, SSI cũng đã tài trợ nhiều chương trình của du học sinh tại Mỹ để hỗ trợ các em tiếp tục phát triển và là nguồn lực trẻ cho Việt Nam trong tương lai. Không chỉ tài trợ chi phí để hội du học sinh tại Mỹ có thể tổ chức các chương trình giao lưu, gắn kết trong cộng đồng, SSI cũng tài trợ và có các anh chị lãnh đạo cao cấp tham gia các buổi nói chuyện về định hướng nghề nghiệp để thế hệ nhân sự tương lai này có cái nhìn đúng đắn về các lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Các chương trình tài trợ giáo dục cho các khu vực khó khăn

Đối với hoạt động phát triển giáo dục ở các khu vực khó khăn, SSI càng dành sự quan tâm đặc biệt với mong muốn góp phần vươn những mầm xanh tương lai của đất nước. Trong năm 2017, Công ty đã phối hợp với các bác sĩ Khoa tim mạch – Bệnh viện Bạch Mai và Trung tâm Tim mạch – Đại học Y Hà Nội triển khai tặng quà, đồ dùng học tập, khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho 1.195 em học sinh các cấp mầm non – tiểu học – trung học tại hai xã Hồng An và Xuân Trường – huyện Bảo Lạc – tỉnh Cao Bằng. Ngoài ra, SSI tặng 3,3 tấn gạo và 336 lít nước mắm cho bếp ăn nội trú, bán trú của các trường trên địa bàn hai xã nhằm chia sẻ phần nào khó khăn trong sinh hoạt của các thầy cô giáo và học sinh xa nhà.

Công ty cũng đã phối hợp báo Công an Nhân dân tặng 100 xe đạp cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Thái Bình, góp phần động viên các em trong học tập, rèn luyện.

Xóa đói giảm nghèo, chung tay khắc phục các khó khăn

Góp phần đưa Việt Nam thực hiện thành công mục tiêu thiên niên kỉ mà Liên Hợp Quốc đề ra, đi cùng với chiến dịch xóa đói giảm nghèo của Chính phủ, SSI đã có một quá trình đóng góp lâu dài và bền vững theo định hướng này.

SSI tiếp tục dành nhiều nguồn lực đầu tư cả hỗ trợ vật chất và tinh thần cho các hoạt động nhằm giúp đỡ, hỗ trợ được phần nào các khu vực còn nhiều khó khăn của đất nước, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế theo hướng bền vững.

Trong năm 2017, SSI đã tài trợ 1 tỷ đồng cho Chương trình Bê tông hóa các tuyến đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Mỹ Hạnh Nam – huyện Đức Hòa – tỉnh Long An, góp phần giúp xã thực hiện một trong những tiêu chí quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm, toàn xã đã hoàn thành 2.519 m/4.567m đường kế hoạch, đạt 55,2%; trong đó Ấp Mới 1 hoàn thành 54,9%, Ấp Mới 2 hoàn thành 54% và Ấp Giồng Lớn hoàn thành 60%. Các tuyến đường mới được bê tông hóa hứa hẹn sẽ mang lại cho bà con xã Mỹ Hạnh Nam sự thuận tiện trong giao thông liên xã cũng như kết nối với các địa bàn xung quanh, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa của xã.

Cũng trong năm qua, SSI đã ủng hộ Quỹ Vì trẻ em khuyết tật Việt Nam trong hoạt động chung của Quỹ nhằm mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho những trẻ em có nhiều thiệt thòi. Có thể nói, phát triển thể hệ trẻ luôn là ưu tiên hàng đầu trong hoạt động cộng đồng của SSI, đặc biệt đối với những trẻ em kém may mắn, SSI càng dành sự quan tâm sâu sắc với mong muốn tạo điều kiện tốt hơn cho các em trong cuộc sống và học tập, động viên các em vươn lên.

Đối với các chương trình tài trợ từ các năm trước, SSI vẫn tiếp tục thăm hỏi tình hình ở các địa phương.

Dự án tặng gia súc, gia cầm giống cho 50 hộ nông dân nghèo và cận nghèo ở xã Vĩnh Thạch – huyện Vĩnh Linh – tỉnh Quảng Trị từ năm 2013, sau 4 năm, từ 100 con bò, 40 con lợn, 3.000 con gà giống ban đầu, khi được những người nông dân nuôi nấng, chăm sóc kỹ lưỡng thì đến nay, số bò, lợn, gà đã tăng lên gấp nhiều lần, đem lại thu nhập đáng kể cho các hộ chăn nuôi, phát triển kinh tế của xã.

SSI thực hiện trách nhiệm cộng đồng qua các hoạt động từ thiện vượt lên trên cả ý nghĩa nhường cơm, sẻ áo thông thường cho nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn và vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề và những thiệt hại do thiên tai mà còn hướng đến đích góp phần thực hiện một số chủ trương, đường lối chính sách quan trọng như xây dựng nông thôn mới, nghĩa tình biên giới, hải đảo, bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh trên biển cũng như trên đất liền, tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của Xã hội, Cộng đồng.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2017

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.000.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại Số 72 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu, Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp, 1 công ty con sở hữu gián tiếp và 3 công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu/Từ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Bà Hồ Thị Hương Trà	Thành viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017 Từ nhiệm ngày 13 tháng 11 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/19508568-HN

Kính gửi: Các cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 86, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4.1 – Các thay đổi trong chính sách kế toán và Thuyết minh số 43.8 – Trình bày lại dữ liệu tương ứng. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán 2015”) với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở hồi tố và trình bày lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Trần Mai Thảo
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2466-2018-004-1

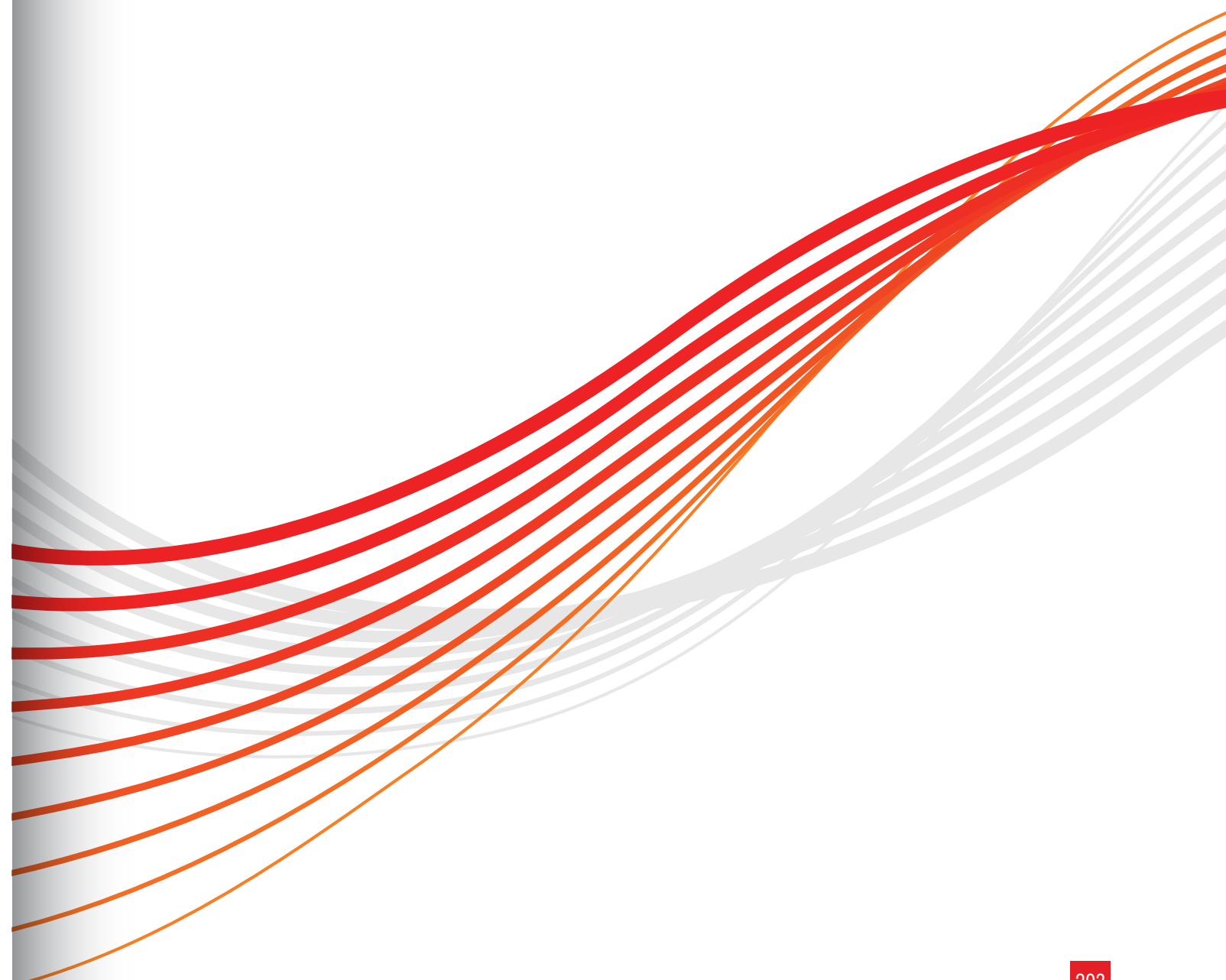
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | B01-CTCK/HN

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.227.983.148.329	12.663.850.207.470
110	I. Tài sản tài chính		17.092.445.491.929	12.565.346.534.003
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	345.985.713.191	308.564.964.314
111.1	1.1. Tiền		231.504.310.415	201.151.935.146
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		114.481.402.776	107.413.029.168
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	1.431.143.096.100	1.549.046.274.503
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	7.882.154.213.938	5.243.743.725.184
114	4. Các khoản cho vay	7.4	5.764.072.330.098	3.779.178.042.796
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	1.534.863.599.300	1.615.308.476.241
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(23.071.577.500)	(28.431.004.933)
117	7. Các khoản phải thu		27.842.003.070	53.619.347.570
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	9	26.678.453.070	53.486.347.570
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	9	1.163.550.000	133.000.000
117.3	7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		-	133.000.000
117.4	7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.163.550.000	-
118	8. Trả trước cho người bán	9	18.082.112.403	21.135.273.595
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	55.404.562.922	36.101.403.942
122	10. Các khoản phải thu khác	9	71.271.331.370	3.002.523.445
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(15.301.892.963)	(15.922.492.654)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	135.537.656.400	98.503.673.467
131	1. Tạm ứng		9.001.649.610	9.231.952.863
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		53.710.015	-
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		10.575.869.709	7.665.228.021
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		931.717.910	893.430.260
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		114.974.709.156	80.713.062.323

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.536.392.023.519	1.342.980.181.165
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		943.369.693.465	750.343.966.349
212	1. Các khoản đầu tư	11	943.369.693.465	750.343.966.349
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		130.424.472.600	41.007.379.429
212.3	1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		812.945.220.865	709.336.586.920
220	II. Tài sản cố định		161.101.323.414	131.416.882.683
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	32.942.324.482	12.569.448.484
222	1.1. Nguyên giá		115.198.707.424	89.953.237.422
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(82.256.382.942)	(77.383.788.938)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	128.158.998.932	118.847.434.199
228	2.1. Nguyên giá		186.932.181.501	173.208.004.861
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(58.773.182.569)	(54.360.570.662)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	218.230.726.962	261.341.171.964
231	1. Nguyên giá		272.917.757.575	314.275.801.824
232a	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(54.687.030.613)	(52.934.629.860)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	47.154.474.755	46.777.509.012
250	V. Tài sản dài hạn khác		166.535.804.923	153.100.651.157
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		19.416.533.466	19.105.729.716
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	16	35.571.900.952	25.895.763.102
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	17	76.547.370.505	88.099.158.339
254	4. Tiền nộp Quý Hỗ trợ thanh toán	18	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.764.375.171.848	14.006.830.388.635

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.148.125.475.946	6.100.018.520.642
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		9.354.274.432.825	5.841.951.456.398
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	20	8.503.887.663.684	4.819.340.678.085
312	1.1. Vay ngắn hạn		8.503.887.663.684	4.819.340.678.085
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	199.871.666.661	376.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	-	39.617.787.653
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	23	7.858.964.987	9.261.510.278
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		5.119.599.349	4.141.733.170
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24	131.662.750.256	73.816.803.238
323	7. Phải trả người lao động		39.122.549.261	4.726.744.169
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.662.352	168.596.552
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	25	93.014.814.252	62.998.576.869
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	244.986.666
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26	188.798.899.963	300.115.900.807
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		184.928.862.060	151.518.138.911
340	II. Nợ phải trả dài hạn		793.851.043.121	258.067.064.244
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	569.300.000.000	199.651.666.665
351	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	27	33.511.108.968	33.511.108.968
352	3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		-	230.577.141
356	4. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại phải trả	17	191.039.934.153	24.673.711.470
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	28	8.616.249.695.902	7.906.811.867.993
410	I. Vốn chủ sở hữu		8.616.249.695.902	7.906.811.867.993
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.027.878.981.200	4.927.409.917.200
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		5.000.636.840.000	4.900.636.840.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		5.000.636.840.000	4.900.636.840.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		29.482.756.034	29.265.860.000
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(2.240.614.834)	(2.492.782.800)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	40	637.896.244.067	652.792.875.375
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		33.179.513.213	34.056.420.954
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		355.412.398.796	311.560.605.893
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		270.904.804.112	227.053.011.209
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối	28.1	2.212.624.960.292	1.674.837.853.150
417.1	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.235.685.451.553	1.727.170.255.230
417.2	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(23.060.491.261)	(52.332.402.080)
418	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		78.352.794.222	79.101.184.212
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.764.375.171.848	14.006.830.388.635



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
005	Ngoại tệ các loại <i>USD</i> <i>EUR</i> <i>GBP</i>	29.1	5.163.658,21 84.352,36 38.197,09	5.028.241,29 57.765,13 -
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	28.4	499.849.370	489.825.250
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	28.4	214.314	238.434
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	29.2	892.517.220.000	959.988.530.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	29.3	10.485.780.000	10.552.040.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	29.4	5.520.000	4.660.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	29.5	380.192.020.000	461.520.310.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		660.000	2.430.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	29.6	33.276.995.380.000	26.872.935.050.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		27.586.903.680.000	22.283.452.350.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		572.565.500.000	682.966.010.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		4.435.948.560.000	3.600.644.250.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		30.525.850.000	15.664.600.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		651.051.790.000	290.207.840.000

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	29.7	1.537.141.910.000	1.652.187.760.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.382.746.250.000	1.447.750.000.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		52.256.010.000	102.298.110.000
022.3	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, cầm cố		102.139.650.000	102.139.650.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	29.8	558.055.700.000	277.151.500.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	29.9	587.746.830.000	40.192.750.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	29.10	20.760.290.000	49.722.960.000
026	Tiền gửi của khách hàng		4.016.678.482.634	1.630.987.771.952
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.11	3.834.955.125.947	1.616.354.145.533
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	29.11	145.075.049.045	
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	29.11	17.567.220.094	5.034.657.285
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	29.12	19.081.087.548	9.598.969.134
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.13	3.980.030.174.992	1.616.354.145.533
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.834.932.579.377	1.509.185.425.722
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		145.097.595.615	107.168.719.811
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	29.14	17.697.679.784	8.894.522.160
034	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	29.15	1.383.407.764	704.446.974

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | B02-CTCK/HN

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		668.205.714.750	684.049.420.960
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	258.242.105.970	285.136.192.295
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	363.520.691.804	357.627.439.480
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	30.3	46.442.916.976	41.285.789.185
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	30.3	450.841.549.874	344.890.502.306
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	30.3	519.650.863.341	429.400.211.341
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	30.3	259.243.270.357	342.218.316.379
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		779.655.966.567	381.169.657.999
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		6.970.000.000	11.238.000.000
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		25.112.954.614	33.282.441.007
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		13.106.660.608	9.582.231.035
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		104.386.740.785	95.374.902.451
11	10. Thu nhập hoạt động khác	32	70.904.085.725	114.524.308.025
20	Cộng doanh thu hoạt động		2.898.077.806.621	2.445.729.991.503
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		486.473.323.551	367.918.742.008
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	30.1	157.754.346.488	131.714.435.266
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	30.2	328.000.178.020	235.235.780.472
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		718.799.043	968.526.270
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		1.468.135.635	1.233.535.166
24	3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	31	(50.808.499.167)	177.853.152.433
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		6.529.060.758	3.031.991.259
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33	515.662.908.804	302.635.295.291
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	33	448.237.668	
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	33	17.339.245.420	14.205.710.814
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	33	18.364.941.338	14.217.781.607
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	33	62.842.511.908	26.015.542.418
32	10. Chi phí hoạt động khác	33, 34	79.077.162.741	82.252.708.235

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		498.596.335	146.819.024
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		39.095.125.630	21.595.000.566
44	3. Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi trong công ty liên kết)	11	105.518.563.847	73.457.661.737
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	35	145.112.285.812	95.199.481.327
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		1.868.541.862	188.578.824
52	2. Chi phí lãi vay		343.581.229.539	269.221.826.624
60	Cộng chi phí tài chính	36	345.449.771.401	269.410.405.448
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	37	168.028.766.259	140.593.608.205
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.392.314.526.117	1.141.560.999.946
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		13.087.665.727	2.628.448.016
72	Chi phí khác		380.782.811	126.449.020
80	Cộng kết quả hoạt động khác	38	12.706.882.916	2.501.998.996
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.405.021.409.033	1.144.062.998.942
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.369.674.291.631	1.021.671.339.934
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		35.347.117.402	122.391.659.008
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	39	243.916.813.210	199.398.763.392
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.1	227.147.912.674	220.703.920.528
100.2	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	39.2	16.768.900.536	(21.305.157.136)
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.161.104.595.823	944.664.235.550
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		1.161.852.985.813	946.703.413.703
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		79.628.651.193	61.392.510.064
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(748.389.990)	(2.039.178.153)
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	1. (Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41	(14.896.631.308)	6.229.932.314
400	Tổng thu nhập toàn diện khác		(14.896.631.308)	6.229.932.314
401	Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho chủ sở hữu		(14.843.959.968)	6.215.218.974
402	Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho cổ đông không kiểm soát		(52.671.340)	14.713.340
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.082.224.334.621	885.310.903.644
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	42	2.208	1.843

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | B03b-CTCK/HN

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		1.405.021.409.033	1.144.062.998.942
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(730.566.500.836)	(547.985.279.914)
03	Khấu hao TSCĐ		20.947.213.144	18.206.356.391
04	Các khoản dự phòng		(620.599.691)	12.491.380.694
05	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		173.396.382	-
06	Chi phí lãi vay		343.901.229.535	269.313.493.289
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(495.229.118.735)	(303.523.403.257)
08	Dự thu tiền lãi		(599.043.514.417)	(545.379.920.119)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(695.107.054)	906.813.088
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		324.108.886.222	264.900.320.571
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		328.000.178.020	235.235.780.472
13	(Hoàn nhập)/lỗi suy giảm giá trị các khoản cho vay		(5.359.427.433)	28.431.004.933
14	Lỗi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		1.468.135.635	1.233.535.166
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(589.814.228.061)	(624.835.482.381)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(363.520.691.804)	(357.627.439.480)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(226.293.536.257)	(267.208.042.901)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		408.749.566.358	236.142.557.218
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		379.032.638.757	(36.166.095.029)
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(491.170.678.200)	699.738.982.082
33	Tăng các khoản cho vay		(1.984.894.287.302)	(145.105.474.216)
34	Giảm/(tăng) tài sản tài chính AFS		226.707.855.613	(167.207.209.943)
35	Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		26.807.894.500	(50.954.500.000)
37	Tăng phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		(19.296.504.894)	(26.918.424.600)
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(26.310.583.847)	6.678.953.787
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(49.085.053.601)	147.298.363.103
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		8.403.545.245	14.475.876.517
42	Tăng chi phí trả trước		(12.588.940.046)	(27.603.968.238)
43	Thuế TNDN đã nộp		(194.330.165.299)	(244.437.916.359)
44	Lãi vay đã trả		(321.966.912.179)	(284.596.104.749)
46	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(3.610.395.170)	4.420.863.801
47	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(159.934.200)	2.990.600
48	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		25.027.050.340	5.702.846.752
49	Tăng phải trả người lao động		34.395.805.093	818.241.764

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
51	Giảm phải trả, phải nộp khác		(151.380.652.608)	(171.623.597.740)
52	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		598.129.706.117	575.402.759.035
	- Tiền lãi đã thu		598.012.964.417	561.567.025.235
	- Tiền thu khác		116.741.700	13.835.733.800
53	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.447.874.665)	(39.743.402.871)
60	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(1.575.987.919.988)	496.325.740.914
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(35.106.376.598)	(63.666.232.151)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		541.299.081	3.545.455
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(6.253.000.320.400)	(3.944.187.436.000)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		4.028.100.000.000	2.421.100.000.000
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		383.362.668.183	239.913.927.673
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.876.102.729.734)	(1.346.836.195.023)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		100.469.064.000	99.980.000.000
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	(2.322.300.400)
73	Tiền vay gốc		49.501.155.932.980	32.403.034.307.330
73.2	- Tiền vay khác		49.501.155.932.980	32.403.034.307.330
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(45.623.408.947.381)	(31.609.041.596.782)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(45.623.408.947.381)	(31.609.041.596.782)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(488.704.651.000)	(478.935.287.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.489.511.398.599	412.715.123.148
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		37.420.748.877	(437.795.330.961)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	308.564.964.314	746.360.295.275
101.1	Tiền		200.205.959.021	505.442.808.091
101.2	Các khoản tương đương tiền		107.413.029.168	235.000.000.000
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		945.976.125	5.917.487.184
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	345.985.713.191	308.564.964.314
103.1	Tiền		231.375.853.648	200.205.959.021
103.2	Các khoản tương đương tiền		114.481.402.776	107.413.029.168
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		128.456.767	945.976.125

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã Số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		158.362.644.597.181	76.974.085.890.096
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(151.564.405.275.980)	(82.179.697.180.977)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(4.094.047.857.546)	7.335.183.804.235
07.1	4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		145.075.049.043	-
09	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(11.620.149.721)	(9.562.903.693)
12	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.893.296.516.813	177.843.005.200
13	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.345.252.169.108)	(1.910.914.649.800)
20	Tăng tiền thuần trong năm		2.385.690.710.682	386.937.965.061
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.630.987.771.952	1.244.049.806.891
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.630.987.771.952	1.244.049.806.891
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.616.354.145.533	1.239.463.316.338
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		5.034.657.285	2.192.903.193
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		9.598.969.134	2.393.587.360
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)				
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		4.016.678.482.634	1.630.987.771.952
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		4.016.678.482.634	1.630.987.771.952
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	29.11	3.980.030.174.992	1.616.354.145.533
	<i>Trong đó Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD</i>		<i>145.075.049.043</i>	<i>-</i>
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	29.11	17.567.220.094	5.034.657.285
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	29.12	19.081.087.548	9.598.969.134

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm (trình bày lại)			Số tăng/ giảm			Số dư cuối năm	
		Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017	Năm trước (trình bày lại)	Năm nay		Ngày 31/12/2016 (trình bày lại)	Ngày 31/12/2017	
					Tăng	Giảm			
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.825.142.703.161	4.927.409.917.200	106.289.284.881	(4.022.070.842)	100.290.896.034	178.167.966	4.927.409.917.200	5.027.878.981.200
1.1. Cổ phiếu phổ thông	28.2	4.800.636.840.000	4.900.636.840.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	4.900.636.840.000	5.000.636.840.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		29.285.860.000	29.265.860.000	-	(20.000.000)	290.896.034	(74.000.000)	29.265.860.000	29.482.756.034
1.3. Vốn khác của chủ sở hữu		(4.609.514.439)	-	8.611.585.281	(4.002.070.842)	-	-	-	-
1.4. Cổ phiếu quỹ		(170.482.400)	(2.492.782.800)	(2.322.300.400)	-	-	252.167.966	(2.492.782.800)	(2.240.614.834)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		268.076.952.217	311.560.605.893	43.483.653.676	-	43.851.792.903	-	311.560.605.893	355.412.398.796
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		183.569.357.533	227.053.011.209	43.483.653.676	-	43.851.792.903	-	227.053.011.209	270.904.804.112
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		646.562.943.061	652.792.875.375	565.836.067.959	(559.606.135.645)	607.628.548.568	(622.525.179.876)	652.792.875.375	637.896.244.067
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		31.013.180.718	34.056.420.954	3.043.240.236	-	-	(876.907.741)	34.056.420.954	33.179.513.213
6. Lợi nhuận chưa phân phối		1.370.885.005.982	1.674.837.853.150	1.181.939.194.177	(877.986.347.009)	1.505.851.030.724	(968.063.923.582)	1.674.837.853.150	2.212.624.960.292
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	28.1	1.528.039.483.892	1.727.170.255.230	841.881.337.875	(642.750.566.537)	1.147.456.542.194	(638.941.345.871)	1.727.170.255.230	2.235.685.451.553
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	28.1	(157.154.477.910)	(52.332.402.080)	340.057.856.302	(235.235.780.472)	358.394.488.530	(329.122.577.711)	(52.332.402.080)	(23.060.491.261)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		81.140.362.365	79.101.184.212	-	(2.039.178.153)	-	(748.389.990)	79.101.184.212	78.352.794.222
TỔNG CỘNG		7.406.390.505.037	7.906.811.867.993	1.944.075.094.605	(1.443.653.731.649)	2.301.474.061.132	(1.592.036.233.223)	7.906.811.867.993	8.616.249.695.902
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	40	646.562.943.061	652.792.875.375	565.836.067.959	(559.606.135.645)	607.628.548.568	(622.525.179.876)	652.792.875.375	637.896.244.067
TỔNG CỘNG		646.562.943.061	652.792.875.375	565.836.067.959	(559.606.135.645)	607.628.548.568	(622.525.179.876)	652.792.875.375	637.896.244.067

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kê toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày | B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.000.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 1 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại Số 72 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 887 người (31 tháng 12 năm 2016: 720 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.000.636.840.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 8.616.249.695.902 VND, và tổng tài sản là 18.764.375.171.848 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% Sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	390 tỷ VND	80%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Quốc tế SSI, sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có ba (03) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 23 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 13). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 8 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	1.177.236.300.000
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử trùng Việt Nam - trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 3 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi gần nhất ngày 24 tháng 7 năm 2017. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng; Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác; Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng; Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh); Bán buôn phân bón; Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan; Dịch vụ chống mối mọt; Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng; Cho thuê văn phòng, kho bãi; Giám định hàng hoá; Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp; Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác.	237.701.890.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Tiền thân là doanh nghiệp nhà nước Cảng Đồng Nai trực thuộc sở Giao Thông Vận Tải Đồng Nai, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3004 ngày 24 tháng 8 năm 2005 của UBND tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000301 cấp ngày 4 tháng 1 năm 2006 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi số 3600334112 ngày 27 tháng 10 năm 2009, ngày 27 tháng 12 năm 2010 và 19 tháng 3 năm 2016 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Kinh doanh khai thác cầu cảng kho bãi; Xếp dỡ và vận tải hàng hóa trong và ngoài cảng; Dịch vụ sửa chữa phương tiện xếp dỡ và vận tải; Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải; Cung cấp nhiên liệu cho tàu xe; Mua bán vật liệu xây dựng; Tổ chức dịch vụ giải trí cho thuyền viên; Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất.	123.479.870.000

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2017 của Công ty là 1.161.104.595.823 VND, tăng 22,9% tương ứng mức tăng 216.440.360.273 VND so với năm 2016, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Do thị phần môi giới cùng với quy mô giao dịch của thị trường mở rộng, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng ở mức 104,5%, tương ứng với 398.486.308.568 VND. Bên cạnh đó, doanh thu lãi từ các khoản cho vay tăng 21%, tương ứng với 90.250.652.000 VND. Mức tăng này cao hơn so với mức tăng chi phí nghiệp vụ môi giới là 70,4%, tương ứng với 213.027.613.513 VND.
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng 30,7% tương ứng với 105.951.047.568 VND, tăng cao hơn so với mức tăng chi phí lãi vay là 27,6%, tương ứng với 74.359.402.915 VND.
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định tăng 81%, tương ứng với 17.500.125.064 VND do cổ tức từ các công ty con, công ty liên kết nhận về tăng so với năm trước.
- Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) giảm 24,2%, tương ứng với 82.975.046.022 VND chủ yếu do: i) cổ tức, trái tức phát sinh từ các tài sản tài chính AFS giảm và ii) Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại khi bán giảm so với năm trước.
- Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay giảm mạnh chủ yếu do việc Công ty hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ tính theo giá thị trường và hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay với tổng số hoàn nhập lên tới 50,8 tỷ VND trong khi năm trước chi phí trích lập dự phòng là 177,8 tỷ VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán 2015”). Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán 2015 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Theo đó, một số tài sản tài chính được ghi nhận như sau:

- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản chênh lệch (lãi hoặc lỗ) phát sinh từ việc thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu – chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở hồi tố theo Luật Kế toán 2015 và đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của các năm tài chính trước đối với một số chỉ tiêu tại Thuyết minh số 43.8.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (“OTC”) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục “Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giá định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận chưa phân phối” thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.16 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4.17 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.19 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.20 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Lợi ích của nhân viên

4.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2017, mức đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên là 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.22.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.24 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.25 Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế tại chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.26 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuê được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.27 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.28 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

4.29 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.30 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

4.31 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.32 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	231.504.310.415	201.151.935.146
- Tiền mặt tại quỹ	329.526.695	286.126.343
- Tiền gửi ngân hàng	231.174.783.720	200.865.808.803
Các khoản tương đương tiền	114.481.402.776	107.413.029.168
Tổng cộng	345.985.713.191	308.564.964.314

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Đơn vị)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	215.533.308	22.123.739.326.800
- Cổ phiếu	13.813.308	366.150.376.800
- Trái phiếu	201.720.000	21.757.588.950.000
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư	15.309.867.247	383.814.729.731.563
- Cổ phiếu	15.281.614.417	381.138.505.026.063
- Trái phiếu	24.660.000	2.630.426.250.000
- Chứng khoán khác	3.592.830	45.798.455.500
Tổng cộng	15.525.400.555	405.938.469.058.363

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh 4.7.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Một số khái niệm về tài sản tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu và Chứng chỉ quỹ (CCQ) niêm yết (1)	1.112.681.613.424	1.138.043.211.380	1.192.233.668.924	1.182.661.089.550
HPG	21.461.319.460	30.578.713.900	62.389.734.766	62.883.142.250
SSC	89.052.898.063	99.322.819.200	165.218.161.649	116.537.119.900
FPT	66.533.044.267	65.851.317.300	183.082.847.113	183.665.416.000
PVS	11.267.734	16.921.200	77.970.999.907	63.439.447.600
DBC	251.330.479.988	254.267.187.300	251.288.227.278	291.843.753.000
ELC	204.171.484.764	128.615.243.800	206.857.447.945	235.373.954.000
PET	497.178	578.200	45.060.789.684	31.305.912.700
LAS	466.693.191	335.520.000	41.063.264.511	43.837.664.000
VAF	66.339.779.235	35.692.880.000	67.766.775.917	45.253.072.700
FMC	177.875.499.093	176.062.033.200	194.750	192.000
VCG	32.961.896.579	26.601.515.400	20.828.986	25.717.500
PLX	180.274.333.463	290.288.850.000	-	-
Cổ phiếu và CCQ niêm yết khác	22.202.420.409	30.409.631.880	91.514.396.418	108.495.697.900
Cổ phiếu và CCQ chưa niêm yết	105.931.465.352	88.374.404.720	82.191.081.939	64.047.684.853
CTCP Kinh Viglacera Đáp Cầu	15.200.000.000	-	15.200.000.000	-
CCQ SSIBF	40.000.000.000	41.600.600.000	-	-
CTCP Xây dựng Công nghiệp Descon	17.456.571.492	8.182.129.000	17.456.571.492	9.337.620.500
CCQ SSISCA	26.500.000.000	38.567.128.950	7.500.000.000	10.647.746.309
CTCP Đầu tư Đường Mặt trời ("SSIR")	-	-	15.000.000.000	44.021.457.129
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	6.774.893.860	24.546.770	27.034.510.447	40.860.915
Trái phiếu chưa niêm yết	204.725.480.000	204.725.480.000	302.337.500.100	302.337.500.100
Tổng cộng	1.423.338.558.776	1.431.143.096.100	1.576.762.250.963	1.549.046.274.503

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, có 15.586.000 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 155.860.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 1 năm 2016, và 2.781.088 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 27.810.880.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.2 Tài sản tài chính AFS

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết (1)	573.611.017.959	1.355.733.972.000	814.610.060.866	1.450.302.936.241
VSC	44.725.223.998	50.970.695.000	175.885.933.796	204.374.352.000
TMS	107.326.574.160	211.426.560.000	113.028.048.762	246.273.781.100
OPC	113.376.260.629	233.773.800.000	113.218.396.107	151.464.696.600
DHC	48.060.985.032	102.335.269.400	42.189.091.850	64.455.037.500
SGN	188.296.511.801	673.461.151.200	204.116.454.286	562.729.138.440
HAH	26.089.630.020	19.228.100.000	26.089.635.366	24.868.239.300
SGC	1.514.960.064	4.670.640.000	1.524.936.566	4.622.340.000
CTD	21.309.357.211	31.435.255.500	107.474.155.061	127.765.695.000
Cổ phiếu niêm yết khác	22.911.515.044	28.432.500.900	31.083.409.072	63.749.656.301
Cổ phiếu chưa niêm yết	162.207.227.300	179.129.627.300	147.905.540.000	165.005.540.000
Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam ("VEAM")	37.725.600.000	54.648.000.000	142.900.000.000	160.000.000.000
CTCP PAN Farm	53.408.921.300	53.408.921.300	-	-
CTCP Dược phẩm CVI	27.924.100.000	27.924.100.000	-	-
CTCP ConCung	28.109.556.000	28.109.556.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	15.039.050.000	15.039.050.000	5.005.540.000	5.005.540.000
Tổng cộng	735.818.245.259	1.534.863.599.300	962.515.600.866	1.615.308.476.241

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính AFS tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, có 6.489.600 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 64.896.000.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 2 năm 2017 và đợt 1 năm 2016, và 2.809.818 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 28.098.180.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu chưa niêm yết	-	11.603.575.929
- Trái phiếu chuyển đổi TMS	-	11.603.575.929
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng tới 1 năm	7.882.154.213.938	5.232.140.149.255
Tổng cộng	7.882.154.213.938	5.243.743.725.184

Trong số tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng tới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, có 2.048 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 5.784 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (4) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (4) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	5.632.705.629.670	5.609.634.052.170	3.564.875.010.978	3.536.444.006.045
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	126.735.539.319	126.735.539.319	214.303.031.818	214.303.031.818
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán (3)	4.631.161.109	4.631.161.109	-	-
Tổng cộng	5.764.072.330.098	5.741.000.752.598	3.779.178.042.796	3.750.747.037.863

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 6.040.499.840.000 VND và 5.207.197.455.000 VND, (giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 16.549.831.922.670 VND và 10.152.327.220.100 VND)

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu

(3) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng môi giới bán trái phiếu được nắm giữ bởi khách hàng, theo đó Công ty ứng trước tiền bán trái phiếu cho khách hàng trong thời gian chờ bán trái phiếu.

(4) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm			Số đầu năm (trình bày lại)				
	Chênh lệch đánh giá			Chênh lệch đánh giá				
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	1.423.338.558.776	154.500.481.381	(146.695.944.057)	1.431.143.096.100	1.576.762.250.963	123.378.771.491	(151.094.747.951)	1.549.046.274.503
Cổ phiếu và CCQ niêm yết	1.112.681.613.424	140.832.752.940	(115.471.154.984)	1.138.043.211.380	1.192.233.668.924	91.209.567.971	(100.782.147.345)	1.182.661.089.550
Cổ phiếu và CCQ chưa niêm yết	105.931.465.352	13.667.728.441	(31.224.789.073)	88.374.404.720	82.191.081.939	32.169.203.520	(50.312.600.606)	64.047.684.853
Trái phiếu chưa niêm yết	204.725.480.000	-	-	204.725.480.000	302.337.500.100	-	-	302.337.500.100
AFS	735.818.245.259	805.931.474.854	(6.886.120.813)	1.534.863.599.300	962.515.600.866	655.482.365.518	(2.689.490.143)	1.615.308.476.241
Cổ phiếu niêm yết	573.611.017.959	789.009.074.854	(6.886.120.813)	1.355.733.972.000	814.610.060.866	638.382.365.518	(2.689.490.143)	1.450.302.936.241
Cổ phiếu chưa niêm yết	162.207.227.300	16.922.400.000	-	179.129.627.300	147.905.540.000	17.100.000.000	-	165.005.540.000
Tổng cộng	2.159.156.804.035	960.431.956.235	(153.582.064.870)	2.966.006.695.400	2.539.277.851.829	778.861.137.009	(153.784.238.094)	3.164.354.750.744

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(23.071.577.500)	(28.431.004.933)

Đây là khoản dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay giao dịch ký quỹ.

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	26.678.453.070	53.486.347.570
<i>Trong đó các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư không có khả năng thu hồi</i>	2.531.847.570	2.531.847.570
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.163.550.000	133.000.000
<i>Trong đó các khoản phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	-	133.000.000
3. Trả trước cho người bán	18.082.112.403	21.135.273.595
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	55.404.562.922	36.101.403.942
<i>Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp</i>	12.248.527.916	12.971.609.076
5. Phải thu khác	71.271.331.370	3.002.523.445
<i>Trong đó phải thu khác khó đòi</i>	521.517.477	388.517.477
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(15.301.892.963)	(15.922.492.654)
TỔNG CỘNG	157.298.116.802	97.936.055.898

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các loại tài sản tài chính	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	2.531.847.570	2.531.847.570	-	-	2.531.847.570	2.531.847.570
- Khách hàng Đăng Văn Sỹ	2.531.847.570	2.531.847.570	-	-	2.531.847.570	2.531.847.570
Dự phòng phải thu cổ tức, tiền lãi đến hạn khó đòi	-	133.000.000	-	-	-	133.000.000
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	12.248.527.916	12.869.127.607	119.498.819	740.098.510	12.248.527.916	12.971.609.076
- CTCP Công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	525.000.000	525.000.000	-	-	525.000.000	525.000.000
- CTCP Thái Hòa	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000
- Công ty Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	80.000.000	80.000.000	-	-	80.000.000	80.000.000
- CTCP Hàng hải Sài Gòn	270.000.000	270.000.000	-	-	270.000.000	270.000.000
- CTCP VIGLACERA Đông Triều	-	101.000.000	-	101.000.000	-	101.000.000
- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (Vneco)	150.000.000	150.000.000	-	-	150.000.000	150.000.000
- CTCP Thủy điện Quế Phong	-	42.898.229	28.598.819	71.497.048	-	142.994.095
- CTCP KSA POLYMER Hà Nội	-	-	30.000.000	30.000.000	-	-
- CTCP Đầu tư Đèo Cả	-	-	60.900.000	60.900.000	-	-
- Phải thu giao dịch ký quỹ quá hạn - khách hàng cá nhân	11.143.527.916	11.620.229.378	-	476.701.462	11.143.527.916	11.622.614.981
Phải thu khác khó đòi	521.517.477	388.517.477	-	-	521.517.477	388.517.477
- Tiền bán tài sản	309.521.422	309.521.422	-	-	309.521.422	309.521.422
- Phải thu CTCP Công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	133.000.000	-	-	-	133.000.000	-
- Phải thu khác	78.996.055	78.996.055	-	-	78.996.055	78.996.055
Tổng cộng	15.301.892.963	15.922.492.654	119.498.819	740.098.510	15.301.892.963	16.024.974.123

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	9.001.649.610	9.231.952.863
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	53.710.015	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	10.575.869.709	7.665.228.021
- Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng	1.506.651.233	1.694.143.977
- Chi phí trả trước dịch vụ	9.069.218.476	5.971.084.044
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	931.717.910	893.430.260
Tài sản ngắn hạn khác	114.974.709.156	80.713.062.323
- Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ (1)	111.806.519.156	80.305.580.600
- Tiền gửi kí quỹ phải sinh của CTCK	2.446.190.000	-
- Khác	722.000.000	407.481.723
TỔNG CỘNG	135.537.656.400	98.503.673.467

(1) Đây là giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ ngắn hạn liên quan đến hợp đồng bán cổ phiếu giữa Công ty và khách hàng về việc bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai, tên cũ là Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Gia Lai. Theo đó, khách hàng sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty theo tiền độ quy định tại hợp đồng mua bán cổ phiếu. Quyền kiểm soát cổ phiếu sẽ được chuyển giao từ bên bán sang bên mua theo tiền độ thanh toán quy định tại hợp đồng. Cổ phiếu sau khi được chuyển nhượng sẽ được phong tỏa làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán theo tiền độ của khách hàng, quy định tại hợp đồng mua bán cổ phiếu. Giá trị của khoản đầu tư nhận hoàn vốn được xác định bằng hiệu số giữa giá trị gốc của khoản đầu tư đã bán, chờ hoàn vốn và khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản đảm bảo tính theo giá hợp lý của tài sản đảm bảo tại thời điểm báo cáo.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			130.424.472.600	41.007.379.429
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm (1)			80.407.742.840	41.007.379.429
- Trái phiếu CTCP Đường Mặt Trời			50.016.729.760	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)			812.945.220.865	709.336.586.920
- Công ty Cổ phần tập đoàn PAN (PAN)	20,10%	20,02%	559.300.480.680	478.275.257.353
- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	20,01%	20,00%	83.455.067.730	74.703.544.923
- Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFG)	20,01%	20,00%	170.189.672.455	156.357.784.644
TỔNG CỘNG			943.369.693.465	750.343.966.349

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong số các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm, có 70 tỷ VND được dùng để bảo đảm cho các khoản vay thấu chi của Công ty.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 13.905.666 cổ phiếu với giá trị mệnh giá 139.056.660.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành đợt 2 năm 2017 và 7.987.271 cổ phiếu với giá trị mệnh giá 79.872.710.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	709.336.586.920	637.417.114.391
Mua trong năm	320.400	25.087.436.000
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	14.509.242.199	(3.891.899.609)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	-	(7.811.526.899)
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm	105.518.563.847	73.457.661.737
- Phần chia sẻ lãi trong năm	105.518.563.847	73.457.661.737
Cổ tức thực nhận	(16.419.492.501)	(14.922.198.700)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	812.945.220.865	709.336.586.920

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.609.391.520	71.546.030.857	14.504.261.403	1.293.553.642	89.953.237.422
Tăng trong năm	-	22.348.505.705	5.241.004.000	-	27.589.509.705
Mua trong năm	-	22.348.505.705	5.241.004.000	-	27.589.509.705
Giảm trong năm	-	(150.191.000)	(2.193.848.703)	-	(2.344.039.703)
Thanh lý	-	(150.191.000)	(2.193.848.703)	-	(2.344.039.703)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.609.391.520	93.744.345.562	17.551.416.700	1.293.553.642	115.198.707.424
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.609.391.520	62.871.311.680	10.728.739.431	1.174.346.307	77.383.788.938
Tăng trong năm	-	5.795.045.186	1.360.381.186	61.207.335	7.216.633.707
Khấu hao trong năm	-	5.795.045.186	1.360.381.186	61.207.335	7.216.633.707
Giảm trong năm	-	(150.191.000)	(2.193.848.703)	-	(2.344.039.703)
Thanh lý	-	(150.191.000)	(2.193.848.703)	-	(2.344.039.703)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.609.391.520	68.516.165.866	9.895.271.914	1.235.553.642	82.256.382.942
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	8.674.719.177	3.775.521.972	119.207.335	12.569.448.484
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	25.228.179.696	7.656.144.786	58.000.000	32.942.324.482

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	66.733.888.938	64.947.047.965

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	56.887.231.019	109.671.558.000	6.649.215.842	173.208.004.861
Tăng trong năm	13.649.176.640	-	75.000.000	13.724.176.640
<i>Mua mới</i>	13.649.176.640	-	75.000.000	13.724.176.640
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	70.536.407.659	109.671.558.000	6.724.215.842	186.932.181.501
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	50.188.404.092	-	4.172.166.570	54.360.570.662
Tăng trong năm	3.420.374.684	-	992.237.223	4.412.611.907
<i>Hao mòn trong năm</i>	3.420.374.684	-	992.237.223	4.412.611.907
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	53.608.778.776	-	5.164.403.793	58.773.182.569
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	6.698.826.927	109.671.558.000	2.477.049.272	118.847.434.199
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	16.927.628.883	109.671.558.000	1.559.812.049	128.158.998.932

CÁC THÔNG TIN KHÁC VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp cho trái phiếu Công ty phát hành	109.671.558.000	109.671.558.000
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.423.625.651	48.118.076.411
TỔNG CỘNG	159.095.183.651	157.789.634.411

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	314.275.801.824
Giảm trong năm	(41.358.044.249)
- <i>Thanh lý</i>	(40.615.165.225)
- <i>Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con</i>	(742.879.024)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	272.917.757.575
Khấu hao lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	52.934.629.860
Khấu hao trong năm	9.317.967.530
Giảm trong năm	(7.565.566.777)
- <i>Thanh lý</i>	(7.432.446.420)
- <i>Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con</i>	(133.120.357)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	54.687.030.613
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	261.341.171.964
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	218.230.726.962

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI (SSIIC) đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của các tòa nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi quỹ mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Trong năm công ty đã thanh lý một phần bất động sản đầu tư.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phát triển phần mềm	21.147.664.427	20.770.698.684
Chi phí xây dựng cơ bản khác (máy móc thiết bị)	26.006.810.328	26.006.810.328
TỔNG CỘNG	47.154.474.755	46.777.509.012

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dài hạn	35.571.900.952	25.895.763.102

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa 36 tháng.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI/ THUẾ TNDN HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ thuế của các khoản mục sau đây:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (trình bày lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng chứng khoán không niêm yết trong năm tạm thời không được khấu trừ thuế	3.970.000.000	7.567.907.481
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ tạm thời không được khấu trừ thuế	30.641.602.244	39.731.416.589
Dự phòng giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	6.414.053.999	8.010.246.862
Doanh thu tạm thời chịu thuế phát sinh năm 2015	25.774.769.047	27.131.335.840
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh năm 2017	4.088.693.648	-
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	5.658.251.567	5.658.251.567
TỔNG CỘNG	76.547.370.505	88.099.158.339
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(800.808.029)	57.285.850
Phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL và AFS tạm thời không chịu thuế	191.840.742.182	24.616.425.620
TỔNG CỘNG	191.039.934.153	24.673.711.470

18. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
TỔNG CỘNG	20.000.000.000	20.000.000.000

19. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỠ, THẺ CHẬP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Tài sản	Số dư cuối năm VND	Số dư cuối năm VND	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
- Tài sản tài chính FVTPL (tính theo mệnh giá)	183.670.880.000	130.810.880.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
- Tài sản tài chính AFS (tính theo mệnh giá)	92.994.180.000	98.494.180.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tới 1 năm	7.832.000.000.000	5.168.100.000.000	Vay thấu chi và vay ngắn hạn
Dài hạn			
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	70.000.000.000	41.000.000.000	Vay thấu chi và vay ngắn hạn
- Đầu tư vào công ty liên kết (tính theo mệnh giá)	218.929.370.000	185.139.370.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
- Tài sản cố định vô hình	109.671.558.000	109.671.558.000	Trái phiếu do Công ty phát hành
TỔNG CỘNG	8.507.265.988.000	5.733.215.988.000	

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn		4.819.340.678.085	48.901.455.932.980	45.216.908.947.381	8.503.887.663.684
Vay thấu chi	0,8 - 7	1.254.340.678.085	33.327.925.932.980	32.648.908.947.381	1.933.357.663.684
Vay ngắn hạn	1,5 - 7,7	3.565.000.000.000	15.573.530.000.000	12.568.000.000.000	6.570.530.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		2.971.000.000.000	8.332.000.000.000	8.204.000.000.000	3.099.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		247.000.000.000	670.000.000.000	627.000.000.000	290.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		347.000.000.000	1.690.000.000.000	1.587.000.000.000	450.000.000.000
- Ngân hàng Sinopac - Hồng Kông (1)		-	136.530.000.000	-	136.530.000.000
- Ngân hàng TNHH CTBC-Chi nhánh TP. HCM		-	110.000.000.000	-	110.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		-	3.705.000.000.000	1.420.000.000.000	2.285.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc dân		-	400.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM		-	530.000.000.000	530.000.000.000	-
Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		-	-	-	-
TỔNG CỘNG		4.819.340.678.085	48.901.455.932.980	45.216.908.947.381	8.503.887.663.684

(1) Khoản vay tại Ngân hàng Sinopac - Hồng Kông có số hợp đồng là BFL/HK/161019/238 với tổng giá trị theo nguyên tệ là 6.000.000 USD, lãi suất ban đầu là 2,97%/năm và kỳ hạn 3 tháng. Tại ngày 31 tháng 10 năm 2017, khoản vay này được quay vòng với kỳ hạn mới từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 01 năm 2018 và lãi suất là 3,18%/năm. Khoản vay được Công ty phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn ký ngày 31 tháng 10 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 6.048.711 USD. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá hợp đồng kỳ hạn và tỷ giá ngày nhận vay được phân bổ trong thời hạn hợp đồng và được ghi nhận là một khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong năm.

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	199.871.666.661	376.000.000.000
Trái phiếu SSIBOND012015	-	76.000.000.000
Trái phiếu SSIBOND022015	-	300.000.000.000
Trái phiếu SSIBOND012016	200.000.000.000	-
Phí thu xếp phát hành trái phiếu SSIBOND012016	(128.333.339)	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	569.300.000.000	199.651.666.665
Trái phiếu SSIBOND012016	-	200.000.000.000
Trái phiếu SSIBOND012017	269.500.000.000	-
Trái phiếu SSIBOND022017	300.000.000.000	-
Phí thu xếp phát hành trái phiếu SSIBOND012016	-	(348.333.335)
Phí thu xếp phát hành trái phiếu SSIBOND022017	(200.000.000)	-
TỔNG CỘNG	769.171.666.661	575.651.666.665

Trái phiếu SSIBOND012016 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 8 năm 2016 theo Nghị quyết số 03/2016/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2016 với số lượng 200 trái phiếu có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết sở hữu của Công ty theo hợp đồng mua bán trái phiếu, kỳ hạn 2 năm với lãi suất bằng tổng của 1,2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội).

Trái phiếu SSIBOND012017 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 1 năm 2017 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2017 với số lượng 600 trái phiếu có mệnh giá 500 triệu VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành cố định là 8,5%/năm. Trong thời gian còn lại của trái phiếu, lãi suất trái phiếu bằng tổng của 2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch). Trường hợp vào Ngày xác định lãi suất có bất kỳ Ngân hàng Tham chiếu nào không công bố Lãi suất Tham chiếu thì lãi suất Trái phiếu sẽ được tính trên cơ sở trung bình cộng của Lãi suất Tham chiếu do các Ngân hàng Tham chiếu còn lại công bố vào Ngày xác định lãi suất. Trong năm công ty đã mua lại 61 trái phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 30.500.000.000 VND.

Trái phiếu SSIBOND022017 là trái phiếu thường phát hành đợt 2 vào tháng 4 năm 2017 theo Nghị quyết số 05/2017/NQ/HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2017 với số lượng 600 trái phiếu có mệnh giá 500 triệu VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và các bất động sản thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng mua bán trái phiếu, có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu bằng tổng của tối đa 1,2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch) và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Hội sở chính).

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (Phải trả về mua các tài sản tài chính)	-	39.617.787.653

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả phí dịch vụ	-	2.261.250.000
Công ty CP Xây dựng và Thương mại TTT	-	2.418.020.814
Công ty TNHH Công nghệ Giao dịch Việt Nam	2.209.448.340	-
Phải trả người bán khác	5.649.516.647	4.582.239.464
TỔNG CỘNG	7.858.964.987	9.261.510.278

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	8.686.432.893	5.482.965.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.299.155.217	51.481.407.842
Thuế thu nhập cá nhân	34.307.983.524	14.280.175.092
Thuế nhà thầu	4.369.178.622	2.572.254.856
TỔNG CỘNG	131.662.750.256	73.816.803.238

	Số dư đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số dư cuối năm VND
I Thuế	73.816.803.238	488.862.548.373	431.016.601.355	131.662.750.256
1 Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	5.482.965.448	11.972.006.385	8.768.538.940	8.686.432.893
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 39.1)	51.481.407.842	227.147.912.674	194.330.165.299	84.299.155.217
3 Các loại thuế khác	16.852.429.948	249.742.629.314	227.917.897.116	38.677.162.146
Thuế thu nhập cá nhân	4.453.852.735	51.324.108.517	44.276.969.720	11.500.991.532
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	9.826.322.357	169.498.375.243	156.517.705.608	22.806.991.992
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Thuế khác	2.572.254.856	28.905.145.554	27.108.221.788	4.369.178.622
II Các khoản phải nộp khác	-	105.892.182	105.892.182	-
TỔNG CỘNG	73.816.803.238	488.968.440.555	431.122.493.537	131.662.750.256

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số dư cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	15.590.197.526	6.468.105.688
Chi phí lãi trái phiếu	44.326.050.038	28.295.676.827
Chi phí lãi vay phải trả	11.252.507.067	5.667.044.384
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	602.246.575	981.350.992
Phí dịch vụ	760.000.000	630.000.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	10.173.691.278	2.212.907.642
Các khoản khác	10.310.121.768	18.743.491.336
TỔNG CỘNG	93.014.814.252	62.998.576.869

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán (1)	180.000.000.000	262.800.421.276
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	6.264.934.750	5.490.560.750
Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	700.120.490	701.639.024
Phải trả tiền mua/bán cổ phiếu cho khách hàng	-	28.354.700.000
Phải trả khác	1.833.844.723	2.768.579.757
TỔNG CỘNG	188.798.899.963	300.115.900.807

(1) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

27. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	4.491.927.766	4.491.927.766
TỔNG CỘNG	33.511.108.968	33.511.108.968

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu.

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

28.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm (trình bày lại) VND
Lợi nhuận đã thực hiện	2.235.685.451.553	1.727.170.255.230
Lợi nhuận chưa thực hiện	(23.060.491.261)	(52.332.402.080)
TỔNG CỘNG	2.212.624.960.292	1.674.837.853.150

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Các loại tài sản tài chính	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm (trình bày lại)	4.900.636.840.000	29.265.860.000	(2.492.782.800)	652.792.875.375	34.056.420.954	311.560.605.893	227.053.011.209	1.674.837.853.150	79.101.184.212	7.906.811.867.993
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	1.161.104.595.823	-	1.161.104.595.823
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Cổ tức 2016 bằng tiền mặt (10%)	-	-	-	-	-	-	-	(489.845.250.000)	-	(489.845.250.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	366.225.000	-	366.225.000
Chi phí phát sinh liên quan đến đợt tăng vốn năm 2016 và phí thực hiện quyền	-	(74.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(74.000.000)
Bán cổ phiếu quỹ	-	290.896.034	252.167.966	-	-	-	-	-	-	543.064.000
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	-	(14.896.631.308)	-	-	-	-	-	(14.896.631.308)
Trích quỹ dự trữ điều lệ	-	-	-	-	-	43.851.792.903	-	(43.851.792.903)	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	-	-	-	43.851.792.903	(43.851.792.903)	-	-
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	-	(61.392.510.064)	-	(61.392.510.064)
Chênh lệch tỷ giá chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con	-	-	-	-	(876.907.741)	-	-	-	-	(876.907.741)
Chênh lệch phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	-	14.509.242.199	-	14.509.242.199
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	748.389.990	(748.389.990)	-
Số dư cuối năm	5.000.636.840.000	29.482.756.034	(2.240.614.834)	637.896.244.067	33.179.513.213	355.412.398.796	270.904.804.112	2.212.624.960.292	78.352.794.222	8.616.249.695.902

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

28.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2017 và 1/1/2016)	1.727.170.255.230	1.528.039.483.892
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2017 và 31/12/2016)	(146.869.340.452)	(151.094.747.873)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.147.456.542.194	841.881.337.875
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	2.727.757.456.972	2.218.826.073.894
5. Số trích từ lợi nhuận	(149.096.095.870)	(162.913.648.537)
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(43.851.792.903)	(43.483.653.676)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(43.851.792.903)	(43.483.653.676)
- Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	(61.392.510.064)	(59.633.400.253)
- Các khoản khác	-	(16.312.940.932)
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHCĐ	(489.845.250.000)	(479.836.918.000)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối (1)	2.088.816.111.102	1.576.075.507.357

(1) Bao gồm lợi nhuận đã thực hiện cuối năm và lỗ chưa thực hiện cuối năm. Xem thêm tại Thuyết minh số 7.5, 28.1 và 36.

28.4 Cổ phiếu

	Số dư cuối năm (cổ phiếu)	Số dư đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	500.063.684	490.063.684
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	500.063.684	490.063.684
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	500.063.684	490.063.684
- Cổ phiếu phổ thông	500.063.684	490.063.684
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(214.314)	(238.434)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(214.314)	(238.434)
- Cổ phiếu phổ thông	(214.314)	(238.434)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	499.849.370	489.825.250
- Cổ phiếu phổ thông	499.849.370	489.825.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

29.1 Ngoại tệ các loại

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
USD	5.163.658,21	5.028.241,29
EUR	84.352,36	57.765,13
GBP	38.197,09	-

29.2 Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	395.764.690.000	495.544.100.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	495.594.430.000	414.444.430.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.158.100.000	50.000.000.000
TỔNG CỘNG	892.517.220.000	959.988.530.000

29.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.485.780.000	9.552.040.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	10.485.780.000	10.552.040.000

29.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	5.520.000	4.660.000

29.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Chứng chỉ quỹ	59.459.920.000	7.425.740.000
Cổ phiếu	70.732.100.000	143.199.470.000
Trái phiếu	250.000.000.000	310.895.100.000
TỔNG CỘNG	380.192.020.000	461.520.310.000

29.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	27.586.903.680.000	22.283.452.350.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	572.565.500.000	682.966.010.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.435.948.560.000	3.600.644.250.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	30.525.850.000	15.664.600.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	651.051.790.000	290.207.840.000
Tài sản tài chính chờ cho vay	-	-
TỔNG CỘNG	33.276.995.380.000	26.872.935.050.000

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.7. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.382.746.250.000	1.447.750.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	52.256.010.000	102.298.110.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	102.139.650.000	102.139.650.000
TỔNG CỘNG	1.537.141.910.000	1.652.187.760.000

29.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	558.055.700.000	277.151.500.000

29.9 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	587.746.830.000	40.192.750.000

29.10 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Cổ phiếu	20.760.290.000	49.722.960.000

29.11 Tiền gửi Nhà đầu tư

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.834.955.125.947	1.616.354.145.533
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.689.941.868.332	1.509.185.425.722
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	145.013.257.615	107.168.719.811
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	145.075.049.045	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	17.567.220.094	5.034.657.285
TỔNG CỘNG	3.997.597.395.086	1.621.388.802.818

29.12 Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	17.697.679.784	8.894.522.160
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.383.407.764	704.446.974
TỔNG CỘNG	19.081.087.548	9.598.969.134

29.13 Phải trả nhà đầu tư của CTCK

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.980.030.174.992	1.616.354.145.533
- Của Nhà đầu tư trong nước	3.834.932.579.377	1.509.185.425.722
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	145.097.595.615	107.168.719.811
TỔNG CỘNG	3.980.030.174.992	1.616.354.145.533

29.14 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	17.697.679.784	8.894.522.160

29.15 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.383.407.764	704.446.974

30. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

30.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước (trình bày lại) VND
I	LÃI BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	28.037.058		1.103.297.245.800	973.524.700.903	129.772.544.897	216.200.228.212
	LAS	3.349.500	13.259	44.410.818.476	40.524.944.196	3.885.874.280	1.870.522.042
	FPT	5.326.740	48.943	260.708.824.312	239.768.838.937	20.939.985.375	9.960.801.842
	CTD	561.280	232.556	130.529.044.000	116.746.240.000	13.782.804.000	-
	PVS	3.868.477	18.257	70.627.522.800	65.465.357.265	5.162.165.535	-
	HPG	4.907.410	39.344	193.078.604.441	167.684.985.789	25.393.618.652	53.545.199.311
	PLX	1.976.930	64.161	126.842.434.195	106.220.466.574	20.621.967.621	-
	VSC	681.420	62.094	42.312.046.828	39.121.669.184	3.190.377.644	3.639.277.390
	ABC	171.200	48.014	8.220.050.000	5.564.000.000	2.656.050.000	101.180.000
	Cổ phiếu niêm yết khác	7.194.101		226.567.900.748	192.428.198.958	34.139.701.790	147.083.247.627
2	Cổ phiếu chưa niêm yết và khác	5.996.398		242.283.448.200	210.890.670.201	31.392.777.999	57.500.000
	VEAM	4.490.000	23.765	106.703.400.000	84.323.400.000	22.380.000.000	-
	SSIR	1.499.999	15.000	22.499.985.000	15.000.000.000	7.499.985.000	-
	CTCP Việt Tín	6.299	1.250.000	7.873.750.000	6.654.826.400	1.218.923.600	-
	Chứng chỉ tiền gửi	100		105.206.313.200	104.912.443.801	293.869.399	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	-		-	-	-	57.500.000
3	Trái phiếu niêm yết	79.610.000		8.595.989.140.000	8.554.906.299.726	41.082.840.274	68.529.512.783
	TP_TD1727397	5.500.000	102.469	563.578.000.000	554.760.500.000	8.817.500.000	-
	TP_TD1520267	3.000.000	108.074	324.222.000.000	318.297.000.000	5.925.000.000	-
	TP_TD1724415	2.500.000	101.543	253.858.500.000	249.278.500.000	4.580.000.000	-
	TP_TD1732404	1.000.000	108.863	108.863.000.000	106.464.000.000	2.399.000.000	-
	TP_TD1727396	1.000.000	104.386	104.386.000.000	102.093.000.000	2.293.000.000	-
	TP_TD1631461	1.000.000	100.113	100.113.000.000	98.000.000.000	2.113.000.000	5.659.000.000
	TP_TD1621451	1.000.000	110.531	110.531.000.000	108.774.000.000	1.757.000.000	-
	TP_TP4A0206	1.900.000	115.551	219.546.900.000	217.973.700.000	1.573.200.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	62.710.000		6.810.890.740.000	6.799.265.599.726	11.625.140.274	62.870.512.783
4	Trái phiếu chưa niêm yết	2.500		729.080.246.300	673.724.368.500	55.355.877.800	348.951.300
	TP_VNCMBOND14_19	200	1.024.003.546	204.800.709.200	170.826.868.400	33.973.840.800	-
	TP_BHS BOND 2016	300	1.065.397.330	319.619.199.100	302.337.500.100	17.281.699.000	-
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	2.000		204.660.338.000	200.560.000.000	4.100.338.000	348.951.300
5	Lãi vị thế của hợp đồng CKPS	-		-	-	638.065.000	-
	TỔNG CỘNG	113.645.956		10.670.650.080.300	10.413.046.039.329	258.242.105.970	285.136.192.295

30. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyên tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước (trình bày lại) VND
II	LỖ BÁN						
1	Cổ phiếu niêm yết	16.348.991		443.530.517.491	530.014.391.889	(86.483.874.398)	(84.780.041.909)
	PET	3.039.490	10.185	30.957.745.700	45.061.607.396	(14.103.861.696)	-
	PVS	3.860.000	16.800	64.848.000.000	77.810.665.580	(12.962.665.580)	(33.035.519.290)
	SGN	597.902	121.611	72.711.311.000	85.510.664.200	(12.799.353.200)	-
	ABC	1.161.302	19.836	23.035.240.000	36.275.250.000	(13.240.010.000)	-
	VSC	1.890.570	54.928	103.844.381.480	113.381.579.893	(9.537.198.413)	-
	VNS	545.900	13.085	7.142.958.500	15.503.944.987	(8.360.986.487)	-
	Cổ phiếu niêm yết khác	5.253.827		140.990.880.811	156.470.679.833	(15.479.799.022)	(51.744.522.619)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	3.400.618		60.200.961.800	83.593.611.000	(23.392.649.200)	-
	VEAM	2.870.000	20.957	60.147.900.000	70.258.900.000	(10.111.000.000)	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	530.618		53.061.800	13.334.711.000	(13.281.649.200)	-
3	Trái phiếu niêm yết	18.750.000		1.996.306.659.701	2.000.849.017.124	(4.542.357.423)	(16.934.393.357)
	TP_BVDB15207	250.000	98.981	24.745.262.840	25.502.250.000	(756.987.160)	(5.051.956.863)
	TP_TD1520269	500.000	101.390	50.695.126.132	51.779.500.000	(1.084.373.868)	(3.298.000.000)
	TP_TD1518357	3.000.000	102.855	308.566.270.729	311.195.000.000	(2.628.729.271)	(3.417.205.106)
	TP_TD1621455	2.000.000	103.655	207.310.000.000	207.521.643.836	(211.643.836)	-
	TP_VDB110029	500.000	116.978	58.489.000.000	58.593.623.288	(104.623.288)	-
	Trái phiếu niêm yết khác	12.500.000		1.346.501.000.000	1.346.257.000.000	244.000.000	(5.167.231.388)
4	Trái phiếu chưa niêm yết			409.000.000.000	451.783.545.467	(42.783.545.467)	(30.000.000.000)
5	Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS	-		-	-	(551.920.000)	-
	TỔNG CỘNG	38.503.209		2.909.038.138.992	3.066.240.565.480	(157.754.346.488)	(131.714.435.266)

30. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (trình bày lại) VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
I	Loại FVTPL	1.423.338.558.776	1.431.143.096.100	7.804.537.324	(27.715.976.460)	35.520.513.784	363.520.691.804	(328.000.178.020)
1	Cổ phiếu niêm yết	1.112.681.613.424	1.138.043.211.380	25.361.597.956	(9.572.579.374)	34.934.177.330	327.560.540.169	(292.626.362.839)
	DBC	251.330.479.988	254.267.187.300	2.936.707.312	40.555.525.722	(37.618.818.410)	8.926.995.312	(46.545.813.722)
	ELC	204.171.484.764	128.615.243.800	(75.556.240.964)	28.516.506.055	(104.072.747.019)	816.030.000	(104.888.777.019)
	PLX	180.274.333.463	290.288.850.000	110.014.516.537	-	110.014.516.537	141.654.924.972	(31.640.408.435)
	FMC	177.875.499.093	176.062.033.200	(1.813.465.893)	(2.750)	(1.813.463.143)	92.400	(1.813.555.543)
	SSC	89.052.898.063	99.322.819.200	10.269.921.137	(48.681.041.749)	58.950.962.886	65.680.064.086	(6.729.101.200)
	FPT	66.533.044.267	65.851.317.300	(681.726.967)	582.568.887	(1.264.295.854)	2.947.331.034	(4.211.626.888)
	VAF	66.339.779.235	35.692.880.000	(30.646.899.235)	(22.513.703.217)	(8.133.196.018)	6.857.813.582	(14.991.009.600)
	VCG	32.961.896.579	26.601.515.400	(6.360.381.179)	4.888.514	(6.365.269.693)	17.094.600	(6.382.364.293)
	HPG	21.461.319.460	30.578.713.900	9.117.394.440	493.407.484	8.623.986.956	22.684.860.407	(14.060.873.451)
	Cổ phiếu khác	22.680.878.512	30.762.651.280	8.081.772.768	(8.530.728.320)	16.612.501.088	77.975.333.776	(61.362.832.688)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	105.931.465.352	88.374.404.720	(17.557.060.632)	(18.143.397.086)	586.336.454	35.960.151.635	(35.373.815.181)
	CTCP Xây dựng Công nghiệp Descon	17.456.571.492	8.182.129.000	(9.274.442.492)	(8.118.950.992)	(1.155.491.500)	-	(1.155.491.500)
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	88.474.893.860	80.192.275.720	(8.282.618.140)	(10.024.446.094)	1.741.827.954	35.960.151.635	(34.218.323.681)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	204.725.480.000	204.725.480.000	-	-	-	-	-
II	Loại AFS	735.818.245.259	1.534.863.599.300	799.045.354.041	652.792.875.369	146.252.478.672	607.628.548.568	(461.376.069.896)
1	Cổ phiếu niêm yết	573.611.017.959	1.355.733.972.000	782.122.954.041	635.692.875.369	146.430.078.672	535.538.548.568	(389.108.469.896)
	VSC	44.725.223.998	50.970.695.000	6.245.471.002	28.488.418.205	(22.242.947.203)	21.813.718.199	(44.056.665.402)
	TMS	107.326.574.160	211.426.560.000	104.099.985.840	133.245.732.338	(29.145.746.498)	81.347.232.178	(110.492.978.676)
	OPC	113.376.260.629	233.773.800.000	120.397.539.371	38.246.300.493	82.151.238.878	82.162.912.000	(11.673.122)
	CTD	21.309.357.211	31.435.255.500	10.125.898.289	20.291.539.939	(10.165.641.650)	26.375.182.289	(36.540.823.939)
	DHC	48.060.985.032	102.335.269.400	54.274.284.368	22.265.945.650	32.008.338.718	40.691.508.800	(8.683.170.082)
	HAH	26.089.630.020	19.228.100.000	(6.861.530.020)	(1.221.396.066)	(5.640.133.954)	320.536.196	(5.960.670.050)
	SGN	188.296.511.801	673.461.151.200	485.164.639.399	358.612.684.154	126.551.955.245	273.837.484.460	(147.285.529.215)
	Cổ phiếu niêm yết khác	24.426.475.108	33.103.140.900	8.676.665.792	35.763.650.656	(27.086.984.864)	8.989.974.446	(36.076.959.410)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	162.207.227.300	179.129.627.300	16.922.400.000	17.100.000.000	(177.600.000)	72.090.000.000	(72.267.600.000)
	TCT Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam	37.725.600.000	54.648.000.000	16.922.400.000	17.100.000.000	(177.600.000)	72.090.000.000	(72.267.600.000)
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	124.481.627.300	124.481.627.300	-	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG	2.159.156.804.035	2.966.006.695.400	806.849.891.365	625.076.898.909	181.772.992.456	971.149.240.372	(789.376.247.916)

30. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	46.442.916.976	41.285.789.185
Từ tài sản tài chính HTM	450.841.549.874	344.890.502.306
Từ các khoản cho vay và phải thu	519.650.863.341	429.400.211.341
Từ tài sản tài chính AFS	259.243.270.357	342.218.316.379
<i>Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS</i>	<i>32.949.734.100</i>	<i>75.010.273.478</i>
<i>Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS</i>		
<i>phân loại lại khi bán</i>	<i>226.293.536.257</i>	<i>267.208.042.901</i>
- VSC	21.138.434.758	10.078.647.212
- TMS	21.002.076.949	111.791.980.359
- VEAM	49.435.600.000	-
- VHL	32.744.864.591	45.244.669.541
- CTD	30.578.534.400	-
- SGN	69.636.835.238	27.285.714.286
- Khác	1.757.190.321	72.807.031.503
TỔNG CỘNG	1.276.178.600.548	1.157.794.819.211

31. CHI PHÍ DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỐN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(5.359.427.433)	28.431.004.933
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ (Thuyết minh số 10)	(45.449.071.734)	148.662.593.229
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	-	759.554.271
TỔNG CỘNG	(50.808.499.167)	177.853.152.433

32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê tài sản	1.530.275.781	5.669.726.960
Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	4.809.505.651	17.705.387.252
Doanh thu lãi trả chậm của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiền độ	20.874.932.183	62.426.057.476
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	25.289.258.984	21.039.162.204
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác	14.745.752.904	5.083.293.581
Doanh thu khác (bao gồm phí các dịch vụ hỗ trợ Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán)	3.654.360.222	2.600.680.552
TỔNG CỘNG	70.904.085.725	114.524.308.025

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	515.662.908.804	302.635.295.291
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	448.237.668	-
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	62.842.511.908	26.015.542.418
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	17.339.245.420	14.205.710.814
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	18.364.941.338	14.217.781.607
Chi phí hoạt động khác (Thuyết minh số 34)	79.077.162.741	82.252.708.235
TỔNG CỘNG	693.735.007.879	439.327.038.365

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí môi giới chứng khoán	195.949.196.141	99.814.335.761
Chi phí hoạt động lưu ký	18.364.941.338	14.217.781.607
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	288.034.494.754	155.958.636.514
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	12.677.950.250	10.510.079.800
Chi phí vật tư văn phòng	922.255.305	669.554.542
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.678.473.772	3.525.633.902
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	14.556.393.310	12.707.695.202
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng	(620.599.691)	11.731.826.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.679.974.942	72.021.499.851
Chi phí về vốn	42.629.931.820	32.411.727.700
Chi phí chia sẻ lợi tức của hoạt động quản lý quỹ	11.249.260.866	9.550.015.073
Chi phí khác	16.612.735.072	16.208.251.990
TỔNG CỘNG	693.735.007.879	439.327.038.365

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ	9.846.347.855	7.241.357.682
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	1.591.704.538	655.340.414
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư	16.111.085.374	16.834.510.565
Chi phí lãi hợp đồng bán cam kết mua lại chứng khoán	-	3.257.372.332
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu khó đòi	31.250.733.623 (620.599.691)	22.724.288.034 11.731.826.423
- (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(620.599.691)	11.708.127.607
- Dự phòng phải thu khác	-	23.698.816
Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư	16.335.277.110	16.232.449.138
Chi phí khác	4.562.613.932	3.575.563.647
TỔNG CỘNG	79.077.162.741	82.252.708.235

35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	498.596.335	146.819.024
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	39.095.125.630	21.595.000.566
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết	105.518.563.847	73.457.661.737
TỔNG CỘNG	145.112.285.812	95.199.481.327

36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	1.868.541.862	188.578.824
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	173.396.382	-
- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.695.145.480	188.578.824
Chi phí lãi vay	343.581.229.539	269.221.826.624
- Chi phí lãi trái phiếu	60.132.088.237	48.299.852.509
- Chi phí lãi vay ngắn hạn	283.449.141.302	220.921.974.115
TỔNG CỘNG	345.449.771.401	269.410.405.448

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	72.869.124.545	67.534.013.496
Chi phí văn phòng phẩm	4.163.590.000	3.871.949.939
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.119.248.715	947.538.632
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.590.682.992	1.943.753.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.219.544.556	5.404.422.834
Chi phí khác	73.517.938.500	51.098.854.494
TỔNG CỘNG	168.028.766.259	140.593.608.205

38. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	13.087.665.727	2.628.448.016
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	10.736.775.468	8.136.364
Thu nhập khác	2.350.890.259	2.620.311.652
Chi phí khác	(380.782.811)	(126.449.020)
TỔNG CỘNG	12.706.882.916	2.501.998.996

39. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

39.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.405.021.409.033	1.144.062.998.942
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(373.135.522.238)	(118.764.771.219)
Các khoản điều chỉnh tăng	554.626.869.263	548.177.521.454
- Dự phòng giảm giá chứng khoán không niêm yết cuối năm	19.850.000.000	37.839.537.400
- Dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn cuối năm	153.208.011.211	198.657.082.945
- Dự phòng chứng khoán trong năm	314.255.226	35.488.053.203
- Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC FVTPL	328.000.178.020	235.235.780.472
- Dự phòng các khoản cho vay cuối năm	32.070.269.995	40.051.234.311
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế chuyển sang năm sau	20.443.468.238	-
- Chi phí không được khấu trừ	740.686.573	905.833.123
Các khoản điều chỉnh giảm	(927.762.391.501)	(666.942.292.673)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(75.789.439.826)	(77.276.999.500)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết đầu năm	(37.839.537.400)	(40.956.993.400)
- Hoàn nhập dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn đầu năm	(198.657.082.945)	(49.994.489.716)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản cho vay đầu năm	(40.051.234.311)	-
- Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC FVTPL	(363.520.691.804)	(357.627.439.480)
- Doanh thu hoàn vốn theo tiến độ đã tính thuế năm 2015	(6.782.833.960)	-
- Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	(99.603.007.408)	(67.074.882.903)
- Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết	(105.518.563.847)	(73.457.661.737)
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế năm trước chuyển sang	-	(553.825.937)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	1.031.885.886.795	1.025.298.227.723
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	206.377.177.359	205.059.645.545
Thuế TNDN phải trả ước tính tại công ty con	20.541.749.229	15.462.957.711
Thuế TNDN phải trả đầu năm	51.481.407.842	75.215.403.673
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	37.959.054	181.317.272
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết định kiểm tra thuế	191.027.032	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(194.330.165.299)	(244.437.916.359)
TỔNG CỘNG	84.299.155.217	51.481.407.842

39.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	88.099.158.339	50.979.884.031
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(3.597.907.480)	(623.491.200)
Thuế TNDN hoãn lại do trích lập dự phòng/(hoàn nhập) suy giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ không được khấu trừ thuế trong năm	(9.089.814.347)	29.732.518.646
Thuế TNDN hoãn lại do khoản doanh thu hoàn vốn theo tiến độ đã tính thuế 2015	(1.356.566.792)	-
Thuế hoãn lại phát sinh do chi phí dự phòng suy giảm giá trị khoản cho vay không được khấu trừ thuế trong năm	(1.596.192.863)	8.010.246.862
Thuế hoãn lại phát sinh do chênh lệch tạm thời tính thuế chuyển sang năm sau	4.088.693.648	-
Số dư cuối năm	76.547.370.505	88.099.158.339
Phải trả thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	24.673.711.470	8.859.594.297
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(858.093.879)	(1.755.466.008)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tăng khi đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và AFS	167.224.316.562	17.569.583.181
Số dư cuối năm	191.039.934.153	24.673.711.470
Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	3.597.907.480	623.491.200
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do dự phòng giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ	9.089.814.347	(29.732.518.646)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do doanh thu hoàn vốn theo tiến độ năm 2015 đã nộp thuế	1.356.566.792	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh/(hoàn nhập) do dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	1.596.192.863	(8.010.246.862)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chênh lệch tạm thời tính thuế chuyển sang năm sau	(4.088.693.648)	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(858.093.879)	(1.755.466.008)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng TSTC FVTPL	6.075.206.581	17.569.583.181
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	16.768.900.536	(21.305.157.136)

40. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chi tiêu	Số dư đầu năm (trình bày lại)	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số dư cuối năm
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	652.792.875.375	209.928.769.314	(224.825.400.622)	637.896.244.067

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	14.875.467.199	6.229.932.310
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán	-	6.229.932.310
- Lãi phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	14.509.242.199	-
- Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	366.225.000	-
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(14.970.631.308)	(16.332.940.936)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán	(14.896.631.308)	-
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	-	(12.421.041.327)
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	-	(3.891.899.609)
- Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(74.000.000)	(20.000.000)
TỔNG CỘNG	(95.164.109)	(10.103.008.626)

42. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2016. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	1.082.224.335.018	885.310.903.639
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	490.089.282	480.436.945
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	2.208	1.843

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

43.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch Hội đồng quản trị SSI

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí) VND
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	527.881.802	(527.881.802)	-	527.881.802
	Phí hợp đồng tư vấn	82.000.000	6.200.000.000	(6.082.000.000)	200.000.000	6.190.000.000
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(123.640.310.200)	123.640.310.200	-	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(20.887.924)	(1.023.617.201)	975.271.125	(69.234.000)	(1.023.617.201)
	Đặt cọc thuê văn phòng	41.741.700	-	(41.741.700)	-	-
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	(256.050.421.276)	(2.567.199.784.154)	2.643.250.205.430	(180.000.000.000)	-
	Lãi nhận cọc phải trả	(981.350.992)	(23.559.893.042)	23.938.997.459	(602.246.575)	(23.559.893.042)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(5.979.273.935)	5.979.273.935	-	(5.979.273.935)
	Phải trả hộ tiền bán chứng khoán	-	(4.759.238.443)	4.759.238.443	-	-
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	464.903.434.634	93.993.716.256	(12.968.492.930)	545.928.657.960	66.515.981.129
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán, và phí dịch vụ	-	165.078.300	(165.078.300)	-	165.078.300
	Cổ tức SSI	-	(48.194.727.000)	48.194.727.000	-	-
	Phí quản lý danh mục	8.342.566	95.924.955	(92.022.496)	12.245.025	95.924.955
	Bán chứng khoán	-	640.809.000.000	(640.809.000.000)	-	(1.123.812.591)
	Mua chứng khoán	-	(369.955.000.000)	369.955.000.000	-	-
	Doanh thu phí tư vấn, dịch vụ	719.495.000	1.857.358.875	(2.576.853.875)	-	1.688.508.068
	Chi phí dịch vụ tư vấn	-	(474.375.000)	474.375.000	-	(474.375.000)
Daiwa Securities Group INC	Phí dịch vụ	-	610.001.372	(610.001.372)	-	560.886.922
	Cổ tức SSI	-	(85.606.601.000)	85.606.601.000	-	-
	Phí quản lý quỹ	3.731.144.743	3.466.645.090	(2.928.413.473)	4.269.376.360	3.462.376.302
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	567.044.766	(567.044.766)	-	567.040.766
	Cổ tức SSI	-	(18.002.000)	18.002.000	-	-
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	47.013.895.899	(47.013.895.899)	-	101.064.367
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phí ứng trước tiền bán chứng khoán, phí lưu ký và phí giao dịch	-	159.856.959	(159.856.959)	-	159.854.559
	Cổ tức SSI	-	(29.554.063.000)	29.554.063.000	-	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	152.976.041.909	24.075.752.808	(10.243.865.000)	166.807.929.717	24.075.432.408
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	74.703.544.922	14.927.150.310	(6.175.627.500)	83.455.067.732	14.927.150.310
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu SSI	(12.500.000.000)	(60.000.000.000)	12.500.000.000	(60.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(986.396.875)	(4.956.588.541)	1.041.318.750	(4.901.666.666)	(4.956.588.541)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	12.405.200.000	12.097.800.000

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Danh mục các khoản đầu tư	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1) VND	Tự doanh VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý danh mục VND	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.328.228.530.233	1.060.765.430.586	487.409.573.498	54.625.596.781	122.377.391.349	3.053.406.522.447
2. Các chi phí trực tiếp	576.680.904.667	499.054.518.576	320.741.963.916	6.887.284.443	79.482.128.456	1.482.846.800.058
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	96.012.221.747	23.589.209.653	13.243.065.069	7.863.069.883	24.830.747.004	165.538.313.356
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	655.535.403.819	538.121.702.357	153.424.544.513	39.875.242.455	18.064.515.889	1.405.021.409.033
Số dư cuối năm						
1. Tài sản bộ phận	5.776.122.886.608	4.207.210.509.095	8.102.293.359.554	39.473.731.563	74.514.003.173	18.199.614.489.993
2. Tài sản phân bổ	162.693.458.911	39.972.099.819	22.440.477.091	13.324.033.273	42.075.894.546	280.505.963.640
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	284.254.718.215
Tổng tài sản	5.938.816.345.519	4.247.182.608.914	8.124.733.836.645	52.797.764.836	116.589.897.719	18.764.375.171.848
4. Nợ phải trả bộ phận	512.609.362.438	363.305.228.278	8.696.615.934.198	3.729.106.053	7.034.487.831	9.583.294.118.798
5. Nợ phân bổ	134.319.418.768	33.000.891.680	18.526.816.382	11.000.297.227	34.737.780.716	231.585.204.773
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	333.246.152.375
Tổng công nợ	646.928.781.206	396.306.119.958	8.715.142.750.580	14.729.403.280	41.772.268.547	10.148.125.475.946

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay và doanh thu lưu ký

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

43.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Đến 1 năm	43.171.957.322	37.582.831.346
Trên 1 - 5 năm	76.154.577.298	93.343.925.550
TỔNG CỘNG	119.326.534.620	130.926.756.896

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Danh mục các khoản đầu tư	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1) VND	Tự doanh VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý danh mục VND	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.328.228.530.233	1.060.765.430.586	487.409.573.498	54.625.596.781	122.377.391.349	3.053.406.522.447
2. Các chi phí trực tiếp	576.680.904.667	499.054.518.576	320.741.963.916	6.887.284.443	79.482.128.456	1.482.846.800.058
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	96.012.221.747	23.589.209.653	13.243.065.069	7.863.069.883	24.830.747.004	165.538.313.356
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	655.535.403.819	538.121.702.357	153.424.544.513	39.875.242.455	18.064.515.889	1.405.021.409.033
Số dư cuối năm						
1. Tài sản bộ phận	5.776.122.886.608	4.207.210.509.095	8.102.293.359.554	39.473.731.563	74.514.003.173	18.199.614.489.993
2. Tài sản phân bổ	162.693.458.911	39.972.099.819	22.440.477.091	13.324.033.273	42.075.894.546	280.505.963.640
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	284.254.718.215
Tổng tài sản	5.938.816.345.519	4.247.182.608.914	8.124.733.836.645	52.797.764.836	116.589.897.719	18.764.375.171.848
4. Nợ phải trả bộ phận	512.609.362.438	363.305.228.278	8.696.615.934.198	3.729.106.053	7.034.487.831	9.583.294.118.798
5. Nợ phân bổ	134.319.418.768	33.000.891.680	18.526.816.382	11.000.297.227	34.737.780.716	231.585.204.773
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	333.246.152.375
Tổng công nợ	646.928.781.206	396.306.119.958	8.715.142.750.580	14.729.403.280	41.772.268.547	10.148.125.475.946

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay và doanh thu lưu ký

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

43.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Đến 1 năm	43.171.957.322	37.582.831.346
Trên 1 - 5 năm	76.154.577.298	93.343.925.550
TỔNG CỘNG	119.326.534.620	130.926.756.896

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán. Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	139.943.335.987	456.914.659.106
Hà Nội	93.155.071.328	301.433.357.447
Hải Phòng	5.631.539.372	19.025.748.969
Nguyễn Công Trứ	23.976.923.313	131.219.566.031
Nha Trang	3.682.377.040	12.224.989.162
Vũng Tàu	3.920.953.710	7.587.362.729
Mỹ Đình	15.840.641.665	45.096.690.596
TỔNG CỘNG	286.150.842.415	973.502.374.040

43.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 2.493.777.183.380 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, số 7.3 và số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng VND	Số dư đã dự phòng VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 80 ngày VND	81-180 ngày VND	>180 ngày VND	>210 ngày VND
Số đầu năm	3.779.178.042.796	28.431.004.933	3.742.333.069.060	6.699.128.102	1.714.840.701	-	-
Số cuối năm	5.764.072.330.098	56.063.514.700	5.705.264.586.971	2.739.630.040	2.201.503	70.390	2.326.494

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
31 tháng 12 năm 2017						
TÀI SẢN						
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	-	231.504.310.415	114.481.402.776	-	-	345.985.713.191
<i>Tài sản tài chính</i>	2.744.228.427	3.092.742.234.719	13.516.746.776.290	130.424.472.600	812.945.220.865	17.555.602.932.901
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	1.431.143.096.100	-	-	-	1.431.143.096.100
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	7.882.154.213.938	130.424.472.600	-	8.012.578.686.538
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	2.744.228.427	126.735.539.319	5.634.592.562.352	-	-	5.764.072.330.098
Sẵn sàng để bán	-	1.534.863.599.300	-	-	-	1.534.863.599.300
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	812.945.220.865	812.945.220.865
<i>Tài sản khác</i>	15.301.892.963	318.594.324.556	109.671.558.000	98.584.240.169	218.230.726.962	760.382.742.650
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	20.348.251.376	-	-	-	20.348.251.376
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	15.301.892.963	139.216.004.399	-	-	-	154.517.897.362
Tài sản khác	-	159.030.068.781	-	-	-	159.030.068.781
Tài sản cố định	-	-	109.671.558.000	98.584.240.169	218.230.726.962	426.486.525.131
TỔNG CỘNG	18.046.121.390	3.642.840.869.690	13.740.899.737.066	229.008.712.769	1.031.175.947.827	18.661.971.388.742
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.933.357.663.684	6.570.530.000.000	-	-	8.503.887.663.684
Trái phiếu phát hành	-	-	199.871.666.661	569.300.000.000	-	769.171.666.661
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	48.688.764.214	44.326.050.038	-	-	93.014.814.252
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	131.662.750.256	-	-	-	131.662.750.256
Phải trả, phải nộp khác	-	240.717.938.622	180.000.000.000	-	-	420.717.938.622
Tổng cộng	-	2.354.427.116.776	6.994.727.716.699	569.300.000.000	-	9.918.454.833.475
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	18.046.121.390	1.288.413.752.914	6.746.172.020.367	(340.291.287.231)	1.031.175.947.827	8.743.516.555.267

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được đảm bảo cho các khoản vay thấu chi là 2.118.000.000.000 VND, tổng số dư các khoản tiền gửi được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 5.784.000.000.000 VND.

Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, có 13.578.177 cổ phiếu với mệnh giá 135.781.770.000 VND là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng; và 35.981.266 cổ phiếu với mệnh giá 359.812.660.000 VND là tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành.

Trong các tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá 109.671.558.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

43.6 Các khoản mục ngoại bảng của công ty con

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của Công ty như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	108.045.084.509	12.312.250.568
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	510.510.041.195	168.155.956.546
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	3.424.824.600	3.389.973.001
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	3.641.194.874	430.347.017

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND
BFC	-	-	-	189.634	6.363.925.426	(769.722.426)
HAX	304.710	13.440.811.658	(2.273.190.158)	-	-	-
VCG	1.335.400	30.279.580.039	(1.167.860.039)	-	-	-
HTL	21.890	1.386.167.760	(477.732.760)	-	-	-
HAH	59.220	1.567.804.111	(383.404.111)	-	-	-
PNJ	-	-	-	151.560	10.821.503.864	(742.763.864)
HPG	-	-	-	309.859	14.010.580.639	(640.164.789)
DGL	-	-	-	97.700	4.304.253.168	(611.193.168)
VIT	349.770	7.455.292.146	(1.159.432.146)	242.100	6.919.661.241	(528.221.241)
NT2	-	-	-	41.140	1.559.152.000	(436.030.000)
ITD	-	-	-	192.900	4.923.112.854	(428.542.854)
VNM	-	-	-	28.807	4.033.008.000	(414.848.800)
Khác	880.190	26.827.039.970	(293.189.970)	770.683	31.277.459.559	(2.376.507.409)
	2.951.180	80.956.695.684	(5.754.809.184)	2.024.383	84.212.656.751	(6.947.994.551)

43.7 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ số năm 2017	Chỉ số năm 2016
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,81%	90,41%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	8,19%	9,59%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	54,08%	43,55%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	45,92%	56,45%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6,19%	6,74%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	13,60%	12,07%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	23,22%	19,28%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	38,15%	37,18%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,84	2,17
Chỉ số thanh toán nhanh (Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn) / Nợ ngắn hạn	1,81	2,13

43.8 Trình bày lại dữ liệu tương ứng

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Trích từ Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	[1]	1.425.667.503.090	123.378.771.413	1.549.046.274.503
Tài sản tài chính AFS	[2]	959.826.110.723	655.482.365.518	1.615.308.476.241
Thuê TNDN hoãn lại phải trả	[1]	57.285.850	24.616.425.620	24.673.711.470
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	[2]	(2.689.490.143)	655.482.365.518	652.792.875.375
Lợi nhuận chưa phân phối chưa thực hiện	[1]	(151.094.747.873)	98.762.345.793	(52.332.402.080)

Chi tiết diễn giải số liệu trình bày lại của một số khoản mục chính như sau:

[1] Điều chỉnh ghi nhận các tài sản tài chính FVTPL về giá trị hợp lý

[2] Điều chỉnh ghi nhận các tài sản tài chính AFS về giá trị hợp lý

43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

43.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được đảm bảo cho các khoản vay thấu chi là 2.118.000.000.000 VND, tổng số dư các khoản tiền gửi được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 5.784.000.000.000 VND.

Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, có 13.578.177 cổ phiếu với mệnh giá 135.781.770.000 VND là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng; và 35.981.266 cổ phiếu với mệnh giá 359.812.660.000 VND là tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành.

Trong các tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất vô thời hạn với nguyên giá 109.671.558.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty phát hành.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

43.6 Các khoản mục ngoại bảng của công ty con

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của Công ty như sau:

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	108.045.084.509	12.312.250.568
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	510.510.041.195	168.155.956.546
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	3.424.824.600	3.389.973.001
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	3.641.194.874	430.347.017

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND
BFC	-	-	-	189.634	6.363.925.426	(769.722.426)
HAX	304.710	13.440.811.658	(2.273.190.158)	-	-	-
VCG	1.335.400	30.279.580.039	(1.167.860.039)	-	-	-
HTL	21.890	1.386.167.760	(477.732.760)	-	-	-
HAH	59.220	1.567.804.111	(383.404.111)	-	-	-
PNJ	-	-	-	151.560	10.821.503.864	(742.763.864)
HPG	-	-	-	309.859	14.010.580.639	(640.164.789)
DGL	-	-	-	97.700	4.304.253.168	(611.193.168)
VIT	349.770	7.455.292.146	(1.159.432.146)	242.100	6.919.661.241	(528.221.241)
NT2	-	-	-	41.140	1.559.152.000	(436.030.000)
ITD	-	-	-	192.900	4.923.112.854	(428.542.854)
VNM	-	-	-	28.807	4.033.008.000	(414.848.800)
Khác	880.190	26.827.039.970	(293.189.970)	770.683	31.277.459.559	(2.376.507.409)
	2.951.180	80.956.695.684	(5.754.809.184)	2.024.383	84.212.656.751	(6.947.994.551)

43.7 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ số năm 2017	Chỉ số năm 2016
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,81%	90,41%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	8,19%	9,59%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	54,08%	43,55%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	45,92%	56,45%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6,19%	6,74%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	13,60%	12,07%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	23,22%	19,28%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	38,15%	37,18%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,84	2,17
Chỉ số thanh toán nhanh (Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	1,81	2,13

43.8 Trình bày lại dữ liệu tương ứng

Trong năm, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210 và Thông tư 334, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Trích từ Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	[1]	1.425.667.503.090	123.378.771.413	1.549.046.274.503
Tài sản tài chính AFS	[2]	959.826.110.723	655.482.365.518	1.615.308.476.241
Thuê TNDN hoãn lại phải trả	[1]	57.285.850	24.616.425.620	24.673.711.470
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	[2]	(2.689.490.143)	655.482.365.518	652.792.875.375
Lợi nhuận chưa phân phối chưa thực hiện	[1]	(151.094.747.873)	98.762.345.793	(52.332.402.080)

Chi tiết diễn giải số liệu trình bày lại của một số khoản mục chính như sau:

[1] Điều chỉnh ghi nhận các tài sản tài chính FVTPL về giá trị hợp lý

[2] Điều chỉnh ghi nhận các tài sản tài chính AFS về giá trị hợp lý

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2016 (trình bày lại)
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	[3]	528.554.451.781	(243.418.259.486)	285.136.192.295
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	[3]	152.456.070.613	205.171.368.867	357.627.439.480
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	[3]	75.010.273.478	267.208.042.901	342.218.316.379
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	[3]	107.924.651.851	23.789.783.415	131.714.435.266
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	[3]	117.301.550.432	117.934.230.040	235.235.780.472
Lợi nhuận trước thuế chưa thực hiện	[3]	35.154.520.181	87.237.138.827	122.391.659.008
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	[3]	(38.874.740.316)	17.569.583.180	(21.305.157.136)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	[3]	874.996.679.903	69.667.555.647	944.664.235.550
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu	[3]	877.035.858.056	69.667.555.647	946.703.413.703
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	[3]	434.267.399	5.795.664.915	6.229.932.314
Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho chủ sở hữu	[3]	429.360.879	5.785.858.095	6.215.218.974
Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	[3]	4.906.520	9.806.820	14.713.340
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	[3]	815.643.347.992	69.667.555.652	885.310.903.644
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	[3]	1.698	145	1.843

Chi tiết diễn giải số liệu trình bày lại của một số khoản mục chính như sau:

[3] Điều chỉnh ghi nhận các tài sản tài chính FVTPL và AFS về giá trị hợp lý

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2016 (trình bày lại)
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	[3]	1.056.825.860.115	87.237.138.827	1.144.062.998.942
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	[3]	146.966.090.531	117.934.230.040	264.900.320.571
Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	[3]	117.301.550.432	117.934.230.040	235.235.780.472
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	[3]	(152.456.070.613)	(472.379.411.768)	(624.835.482.381)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	[3]	(152.456.070.613)	(205.171.368.867)	(357.627.439.480)
Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại	[3]	-	(267.208.042.901)	(267.208.042.901)
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	[3]	503.350.600.119	(267.208.042.901)	236.142.557.218
Tăng tài sản tài chính FVTPL	[3]	(303.374.137.930)	267.208.042.901	(36.166.095.029)

Chi tiết diễn giải số liệu trình bày lại của một số khoản mục chính như sau:

[3] Điều chỉnh ghi nhận các tài sản tài chính FVTPL và AFS về giá trị hợp lý

44. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 1.150 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 03 năm và lãi suất phát hành 4%/năm theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Đại Hội đồng Cổ đông. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Số lượng trái phiếu được chuyển đổi mỗi lần không ít hơn 30% tổng giá trị trái phiếu phát hành và số lần chuyển đổi không nhiều hơn 03 lần. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Sau 10 năm thành lập, bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) tiếp tục giám sát chặt chẽ việc kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính của Công ty và đánh giá hoạt động tài chính kế toán của Công ty. Bộ phận KTNB là bộ phận hoạt động hoàn toàn độc lập với các bộ phận khác trong Công ty. Đội ngũ nhân lực của bộ phận ngoài những kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực kiểm toán, kế toán còn là những người gắn bó với công ty nhiều năm, hiểu rõ về tình hình hoạt động của Công ty.

Trong năm 2017, Bộ phận KTNB đã thực hiện kiểm toán nội bộ:

- Báo cáo tài chính và Quy trình kế toán thông qua việc kiểm toán báo cáo tài chính hàng quý;
- Hoạt động an toàn vốn thông qua kiểm toán báo cáo an toàn vốn khả dụng hàng tháng;
- Quy trình phòng chống rửa tiền thông qua báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng chống rửa tiền năm 2017.

Kết quả cho thấy các Báo cáo đều được công bố kịp thời, đúng quy định. Bên cạnh đó, có một vài điểm cần chỉnh sửa, các thay đổi trong chính sách mới, các sản phẩm mới cần được hoàn chỉnh và cập nhật trên phần mềm kế toán. Bộ phận Kế toán đã nắm rõ và đã có các biện pháp tiếp tục cải thiện theo khuyến nghị của KTNB.

Năm 2018, KTNB sẽ tiếp tục rà soát tiến độ thực hiện các kiến nghị của Bộ phận trong năm 2017. Bộ phận cũng tiếp tục cập nhật và hoàn thiện các quy trình hoạt động của mình để phù hợp với thực tiễn cũng như các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp quốc tế; đồng thời, sẽ áp dụng phương pháp tiếp cận công việc dựa trên rủi ro được xây dựng và đánh giá từ bộ phận Quản trị Rủi ro nhằm tiết kiệm thời gian, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, BKS được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.
- Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điềm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
6	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	50 QTCT 248/QĐ-TTNC	19/9/2013
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám Đốc Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
8	Nguyễn Kim Long	Giám Đốc Luật & KSNB	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
9	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
10	Trần Thị Thúy	Thư ký TGD	37 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009

Năm 2017, HĐQT/BKS cũng đã cử đại diện Công ty tham dự các lớp tập huấn, phổ biến về Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết.

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Ngày 22/12/2017, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn đã hoàn thành đợt phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ của SSI là 5.000.636.840.000 VNĐ tương ứng 500.063.684 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quý trong năm: Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2017 là 214.314 cổ phiếu, giảm so với thời điểm tại ngày 31/12/2016 (238.434 cổ phiếu), do trong năm 2017 Công ty có thực hiện sửa lỗi giao dịch (theo công văn chấp thuận của VSD tại các ngày 23/02/2017 và 01/12/2017).

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

THÔNG TIN KHÁC

Phụ lục 1: Giao dịch của người nội bộ và người liên quan

Giao dịch cổ phiếu SSI của người nội bộ và người liên quan tại ngày 31/12/2017

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ ¹		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ ²		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	3.012.400	0,61%	4.884.400	0,977%	Tăng 1.872.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc/ Người được ủy quyền CBTT	900.000	0,18%	1.000.000	0,2%	Tăng 700.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017 Giảm 600.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu ngày 28/12/2017
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	150.000	0,03%	150.000	0,030%	Giảm 50.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu ngày 16/11/2017 Tăng 100.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017 Giảm 50.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu ngày 28/12/2017
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	273.174	0,06%	263.174	0,053%	Giảm 40.000 cổ phiếu do bán từ ngày 07/6/2017 đến ngày 16/6/2017 Tăng 30.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	300.000	0,06%	500.000	0,100%	Tăng 200.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	0	-	0	-	Không sở hữu
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	70.455	0,01%	100.455	0,020%	Tăng 30.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	89.668	0,02%	45.068	0,009%	Giảm 59.600 cổ phiếu do bán từ ngày 28/11/2017 đến ngày 15/12/2017 Tăng 15.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
9	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	712.200	0,15%	1.062.200	0,213%	Tăng 350.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
10	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	120.000	0,02%	130.000	0,026%	Giảm 30.000 cổ phiếu do bán ngày 11/5/2017 Giảm 30.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu từ ngày 07/12/2017 đến ngày 15/12/2017 Tăng 70.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
11	Daiwa Securities Group Inc.	Người có liên quan của thành viên HĐQT Hironori Oka	85.606.601	17,841%	85.606.601	17,47%	Không thay đổi
12	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Người có liên quan của thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Nguyễn Hồng Nam	29.554.063	6,16%	30.154.063	6,03%	Tăng 600.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ngày 28/12/2017
13	Nguyễn Văn Hiến	Em ruột của Trưởng BKS	43.000	0,01%	66.000	0,013%	Tăng 23.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP ngày 22/12/2017
14	Hoàng Thị Khánh Duyên	Người có liên quan của Kê toán trưởng Hoàng Thị Minh Thủy	14.000	0,003%	14.000	0,0028%	Không thay đổi
15	Hồ Thị Hương Trà	Thành viên BKS	30.661	0,005%	18.661	(*)	Giảm 12.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu vào ngày 30/10/2017

¹ Tại ngày 31/12/2016

² Tỷ lệ được tính trên 500.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2017 của Công ty

(*) Bà Hồ Thị Hương Trà không còn là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 13/11/2017

THÔNG TIN KHÁC

Các giao dịch khác: (các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty)

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn sở hữu
Quỹ Đầu tư thành viên SSI	Công ty con SSI nắm giữ 80% vốn sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám Đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh
Cty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31/12/2017 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng kiểm toán 2017):

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí) VND
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Lợi nhuận được chia	-	62.583.587.740	(62.583.587.740)	-	62.583.587.740
	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký, phí hoa hồng phân phối chứng chỉ quỹ và ứng trước tiền bán	-	7.240.564.954	(7.240.564.954)	-	7.163.049.696
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	1.394.365.802.185	794.220.135.222	(1.299.835.989.028)	888.749.948.379	-
	Các khoản phải trả quỹ phúc lợi và khác	-	(12.158.000.000)	11.745.000.000	(413.000.000)	-
	Phí quản lý danh mục	(7.446.854.608)	(38.610.580.780)	42.931.679.504	(3.125.755.884)	(38.610.580.780)
	Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(3.707.900.421)	(51.258.145.477)	50.302.432.583	(4.663.613.315)	(51.258.145.477)
	Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	-	2.135.909.867	-	2.135.909.867	2.135.909.867
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán chứng khoán	-	165.078.300	(165.078.300)	-	165.078.300
	Giao dịch bán chứng khoán	-	640.809.000.000	(640.809.000.000)	-	(1.123.812.591)
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(369.955.000.000)	369.955.000.000	-	-
	Cổ tức SSI	-	(48.194.727.000)	48.194.727.000	-	-
	Doanh thu phí tư vấn, phí dịch vụ	719.495.000	1.857.358.875	(2.576.853.875)	-	1.688.508.068
	Chi phí dịch vụ tư vấn	-	(474.375.000)	474.375.000	-	(474.375.000)
Daiwa Securities Group Inc.	Phí dịch vụ	-	610.001.372	(610.001.372)	-	560.886.922
	Cổ tức SSI	-	(85.606.601.000)	85.606.601.000	-	-

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí) VND
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các Công ty con	Phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	527.881.802	(527.881.802)	-	527.881.802
	Doanh thu phí hợp đồng tư vấn	82.000.000	6.200.000.000	(6.082.000.000)	200.000.000	6.190.000.000
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(123.640.310.200)	123.640.310.200	-	-
	Chi phí thuê kho và dịch vụ	(20.887.924)	(1.023.617.201)	975.271.125	(69.234.000)	(1.023.617.201)
	Đặt cọc thuê văn phòng	41.741.700	-	(41.741.700)	-	-
	Nhận cọc môi giới chứng khoán	(256.050.421.276)	(2.567.199.784.154)	2.643.250.205.430	(180.000.000.000)	-
	Lãi nhận cọc phải trả	(981.350.992)	(23.559.893.042)	23.938.997.459	(602.246.575)	(23.559.893.042)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(5.979.273.935)	5.979.273.935	-	(5.979.273.935)
	Phải trả hệ tiền bán chứng khoán	-	(4.759.238.443)	4.759.238.443	-	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Cổ tức	-	10.206.533.500	(10.206.533.500)	-	10.206.533.500
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Cổ tức	-	6.167.877.500	(6.167.877.500)	-	6.167.877.500
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Phí giao dịch, phí lưu ký và phí ứng trước tiền bán chứng khoán	-	567.044.766	(567.044.766)	-	567.040.766
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	47.013.895.899	(47.013.895.899)	-	101.064.367
	Cổ tức SSI	-	(18.002.000)	18.002.000	-	-
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu SSI	(12.500.000.000)	(60.000.000.000)	12.500.000.000	(60.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(986.396.875)	(4.956.588.541)	1.041.318.750	(4.901.666.666)	(4.956.588.541)

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Trong năm 2017, căn cứ theo Điều 5 Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	1.872.000
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	100.000
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	30.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000

THÔNG TIN KHÁC

Phụ lục 2: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của người nội bộ (số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	167.285.611	33,46%	3	3	
	- Trong nước	78.348.790	15,67%	2	2	
	- Nước ngoài	88.936.821	17,79%	1	1	
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	214.322	0,04%	0	0	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	332.563.751	66,50%	22.052	227	21.825
	- Trong nước	160.676.829	32,13%	20.097	94	20.003
	- Nước ngoài	171.886.922	34,37%	1.955	133	1.822
TỔNG CỘNG		500.063.684	100,00%	22.055	230	21.825
<i>Trong đó:</i> - Trong nước		239.025.619	47,80%	20.099	96	20.003
- Nước ngoài		260.823.743	52,16%	1.956	134	1.822
- Cổ phiếu quỹ		214.322	0,04%	-	-	-

Cơ cấu sở hữu theo loại hình

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	4.646.000	3.469.297	8.115.297	1,62%
1. Hội đồng quản trị	495.000	418.174	913.174	0,18%
2. Ban Giám đốc (*)	3.483.500	2.400.900	5.884.400	1,18%
3. Ban kiểm soát	67.500	78.023	145.523	0,03%
4. Giám đốc tài chính	500.000	562.200	1.062.200	0,21%
5. Kế toán trưởng	100.000	10.000	110.000	0,02%
II. Cổ phiếu quỹ	0	214.322	214.322	0,04%
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	10.339.000	481.395.065	491.734.065	98,34%
1. Trong nước	10.171.000	220.739.322	230.910.322	46,18%
1.1 Cá nhân/	10.171.000	133.249.109	143.420.109	28,68%
1.2 Tổ chức	0	87.490.213	87.490.213	17,50%
- Trong đó Nhà nước	-	-	-	-
2. Nước ngoài	168.000	260.655.743	260.823.743	52,16%
2.1 Cá nhân	168.000	11.831.074	11.999.074	2,40%
2.2 Tổ chức	0	248.824.669	248.824.669	49,76%
TỔNG CỘNG	14.985.000	485.078.684	500.063.684	100,00%

(*) Bao gồm số cổ phần của Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty và Ông Nguyễn Hồng Nam - Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là Phó Tổng Giám đốc Công ty

THÔNG TIN KHÁC

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/ Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng
A	Cổ đông nhà nước						
					-	-	-
TỔNG CỘNG A					-	-	-
B	Cổ đông lớn						
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	30/10/2014	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội	48.194.727	9,64%	-
	Đại diện: Nguyễn Duy Hưng	220895567	20/06/2009	Số 54 ngõ 61/17 Đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	48.194.727	9,64%	-
2	Daiwa Securities Group Incorporation	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	88.936.821	17,79%	-
	Đại diện: Hironori Oka	TH1551742	08/09/2006	Căn hộ số 3405, Khu căn hộ Pacific Place, Pacific Place 88 Queensway, Hồng Kông	88.936.821	17,79%	-
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	0312490624	04/10/2013	236/43/2 Điện Biên Phủ, P17, Q.Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	30.154.063	6,03%	-
	Đại diện: Hà Thị Thanh Vân	024100737	02/03/2004	Nhà D8, Số 60 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, TPHCM	30.154.063	6,03%	-
TỔNG CỘNG B					167.285.611	33,46%	-
C	Cổ đông chiến lược						
1	Daiwa Securities Group Incorporation	CS6098	03/07/2007	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	88.936.821	17,79%	-
	Đại diện: Hironori Oka						
TỔNG CỘNG C					88.936.821	17,79%	-
D	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)						
					-	-	-
TỔNG CỘNG D					-	-	-
TỔNG CỘNG (A+B+C+D)					167.285.611	33,46%	-

THÔNG TIN KHÁC

Danh sách chi tiết về người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2.483.500	2.400.900	4.884.400	0,98%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc/ Người được ủy quyền CBTT	1.000.000	0	1.000.000	0,20%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	150.000	0	150.000	0,03%
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	45.000	218.174	263.174	0,05%
5	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
	Đại diện phần vốn: Daiwa Securities Group Incorporation	Thành viên HĐQT			88.936.821	17,79%
6	Nguyễn Duy Khánh		300.000	200.000	500.000	0,10%
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	45.000	55.455	100.455	0,02%
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	22.500	22.568	45.068	0,01%
9	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	500.000	562.200	1.062.200	0,21%
10	Hoàng Thị Minh Thủy	Kê toán trưởng	100.000	10.000	110.000	0,02%
TỔNG CỘNG			4.646.000	3.469.297	8.115.297	1,62%

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

PHÍA NAM

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38242897 - Fax: (028) 38242997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: 92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38218567 - Fax: (028) 38213867

Chi nhánh Vũng Tàu: 4 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 3 521 906 - Fax: (0254) 3 521 907

Chi nhánh Nha Trang: Tầng 3, cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 3816969 - Fax: (0258) 3816968

Phòng giao dịch Phạm Ngọc Thạch: Tầng 2, Tòa nhà ITower, 49 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38235079 - Fax: (028) 38245077

Phòng giao dịch Nguyễn Văn Cừ: Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 36220123; Fax: (028) 36226667

Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai: Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower, số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 36 222 666 ; Fax: (028) 36 222 333

PHÍA BẮC

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội: zz

Điện thoại: (024) 39366321 - Fax: (024) 39366311

Chi nhánh Mỹ Đình: Tầng G, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Đường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3794 6699 - Fax: (024) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 3569123 - Fax: (0225) 3569130

Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo: Tầng 10, Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39413383 - Fax: (024) 39413385

Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh: Tầng 08, Tòa Nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 37734999, Fax: (024) 37714999

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 39366321 - Fax: (024) 39366337